

BÙI TÍN

# MÂY MÙ THẾ KỶ

đối thoại



ĐA NGUYÊN

# Mây Mù Thế Kỷ

Bùi Tín

*Đối thoại  
với các cựu chiến binh  
Việt nam, Hoa Kỳ, Úc, Pháp...  
về cuộc chiến tranh  
ở Việt Nam và Đông Dương 1945-1975  
và về tình hình hiện tại của đất nước.*

*Tôi tặng cuốn sách này:  
đến tất cả các quân nhân Việt Nam, Hoa Kỳ  
và các nước khác,  
ở cả hai bên của cuộc chiến,  
những người đã ngã xuống  
và những người còn sống  
cùng những người thân của họ,  
với mong ước:  
hóa giải các thù hận,  
nuôi dưỡng tình yêu thương,  
bốn biển là nhà,  
người với người là bạn!*

*Paris, mùa thu 1998*

## **LỜI NÓI ĐẦU CỦA TÁC GIẢ**

Trên tháp Eiffel (Paris) ba năm nay luôn ghi bằng ánh điện rực sáng con số ngày đêm còn lại để loài người chúng ta từ biệt thế kỷ 20 và hội ngộ với thế kỷ 21. Con số đó đến tháng 9-1998 này là hơn 400.

Một thế kỷ náo động, đầy áp sự kiện vui, buồn sắp qua. Với Việt nam thế kỷ đang chấm dứt là thế kỷ của chiến tranh, tang tóc và tàn phá. Cuốn sách lớn Sách Đen Của Chủ Nghĩa cộng sản đưa ra con số gần 100 triệu nhân mạng bị chết do các chế độ cộng sản ở Liên Xô, Trung Quốc, Đông Âu, Bắc Triều Tiên, Cuba, Việt nam...

Chủ nghĩa Mác quả thật là một bóng đen khổng lồ bao trùm một phần thế giới trong thế kỷ 20 này. Biết bao người, kể cả những bộ óc trí thức kiệt xuất nhất: nhà vật lý, nhà toán học, nhà triết học... từng lầm lẫn, ngỡ rằng nó là chân lý, là mặt trời của thời đại. Trách nhiệm chính là ở những kẻ đưa chủ nghĩa Mác vào cuộc sống, với những "sáng tạo chết người" - căn nguyên là do một học thuyết tự nhận là nhân ái nhất (người không bóc lột người; năm châu bốn biển là anh em), con người bình đẳng (của cải dồi dào, phân phối theo nhu cầu), đề cao phương tiện duy vật biện chứng là khoa học nhất... lại do những người hiểu biết nông cạn, đặc sệt bệnh duy tâm, duy ý chí, nội tâm độc ác, cổ vũ thú tính hận thù... đem ra áp đặt cho hai tỷ con người. - Oan cho Mác, vì nếu còn sống, ắt ông không nhận ra các chế độ ấy là con đẻ của mình.

Việt nam bất hạnh nằm trong số nạn nhân trên đây. Bóng đen khổng lồ của lầm than, độc đoán, bất công đã tan trên bầu trời Liên Xô, Đông Âu, để lại những di sản nặng nề đang được khắc phục. ở bầu trời châu á (Trung Quốc, Việt nam, Bắc Triều Tiên) và trên hòn đảo Cuba, mây mù thế kỷ còn đè nặng, do quá khứ chưa chịu ra đi, chế độ một đảng độc quyền ngự trị vẫn hoành hành, sự hôn phối cưỡng ép giữa chủ nghĩa tư bản không có xương sống (không trên nền tảng luật pháp) với chủ nghĩa xã hội mất linh hồn (không có công bằng xã hội) đang để ra vô vàn tai ương và ngang trái, kìm hãm tốc độ của cỗ xe đổi mới đang ì ạch leo dốc.

Nói chuyện về chiến tranh ở Việt nam và Đông Dương không thể bỏ qua bối cảnh của bóng đen khổng lồ mang nhãn hiệu mác-xít, đặc sản của thế kỷ 20, và những di sản của nó.

Nó sinh ra chiến tranh lạnh, với biểu hiện rất biện chứng của vô vàn cuộc Chiến tranh nóng, cùng với tù chính trị, tù quân sự, đông đảo ở các bên, vô vàn xác chết trên chiến trường, ở cả hậu phương, những nghĩa trang rải ra rộng khắp. Di sản nặng nề nhất ở Việt nam là lòng người chưa sáng tỏ, nhận thức chưa rõ ràng, đúng sai còn lẫn lộn, phải trái chưa phân minh đối những vấn đề hệ trọng: chiến tranh và đổi mới.

Cuốn sách này, qua một số cuộc đối thoại bổ ích, có ước vọng giải tỏa đôi chút những mây mù còn tồn tại trong nhận thức của xã hội Việt nam ta. Ước mong của tác giả là đất nước Việt nam thân yêu trong thời gian cuối cùng của thế kỷ 20 này rũ bớt được những điều mơ hồ để nhìn nhận quá khứ, thấy rõ con đường tương lai, thanh thoát đi vào thế kỷ 21 đầy hứa hẹn.

Từ khi khởi đầu đến khi kết thúc cuốn sách, hằng ngày tôi nghĩ đến các bạn trẻ -- những người sinh ra trong một phần ba cuối cùng của thế kỷ 20, những công dân của đầu thế kỷ 21 - những người chủ hiện tại và tương lai của đất nước; sẽ là hạnh phúc cho tác giả, nếu cuốn sách tâm sự này vào được trong nước, đến tay các bạn trẻ, các sinh viên đại học Hà Nội, Sài Gòn... gây nên những bàn luận sôi nổi tôi đặt niềm tin vững chắc ở tuổi trẻ trong và ngoài nước; chắc chắn các bạn sẽ sáng suốt hơn, tài giỏi hơn thế hệ chúng tôi, một thế hệ thành tích ít mà lỗi lầm thì nhiều, thật đáng hổ thẹn đối với cả tiền nhân và hậu duệ.

Paris 10-9-1998

Bùi Tín

## **PHẦN I**

### **NHÌN LẠI CUỘC CHIẾN TRANH**

#### **HỎI VÀ TRẢ LỜI VỚI CÁC CỰU CHIẾN BINH VIỆT NAM, HOA KỲ, ÚC, PHÁP...**

*"Nguyên nhân sâu xa và tính chất bao trùm của chiến tranh Mỹ-Việt là sự đối đầu của hai hệ thống thế giới: phe xã hội chủ nghĩa hiện thực và phe tư bản chủ nghĩa."*

*"Chế độ độc đoán mà chiến tranh làm tăng thêm tính chất bịt kín, khép chặt, không có tự do báo chí, không có tranh luận trong quốc*

*hội."*

Hỏi: Quan hệ Mỹ-Việt từ sau chiến tranh thế giới thứ hai đã diễn biến như thế nào?

Trả lời: Tôi gặp mấy người Mỹ đầu tiên ở Hà Nội cuối tháng 8.1945, từ chiến khu Việt Bắc xuống. Đó là Pét-ti (A. Patti), Tô-mát-x (Thomas)... trong nhóm sĩ quan tình báo quân sự. Họ chung vui với chúng tôi những ngày Cách mạng tháng Tám trong chi đoàn Việt-Mỹ do ông Quang Trung chỉ huy. Sau này ông Quang Trung, người Tày, lên tới cấp thượng tướng trong Quân đội Nhân dân Việt nam. Ông mất năm 1994.

Chính một số sĩ quan Mỹ ấy đã huấn luyện cho chi đoàn của tôi về bắn súng, ném lựu đạn... Chúng tôi tự coi là trong phe đồng minh, chống phát xít Đức ý-Nhật.

Cuối 1946, chiến tranh Việt-Pháp nổ ra. Chính phủ Pháp muốn khôi phục hệ thống thuộc địa cũ. Chính phủ Mỹ đã ủng hộ người Pháp.

Năm 1954, chiến thắng Điện Biên Phủ đưa đến Hiệp định Giơ-ne-vơ (Geneve). Đất nước chia làm hai miền. Tổng tuyển cử dự định vào tháng 7.1956 không diễn ra. Chính quyền ở miền Nam do người Pháp dựng lên và yểm trợ, được Hoa Kỳ công nhận và tiếp sức theo chiến lược ngăn chặn cộng sản của chiến tranh lạnh...

Từ năm 1964, Hoa Kỳ đưa quân chiến đấu vào miền Nam và dùng không quân đánh phá miền Bắc Việt nam. Chiến tranh mở rộng ra cả nước Việt nam.

Từ đầu năm 1968, Mỹ chủ trương phi Mỹ hoá, "Việt nam hoá chiến tranh", rút chân dần ra khỏi cuộc chiến ở miền Nam Việt nam. Tháng 1.1973, Hiệp định Paris về lập lại hòa bình ở Việt nam được ký kết. Mỹ rút hết quân. Tù binh hai bên được trao trả.

Nhưng chiến tranh vẫn tiếp diễn. Ngày 30.4.1975, cuộc tổng tiến công của Quân đội nhân dân Việt nam kết thúc, cả nước Việt nam

thống nhất dưới chính quyền của đảng cộng sản.

Cuối năm 1978, Việt nam tiến công quân Khơ-me đỏ ở Căm-pu-chia. Quân đội nhân dân Việt nam chiếm Căm-pu-chia gần mười năm, bị phương Tây và các nước Đông - Nam á... cấm vận.

Tháng 7.1995, quan hệ hai nước Việt nam và Hoa Kỳ được bình thường hóa, rồi từ đó được mở rộng, phát triển dần trên nhiều mặt: thương mại, đầu tư tài chính, văn hóa, giáo dục, du lịch, ngoại giao, quân sự...

Theo tôi, các mối quan hệ Việt-Mỹ được cải thiện chậm, chưa đáp ứng được mong muốn của nhân dân hai nước. Nguyên nhân có lẽ là cuộc chiến tranh lâu dài, ác liệt đã để lại những vết thương sâu, chưa hoàn toàn thành sẹo cho cả hai bên. Nhưng nguyên nhân chính, theo tôi là vì những người lãnh đạo đảng cộng sản ở Hà Nội chưa có quan điểm đổi mới toàn diện, sâu sắc và nhất quán. Họ còn bị ý thức hệ cũ ràng buộc quá nặng. Họ nói: giờ sang trang mới trong quan hệ với Hoa Kỳ, cho vào quá khứ những năm tháng chiến tranh, coi Hoa Kỳ là bạn v v.. Thế nhưng, trên thực tế, trong nội bộ đảng họ, họ vẫn cho "Mỹ vừa là bạn, vừa là thù", "vẫn còn phải cảnh giác với chính quyền Clin-تون", nguy cơ "diễn biến hòa bình", nhằm lật đổ chế độ hiện nay là đến từ phía Mỹ; chính quyền Mỹ đòi hỏi tôn trọng nhân quyền ở Việt nam, tự do cho tù chính trị ở Việt nam "can thiệp thô bạo vào tình hình nội bộ và chủ quyền của Việt nam"? Chính quyền cộng sản còn "tịch thu", chưa trả lại cho xã hội Việt nam quyền tự do và dân chủ là trở ngại chính cho quan hệ Việt-Mỹ.

Ngoại trưởng Mỹ Oa-ren Crít-xtốp-phơ (Warren Christopher), trong buổi nói chuyện với sinh viên Việt nam tại Hà Nội ngày 6.8.1995 ở câu lạc bộ Quốc tế, đã cho biết vài nét lý thú trong quan hệ Việt Mỹ:

Từ năm 1787, Tô-mát-x Giê-phê-sơn (Thomas Jefferson), một nhà chính trị đấu tranh cho tự do và cũng là nhà khoa học kiệt xuất Mỹ, đã mang mẫu giống lúa Việt nam về trồng ở trang trại của ông ở bang Vóc-gi-ni-a (Virginia). Mười năm sau, khi Giê-phê-sơn trở thành tổng thống Hoa Kỳ, chiếc tàu buôn của Mỹ đầu tiên đã cập

bến Việt nam...

Gần một trăm năm mươi năm sau, năm 1945, lời nói của Thô-mát-x Giê-phe-sơn rằng "Mọi người sinh ra đều có quyền bình đẳng..." lại được vang bên trong bản Tuyên ngôn Độc lập của Việt nam (tháng 9.1945).

Chiến tranh Mỹ-Việt bắt nguồn từ đâu?

Đây là vấn đề tôi đã suy nghĩ kỹ đến từ mười năm nay, về quan hệ Việt-Mỹ.

Mới đầu, tôi cho là vấn đề rất giản đơn, như cuộc chiến tranh Pháp-Việt trước đó. Đây là cuộc chiến tranh giành độc lập dân tộc của chúng tôi. Trong lịch sử nước Mỹ, các bạn cũng có cuộc chiến tranh giành độc lập. Càng về sau, nhất là gần đây, được nghe và đọc nhiều, tôi thấy quả thật đây là vấn đề phức tạp, rất phức tạp.

Các cuộc chiến tranh, tùy nơi, tùy lúc, tùy động cơ, điều kiện lịch sử cụ thể, mang tính chất khác nhau: chiến tranh đúng/sai, chính nghĩa/phi nghĩa, bảo vệ tổ quốc/xâm lược, nóng/lạnh, xâm chiếm đất đai, ý thức hệ, dân tộc, tôn giáo, giai cấp, thiêng liêng thần thánh/sai lầm bản thủ...

Khi còn trẻ, là binh sĩ và là sĩ quan sơ cấp, tôi cho chiến tranh mà chúng tôi thực hiện là đúng, là chính nghĩa, vì nó nhằm giành và bảo vệ nền độc lập, chống xâm lược, chống sự chiếm đóng của quân đội nước ngoài trên đất nước tôi. Đơn giản, rõ ràng!

Về sau, là người cộng sản, được giáo dục tuyên truyền của đảng cộng sản, tôi thấy đây còn là cuộc chiến tranh để bảo vệ cả phe xã hội chủ nghĩa, chống lại "sự xâm lược của phe đế quốc" do Mỹ cầm đầu. Chúng tôi được giáo dục để coi phe xã hội chủ nghĩa, gồm Liên Xô, Trung Quốc, các nước Đông Âu, cộng với Bắc Triều Tiên, Cu-ba và về sau cả Ê-ti-ô-pi (Ethiopia), Ni-ca-ra-go-a (Nicaragua), Ăng-gô-la (Angola)... là Tổ quốc lớn của những người vô sản chúng tôi. Cao hơn nữa, chúng tôi coi đây là sứ mệnh của giai cấp vô sản quốc tế



nhằm giải phóng tất cả các dân tộc và các giai cấp trên thế giới khỏi ách áp bức, bất công, xâm lược. Vì thế, chúng tôi tự hào, hăng say chiến đấu... Tôi đang cầm súng, đứng trên tiền đồn của phe xã hội chủ nghĩa, của nhân loại tiến bộ, vừa làm nhiệm vụ quốc gia, vừa làm nghĩa vụ quốc tế.

Nhưng đến nay, tôi đã nghĩ khác trước!

Từ bao giờ, quan niệm của ông về chiến tranh Việt-Mỹ thay đổi?

Tôi nghĩ là từ năm 1975! Sau ngày 30.4.1975, tôi ở miền Nam, tại Sài Gòn, nay gọi là thành phố Hồ Chí Minh, liền trong bốn năm. Một điều quan trọng diễn ra trong nhận thức của tôi và của nhiều người từ miền Bắc vào miền Nam. Chúng tôi đã trực tiếp "khám phá ra" miền Nam, đúng như nó vốn có, không như trước đó được đảng tuyên truyền. Chúng tôi dần dần thấy rằng, chế độ chính trị ở miền Nam có những cái dở, cái kém, nhưng dù sao nó cũng có điểm trội hơn miền Bắc, như có tự do kinh doanh, đặc biệt là có tự do báo chí, ngôn luận, có báo tư nhân, có tự do xuống đường, biểu tình, tuần hành, tán phát truyền đơn, có tự do tín ngưỡng... là những điều ở miền Bắc chưa từng có.

Thêm vào đó, sau ngày 30.4.1975, các chính sách sai lầm của đảng cộng sản, như xóa bỏ vợi vĩ tư bản tư nhân, hợp tác hóa nông nghiệp cấp tốc, đưa cả sĩ quan viên chức cũ vào trại cải tạo (thực tế là nhà tù), gây nên thảm cảnh hơn nửa triệu "thuyền nhân" năm 1978 do chính sách phân biệt đối xử, chiếm đóng quân sự lâu dài ở Căm-pu-chia... làm tôi nản lòng, phẫn uất..., đồng thời cũng làm cho nhận thức về chiến tranh Việt-Mỹ của tôi thay đổi. Tiếp đó, sự kiện làm nhận thức của tôi chuyển biến mạnh nhất về chiến tranh là sự sụp đổ bức tường Béc-lin (Berlin), sự tan rã của Liên bang Xô viết sự tiêu hủy đột nhiên của phe xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu (từ mùa hè năm 1989 đến năm 1991). Gần đây, nhiều tài liệu tuyệt mật của thời Sta-lin về đảng Cộng sản Liên Xô cũ được công bố từ Mát-xcơ-va (Moscow) nói lên sự thật lịch sử, cũng làm đảo lộn một số nhận thức của tôi về chiến tranh, về chính trị.

Theo ông, tính chất của cuộc chiến tranh Việt-Mỹ là gì?

Theo những lý luận của Mác (K. Marx), Ăng-ghe-nh (F. Engels), hay của Tôn Tử (nhà chiến lược nổi tiếng thời cổ đại Trung Quốc), của Na-pô-lê-ông (Napoléon), Bít-xmác (Bismark), hoặc của học giả Héc-man Kan (Herman Kahn), Sten-lây Ka-nốp (Stanley Karnow) (Mỹ), tính chất của một cuộc chiến tranh gắn liền với chế độ chính trị - xã hội. Về chế độ chính trị ở Liên xô, tôi được giáo dục và tuyên truyền là "tiên bộ nhất", "tuyệt vời", "mẫu mực". Chế độ chính trị một đảng, chuyên chính vô sản được áp dụng ở Việt nam với khẩu hiệu "Liên xô Việt nam trong tương lai!" Nó sẽ là thiên đường dưới trần thế: giàu có, không có áp bức, bóc lột... Tôi đã có dịp qua Liên xô hơn mười lần, từ năm 1965 đến năm 1990, qua hầu hết các nước Cộng hòa xô viết. Dần dần tôi nhận ra rằng, Liên xô có hai mặt: mặt tốt và mặt xấu, mặt phô ra và mặt giấu kín. Mặt thực tế và mặt trên lý thuyết.

Sta-lin đã tận dụng lòng yêu nước của nhân dân Liên xô để giành thắng lợi trong chiến tranh chống phát-xít, bảo vệ Tổ quốc. Nhưng đồng thời, ông ta đã chủ tâm xây dựng một kiểu "đế quốc xã hội chủ nghĩa" từ Âu sang Á, coi các nước "dân chủ mới" ấy là "thuộc quốc", "thuộc địa kiểu mới" với các đảng cộng sản không còn quyền độc lập, bình đẳng, coi Mát-xcơ-va là thủ đô lớn của toàn phe xã hội chủ nghĩa.

Ở trong nước, Liên xô thực hiện học thuyết "đấu tranh giai cấp" một cách thô bạo, đàn áp thẳng tay mọi người chống đối, bất đồng chính kiến, tàn sát những đồng chí, đồng bào không chịu tuân theo hoàn toàn đường lối, chính sách của đảng cộng sản. Việt nam làm theo gương ấy, mô hình ấy - tuy ở quy mô thấp hơn - đàn áp mọi lực lượng yêu nước theo đường lối khác mình (như Việt nam Quốc dân đảng, đảng Duy Dân, đảng Đại Việt, nhóm Trốt-ski, Cách mạng Đồng minh hội...) Ngay cả những người đòi dân chủ cũng bị lên án là chống đảng, chống chế độ, phản bội. Tất cả những hành động đàn áp đều được che đậy dưới bức màn "yêu nước", "vì dân", "do dân", "cách mạng..."

Do đó, tôi cho rằng chế độ chính trị - xã hội ở Việt nam từ năm 1945 đến nay vẫn còn lạc hậu, độc đoán, không dân chủ, là một kiểu phong kiến gia trưởng, phụ thuộc về cả lý luận lẫn vật chất, kinh tế tài chính, quân sự... vào nước ngoài.

Theo ông, chế độ chính trị xã hội như thế quyết định tính chất của cuộc chiến tranh như thế nào? Nóng, lạnh, hay chiến tranh ý thức hệ?

Do nhận thức về chế độ chính trị - xã hội không còn như trước, nên nhận thức về chiến tranh của tôi cũng thay đổi. Trong khi nhận thức chung của xã hội thay đổi chậm. Đối với nhân dân, nhất là đối với nông dân chiếm tỷ lệ 80% số dân ở cả miền Bắc và miền Nam Việt nam, nhận thức còn đơn giản, lại bị bộ máy tuyên truyền một chiều tác động, thì phần lớn vẫn cho đây là chiến tranh nhân dân, chiến tranh yêu nước, bảo vệ Tổ quốc, chống sự xâm lược của nước ngoài. Trước kia quân đội nước ngoài họ thấy được là lính Nhật, lính Pháp, lính Tàu, lính ấn, lính Anh (vào giải giáp quân đội Nhật sau Thế chiến thứ 2) và sau này là lính Mỹ. Họ chỉ giản đơn nghĩ: quân đội nước ngoài đến Việt nam là xâm lược!

Đối với trí thức, sinh viên, người thành thị có học thức và ít nhiều tiếp xúc với bên ngoài thời mở cửa, sau khi "khám phá" ra miền Nam đúng như thực tế như ở trên đã nói, họ cho rằng: nguyên nhân sâu xa và tính chất bao trùm của cuộc chiến tranh Mỹ-Việt là sự đối đầu của hai hệ thống thế giới: phe chủ nghĩa xã hội hiện thực và phe tư bản chủ nghĩa. Đây là cuộc chiến tranh nóng quyết liệt, dai dẳng, con đẻ của chiến tranh lạnh được khởi đầu từ sau Đại chiến thế giới thứ hai đến nay và kéo dài nửa thế kỷ.

Do đó, cuộc chiến tranh ở miền Nam Việt nam, giữa chế độ chính trị miền Bắc và chế độ chính trị miền Nam, về hình thức là cuộc nội chiến giữa hai miền, về thực chất là cuộc chiến tranh ủy nhiệm (proxy), cuộc chiến tranh tiêu biểu giữa hai hệ thống thế giới đối chọi nhau, sống chết với nhau, đối lập nhau. Nó mang ý thức hệ quốc tế, có người còn gọi là cuộc chiến tranh thần thánh, guerre sainte: chống tư bản, đế quốc quốc tế, mà thực ra là chủ nghĩa tư bản tự do

dân chủ đang chống lại sự bành trướng trên thế giới của phong trào cộng sản mang bản chất độc đoán.

Quan điểm của đảng Cộng sản Việt nam đối với nguồn gốc và tính chất của cuộc chiến tranh Việt-Mỹ như thế nào

Những người lãnh đạo đảng cộng sản luôn cố tình che giấu tính chất ý thức hệ của cuộc chiến tranh, tính chất giai cấp, thuyết chuyên chính vô sản, tính chất độc đoán của chế độ.

Từ cuối năm 1945, họ đã đưa ra việc giải tán đảng Cộng sản Đông Dương (thực tế là đảng rút vào bí mật và bành trướng rất mạnh. Tôi vào đảng vào thời điểm này, tháng 9.1946). Họ lấy tên là đảng Lao động Việt nam từ năm 1951 đến 1976. Đến năm 1976, sau khi toàn thắng, họ mới công khai lấy lại tên đảng Cộng sản Việt nam. Họ luôn dùng bức bình phong Mặt trận: Mặt trận Việt Minh hồi năm 1944-1945, Mặt trận Liên Việt hồi năm 1946, Mặt trận Tổ quốc ở miền Bắc và Mặt trận Giải phóng miền Nam sau đó... để che giấu kỹ độc quyền lãnh đạo kiểu độc đoán của đảng cộng sản.

Cũng cần nói thêm: những người lãnh đạo đảng Cộng sản Việt nam luôn coi Đông Dương là một thể thống nhất, là một chiến trường, coi hai đảng Cộng sản Miên và Lào là hai đảng đàn em, cùng chung một lãnh tụ là ông Hồ Chí Minh, luôn tự nhận trách nhiệm quốc tế là cộng sản hóa cả bán đảo Đông Dương và cả Đông Nam á?

Sau ngày 30.4.1975, tôi từng nghe một người lãnh đạo trong Ban bí thư đảng Cộng sản Việt nam nói trước cuộc họp cán bộ cấp cao, tỏ ý tiếc là lúc ấy đảng Cộng sản Thái Lan quá yếu, nếu không thì đã có cơ hội "giải phóng", cộng sản hóa cả nước Thái Lan rồi!

Từ phía ông, ông nhận thấy người Mỹ nhận thức về cuộc chiến tranh như thế nào?

Tôi đọc khá nhiều sách Mỹ, dự một số cuộc hội thảo quân sự ở Chicago, Texas, California, Boston, Virginia... tôi thấy người Mỹ có nhiều quan điểm, nhận thức rất khác nhau, nhiều khi đối chọi nhau.

Do tính chất của cuộc chiến tranh có nhiều, xen kẽ nhau, lồng vào nhau, tùy theo chỗ đứng, góc nhìn, tùy theo là "điều hâu hay là "bồ câu trong chiến tranh mà nhận thức khác nhau. Do đó, không bên nào có chân lý, lẽ phải tuyệt đối cả.

Theo tôi, bên nào cũng có phần đúng của mình. Đây không phải là "ba phải", nhập nhằng, phi lý, mà do các tính chất khác nhau cùng tồn tại trong một hiện tượng.

Chế độ miền Bắc có mặt đúng, lại có mặt sai, có mặt tốt, lại có mặt xấu. Họ tập hợp được dân, họ động viên được quân đội dưới khẩu hiệu yêu nước, cứu nước, bảo vệ độc lập, đánh đuổi ngoại xâm. Nhưng chế độ họ lại độc đoán, thủ tiêu quyền tự do của công dân, lại thi hành chủ trương mở rộng chủ nghĩa cộng sản, theo một học thuyết xa lạ từ bên ngoài! Do đó, ông Mác Na-ma-ra (Mc Namara) nhận định: đảng Cộng sản Việt nam tiêu biểu cho chủ nghĩa quốc gia chân chính là chỉ nói được "một cái chân voi, ông quên đi cái mặt độc đoán, phi dân chủ, thi hành học thuyết cộng sản kiểu Sta-lin... và như thế là thiếu sáng suốt, thiếu công bằng. Bộ não điện tử sống ở Lầu Năm Góc - như có người đề cao ông Mc Namara - chẳng lẽ không biết rằng những người lãnh đạo Cộng sản Việt nam theo học thuyết quốc tế vô sản, rắp tâm thi hành Tuyên ngôn Cộng sản và các chỉ thị của quốc tế Cộng sản; họ còn coi Nghị quyết của đảng Cộng sản Liên xô và đảng Cộng sản Trung Quốc là mẫu mực để tham khảo và thực hiện. Quốc gia chân chính mà như vậy?

Mc Namara từng gắn bó với chiến tranh Việt nam, với chính quyền Sài Gòn trên tinh thần đồng minh thân thiết, nay quay ngoắt lại nhận định những người đứng đầu chế độ Miền Nam Việt nam hồi chiến tranh là "cặn bã của cặn bã xã hội" thì thật là quá quắt trong ý đồ phi báng rất tùy tiện.

Ông cũng không công bằng khi lên án những người Mỹ chủ trương chiến tranh là sai lầm khủng khiếp", bởi vì trong số ấy nhiều người chống lại sự bành trướng của chủ nghĩa cộng sản quốc tế là có lý, có lẽ của họ; hơn nữa, theo nhận định của nhiều sử gia quốc tế, sự can thiệp của Mỹ đã có hiệu quả là trì hoãn việc cộng sản hóa Miền

Nam Việt nam chùng một chục năm, ngăn chặn làn sóng đỏ lan sang Thái Lan, Mã Lai, Nam Dương... Theo tôi, dù người Mỹ có lập trường "điều hâu hay "bồ câu, họ đều có cái lý của họ, có cái phần chân lý của họ mà ta cần tôn trọng. Cũng không nên lấy kết quả là sự chiến thắng hay sự thất bại trong chiến tranh để nhận định ai đúng, ai sai. Đó là cách nhìn cơ hội.

Chiến tranh chính nghĩa có nhiều điều kiện để chiến thắng, nhưng thực tế không phải bao giờ cũng như vậy. Người Mỹ, dù thời chiến có quan điểm đối nghịch nhau, nay chiến tranh đã kết thúc hơn hai mươi năm, nên bình tĩnh nhìn lại với quan điểm bao dung, khoa học, hòa giải với nhau. Bởi vì "cái đúng, "cái sai" của cuộc chiến tranh Việt-Mỹ lồng vào nhau, xoắn xuýt với nhau, chỉ có tính chất tương đối theo từng mặt xem xét. Không một ai có thể tự cho mình là đúng tuyệt đối, là có độc quyền lẽ phải. Tính chất đa diện, phức tạp, tương đối... cần chi phối việc nghiên cứu và nhận định về một cuộc chiến tranh lâu dài, phức tạp đã qua này. Phải đặt cuộc chiến tranh ấy trong bối cảnh quốc tế, theo cách nhìn toàn cầu và khu vực, theo quan điểm lịch sử và phát triển.

Chính vì vậy, theo tôi, ở cả hai phía "bồ câu và "điều hâu trước đây, đều tự cho mình là thành tâm mong muốn Việt nam có tự do, đến nay cần ủng hộ sự nghiệp dân chủ hóa ở Việt nam, góp phần sớm chấm dứt một chế độ độc đoán, chà đạp tự do, nhân quyền ở Việt nam, đấu tranh để những người dân chủ, bất bạo động, đang bị giam giữ sớm được tự do.

Khi nhìn lại, ông đánh giá ra sao về quân đội Hoa Kỳ ở Việt nam?

Vào những năm 1963, 1964, 1965... khi Hoa Kỳ bắt đầu chuẩn bị và đưa quân chiến đấu Mỹ vào miền Nam Việt nam, chúng tôi rất lo. Từ lãnh đạo đến chỉ huy, cán bộ, binh sĩ ở miền Bắc và ở miền Nam đều rất lo. Vì ai cũng biết Mỹ là siêu cường số một của phương Tây. Địch thủ chính của Mỹ là Liên xô. Mỹ có lực lượng quân sự hùng hậu, hải-lục-không quân lớn bậc nhất thế giới. Khoa học kỹ thuật quân sự của Mỹ cực lớn. Mỹ là người khổng lồ! Chúng tôi thường so sánh: người lính Mỹ to lớn, cao khỏe vượt hơn hẳn người lính Việt

nam một cái đầu, nặng hơn vài chục kí, ăn uống đủ chất, được nuôi dưỡng, huấn luyện tốt. Sức lực của người lính Mỹ áp đảo sức lực của người lính Việt nam. Xem sách báo, phim ảnh, chúng tôi thấy lính Mỹ vạm vỡ nhất là lính da đen, xóc vác, như những võ sĩ. Chúng tôi lo khó trụ nổi, khó độ sức nổi với Mỹ khi giáp trận.

Tôi còn nhớ hồi năm 1965, khi cho ý kiến về bình luận quân sự, tướng Võ Nguyên Giáp có nói riêng với mấy phóng viên quân sự báo Quân đội nhân dân rằng: "Mỹ vào chừng mười bốn, mười lăm vạn đã thành vấn đề gay go ở chiến trường. Nếu số quân Mỹ lên đến hai mươi vạn hoặc hơn nữa thì sẽ rất gay go cho phía ta!" Bởi vì, trong thời gian 1965-1966, số quân của miền Bắc ở miền Nam cũng chưa đến mười hai vạn (120.000), đến năm 1968 cũng chỉ vào khoảng hai mươi hai vạn (220.000), trong khi số quân Mỹ ở miền Nam đã lên đến hơn nửa triệu.

Trong hàng ngũ quân đội nhân dân, từ Bộ tổng tư lệnh đến các sư đoàn, quân khu, từ các trường quân sự đến sĩ quan của các binh chủng đều nghĩ rằng, việc quân Mỹ trực tiếp tham chiến ở miền Nam là sự kiện lớn trong chiến tranh Việt-Mỹ, là một thay đổi về chất của cuộc chiến tranh, rất nghiêm trọng đối với chúng tôi. Chúng tôi hiểu: quân đội Mỹ rất mạnh, rất đông đảo, trang bị cực kỳ hiện đại chưa từng thua ai, chưa biết thất bại là gì.

Khi hai bên đã giáp trận, các ông nhận xét ra sao về quân đội Mỹ?

Có lẽ trận Vạn Tường (tháng 8.1965) và trận Plây-me (tháng 10.1965) là những trận giáp chiến đầu tiên giữa Quân đội nhân dân Việt nam và quân đội Mỹ. Ngay sau đó ở Quân khu Năm, ở Bộ chỉ huy quân sự miền (đóng ở Tây Ninh), ở Bộ tổng tham mưu ở Hà Nội đã dựa vào báo cáo về hai trận ấy làm ngay tổng kết, rút kinh nghiệm rất tỉ mỉ.

Tôi còn nhớ, những điểm chính của tổng kết được phổ biến cho toàn quân, cho mọi cấp chỉ huy là: Quân Mỹ có hỏa lực rất mạnh, nhưng không đáng ngại bằng quân viễn chinh Pháp hồi trước. So với quân Pháp, quân Nhật, quân Anh-ấn, các đơn vị lê dương Pháp, quân

Bắc Phi (gồm lính được tuyển từ các nước Ma-rốc, An-giê-ri, Sê-nê-gan...) thì quân Mỹ không có gì đáng sợ. (Chúng tôi hay so sánh với kẻ thù cũ, chỉ mới cách đó hơn mười năm. Quân Mỹ có nhiều chỗ mạnh (dễ thấy), nhưng lại có nhiều chỗ yếu. Đó là quân đội làm quân dịch, vào quân đội theo nghĩa vụ công dân chứ không phải lính chuyên nghiệp, nhà nghề. Lính Mỹ hầu hết còn rất trẻ, từ nước Mỹ xa xôi sang, động cơ chiến đấu mơ hồ, thiếu kinh nghiệm tác chiến ở chiến trường Việt nam, lạ địa hình, không hợp thủy thổ, lối sống, rất bỡ ngỡ với hoàn cảnh chiến đấu mới? Mặt khác, chế độ quân nhân Mỹ phục vụ ở Việt nam chỉ kéo dài có một năm, (đối với người lái máy bay chỉ cần bay đủ một trăm phi vụ) rồi sẽ "đến hẹn" trở về Mỹ bộc lộ một nhược điểm lớn, là chỗ rất yếu của quân Mỹ. Khi lính Mỹ đã phần nào quen với chiến trường, có ít nhiều kinh nghiệm chiến đấu cũng là lúc họ lên đường trở về Mỹ? Ngược hẳn lại, quân đội nhân dân Việt nam được giáo dục, động viên thường xuyên, có lý tưởng, xác định rõ ràng mục tiêu chiến đấu, có ý chí chiến đấu đến thắng lợi cuối cùng - dù rằng trong giáo dục có cả phần áp đặt, bó buộc - lại quen thuộc địa hình, địa vật, sức chịu đựng gian khổ dẻo dai, kỷ luật nghiêm, hợp thủy thổ... Tức là họ có cả ba yếu tố nhà binh pháp nổi tiếng của Trung Hoa cổ đại Tôn Tử đã đúc kết là thiên thời, địa lợi, nhân hòa.

Tôi còn nhớ, vào dịp Tết âm lịch đầu năm 1966, có một cuộc họp lớn ở bộ Quốc phòng Hà Nội, tập trung các tư lệnh (của các quân khu, sư đoàn, quân chủng, binh chủng thiết giáp, pháo binh, phòng không, công binh, thông tin...) để phổ biến tỉ mỉ về chiến dịch Plây-me ở vùng Ya-drang (Tây Nguyên) diễn ra từ ngày 14 đến ngày 22.11.1965 do các trung đoàn 320, 66 và 24 của quân đội nhân dân Việt nam thuộc chiến trường Tây Nguyên thực hiện. Tại đó, hai tiểu đoàn của lữ không vận 173 Mỹ bị thiệt hại rất nặng, đặc biệt là trong trận bị phục kích ở cao điểm 875 gần Đắc Tô, một tiểu đoàn Mỹ bị loại khỏi vòng chiến đấu đến 75% quân số.

Kinh nghiệm chiến dịch Plây-me được viết thành văn kiện: tường thuật, bình luận, bản đồ, in trên báo Quân đội nhân dân, tạp chí Quân đội nhân dân, đọc trên Đài truyền thanh Hà Nội, Đài Giải phóng, đọc chậm cho các đơn vị ở xa ghi lại và phổ biến rộng rãi.



Nhưng kinh nghiệm lớn rút ra là:

- Quân đội nhân dân Việt nam có thể đương đầu với quân Mỹ và có khả năng chiến thắng.

- Phía quân Mỹ có kĩ thuật, hỏa lực lớn (pháo bầy, máy bay B.52 ném bom rải thảm, hàng trăm trực thăng bắn được ba ngàn quả rốc-két yểm trợ rất gần quân Mỹ...) nhưng không thắng được khi bị đánh gần, bị bất ngờ. Quân Mỹ đến đâu là bắn phá phát quang cả vùng ấy bằng hỏa lực (từ chuẩn bị tiến, tiến công, xung phong... đều dùng hỏa lực) nên phô trương lực lượng, không giữ được yếu tố bí mật, bất ngờ như quân đội nhân dân Việt nam.

Trong khi tác chiến, quân đội nhân dân Việt nam không dùng nhiều quân. ở Ya-drang, họ chỉ có năm đại đội chiến đấu, nhưng đã tiêu diệt gần hết cả một tiểu đoàn Mỹ (tiểu đoàn 2/7 của lữ 173). Trên cả địa bàn chiến dịch, họ chỉ có ba trung đoàn mà vẫn đủ sức đương đầu với mười hai tiểu đoàn Mỹ cộng với bốn tiểu đoàn Nam Việt nam và Tân Tây Lan.

- Bí quyết để chiến thắng là chuẩn bị chiến đấu kỹ, hiểu rõ địa hình, phán đoán chính xác hành động của đối phương để dụ đối phương đến đúng "bẫy" phục kích đã được nghi binh, bất ngờ đánh nhanh, rút nhanh. Luôn luôn tác chiến theo cách tiến công đối phương khi đối phương ở ngoài công sự áp dụng chiến thuật "đánh điểm, diệt viện", "vây điểm, diệt viện", biết khơi ngòi chiến dịch và biết kết thúc chiến dịch.

Có thể nói, chiến dịch Plây-me ở Tây Nguyên cuối năm 1965 là trận then chốt để phía chúng tôi viết nên cảm nang chống Mỹ, một kiểu binh thư mới trong chiến tranh chống lại người Mỹ.

Vị tướng nào của Quân đội nhân dân Việt nam có trình độ cao về tổng kết kinh nghiệm chiến tranh?

Tôi có thể nói ngay là đại tướng Nguyễn Chí Thanh.

Hồi năm 1965, quân đội nhân dân Việt nam chỉ có hai đại tướng bốn sao là Võ Nguyên Giáp (Bộ trưởng quốc phòng kiêm Tổng tư lệnh) và Nguyễn Chí Thanh (Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị). Cả hai đều là ủy viên Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương đảng.

Ông Thanh vào miền Nam từ tháng 10. 1964, ngay sau khi đoàn nghiên cứu đặc biệt của bộ Quốc phòng và Quân ủy Trung ương (mà tôi là một thành viên trong đoàn) vào miền Nam gần một năm, rồi trở ra báo cáo cho ông. Ông Thanh là đại diện của Bộ Chính trị ở miền Nam, là người chỉ huy cao nhất ở chiến trường miền Nam, cầm đầu Quân ủy miền đóng ở Tây Ninh sát biên giới Cầm-pu-chia. Ông là người đọc nhiều, nói chuyện hay, rất quan tâm tổng kết kinh nghiệm. Khi viết những bài luận văn dài, ông thường ký tên Trường Sơn. Người bí thư của ông chuyên thảo ra luận văn để ông sửa lại là đại tá Mai Quang Ca, bạn tôi. Ngay từ cuối năm 1965 ông Thanh đã viết mấy bài luận văn lớn, như "Mỹ giàu nhưng không mạnh", "Mùa khô cay đắng của quân Mỹ", "Năm thất lưng địch mà đánh!" đăng ở báo Quân đội nhân dân và đọc trên Đài truyền thanh Hà Nội, Đài phát thanh Giải phóng nhiều lần. Ông đặc biệt chú ý rút kinh nghiệm cụ thể từ các trận đánh với quân Mỹ ở Đất Cuốc (8.11.1965), Bàu Bàng (12.11.1965) và Dầu Tiếng (20.11.1965). Đến đầu năm 1967, sau các trận càn lớn át-lê-bô-rô (Atleboro) trong tháng 10 và tháng 11 năm 1966 ở chiến khu Dương Minh Châu, các chiến dịch Xê-đa Phô (Cedar Fall) (2.1967) vào vùng Bến Cát, Củ chi; Và Gian-xơn Xi-ti (Junction City) (3.1967) vào chiến khu C, Bắc Tây Ninh... tướng Thanh lại tổng kết trong bài luận văn "Năm bài học trong mùa khô thắng lợi. Các bài học đó là: luôn giữ quyền chủ động ở chiến trường, buộc đối phương chiến đấu theo ý muốn của mình; cố gắng ở thế tiến công, thuận lợi cho ta thì chiến đấu, không thuận lợi cho ta thì né, tránh, lẩn đi, tự chọn thời gian, địa thế, thời cơ để nghênh chiến; luôn tìm cách đánh gần, đánh mãnh liệt, đánh nhanh kết thúc nhanh, không dây dưa kéo dài (một chiến dịch có thể chỉ từ hai, ba ngày đến năm, sáu ngày, một trận đánh có khi chỉ kéo dài mười lăm đến hai mươi phút). Cần chuẩn bị kỹ, hiểu đối phương, hiểu địa thế, hiểu quy luật hành động, phán đoán đúng phản ứng của đối phương, biết cơ động linh hoạt, tập trung vừa đủ quân, tập trung và phân tán nhanh, di chuyển nhanh; giữ thế bí mật và bất

ngờ, chú trọng nghi binh, làm cho phán đoán của đối phương bị sai lệch...

Các tư lệnh và sĩ quan chỉ huy, sĩ quan tham mưu ở mọi đơn vị đều thuộc lòng các bài học kinh nghiệm ấy để vận dụng.

Ngoài ra còn có ai nữa?

Có tướng Lê Trọng Tấn, sau này được phong đại tướng. Ông vào bộ chỉ huy miền Nam hồi 1966 với mật danh Ba Long. Ông xuất thân từ một ông "đội tàu bay" của Pháp ở một đơn vị mặt đất tại sân bay Bạch Mai, Hà Nội hồi năm 1943. Ông gia nhập Việt Minh từ hồi ấy và sau là tư lệnh sư đoàn công-pháo (công binh và pháo binh) năm 1953. Năm 1967, ông là Tổng tham mưu trưởng toàn miền Nam, Tổng tham mưu trưởng toàn quân năm 1977. Năm 1986, ông chết đột ngột khi được cử làm Bộ trưởng quốc phòng. Ông là người rất ít nói và ít thấy viết bài trên báo. Là người nhiều mưu mẹo, nhiều kinh nghiệm chỉ huy, tham mưu, ông luôn có mặt ở các chiến dịch quan trọng. Luôn có ý kiến ngắn, gọn. Rất mưu lược sâu sắc, thâm trầm, được cấp dưới nể trọng.

Tướng Trần Văn Trà, sau năm 1975 lên thượng tướng. Ông là người gắn bó với chiến trường miền Nam từ thời chống Pháp, là tướng có mặt ở chiến trường lâu nhất. Ông thông minh, lanh lẹ, tài hoa (thích văn nghệ, thích chơi ảnh, thích nghe nhạc, đọc sách...) và có bí danh là Tư Chi. Ông có nhiều kinh nghiệm về cơ động, nghi binh, hiểu tâm lý chỉ huy các tư lệnh Mỹ...

Tướng Hoàng Minh Thảo (hiện là thượng tướng, Viện trưởng Học viện quân sự cao cấp ở Hà Nội). Có thể nói, ông là tướng có học thức, rất trí thức, uyên bác về lịch sử quân sự của dân tộc Việt nam, lịch sử chiến tranh đông tây kim cổ... Ông chỉ vào miền Nam một thời gian ngắn, làm Tư lệnh mặt trận Tây Nguyên từ năm 1969 đến năm 1973. Không thể không kể đến tướng Nguyễn Hữu An, sau lên thượng tướng. Ông từng là một trung đoàn trưởng nổi tiếng, đánh trận giỏi thời chống Pháp. Năm 1975, ông là Tư lệnh Quân đoàn 2 (đơn vị chiếm dinh Độc Lập Sài Gòn), sau đó là Tổng thanh tra

Quân đội và Hiệu trưởng Trường quân sự Đà Lạt (nơi bổ túc cán bộ chỉ huy cấp tiểu đoàn và trung đoàn). Năm 1965-1966, ông là Phó tư lệnh mặt trận Tây Nguyên, chỉ huy chiến dịch Plây-me. Ông có ý chí cao, thông minh, hoạt bát, mưu mẹo, rất tỉ mỉ khi vạch kế hoạch tác chiến, đến tận nơi từng chiến sĩ phục kích để kiểm tra...

Tôi được biết năm 1991, ông An đã gặp tướng Mỹ Ha-rôn Mo (Harold Moore) ở Hà Nội. Ông Mo từng là trung tá, tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn 1/7 (thuộc lữ đoàn 3) tham chiến ở trận Ya-drang, Plây-me năm 1965. Sau đó ông An đã chết vì ung thư.

Còn tướng Giáp?

Theo tôi, tài ba của tướng Giáp trong cuộc chiến với Hoa Kỳ không bằng thời chống Pháp. Đỉnh cao "thiên tài" của ông, công bằng mà nói, là chiến dịch Điện Biên Phủ tháng 1.1954, khi tự ông thay đổi phương châm tác chiến, từ "đánh nhanh, giải quyết nhanh" sang "đánh chắc, tiến chắc" rồi từ đó giành thắng lợi. Điều này ông đã kể rành rõi cho riêng tôi nghe, đúng vào dịp 85 năm kỷ niệm trận Điện Biên Phủ, tháng 5.1989. Những điều ông kể đã được ghi lại trong bài "Quyết định khó khăn nhất" và được dành riêng cho báo Nhân dân Chủ nhật đăng, mà lúc ấy tôi là Trưởng ban biên tập.

Trong chiến tranh với Mỹ, từ khi chiến tranh bùng nổ năm 1946 đến khi kết thúc tháng 4.1975, ông Giáp chưa hề vào chiến trường miền Nam. Ông chỉ sống ở Việt Bắc và Hà Nội. Ông chỉ huy từ chiếc hầm chỉ huy của bộ Quốc phòng, nằm trong sân cung vua Lê cũ, ở gần cột cờ cổ của Hà Nội. (Ông chỉ đi cùng Phi-đen Cát-xtrô vào Quảng Trị trên quãng đường Hồ Chí Minh một đoạn ngắn sau hiệp định Paris được ký).

Do vậy, nên khi gặp các nhà báo quốc tế hay các đoàn đại biểu quân sự Liên xô, Trung Quốc, CHDC Đức, Cu Ba... khi nói về chiến tranh chống Pháp, về Điện Biên Phủ, tướng Giáp bao giờ cũng sôi nổi, sinh động hơn khi nói về cuộc chiến với Hoa Kỳ. Tuy nhiên, năm 1966, 1967, khi ông nhận định về chủ trương "tìm và diệt" của tướng Oétx-mo-len (Westmoreland), lúc đó đang ở Sài Gòn, tướng Giáp đã

có ý kiến hay. Ông nói với cán bộ Học viện quân sự cấp cao đầu năm 1967 rằng: "Tìm và diệt nói lên điều gì? Một là quân ta cơ động cao, ẩn hiện bất ngờ, nghi binh tốt, không cố định ở một chỗ, biết tận dụng địa hình rừng núi và dựa vào dân để giữ bí mật nơi trú quân và hành quân, buộc kẻ địch phải đi tìm, đi mò, điều này nói lên thế bị động của đối phương. Diệt nói lên điều gì? Nó nói lên cái chủ quan, mù quáng, kiêu ngạo của đối phương, ỷ vào hỏa mạnh (pháo, tăng, trực thăng, B52...) để khi mò thấy quân ta là dễ dàng hùng hổ lao vào như con thú đói luôn sẵn sàng thấy mồi là vồ. Do đó ta có điều kiện để nhử địch vồ mồi và làm cho nó vồ hụt! Từ đó, đối phương dễ mắc bẫy của ta..."

Sau khi chiến tranh kết thúc, nhất là vào năm 1986, khi bắt đầu bước vào "đổi mới", uy tín tướng Giáp lên khá cao. Khi bầu đại biểu đi dự Đại hội đảng cộng sản VI, trong Đại hội đảng toàn quân, ông được tín nhiệm rất cao. Nhiều người nghĩ ông có thể thúc đẩy quá trình dân chủ hóa, hòa nhập với phương Tây, từ bỏ giáo điều... Nhưng ông quá dè dặt, e ngại, an phận, cò đã đến tay mà không phát. Giới trí thức, sĩ quan thất vọng về ông. Đây là trường hợp điển hình cho thấy, một chế độ giáo điều có thể tiêu hủy một tài năng như thế nào.

Hồi còn ở trong nước, tôi rất quý mến tướng Giáp. Đến đại hội 6, cuối năm 1986, uy tín ông lên khá cao, ông được đại hội đảng toàn quân và một số ngành, địa phương nhắc đến như một nhân vật của tình thế, nhưng ông do dự, không quyết đoán. Để trôi qua một cơ hội cực hiếm? Tôi giảm ghê gớm niềm tin ở ông từ đó. Một số sĩ quan và cán bộ chê ông là hèn, là nhát, không dám bênh vực lẽ phải, công lý, không dám dấn thân cho dân chủ. Nay ông đã già. Tự duy lại không đổi mới kịp. Vì sao ông ngại? Vì: kinh cung chi điều. Đã bị đe, bị dọa, bị giám sát nhiều lần, ông đâm ra sợ! ông còn sợ bị hiểu lầm là tham quyền, cố vị, là tranh giành quyền lực do động cơ cá nhân. Vẫn là suy nghĩ lẫn thẩn, từ cá nhân mình, không vì động lực cứu dân cứu nước vô tư, trong sáng. Ông cũng có thể nghĩ sự nghiệp cá nhân đến thế là lớn, là quý lắm rồi, cố giữ cho khỏi lo lem thôi! Dù sao cũng chỉ có thể trông mong ở ông đến thế thôi. Mỗi con người đều có phần lớn và phần bé, phần sáng và phần tối!

Ông có nhận xét gì về cách điều hành chiến tranh của phía Mỹ ở Việt nam./

Về phía Mỹ, tôi cảm thấy các ông tướng không có toàn quyền đề ra và thực hiện các kế hoạch chiến đấu. Họ bị tổng thống, quốc hội, chính giới Mỹ kiểm soát chặt chẽ. Từ xưa, Tôn Tử đã chỉ ra rằng, hành động quân sự muốn có hiệu quả thì phải táo bạo, quyết đoán, dồn dập, bất ngờ. Các ông cũng hiểu điều đó. Nhưng do những ràng buộc chính trị, nên các ông phải leo thang từ từ, từng nấc một, vừa đánh vừa đàm phán, vừa đánh vừa thăm dò, vừa đe dọa, và luôn trông chờ rằng mỗi nấc leo thang sẽ là nấc cuối, đối phương sắp bỏ cuộc! Mỹ và Việt nam là hai nước rất xa nhau, nền văn hóa rất khác nhau, chế độ chính trị trái ngược nhau, cho nên cách điều hành chiến tranh của hai bên cũng khác nhau hoàn toàn. Mỹ có nếp sống dân chủ, cuộc chiến tranh của Mỹ ở Việt nam được bàn cãi công khai, hàng ngày trên báo chí, truyền hình Mỹ, trong quốc hội Mỹ. ở Việt nam, với một chế độ độc đoán, chiến tranh lại làm tăng thêm tính chất bịt kín, khép chặt, không có tự do báo chí, không có tranh luận trong quốc hội, khách nước ngoài đến Việt nam được sàng lọc kỹ, tin tức chiến tranh chỉ được đưa ở các thông báo của Bộ Quốc phòng, hầu như thư từ của tư nhân giữa trong và ngoài nước là con số không, báo chí của nhà nước bị cơ quan tuyên huấn của đảng và Bộ Công an kiểm duyệt chặt chẽ.

Trong điều hành chiến tranh, do khác biệt về chế độ chính trị, về bản chất của chính quyền, tôi có cảm giác như Mỹ và Việt nam đang chơi bài với nhau, bên Mỹ chơi bài ngửa (mọi sự đều công khai), còn phía Việt nam chơi bài úp (giấu kỹ). Thành ra, phía Việt nam am hiểu rõ mọi hành động chiến tranh của Mỹ: tăng quân bao nhiêu, đưa thêm vũ khí gì vào Việt nam, thay cấp chỉ huy thế nào, đánh ra sao, nấc thang sắp tới là gì, sự chia rẽ, ngập ngừng, tranh cãi trong giới quân sự, trong chính giới trong dư luận Mỹ ra sao... Trong khi đó, phía Mỹ phán đoán về đối phương rất khó khăn. Tất cả chỉ là phỏng đoán, ước đoán và thường khác xa với sự thật. Trong chiến tranh, một chế độ dân chủ, công khai, transparente (không che giấu) bao giờ cũng có những bất lợi. Một chế độ độc đoán, kín như bưng,

kỷ luật khắt khe thường có nhiều lợi thế.

Phía Mỹ đã có những sai lầm nào lớn nhất trong cuộc chiến ở Việt nam khi đánh giá về đối phương?

Có lẽ sự đánh giá của chính giới Mỹ về ý chí, tinh thần bền bỉ thực hiện chiến tranh đến cùng của đối phương, về việc chi viện cho quân đội của họ ở miền Nam về cả sức người, sức của, trước những bước leo thang chiến tranh của phía Mỹ (như tăng quân, tăng vũ khí, tăng cường ném bom ở cả miền Nam và miền Bắc) là những sai lầm lớn nhất của Mỹ khi đánh giá đối thủ của họ. Người Mỹ thường nghĩ, quân tăng, vũ khí nhiều hơn, tăng cường hành quân ném bom ở miền Nam... thì sẽ làm đối phương bị tổn thất nặng nề, không bù nổi với tổn thất, rồi mất dân mất đất, địa bàn bị thu hẹp, tất sẽ buộc phải bỏ cuộc, chịu chấp nhận một giải pháp chính trị nào đó do Mỹ đưa ra...

Các cuộc leo thang đánh phá miền Bắc của Mỹ ngày càng ác liệt, càng ngày càng gây nhiều tổn thất cho đối phương. Nhiều xí nghiệp, nhà máy, thành phố, đường xá, cầu cống được xây dựng với biết bao công sức từ sau chiến tranh chống Pháp, đã bị phá hoại, bị san bằng. Tình hình đó sẽ buộc đối phương chùn bước, ngừng chiến đấu ở miền Nam, tìm một kết thúc bằng thương lượng. Nhưng thực tế không diễn ra đúng với dự kiến của Mỹ. Mặc dù các nhà máy điện Vinh, Ưông Bí, Hải Phòng, Hà Nội, khu gang thép Thái Nguyên, nhà máy cơ khí Hà Nội, các nhà máy xi-măng Hải Phòng, Bỉm Sơn, nhà máy dệt Nam Định, Việt Trì, các cầu Long Biên (Hà Nội), Thượng Lý, Cầu Rào (Hải Phòng), Việt Trì, Phủ Lý... đều bị đánh đi đánh lại, tổn thất nặng nề, có khi đến trăm phần trăm mà đối phương vẫn trơ gan, không có dấu hiệu gì tỏ ra là họ muốn bỏ cuộc. Những con tính của một số quan chức ở Oa-sinh-tơn đều cho đáp số sai!

Nếu Mỹ đánh mạnh hơn bằng không quân vào hệ thống đê điều<sup>[1]</sup> ở miền Bắc, sự thế sẽ ra sao? Liệu Hà Nội có chịu được không? Họ có bỏ cuộc không?

Không? Dứt khoát không!

Nhiều nhà báo Đức, Mỹ đã hỏi tôi như vậy từ khi chiến tranh đang tiếp diễn. Hiện nay vẫn còn một số người đặt câu hỏi đó với tôi.

Hà Nội không chịu bỏ cuộc, vì đảng cộng sản đã giáo dục, động viên và có phần ép nhân dân phải chịu hy sinh, tử sinh mệnh, của cải theo câu nói của ông Hồ Chí Minh: "Không có gì quý hơn độc lập tự do" và "Đến ngày thắng lợi, chúng ta sẽ xây dựng đất nước ta to đẹp hơn, giàu hơn".

Nghiền răng mà chịu. Im lặng mà chịu đau khổ, tổn thất, chết chóc... đã thành một nếp nghĩ một nếp sống nhẫn nhục của người Việt nam.

Nếu Mỹ ném bom vào các tháng nước sông Hồng lên cao nhất (các tháng 7, 8 và 9 hàng năm) để phá các đoạn đê xung yếu, cả vùng châu thổ sông Hồng sẽ bị ngập nước. Hà nội (thấp hơn mức nước cao hàng năm) có thể bị lụt. Người chết có thể lên đến hàng chục vạn, hàng triệu... sẽ thiếu gạo, nhà cửa, ruộng vườn ngập, trâu bò, gia súc bị chết hàng loạt thảm họa đói như hồi 1945 (hai triệu người chết, mười triệu người di chuyển...). Nhưng chính thảm cảnh ấy là dịp để đối phương đẩy lên phong trào chống Mỹ mạnh hơn, tranh thủ thêm viện trợ của các nước xã hội chủ nghĩa và sự ủng hộ của thế giới...

Tôi nghĩ, với đặc điểm chính trị, xã hội, văn hóa, tâm lý của nhân dân Việt nam, chính quyền miền Bắc tuy có gặp khó khăn, nhân dân sẽ khốn khổ, nhưng họ không hề giảm ý chí chiến đấu. Họ có cả một bộ máy tuyên truyền, giáo dục, áp đặt, dòn ép gây lòng căm thù đối với Mỹ ở trong và ngoài nước.

Nếu tháng 12.1972 Hoa Kỳ kéo dài thêm các cuộc ném bom dữ dội ở miền Bắc, Hà Nội sẽ nhượng bộ?

Không? Nhất định không!

Nhiều bạn Mỹ cũng đã hỏi tôi câu này. Tôi cố nhớ lại những gì xảy ra



vào cuối năm 1972 và trả lời "Không?" Tôi cũng đọc kỹ cuốn "Hồ sơ mật Dinh Độc Lập" (The Palace Files) của ông Nguyễn Tiến Hưng, có một đoạn kể lại rằng: theo những người đã từng sống ở Hà Nội, ở miền Bắc mấy ngày ấy, nếu Mỹ giã tay một chút thì miền Bắc đã nhượng bộ? Có thể đây là suy nghĩ của một vài cá nhân, họ dự đoán và suy luận như thế. Hồi ấy, tôi sống ở Hà Nội. Ngày nào cũng ở trụ sở báo Nhân dân, ở căn cứ tên lửa Chèm (phía Bắc Hà Nội), hoặc ở sân bay Nội Bài (nơi máy bay MIG-21 cất cánh)... Cuộc ném bom của không lực Hoa Kỳ bắt đầu vào tối ngày 18.12, khi tôi đang dự buổi liên hoan ca hát của các đơn vị phòng không trong sân bay Gia Lâm, gần cầu Long Biên. Suốt 12 ngày - trừ ngày lễ Noel 24.12 - từng đoàn B.52, F.111, F.4 và F.105 ném bom, bắn phá vùng Hà Nội, Gia Lâm, Phúc Yên, sân bay Nội Bài... Khu phố Khâm Thiên[2] gần nhà tôi bị bom B.52 rải thảm. Bệnh viện Bạch Mai ở ngay cửa ngõ phía Nam Hà Nội bị trúng bom khá nặng. Nhân dân Hà Nội từ đêm 18.12 đã sơ tán ra các vùng nông thôn bao quanh (Hà Đông, Sơn Tây, Bắc Ninh, Bắc Giang, Vĩnh Yên...), chỉ còn dưới một phần tư dân số ở lại. Cơ quan, nhà máy, công sở cũng sơ tán. Trong nội thành Hà Nội có sẵn nhiều hầm, hố, nhất là hàng chục vạn hầm cá nhân ở hai bên vệ đường. Mỗi cái sâu chừng một mét sáu, đường kính khoảng 70 cm, có nắp xi-măng đậy ở trên. Các đơn vị tự vệ gồm công nhân, sinh viên, viên chức có súng máy, súng trường trực chiến trong các công sự ở trên mái bằng của các tòa nhà cao tầng, chỉ đợi máy bay Mỹ đến ở tầm vừa và tầm thấp là nhắm đạn. Tinh thần chiến đấu của phần lớn nhân dân khá cao, rất ít người tỏ ra nao núng. Hà Nội không có nhiều nhà cao tầng. Điện dùng cho nhân dân thành phố chưa phải nhu cầu sinh tử. Người thành phố vẫn nấu cơm bằng củi, than, trấu, lá khô.. là chính. Để thấp sáng, họ đã có đèn dầu hỏa, nến dự trữ.

Vào hạ tuần tháng 12.1972, ngày nào cũng có máy bay Mỹ bị bắn cháy trên bầu trời Hà Nội, đặc biệt là "pháo đài bay" B.52 bị bắn rơi ngay từ đêm 18 và ngày 19.12, một số người lái B.52 bị bắt. Tôi đã đến nhà giam Hỏa Lò (còn được gọi là "Khách sạn Hilton Hanoi") trưa 19.12.1972 để hỏi chuyện tù binh Mỹ, thu thập tài liệu. Sáng sáng, người ta xếp hàng rồng rắn dài tới vài trăm mét chờ đón mua báo Nhân dân in xong lúc 5 giờ sáng, đăng tin chiến sự, thông cáo

của bộ Quốc phòng, điện khen của bộ Tổng tư lệnh, ảnh máy bay Mỹ cháy, ảnh tù binh Mỹ... Cả một đội quân nhiếp ảnh quân sự và dân sự đi săn cảnh máy bay cháy trên trời, khói dài, phi công Mỹ nhảy dù và bị nhân dân bắt làm tù binh, cảnh tên lửa SAM-2, SAM-3[3] vút lên, đuổi theo máy bay Mỹ... Báo, đài phát thanh, loa phóng thanh ra rả suốt ngày, đóng góp phần quan trọng vào việc cổ vũ tinh thần chiến đấu của quân và dân Hà Nội.

Quả thật, cũng có một số người hoảng hốt. Nhất là thời kì đầu của cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc, bắt đầu từ ngày 5.8.1964. Về sau ai cũng quen dần với còi báo động, với tiếng máy bay Mỹ ì ầm từ xa, cả tiếng bom nổ... Người yếu bóng vía, sợ sệt ở đâu cũng có. Có người nhát, mới nghe tiếng keng báo động, tiếng còi rú u...u... là đã cuống quýt, phát hoảng. Số này không nhiều.

Cho nên, dù Mỹ ném bom tiếp sang đầu tháng giêng 1973 với cường độ mạnh hơn, tổn thất phía Việt nam có cao hơn, phía Mỹ cũng có thể bị mất thêm máy bay và người lái cũng chỉ làm cho chế độ miền Bắc phát động được căm thù mạnh hơn trong nhân dân, tố cáo Mỹ nhiều hơn với thế giới... Tôi hiểu rõ những người lãnh đạo đảng cộng sản. Tổn thất về tính mạng của bộ đội và dân thường có cao đến đâu, họ cũng không hề tính toán. Họ sẵn sàng trả giá rất cao về xương máu đồng bào họ để giành cho được thắng lợi. Họ luôn động viên và cả ép buộc toàn xã hội phải hy sinh cho mục đích mà họ theo đuổi.

Xin ông cho biết thêm, trong điều hành chiến tranh, Mỹ có những sai lầm lớn gì nữa?

Theo tôi, trong một thời gian dài các ông đã có những sai lầm khi lượng định về khả năng can thiệp trực tiếp của Liên xô và nhất là của Trung Quốc vào cuộc chiến ở Việt nam. Các ông e ngại khi tiến công miền Bắc Việt nam, Trung Quốc có thể vào tham chiến như ở Triều Tiên hồi năm 1952. Do đó, phía Mỹ leo thang thận trọng, vừa đánh vừa nghe ngóng, thăm dò phản ứng của Mát-xcơ-va và đặc biệt là của Bắc Kinh.

Do vậy, hành động quân sự của Mỹ ở Việt nam đã không thực hiện đúng những nguyên lý quân sự: tới tấp, liên tục, táo bạo, bất ngờ...

Tôi có thể kể ra những vấn đề, những sự kiện đã đi vào lịch sử, nay không còn là bí mật. Từ đầu năm 1963, khi Mỹ đề lộ ý định đánh phá miền Bắc và đang đón đường dư luận, bộ Quốc phòng quân đội nhân dân Việt nam, Quân ủy Trung ương và các bộ tổng Tham mưu của Việt nam và Liên xô cũng như của Việt nam và Trung Quốc đã có những thỏa thuận bí mật về việc tăng cường chi viện cho Việt nam, vừa là một thành viên, vừa là tiền đồn của phe xã hội chủ nghĩa. Một đoàn đại biểu quân sự cấp cao Liên xô do đại tướng Batốp (Batov)[4] dẫn đầu và một đoàn đại biểu quân sự cấp cao của Trung Quốc do nguyên soái Diệp Kiếm Anh dẫn đầu đã sang Việt nam để tìm hiểu kỹ tình hình tại chỗ, nhằm triển khai thỏa thuận quan trọng ấy.

Giữa năm 1963, lại một đoàn quân sự của Trung Quốc do đại tướng La Thụy Khanh cầm đầu sang Việt nam. Lúc ấy tôi đang ở Bộ chỉ huy Quân khu 4 đóng tại Vinh, tướng Nguyễn Đôn là Tư lệnh và tướng Chu Huy Mân là Chính ủy. Tôi thuộc trong ban đón tiếp các đoàn trên, góp phần vào báo cáo tình hình mọi mặt của Quân khu, tổ chức cho các đoàn tham quan và giải trí (biểu diễn nghệ thuật, chiếu phim, thăm quê hương ông Hồ Chí Minh, thăm đền Bà Triệu, thăm vùng giới tuyến Vĩnh Linh...) Tổng tham mưu trưởng Quân giải phóng nhân dân Trung Quốc La Thụy Khanh và các tướng khác của Trung Quốc đi trong đoàn đã thỏa thuận với Bộ tổng tham mưu Quân đội nhân dân Việt nam một nguyên tắc: nếu Hoa Kỳ dùng không quân xâm phạm không phận miền Bắc, thì không quân Trung Quốc sẽ tham chiến; nếu Hoa Kỳ dùng hải quân xâm phạm hải phận miền Bắc, thì một bộ phận hạm đội Đông Hải của Trung Quốc sẽ tham chiến cùng với hải quân Việt nam và nếu Hoa Kỳ đưa bộ binh vào địa phận miền Bắc, thì lục quân Trung Quốc sẽ vào tham chiến. Địa hình Quân khu 4 (từ Thanh Hóa vào đến Vĩnh Linh) được coi là trọng yếu. Các sĩ quan cao cấp của Trung Quốc nghiên cứu tỉ mỉ khu vực này trên thực địa, từ bãi biển, sông ngòi, rừng núi đến đường xá, cầu cống, phương thức vận chuyển và đã bàn đến các phương án tác chiến có thể sẽ triển khai, cách phối hợp các đơn vị của hai

quân đội Việt nam và Trung Quốc khi chiến đấu chống lại quân đội Hoa Kỳ. Các cán bộ chỉ huy của không quân Việt nam và không quân vùng Hoa Nam của Trung Quốc (gồm các Quân khu Quảng Tây, Quảng Đông và Vân Nam) đã tìm hiểu các sân bay ở miền Bắc Việt nam và vùng Hoa Nam Trung Quốc để làm quen, rồi sẽ sử dụng chung, để có thể hợp đồng chiến đấu chặt chẽ, có thể cất cánh ở sân bay Việt nam rồi hạ cánh ở sân bay Trung Quốc hoặc ngược lại v.v... Chính tướng Đào Đình Luyện, Tư lệnh không quân Việt nam (sau này lên Tổng tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt nam) đã kể lại cho tôi nghe những điều trên đây.

Thế rồi sự kiện vịnh Bắc Bộ (Tonkin Gulf) xảy ra vào đầu tháng 8.1964. Hải quân Hoa Kỳ xâm phạm hải phận miền Bắc Việt nam và đã chạm súng với hải quân Bắc Việt nam. Trung Quốc không hề có phản ứng gì! Vì sao? Vì Mao Trạch Đông, Chu Ân Lai, Diệp Kiếm Anh không thuyết phục được các ông Hồ Chí Minh, Lê Duẩn, Trường Chinh ngả hẳn về phía Bắc Kinh và công khai lên án "bọn xét lại Khơ-rút-xốp phản bội trong khi đảng Lao động Việt nam cố giữ thế đi dây đứng giữa, nhưng vẫn phần nào nghiêng về phía Trung Hoa. Trung Quốc cho Việt nam có thái độ ba phải, không rõ ràng. Đến đầu tháng 8.1965, Mỹ mở chiến dịch "Sấm rền" ("Rolling thunder") với cái cớ trả đũa căn cứ quân sự Mỹ đóng ở Plây-ku bị tiến công, oanh tạc bằng không quân một số nơi ở Quảng Bình, Nghệ An, Quảng Yên... thuộc miền Bắc Việt nam. Trung Quốc vẫn bất động! Chẳng những thế, thủ tướng Trung quốc lúc bấy giờ là Chu Ân Lai còn tuyên bố: "Người không động đến ta, thì ta không động đến người!".

Hồi đó ở Hà Nội, giới lãnh đạo miền Bắc rất lo Mỹ biết thái độ tráo trở của Trung Quốc và coi đó là tín hiệu khuyến khích họ leo thang mạnh hơn nữa ra miền Bắc. Nhưng nỗi lo ấy có vẻ thừa! Hồi ấy giới lãnh đạo miền Bắc lo nhất là Mỹ có thể cho quân đổ bộ vào đất liền, trấn giữ một đoạn trên đường mòn Hồ Chí Minh, hoặc chiếm một khu vực thuộc vùng "cán xoong" ở khu 4, làm đảo lộn kế hoạch vận chuyển chiến lược từ miền Bắc vào miền Nam. (Con đường vận chuyển trên biển qua Xi ha-núc-vin sau này chỉ chiếm dưới 2% tổng khối lượng hàng quân sự từ miền Bắc chuyển vào miền Nam). Nỗi

lo này cũng lại thừa! Mỹ đã không hành động như giới lãnh đạo miền Bắc lo ngại. Cho đến năm 1971, quân đội Sài Gòn mới đánh vào đoạn đường vận chuyển vào miền Nam nằm trên đất Lào. Lúc đó, so sánh lực lượng hai bên đã khác hẳn. Quân Mỹ đã rút chân ra khỏi cuộc chiến, thế trận của họ ở miền Nam đã yếu đi rất nhiều.

Về phía Liên xô, thái độ rất rõ. Một mặt họ coi tình trạng Hoa Kỳ sa lầy ở Việt nam là dịp tốt để vươn mạnh lên đuổi kịp và vượt Mỹ về mọi mặt.. Mặt khác, họ luôn khuyến khích, ép Việt nam tìm con đường thương lượng với Mỹ vì sợ chiến tranh lan rộng họ bị vạ lây. Họ nói: Việt nam sức mảy mà độ được với siêu cường Hoa Kỳ! Hãy thi đua hòa bình với Mỹ và các nước tư bản rồi cuối cùng thế nào phe xã hội chủ nghĩa cũng sẽ thắng? Nếu cứ liều lĩnh lao vào cuộc chiến, thì sẽ bết tắc. Những người lãnh đạo hàng đầu của Liên xô lúc đó như Khrushchev, Mikoyan, Xuflốp, Cờ-xư-gin... đều chung một ý kiến ấy. Nguyên soái Grờ-cô còn vỗ vai tướng Giáp nói: "Thế là đủ rồi, chớ có đại lao tiếp vào lửa chiến tranh, sẽ bị tàn phá hết, đến lúc cái quần đùi cũng chẳng còn!"

Hà Nội giấu kỹ thái độ lừng khừng, tráo trở của hai "ông anh lớn", lo Mỹ biết và khai thác. Để nghi binh, Hà Nội luôn nói to: cả phe xã hội chủ nghĩa, nhất là Liên xô và Trung Quốc, trước sau đều ủng hộ mạnh mẽ, có hiệu quả sự nghiệp chống Mỹ của nhân dân Việt nam cho đến thắng lợi hoàn toàn. Phía Mỹ đã nhầm khi đánh giá quá cao "tinh thần quốc tế vô sản" của Mát-xcơ-va và Bắc Kinh đối với Hà Nội trong vấn đề chiến tranh ở Việt nam?

Trong chiến tranh, các ông hiểu tình hình chính trị của nước Mỹ bằng cách nào?

Chủ yếu qua báo chí, đài phát thanh và sách xuất bản ở Hoa Kỳ. Chúng tôi có các cơ quan ngoại giao và đại diện của Việt-nam thông tấn xã ở Paris, Niu Đê-li, La Ha-van... Các báo thế giới (Le Monde), Nhân đạo (Humanité), Thời đại (Times), Tuần tin tức (Newsweek), Bưu điện Oa-sinh-tơn (Washington Post) được gửi rất đều về Hà Nội. Việt nam thông tấn xã có một nhóm chuyên khai thác, dịch nguyên văn hoặc trích dịch các bài báo chính, in trong Bản tin đặc

biệt hàng ngày và chỉ dành cho một số ít cán bộ từ cấp thứ trưởng, viện trưởng trở lên đọc. Tôi cũng tham gia việc dịch này. Cuốn sách "Những người tài giỏi nhất và xuất sắc nhất" (The Best and the Brightest) của Đa-vít Hem-bơ-xtem (David Hamberstam), cuốn "Tết" của Đông Ô-bên-đâu-phơ (Don Obendofer) tôi nhận được rất sớm và lược dịch ngay cho các vị lãnh đạo đọc. Về sau có trích in trên Tạp chí Cộng sản, báo Quân đội nhân dân. Những hồi ký của Giôn-xơn (L. Johnson), của Ních-xơn (R. Nixon), của Kít-xinh-giơ (H. Kissinger)... cuốn "Tổn thất đầu tiên" (The first casualty) của Thao-xen Húp (Towsend Hoopes) cũng rất bổ ích để hiểu chính giới Mỹ. Những sự tìm hiểu như vậy cũng có những sai lệch! Một số vị lãnh đạo miền Bắc ít học, chưa hề ra nước ngoài, chỉ quen đọc sách báo đã được lựa chọn cho có lợi, một chiều, có khuynh hướng cho rằng: các nghị sĩ Mỹ phần lớn đều như Morse, Gruning, Fulbright, Mansfield..., các nghệ Mỹ đều như Jane Fonda, Joan Baez..., các vận động viên đều như Mohamed Ali..., các trí thức phương Tây và Mỹ đều như Bertrand Russell, Gabriel Kolko, Ramsey Clark, giám mục Thomas Grimbleton... các nhà báo đều như Walter Cronkite, Don Luce, Tom Hayden, John Hittinger... còn các sĩ quan Mỹ đều tàn ác như trung úy Calley[5] ở Mỹ Lai cả!

Cũng từ cách nhìn như thế, khi nói đến xã hội phương Tây và Mỹ là họ nghĩ ngay rằng, tại đó công nhân suốt ngày đình công, bãi công, sống trong các khu ổ chuột, còn lính Mỹ ở miền Nam luôn phản chiến, lính da đen chuyên ném lựu đạn giết sĩ quan da trắng... Các bức ảnh cựu binh và lính Mỹ đốt cờ Mỹ, vứt huân chương, cầm cờ Mặt trận dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam trên tượng nữ thần Tự do ở New York, ôm đầu khóc lóc ở dưới hầm ở Khe Sanh... và các phi công Mỹ tiều tụy, cúi đầu bị giải đi trên đường phố Hà Nội... được phóng to, in đi in lại trên báo chí, bích chương để gây ấn tượng. Những hình ảnh đó, tuy phản ánh thiên lệch về nước Mỹ, nhưng đã góp phần nuôi dưỡng ý chí chiến đấu và niềm tin thắng lợi của chúng tôi trong chiến tranh..

Cách ra quyết định về quân sự của Quân đội Nhân dân như thế nào?

Trong thời gian chiến tranh, Đại hội đảng và Hội nghị Trung ương đảng rất ít họp. Các hoạt động quân sự được tiến hành theo từng năm và từng mùa (Thu - Đông và Xuân-Hè) và đều dựa vào nghị quyết của Bộ Chính trị, sau đó là nghị quyết của Quân ủy Trung ương. Bộ Chính trị thường có 11 hoặc 13 người, Quân ủy Trung ương có 7 hoặc 9 người. Tất cả đều theo nguyên tắc: đảng cộng sản lãnh đạo toàn diện, thường xuyên và tuyệt đối quân đội. Các cuộc họp Bộ chính trị đều được chuẩn bị trước chừng hai tháng. Cục tác chiến Bộ tổng tham mưu phải báo cáo cho các ủy viên Bộ Chính trị cụ thể tình hình các chiến trường và đề ra chủ trương quân sự cho sáu tháng tới. Khi họp Bộ Chính trị, cục trưởng Cục tác chiến thường được dự để làm thư ký, ghi biên bản cuộc họp.

Sau đó là các hội nghị đảng ủy các Quân khu, Quân đoàn, Quân chủng. Tiếp theo là hội nghị đảng ủy các sư đoàn họp để nghiên cứu nghị quyết Bộ Chính trị và ra nghị quyết của đảng ủy mình để thực hiện. Tiếp đến là hội nghị đảng ủy cấp trung đoàn, tiểu đoàn và cuối cùng là hội nghị chi bộ (thường ở cấp đại đội) ra nghị quyết và kế hoạch hành động cho đơn vị mình.

Dựa vào các nghị quyết đảng ủy, các tư lệnh, chính ủy, tham mưu trưởng, chủ nhiệm chính trị, chủ nhiệm hậu cần... ở các đơn vị đề ra các kế hoạch hành động cụ thể về các mặt huấn luyện, chuẩn bị chiến trường hành quân, đảm bảo kỹ thuật, phương án tác chiến... cho đơn vị mình. Thường thường, bí thư đảng ủy là chính ủy, tư lệnh là phó bí thư đảng ủy, nhưng cũng có khi tư lệnh kiêm bí thư đảng ủy, chính ủy là phó bí thư. Khi tư lệnh và chính ủy có ý kiến khác nhau, nếu là vấn đề quân sự, thì phải theo ý kiến của tư lệnh, đồng thời báo cáo lên trên.

Về mặt quân sự, các tỉnh ủy các tỉnh trong một Quân khu đều phải chấp hành nghị quyết của Bộ Chính trị và của Quân khu ủy về những vấn đề quân sự trong tỉnh mình như: tuyển quân, huy động dân công phục vụ chiến trường, huy động vật lực: gạo, thực phẩm và phương tiện giao thông cho quân đội đóng quân hoặc chiến đấu trong địa bàn của tỉnh. Tất cả các nghị quyết về các vấn đề quân sự của Bộ Chính trị, của đảng ủy các cấp trong quân đội, đều được xếp

vào loại "tuyệt mật", được ghi chép trong sổ bảo mật, không được mang theo khi đi chiến đấu.

Các nghị quyết của Bộ Chính trị và đảng ủy các cấp thường có nội dung gì?

Trong chiến tranh, các nghị quyết của Bộ Chính trị về chỉ đạo chiến tranh và các nghị quyết đảng ủy trong quân đội thường có các nội dung như sau:

- Tình hình chung: những nét lớn của thời cuộc thế giới, tình hình đối phương (chủ trương, chiến lược, dự tính của chính quyền Mỹ, tình hình hậu phương Mỹ, tình hình quân sự ở miền Nam, hoạt động của đối phương, dự kiến kế hoạch sắp đến của đối phương... )

- Quyết tâm của Hà Nội: ở miền Bắc, ở miền Nam, phối hợp quân sự và ngoại giao, đánh và đàm, nhiệm vụ quân sự trong thời gian tới. Mục tiêu cần đạt Chỉ tiêu về mở rộng vùng giải phóng, giành dân, diệt địch, phá phương tiện chiến tranh, lực lượng huy động, phối hợp giữa chủ lực, quân địa phương, quân du kích, hướng tiến công, phương châm chiến đấu.

- Những chỉ dẫn cho các ngành, các đơn vị. Công tác tham mưu, chính trị, hậu cần. Phân công cho các quân đoàn, sư đoàn, binh chủng... Hệ thống chỉ huy, phương án thông tin liên lạc. Dự kiến xử trí các trường hợp đặc biệt. Quy định thời gian: công tác chuẩn bị, chiến đấu, tổng kết, công tác bảo mật, nghỉ binh...

- Kèm theo một số biểu đồ, thống kê, bản đồ chiến dịch, sơ đồ các trận chiến đấu chính...

Theo ông, đâu là nét đặc sắc nhất của Quân đội Nhân dân Việt nam trong khi chiến đấu với Mỹ?

Có nhiều nét đặc sắc: sức bền bỉ chịu đựng gian khổ vượt qua rất nhiều khó khăn, khả năng thích ứng với mọi hoàn cảnh, khôn ngoan, nhiều mưu mẹo. Theo tôi, nét đặc sắc nhất là thực hiện chiến thuật



du kích với vũ khí hiện đại. Nói đến du kích, người ta thường nói đến vũ khí thô sơ: gậy, dao, kiếm, lựu đạn, chông, mìn, súng trường... Các đơn vị chúng tôi ở miền Nam luôn được cải tiến trang bị, khi chiến đấu với quân đội Mỹ đã có súng AK-47, trung kiên RPD, đại liên, súng chống tăng B-40, cối 60 mm và 82 mm, súng DKZ-75 mm, hỏa lực hơn hẳn thời chống Pháp. Về sau có cả pháo lớn, xe tăng, xe bọc thép... Các đơn vị tiểu đoàn, trung đoàn, sư đoàn biên chế thống nhất, chính quy, vũ khí hiện đại, nhưng đóng quân, hành quân lại theo kiểu du kích, phân tán, không có doanh trại cố định, phân tán trong rừng, nằm võng.

Chiến đấu theo kế hoạch rất tỉ mỉ kiểu chính quy, hợp đồng giữa các đơn vị chặt chẽ nhưng vẫn theo tư tưởng "du kích chiến", lúc ẩn lúc hiện, tránh đối phương, chỉ chấp nhận độ sức khi chắc thắng, đánh gần, đánh nhanh, táo bạo, bất ngờ, kết thúc thật lẹ để phân tán "nhập vào thiên nhiên". Cách đánh như thế mang bản chất Việt nam. Các trường quân sự Liên xô không dạy, các trường quân sự Trung Quốc cũng không? Liên xô chỉ dạy chiến đấu chính quy, theo trận địa, hợp đồng binh chủng quân chủng hải, lục, không quân, độ sức bằng hỏa lực, xe tăng, tên lửa đủ loại... Còn các chuyên gia quân sự Trung Quốc thì luôn khuyên chúng tôi là ở miền Nam Việt nam chỉ nên đánh kiểu du kích thôi, chỉ dùng đơn vị cỡ đại đội là cao nhất. Đánh bằng đơn vị lớn hơn sẽ bị hỏa lực Mỹ (pháo binh, máy bay ném bom, trực thăng...) nghiền nát! Họ gọi kiểu đánh ấy là "du kích chiến" nhằm trường kỳ mai phục, có thời cơ chính trị thì nổi dậy khởi nghĩa bằng sức của đông đảo của quần chúng?

ở miền Bắc, khi chống cuộc chiến tranh bằng không quân của Mỹ, nét đặc sắc trong chiến đấu của Quân đội nhân dân là gì?

Chúng tôi vừa chiến đấu, vừa phòng tránh. Phân tán, sơ tán, di chuyển về nông thôn, vùng rừng núi. Các thành phố, thị trấn trở nên vắng vẻ. Phần lớn người ở thành phố đều có gốc gác, bà con họ hàng ở nông thôn. Nhà máy, trường học cũng di chuyển về nông thôn.

Còn chiến đấu thì phối hợp cả súng trường, súng máy, súng cao xạ

với tên lửa, máy bay, phối hợp các tầng hỏa lực thấp, vừa và cao. Riêng tôi, tôi cho nét đặc sắc nhất của miền Bắc trong cuộc chiến đấu chống máy bay Mỹ là máy bay MIG-21 của không quân miền Bắc đã nghênh chiến và bắn hạ những chiếc Thần sấm F-105 (Thunderchief), Con ma F-4 (Fantom) và cả Siêu pháo đài bay B-52 của Mỹ. Tôi đã ở trong hầm chỉ huy của các sư đoàn không quân tại các sân bay Gia Lâm, Nội Bài, Hòa Lạc gần Hà Nội, để theo dõi hơn mười cuộc chiến đấu của MIG-21. Thường chỉ có hai MIG hoặc bốn MIG tham chiến trong một trận đánh. Phía Mỹ là trên dưới mười máy bay, vòng trong, vòng ngoài, trên tầng cao, ở tầng trung, có khi vài chục chiếc. Kiểu chiến đấu của không quân miền Bắc vẫn là kiểu dùng vũ khí kĩ thuật hiện đại trong cách đánh mang tính chất du kích.

Ra-đa theo dõi máy bay Mỹ từ khi những máy bay đó bay vào bầu trời Việt nam. Các nữ chiến sĩ tiêu đề theo thông báo của ra-đa, vẽ đường bay của các máy bay Mỹ bằng bút chì xanh trên bản đồ lớn bằng mi-ca. Người chỉ huy trận đánh (thường là sư trưởng hoặc tham mưu trưởng sư đoàn không quân) theo dõi chặt đường bay của máy bay Mỹ. Khi thuận lợi, ông ra lệnh cho MIG xuất kích. Các nữ chiến sĩ tiêu đề theo thông báo của ra-đa vẽ đường bay của MIG bằng màu đỏ. MIG bay theo lệnh của người chỉ huy từ mặt đất, dẫn theo tốc độ và góc bay để tiếp cận phía sau máy bay Mỹ nào đó đã được chọn để công kích cho đến khi người lái MIG báo về: đã thấy mục tiêu. Khi đến gần mục tiêu, lệnh phóng tên lửa tìm nhiệt được phát đi (thường là trong khoảng cách từ hai trăm đến ba trăm mét, có khi gần hơn), máy bay tiến công (được gọi qua điện đài liên lạc là số 1) phóng một hoặc liên tiếp hai tên lửa về phía mục tiêu. Máy bay mang số 2 có nhiệm vụ yểm trợ cho số 1, khi thuận lợi cũng tham gia tiến công vào máy bay Mỹ, có khi cùng một mục tiêu với số 1, có khi một mục tiêu khác ở gần đấy. Ngay sau khi phóng tên lửa, MIG lập tức đâm bổ đầu xuống gần mặt đất rồi lao về hạ ở sân bay gần nhất, chui vào các công sự, có khi là hang lớn khoét trong sườn núi.

Các trận đánh diễn ra chớp nhoáng, từ khi xuất kích đến khi hạ cánh chỉ chừng sáu, bảy phút, có khi ngắn hơn. Trận đánh thật sự khi giáp trận chỉ mười giây đồng hồ. Tôi đã một số lần nghe rõ người lái

MIG-21 kêu lên trong ống nói truyền về sở chỉ huy: Trúng rồi!", "Cháy rồi?", "Báo cáo mục tiêu đã trúng!" và "Tôi thấy một tên đã nhảy dù "Báo cáo hai dù đã mở!". Có người lái là Nguyễn Văn Năm sau khi bắn rơi một F-105 đã la lên liên tiếp hàng chục lần: "Cháy rồi? Rơi rồi! Alô, Alô, cháy rồi, cháy rồi! Rõ quá! Rõ quá? ".

Tháng 12.1972, đại úy Phạm Tuân hạ một B-52 trong đêm tối cũng theo cách đánh như thế: bất ngờ xuất kích, bay lên cao khi ngang tầm B-52, phóng tên lửa vào chiếc đi cuối cùng rồi lao xuống thấp hạ xuống sân bay Kép. Trận xuất kích kéo dài không đến tám phút.

Cách đánh của tên lửa ra sao?

Mắc Na-ma-ra, nguyên bộ trưởng bộ Quốc phòng Mỹ trong thời kì chiến tranh Việt nam, tác giả của "hàng rào điện tử Mắc Na-ma-ra" nổi tiếng.

Có thể nói tỉ lệ máy bay Mỹ bị tên lửa ở miền Bắc hạ là cao nhất, chừng 60%. Đó là tên lửa SAM-2 và nhất là SAM-3 do Liên xô chế tạo. Chúng tôi đã sơn phủ màu xanh và nâu loang lổ trên màu bạc vốn có để ngụy trang. Tên lửa thường được đặt trong ụ công sự, bố trí trên trận địa theo hình tam giác, cách nhau hai, ba kilômét, mỗi trận địa có một xe chỉ huy nối liền với ra-đa. Cái khó nhất của đơn vị tên lửa là máy bay Mỹ thả rất nhiều bó kim loại trải dài và rộng trên trời, làm thành những mục tiêu giả lấp lánh trên màn ra-đa. Rất khó phân biệt chấm nào là của máy bay, chấm nào là của các giải nhiễu. Các chiến sĩ ra-đa, đặc biệt là chiến sĩ tìm mục tiêu trên màn huỳnh quang phải rất nhạy cảm, tích lũy kinh nghiệm lâu ngày, tinh nhạy để "tóm" được mục tiêu thật giữa những chấm hỗn loạn ấy. Họ luyện tập rất kỹ công đôi mắt phân biệt thật-giả mà mắt thường khó làm được. Lại phải hiểu quy luật của đường bay của đối phương, đội hình bay của những F-105, F-4, B-52... độ giãn cách, tốc độ... để sớm nhận ra và bám chặt mục tiêu. Cũng phải hiểu đường bay của máy bay Mỹ là thường phóng đến các điểm chuẩn để đi vào hoặc đi ra vùng châu thổ sông Hồng, vào cửa ngõ thủ đô Hà Nội, chẳng hạn như bay đến điểm chuẩn là đỉnh núi Tam đảo, Ba Vì, hoặc ngã ba sông Lô và sông Thao, cửa sông Hồng... theo lời khai của phi công Mỹ bị bắt. Các chiến sĩ ra-đa trở quen nhận ra mục tiêu, có nhiều

kinh nghiệm là rất hiếm, rất quý, được coi là "mì chính" của đơn vị, được cho ăn gan lợn, dầu cá (để làm cho mắt tinh), được uống hạt "khải tử" (thuốc Bắc) cũng để sáng mắt.

Khi mục tiêu đã nhận ra rồi thì thời cơ bấm nút phóng tên lửa là quan trọng nhất. Thường hai tên lửa được phóng liên tiếp, nối đuôi nhau bay về hướng mục tiêu. Góc độ tiếp cận máy bay hẹp thì tên lửa sẽ lao theo luồng nhiệt của máy bay phun ra phía sau để tới gần mục tiêu và nổ.

Tên lửa cũng tác chiến theo cách đánh "du kích", tránh trận địa cố định, luôn di động, kết hợp tên lửa thật và trận địa tên lửa giả, tên lửa nghi binh, mang tên lửa đi phục kích, đón lõng máy bay Mỹ ở nơi nào đó theo phán đoán của chỉ huy.

Ông còn nhớ vụ Mỹ định giải thoát tù binh Mỹ ở Sơn Tây như thế nào không?

Tôi nhớ vụ đó xảy ra vào quãng tháng 11 năm 1972. Lúc bấy giờ có một trại giam phi công Mỹ ở miền Bắc đặt tại Sơn Tây. Để thu thập tài liệu cho cuốn sách đang viết là cuốn "Người hùng Mỹ chống mặt", tôi đã phỏng vấn gần hai trăm tù binh Mỹ, hầu hết là những phi công lái máy bay.

Trước đó hai tháng, vào tháng 9.1972, tôi lên trại giam ở Sơn Tây và đã ở trại đó hai ngày. Trong trại có khoảng hơn sáu chục phi công Mỹ và tôi còn nhớ có hai người da màu, trong đó còn có một người Mỹ gốc Nhật Bản. Trận giải cứu tù binh Mỹ không thành, khi trong ba máy bay trực thăng của toán giải cứu đổ bộ xuống, có một chiếc hạ xuống sân trại giam bị vướng vào một cây bàng, nên không cất cánh lên được, đành phải bỏ lại. Ngày hôm sau tôi đã lên trại, tận mắt chứng kiến nơi bị biệt kích Mỹ tập kích. Lý do thất bại của phía Mỹ rất đơn giản là số tù binh ở trại đã được chuyển đi trước đó hơn hai tuần. Sự di chuyển này hoàn toàn nằm trong kế hoạch đã định sẵn, không phải do ý định giải cứu của Mỹ bị lộ. Qua tìm hiểu từ các tài liệu của Mỹ, tôi được biết tình báo trên mặt đất của họ rất yếu. Phía Mỹ chỉ dựa vào ảnh chụp được qua máy bay do thám của họ để

phân tích, phán đoán ở vùng đó có một trại giam và có người Mỹ ở đó và họ đã quyết định giải cứu. Kế hoạch giải cứu được tổ chức, chuẩn bị rất công phu. Họ đáp sa bàn qua bản đồ khu vực Sơn Tây có trại giam, lập mô hình giống hệt với thực địa, nơi đổ quân giải cứu, gồm có lô cốt, nhà cửa, trại giam. Các đơn vị biệt kích của Mỹ đã được huấn luyện đặc biệt trên một hòn đảo bí mật. Vào lúc nửa đêm, máy bay lên thẳng của Mỹ chở quân biệt kích đi giải cứu xuất phát từ Thái Lan và bay khá cao rồi hạ xuống khu vực đổ bộ. Toán giải cứu hoạt động trong khu vực trại giam khoảng 40 phút. Do không có tình báo mặt đất nắm sát tình hình, nên trong thời gian chuẩn bị tập kích số tù binh đã được chuyển đi mà phía Mỹ vẫn không hay biết. Cuộc giải cứu không thành công, phải bỏ lại một máy bay lên thẳng và bắt mang theo ba, bốn bộ đội địa phương để khai thác tài liệu.

Qua sự kiện nói trên, chứng tỏ người Mỹ không tổ chức được mạng lưới tình báo mặt đất có hiệu quả trong thời kì chiến tranh phá hoại bằng không quân ở miền Bắc, để cung cấp những tin tức xác thực, giúp cho những hành động quân sự của Mỹ đạt kết quả như họ mong muốn. Kế hoạch tổ chức tập kích giải cứu tù binh Mỹ ở Sơn Tây là một bài học thấm thía đối với Mỹ.

Cuộc chiến của Mỹ ở Việt nam là bất khả thắng (unwinnable). Một số người nhận định như thế. Ngay cả ông Mác Na-ma-ra[6] và học giả Sten-ây Kanốp cũng vậy. Còn ông?

Có điểm tôi đồng ý và cũng có điểm tôi không đồng ý!

Cuộc chiến tranh ở Việt nam đối với Mỹ không thể giành được chiến thắng, vì trước hết là về mặt chính trị. Chính quyền ở miền Nam do Pháp dựng lên trong một cuộc chiến tranh chiếm lại thuộc địa: nhân dân cả hai miền Bắc và Nam lúc đầu đều tham gia cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Bảo Đại rồi Ngô Đình Diệm đều là vua, quan thời thuộc địa. Mỹ đã thế chân Pháp sau khi nhận gánh phần chính chi phí của cuộc chiến tranh của Pháp. Do đó chính quyền Ngô Đình Diệm rất khó có danh nghĩa "yêu nước", "cách mạng", "dân tộc" đối với cả nhân dân ở hai miền Nam, Bắc. Chỗ yếu rất cơ bản và không

thể khắc phục được này của chính quyền Diệm và của cả Mỹ đã được chính quyền cộng sản ở miền Bắc ra sức khai thác và đã khai thác có hiệu quả, trong khi chính họ cố che giấu bản chất độc đoán và phụ thuộc vào quốc tế cộng sản của họ. Họ giương cao được ngọn cờ "yêu nước", "cách mạng", "dân tộc", chính nghĩa.

Tính chất gia đình trị, quan liêu, phong kiến của chính quyền Ngô Đình Diệm và các cuộc đảo chính của các tướng của quân đội miền Nam (đều do thực dân Pháp đào tạo và đưa lên) chỉ làm cho chỗ yếu ấy càng yếu hơn mà thôi. Cũng cần hiểu rõ một điều trong điều kiện lịch sử hồi đó ở miền Nam Việt nam, không có một tổ chức chính trị, đảng phái nào có đủ thế lực và uy tín để Mỹ có thể dựa vào. Việt nam quốc dân đảng, Đại Việt, Duy Dân... vốn đã yếu lại đã bị đảng cộng sản thanh trừng, các đảng phái như Cao Đài, Hòa Hảo cũng chỉ có thế lực ở một số địa phương...

Như vậy, ông không đồng ý với nhận định Mỹ không thể thắng ở điểm nào?

Tôi cho rằng, Mỹ không thể giành chiến thắng.

Nhưng như thế không có nghĩa rằng Mỹ đã thua sạch trơn như vừa qua là điều tất yếu? Mỹ có thể tránh được thất bại hoàn toàn, nặng nề như đã thua hồi 1973 và 1975.

Việc Mỹ thất bại trắng tay, không còn gì tại chỗ và chế độ miền Nam phải đầu hàng vô điều kiện không phải là định mệnh? Theo tôi, Mỹ không thể thắng, nhưng cũng có thể không thất bại như đã thấy. Các ông đã để lỡ mất nhiều thời cơ có thể thắng điểm trong một số keo vật - như các đô vật thường nói - và có thể duy trì một thế cò cưa, dây dưa, bất phân thắng bại, từ đó dẫn đến một cuộc thương lượng để đạt được một thỏa hiệp, nhân nhượng nhau (compromis). Bây giờ chiến tranh đã đi hẳn vào dĩ vãng hơn hai mươi năm, một trang sử mới đã lật qua, hai nước đã bình thường hóa và có thể kết bạn. Với tình bạn, tôi có thể nói điều mà khi còn chiến tranh không thể nói ra giữa hai đối thủ

Theo ông, bằng cách nào Mỹ có thể tránh được những thất bại như của họ ở Việt nam cách đây 20 năm.

Trước hết, với tình bạn, tôi có thể nói thật về cảm tưởng của tôi và một số người chỉ huy cấp cao Quân đội Nhân dân Việt nam về cung cách chỉ huy của phía Mỹ. Các bạn đánh trận theo kiểu nhà giàu. Do đó, các bạn quen phác ra kế hoạch quân sự với hàng chục đến hàng trăm ngàn quân lính, hàng vạn, chục vạn tấn bom, hàng chục vạn quả đại bác, tốn kém hàng trăm triệu, hàng tỷ đô-la, và từ đó tin rằng nắm chắc phần thắng.

Chúng tôi là con nhà nghèo, phải dè xẻn lực lượng, tính toán chi li từng khẩu súng, từng viên đạn, từng cân lương thực... Do đó, chúng tôi luôn nghĩ cách làm sao để có thể đạt hiệu quả cao nhất với ít tổn thất nhất, dùng ít lực lượng nhất, sử dụng ít súng đạn nhất. Chúng tôi phải nghĩ ra cách đánh đặc công, công kích bằng những cách đánh đặc biệt, đánh hiểm. Đánh trúng huyết, trúng điểm trọng yếu hoặc yếu nhất của đối phương là cách đánh hiểm, không cần nhiều sức mạnh, vũ khí ghê gớm. Chỉ cần điểm đúng huyết là đối thủ có thể bị tê, liệt, cứng đờ, không còn khả năng phản ứng và lẩn kèn, bất tỉnh. Nói theo cách nói có hình ảnh, chúng tôi buộc đối phương cùng đánh chén, nhưng giấu kỹ dao, nĩa, muỗng, chỉ dùng toàn đũa để tận dụng thế mạnh riêng của mình.

Liệu người Mỹ chúng tôi có thể đánh hiểm không?

Có chứ! Tôi đã đi qua đường mòn Hồ Chí Minh một số lần, từ khi nó mới chỉ là đường mòn, với các đoàn vận tải vác vai, mang gùi sau lưng. Đi qua đường số 9 phải trải bao tải để bước lên, không để lại một dấu vết nào. Về sau thành con đường có thể dùng xe đạp thồ và đẩy bằng tay. Mỗi đơn vị thồ có từ 50 đến 200 xe đạp, cứ sáng thồ đi, chiều đạp xe trở về trạm. Sau năm 1965, con đường đó trở thành đường vận tải cơ giới với nhiều nhánh chằng chịt ngang dọc, với một lực lượng quân đội có quân số bằng hai quân đoàn, có đủ loại binh chủng: vận tải ô tô, xưởng sửa chữa xe, trạm cấp xăng dầu, kho gạo, kho thuốc, kho vũ khí, công binh sửa chữa cầu đường, cả những đơn vị thanh niên xung phong nam nữ đồng đảo,

rồi pháo binh, cao xạ, quân y với các trạm xá, bệnh viện dã chiến; các đơn vị thông tin, ra-đa, các đơn vị phá mìn, bảo vệ đường vận chuyển...

Tôi nhiều lần gặp tướng Đồng Sỹ Nguyên, tư lệnh đơn vị 559 (thành lập từ tháng 5.1959) là đơn vị chuyên lo việc vận chuyển và bảo vệ đường mòn Hồ Chí Minh. Năm 1972 ông là đại tá, tư lệnh 559. Hai năm sau, ngày 22.12.1974 (nhân kỷ niệm 30 năm ngày thành lập Quân đội Nhân dân) ông được thăng vượt cấp lên trung tướng. Sau này ông vào Bộ Chính trị, giữ chức phó thủ tướng từ năm 1964 đến 1968. Ông Nguyên rất lo quân Mỹ có thể đánh vào đường Hồ Chí Minh. Ông nói với tôi: "Nó đánh bằng bom, không ngại gì, bằng B-52 cũng không đáng lo! Lo nhất là nó dùng bộ binh hoặc quân đổ bộ đường không bằng dù, bằng trực thăng chiếm hẳn một đoạn. Cả mạng lưới tổ chức rất phức tạp sẽ bị đảo lộn. Vận chuyển chắc chắn sẽ bị đình trệ, vì đây là đường độc đạo!"

Các bạn tôi, các đại tá và thiếu tướng ở Bộ tổng tham mưu cũng lo lắng nói với tôi hồi năm 1965, 1966: "Nó mà dùng hai hoặc ba sư đoàn Mỹ và Sài Gòn đánh chiếm một đoạn đường Hồ Chí Minh thì gay, gay lắm! Các cụ (nghĩa là những người lãnh đạo cao nhất) lo nhất ở điểm này!"

Đường Hồ Chí Minh đi qua phần lớn vùng rừng núi không có dân hoặc rất thưa dân, có đoạn nằm trên lãnh thổ Việt nam, có đoạn ở đất Lào, đất Căm-pu-chia, nhưng không có cột mốc đánh dấu. Đến tận năm 1970, có cuộc hành quân Lam Sơn 719 vùng Sê-pôn (Tchépôn), sát miền Bắc, thì tình thế quân sự đã khác hẳn. Mỹ đã rút nhiều quân ra khỏi miền Nam, quân đội miền Bắc đã lớn mạnh hẳn lên.

Vậy mà trong suốt một thời gian dài, từ năm 1964 đến năm 1969, bộ binh Mỹ và quân đội Sài Gòn vẫn không hề dùng bộ binh đánh vào đường vận chuyển chiến lược. Họ chỉ ném bom, thả chất hóa học, tung thám báo tới khu vực đó để thăm dò. Theo tôi, đánh hiểm là đánh vào đường vận chuyển chiến lược, cái cuống nhau (ombilical) nuôi dưỡng cuộc chiến đấu của toàn dân miền Nam. Hồi năm 1965,



mỗi ngày cứ đưa được 50 tấn vũ khí đạn dược qua đường mòn Hồ Chí Minh vào miền Nam là đạt yêu cầu. Nếu đưa được 100 tấn hay nhiều hơn là vượt mức, dưới 50 tấn là đáng lo. Đánh vào đường mòn đó là đánh vào dạ dày và là đánh đường độc đạo duy nhất từ Bắc vào Nam. Chỉ chiếm một đoạn thôi, một quãng từ 50 đến 80 cây số, không cần phải chiếm cả đoạn đường dài 800 cây số, cũng đủ làm đảo lộn việc vận chuyển hàng mấy tháng? Không cần dùng quân đông như trong chiến dịch Gian-xơn Xi-ti hay trong chiến dịch Xê-đa Phô tới ba, bốn chục ngàn quân Mỹ. Chỉ cần một phần mười số quân ấy là đủ. Đánh vào đường mòn là đánh hiểm, vì quân của đối phương tập trung xung quanh khu vực đường mòn khá đông, nhưng phần lớn lại là các đơn vị quân hậu cần, giữ kho, sửa đường, vận tải, không phải là những đơn vị quen chiến đấu.

Có điều thật khó hiểu là, tại sao quân Mỹ đã đánh vào Cầm-pu chia bằng bộ binh Mỹ tháng 5.1970, mà họ lại không đánh vào một đoạn nào đó của đường vận chuyển chiến lược Bắc-Nam nói trên!

Đánh vào đường mòn Hồ Chí Minh còn gọi là đánh hiểm, vì ở đó hầu như không có dân chặc chấn dư luận thế giới và dư luận Mỹ sẽ không phản ứng gay gắt như đánh sang Cầm-pu chia hay đánh vào vùng đồng bằng sông Hồng, Hà Nội, Hải Phòng... mà hiệu quả quân sự sẽ lớn, sâu rộng về cả thời gian lẫn không gian.

Ngoài ra, phía Mỹ còn có thể đánh hiểm như thế nào nữa?

Có chứ!

Hồi năm 1962 và đầu năm 1963, khi tôi đang ở Vinh, Quân khu 4 giao cho chúng tôi tuyển lựa, huấn luyện quân sự và chính trị những cán bộ quân sự chuẩn bị được đưa vào miền Nam. Lúc ấy, chúng tôi chỉ tuyển chọn từng người một, chủ yếu là từ các đơn vị người miền Nam tập kết ra miền Bắc sau hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954 và đưa họ trở lại miền Nam với số lượng thấp, mỗi đợt độ vài chục người. Chúng tôi đưa họ vào ít vì lo rằng nếu đưa đơn vị lớn vào, Sài Gòn sẽ trả đũa và dùng đơn vị lớn đánh ra miền Bắc. Sau khi các đơn vị lớn của Mỹ đổ vào miền Nam, Quân khu 4 được lệnh chuẩn bị, đề

phòng quân Mỹ đổ bộ lên miền Bắc, mà trước tiên là khu vực thuộc Quân khu ở phía nam sông Gianh. Tất cả các huyện trong khu vực ấy đều được chuẩn bị. Tự vệ, dân quân đều diễn tập chống quân đổ bộ bằng đường biển và đường không. Các bãi trống đều được cắm chông tre và chông sắt để chống quân nhảy dù, các bờ biển cũng được cắm chông. Hàng năm, Quân khu 4 thường tổ chức diễn tập vào mùa thu. Cứ năm này diễn tập thực binh (có quân của ba sư đoàn và lữ đoàn đóng ở vùng giới tuyến, các trung đoàn bộ đội địa phương của các tỉnh, các tiểu đoàn của các huyện và dân quân các xã tham gia), thì năm sau lại tổ chức diễn tập sở chỉ huy (không có thực binh), dành riêng cho các cơ quan chỉ huy. Bao giờ đề tài diễn tập cũng là chống quân đổ bộ và quân nhảy dù từ miền Nam, từ năm 1963 có thêm đề tài chống quân Mỹ cùng với quân đội Sài Gòn đổ bộ ở phía nam sông Gianh và nhảy dù chiếm các vùng sát giới tuyến như Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình...

Các viên tướng ở Bộ tổng tham mưu từ Hà Nội vào kiểm tra cuộc diễn tập lớn đều cho rằng tình huống đề ra rất sát với thực tế, vì khi miền Bắc đã đưa từng trung đoàn và từ năm 1964 từng sư đoàn vào miền Nam, thì quân Sài Gòn và sau đó quân Mỹ có thể "đáp lại" cũng ở cỡ tương đương. Họ sẽ cho từng sư đoàn đổ bộ hay nhảy dù xuống Quân khu 4, đặc biệt là vùng cán xoong[7] hẹp, bị kẹp giữa một bên là biển, một bên là núi. Hạm đội 7 của Mỹ đang chực sẵn ngoài khơi biển Đông sẽ tham chiến.

Sau này, vào năm 1977, khi tôi đi trong đoàn quân sự do đại tướng Võ Nguyên Giáp[8] dẫn đầu sang Liên xô, Ba Lan, Đông Đức, Hungari, Trung Quốc... tôi có dịp hỏi tướng Giáp về thời kỳ chiến tranh Việt-Mỹ. Trong đoàn còn có thượng tướng Lê Trọng Tấn, Tổng tham mưu trưởng. Tướng Giáp nhắc lại: hồi năm 1964, 1965, ông rất lo là quân Mỹ và quân miền Nam đổ bộ và nhảy dù chiếm một vùng nhỏ ở Quân khu 4. Rất lo vì lúc ấy Liên xô chưa chắc đã có hành động gì, vì ở quá xa. Còn Trung Quốc thì đã nói rõ là họ bất động! Họ bị cuộc chiến tranh Triều Tiên năm 1951-1953 làm nản chí, e ngại. "Chống Mỹ viện Triều" đã quá tốn kém, nay lại "chống Mỹ viện Việt" thì không còn sức nữa? Ông Giáp lo vì Mỹ rất dễ hành động như vậy, không cần nhiều quân, chỉ một, hai sư đoàn với một

phần hạm đội 7 và không quân ở miền Nam, ở Thái Lan là thừa sức làm việc ấy. Họ sẽ làm cho miền Bắc khó duy trì được sự chi viện miền Nam, mà phải lo dành lực lượng để bảo vệ miền Bắc, căn cứ hậu phương lớn của cả nước. May quá, điều ấy đã không xảy ra? "Nếu không thì chiều hướng chiến tranh sẽ không thuận lợi như đã xảy ra!", ông mỉm cười kết luận như vậy.

Cũng vào dịp ấy, tôi phỏng vấn đũa tướng Lê Trọng Tấn: "Nếu anh là tướng Mỹ hồi chiến tranh, anh sẽ chỉ huy ra sao, với hành động quân sự gì?"

Tướng Tấn vốn ít nói, thâm trầm, nổi tiếng là nhiều kinh nghiệm, có năng khiếu chỉ huy, đã trả lời tôi:

"Họ có phương tiện cơ động lớn, nhưng họ không có cách đánh hiểm. Tôi mà là chỉ huy quân đội Mỹ, thì hồi năm 1964, 1965, tôi sẽ tiến công chiếm một đoạn đường Hồ Chí Minh, đồng thời đổ bộ lên một vùng nhỏ ở Đồng Hới, Quảng Bình. Có thể làm hai cuộc tiến công đó trước sau một thời gian, cũng có thể đồng thời, thế mới là đánh hiểm. Tất nhiên họ không thể thắng, nhưng họ có thể tránh khỏi thua đậm như vừa qua!"

Tôi nhớ lại hồi ấy, nghị quyết của Quân ủy Trung ương có một điểm nói rõ: Phải cố gắng kết hợp đấu tranh quân sự, chính trị và ngoại giao, ngăn chặn chiến tranh lan rộng, buộc địch phải thua trên chiến trường miền Nam, không để cho chiến tranh trên bộ lan ra miền Bắc, hạn chế cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và kéo địch phải xuống thang ở cả hai miền.

Đọc những tài liệu, hồi ký của Mỹ, gặp các nhà chính trị, quân sự Mỹ, tôi thấy họ hiểu đối phương còn thiếu sâu sắc, có thể nói là hơi hợt?

Có học giả Mỹ cho rằng, Hoa Kỳ thua ở Việt nam vì đã không dám động đến Lào đang bị ràng buộc bởi Hiệp định năm 1962 về Lào. Do đó Hoa Kỳ đã không dám tiến công thẳng vào đường mòn Hồ Chí Minh, mà phần quan trọng nhất của nó nằm trên đất Lào?

Theo tôi biết, đây là chính kiến của ông Noóc-man Han-na (Norman B. Hannah), năm 1962 là phó vụ trưởng Vụ Đông Nam á, Bộ Ngoại giao Mỹ, sau đó là cố vấn chính trị cho Tư lệnh quân Mỹ ở Thái Bình dương (Political advisor to the Commander in Chief pacific, CINCPAC). Ông Noóc-man Han-na từng viết cuốn sách có nhan đề: "Chìa khóa của thất bại: Lào và cuộc chiến tranh Việt nam" (The key of failure: Lao and the Vietnam war -Madison Books, 1987). Hen-ry Kít-xinh-giơ[9] trong cuốn hồi ký "Nền ngoại giao" (Diplomacy), xuất bản năm 1996, đã kể lại rằng Ken-nơ-đi (J. Kennedy)[10] khi nhậm chức tổng thống đã theo ý kiến người tiền nhiệm của mình là Ai-xen-hao (Eisenhower) rất quan tâm đến nước Lào. Ken-nơ-đi cho rằng nền độc lập và trung lập của Lào là cần thiết cho sự ổn định của Đông Nam á. Sau thất bại ở vịnh Con lợn (thuộc Cuba), Ken-nơ-đi có ý định dùng thương lượng để bảo vệ nền trung lập của Lào. Cuộc thương lượng về Lào kéo dài hơn một năm và kết thúc với một hiệp định quốc tế vào tháng 7.1962. Tất cả cố vấn và nhân viên quân sự nước ngoài Mỹ, Thái Lan, Việt nam đều phải rút khỏi Lào dưới sự kiểm soát quốc tế. Mỹ và Việt nam đều cam kết tôn trọng quy chế trung lập của Lào.

Tôi đã nhiều lần đi qua các vùng Thượng Lào và Hạ Lào, ở cả phía tây Trường Sơn lẫn đông Trường Sơn. Dân Lào ở vùng này rất thưa thớt và lạc hậu. Họ không dùng tiền, mà trao đổi vật phẩm lấy những hàng hóa mà họ cần, như mang gà đổi lấy kim chỉ, mật ong đổi lấy khăn mặt, ngô, thịt rừng đổi lấy thuốc men v.v... Nhân dân ở đây không hiểu gì về tình hình trong khu vực và trên thế giới. Họ không có giao lưu với bên ngoài nơi họ ở. Khái niệm nước Lào ở họ cũng rất mơ hồ.

Lính Bắc Việt nam chúng tôi có thể sống trong rừng Lào rộng bạt ngàn mà ít ai biết. Nhưng khi quân Mỹ đến Lào thì cả thế giới biết ngay qua các hệ thống truyền tin, săn tin của phương Tây.

Sau Hiệp định về Lào, chúng tôi tuyên bố phía Việt nam đã thi hành nghiêm chỉnh Hiệp định, rút hết quân về nước. Thực ra, lúc đó quân chiến đấu Việt nam chỉ rút một ít để tượng trưng. Núi rừng bạt ngàn,

không có doanh trại, chỉ đóng quân trong rừng rậm, làm sao mà biết được! Có lúc quân đội Việt nam ở Lào vẫn còn đến ba, bốn chục nghìn, hàng chục tiểu đoàn và nhiều trung đoàn. Các đơn vị ấy hoạt động ở Sầm Nưa, Phong Xa Lỳ, Xiêng Khoảng, quanh Viên Chăn, Luang Pha Bang, Khăm Muộn, Bô-lô-ven... Bằng chứng sự về có mặt của bộ đội Việt nam? Tuy có, nhưng Hà Nội phủ nhận hết. Hà Nội luôn lập luận: lừa được đối phương, giấu được dư luận quốc tế là thành tích, vì tuy lừa dối, nhưng đã là vì cách mạng, vì chính nghĩa thì không cần phải phân vân, băn khoăn.

Theo ông, Hoa Kỳ có thể có một cách tác chiến khác với những cách đã làm không?

Tôi nghĩ, chiến tranh đã kết thúc, không thể làm lại những gì đã qua. Không thể như đánh bài, thua ván này, xóa đi chơi ván khác. Chiến tranh là một thử thách ghê gớm cho toàn xã hội về chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa và truyền thông trong khu vực và trên lĩnh vực quốc tế.

Do điều kiện lịch sử, tôi đã ở một phía của chiến tranh và phía ấy đã thắng. Dù sau khi chiến thắng, tôi trở thành người đối lập với chế độ chính trị độc đoán của đảng cộng sản, nhưng không vì thế tôi lại đặt ra vấn đề mong muốn chiến tranh kết thúc một cách khác như nó đã kết thúc. Đây là việc đã rồi. Tuy nhiên, có ý kiến của tướng Bruce Palmer trong cuốn "Chiến tranh 25 năm -- vai trò quân sự của nước Mỹ ở Việt nam" do nhà xuất bản Báo chí thuộc trường đại học Kentucky (The University Press of Kentucky) phát hành năm 1984, tôi cho là xác đáng. ở phần cuối cuốn sách, trong các trang 183, 184, 185, tướng Pan-mơ đã có những suy nghĩ độc đáo sâu sắc, hợp lý. Đại thể là:

Quân Mỹ tập trung đại bộ phận ở phía bắc vùng chiến thuật I, sát giới tuyến quân sự tạm thời (khu phi quân sự - demilitarized zone DMZ). Lực lượng đồng minh của Việt nam Cộng Hòa gồm hai sư đoàn Đại Hàn (Nam Triều Tiên) cũng đóng tại đây và mang tên là lực lượng quân sự quốc tế với việc tổ chức phòng thủ vững chắc bằng công sự, hỏa lực pháo binh trải dài từ ven biển lên đến biên giới Lào

hoặc khi cần có thể kéo dài sang đất Lào.

- Hải quân Mỹ thường xuyên duy trì sự đe dọa vùng ven biển miền Bắc Việt nam, các đơn vị hải quân và thủy quân lục chiến có thể đổ bộ bất cứ lúc nào vào một số địa phương quan trọng ở miền Bắc, không quân và hải quân Mỹ có thể phong tỏa các hải cảng của miền Bắc.

- Quân đội Việt nam Cộng hòa, được phía Mỹ trang bị và huấn luyện, đảm nhận bảo vệ an ninh lãnh thổ miền Nam Việt nam, một khi có thêm lực lượng quốc tế (gồm Mỹ và đồng minh) hỗ trợ, thì sẽ là cái lá chắn che chở hữu hiệu cho miền Nam ở phía cực Bắc.

- Do vậy, không cần có quân Mỹ tác chiến trên lãnh thổ khác của miền Nam. Quân Mỹ không gây mâu thuẫn với dân sở tại, quân đội Việt nam Cộng hòa cũng không y vào quân Mỹ và có thể tự lực, trưởng thành. Không quân Mỹ không cần ném bom các vùng dân cư ở miền Bắc, gây chấn động dư luận quốc tế và ở hậu phương Mỹ.

- Lực lượng Mỹ ở phía cực Bắc của miền Nam Việt nam ước tính tương đương với bảy sư đoàn vào cuối năm 1966, nỗ lực hậu cần, làm đường quân sự của Mỹ cũng tập trung ở vùng cực Bắc này, không cần xây căn cứ hậu cần quá lớn ở Cam Ranh và ở Long Bình như đã làm, sự có mặt về quân sự của Mỹ ở phía Nam (Nam của vùng chiến thuật I, vùng chiến thuật II, vùng chiến thuật III, vùng chiến thuật IV) sẽ hết sức hạn chế.

Chủ trương này luôn buộc Bắc Việt nam phải dành một đội quân lớn ở miền Bắc để phòng thủ, vì thế sẽ ngăn được quân đội từ Bắc Việt nam thâm nhập với qui mô lớn qua đường mòn Hồ Chí Minh. Nếu Bắc Việt muốn đưa nhiều quân vào miền Nam, họ phải vượt qua được hệ thống phòng thủ đã được thiết lập. Như vậy chi phí chiến tranh đối với Mỹ sẽ thấp hơn nhiều. Số quân Mỹ có mặt ở miền Nam Việt nam sẽ thấp hơn nhiều con số nửa triệu.

- Tác giả cho rằng, với chiến lược lá chắn và can thiệp có lựa chọn và hạn chế như thế, thì thế cân bằng Bắc-Nam có thể được duy trì

lâu dài như ở hai miền Bắc-Nam của Triều Tiên và sẽ đưa đến một giải pháp hòa bình thông qua thương lượng trong tương lai.

Sáng kiến "chậm trễ", "vuốt đuôi" của tướng Pan-mơ cho thấy từ đầu nhà cầm quyền Mỹ, giới quân sự cấp cao Mỹ không có lẽ lối dân chủ, không thảo luận rộng rãi để tìm ra một quyết định hợp lý nhất. Tôi nghĩ đây là bài học sâu sắc nhất, thích đáng nhất trong cuộc chiến tranh Việt-Mỹ. Mỹ chưa huy động được trí tuệ của nhiều người để có một quyết định tối ưu, chọn ra một phương án hợp lý, khôn ngoan nhất trong nhiều phương án đã được kiến nghị.

Ông có thể cho biết một vài kỷ niệm sâu sắc của ông về con đường vận chuyển chiến lược đó?

Về đường mòn Hồ Chí Minh, tôi đã đi qua vài lần. Kể từ khi nó bắt đầu được xây dựng vào quãng cuối năm 1961, đầu năm 1962 ở tỉnh Bình Trị-Thiên. Lúc đó, người ta chỉ có thể đi bộ vận chuyển bằng gùi thô sơ trên vai. Đặc biệt thanh niên dân tộc người Ka-ho quen gùi từ bé nên họ gùi qua suối, qua cầu hẹp rất nhanh. Sau này con đường được mở rộng, đến năm 1963 người ta có thể đi được bằng xe đạp và tôi cũng có dịp đi qua đó. Năm 1972, tôi lại đi qua đường mòn. Lúc ấy nó đã trở thành con đường vận chuyển bằng xe cơ giới. Tôi có nhiều kỷ niệm về con đường này. Trước hết, việc vượt qua con đường này là hết sức gian khổ, chưa kể đến nguy hiểm do bom đạn của đối phương gây ra bất cứ lúc nào. Khi đi qua đây, theo chúng tôi biết, binh sĩ có đến mười kiểu chết khác nhau. Chết vì đau ốm bất ngờ giữa đường mà không kịp đưa đi viện, như đau ruột thừa cấp tính. Chết do cây đổ. Chết do bị rắn độc cắn. Chết do bị hổ vồ. Chết do lạc đường. Chết do bị nước lũ cuốn đi hoặc do bị đói. Chết do sốt rét ác tính. Chết do bị kiệt lý mãn tính rồi kiệt sức. Chết do trượt chân khi mưa gió, rơi xuống vực thẳm. Chết do bão, lụt, nước dâng bất ngờ. Chết do qua cầu, cầu gãy, bị nước lũ cuốn. Chết do đất lở, đá đè. Đây là chưa kể chết do bom, mìn muối, mìn dây. Rồi đi bộ. Mỗi ngày đi độ mười ba, mười bốn giờ đồng hồ. Khi đó không muốn mang theo bất cứ cái gì trên người, mà chỉ muốn bỏ lại cho nhẹ, càng nhẹ càng tốt, tính từng gram một. Thậm chí, đồ ăn không để trong hộp, mà dồn vào túi ni-lon cho nhẹ, gồm lương thực,

ít đường, ít sữa, ít muối, thịt cá rang thật mặn để ăn dè và để được lâu. Quần áo mặc thật gọn, đủ mức tối thiểu, mỗi người chỉ mang hai bộ để thay đổi, một chiếc võng và một túi thuốc men cần thiết v.v... Cho nên, thường mỗi người có thể mang ba chục cân, có người mang bốn chục cân và bao giờ cũng phải có dự trữ mười cân gạo. Đường mòn không bằng phẳng, thường phải lội suối, leo dốc trong rừng rậm, trên lưng lại đeo nặng nên mỗi người dùng một chiếc gậy chống để đi. Tôi đi có khi ròng rã sáu, bảy tháng trời, có những lúc thịt ăn không hết, do bắn được một hai chú voi. ăn không hết thì cho vào túi ngâm xuống suối cho lạnh để giữ thêm một vài tuần cho những toán đi sau có thể ăn tiếp. Có khi đánh bắt được cá to nặng tới chục cân ở những con suối lớn, có khi bắn được đàn khỉ nhưng lại thiếu gia vị hành tỏi.. để chế biến cho ngon. Đây là một vài kỷ niệm trên đường mòn Hồ Chí Minh. Tuy gian khổ, nguy hiểm luôn đe dọa, nhưng cũng rất vui. Anh em lính trẻ hát hò, kể chuyện, ghi nhật ký, nghe đài để biết tin tức thời sự. Từng đoàn xe vào ra nhộn nhịp, sống động thôi thúc:

"Xe không kính không phải vì xe không có kính, Bom giạt, bom rung, kính vỡ mất rồi..."[11]

Ông có thể cho biết chút " về đường ống dẫn dầu của quân đội Bắc Việt?

Vào cuối năm 1963, ở Bộ Tổng Tham Mưu có cuộc thảo luận về phương án mở rộng, hiện đại hóa đường mòn Hồ Chí Minh - đường vận chuyển chiến lược Bắc-Nam. Có hai quan điểm đối chọi nhau:

- Duy trì đường mòn; chủ yếu là thồ bằng xe đạp và gùi bằng sức người. Trung bình sức người gùi được 60 đến 80 kg, xe đạp thồ được 180 đến 220 kg mỗi chuyến. Theo phương châm kiến tha lâu đầy tổ. Đường hẹp, ẩn trong rừng rậm, tránh được máy bay địch đánh phá. Mở rộng sẽ dễ bị phơi trần, bị đánh phá, cắt đứt.

- Mở rộng, cơ giới hóa, lập thành binh đoàn lớn, tổng hợp, có cao xạ, pháo binh, công binh, vận tải hệ thống kho hàng, trạm sửa chữa và đường ống dẫn dầu. ý kiến này thắng thế, phê phán ý kiến trên là



du kích, cò con, bảo thủ, lạc hậu. Được thực hiện từ cuối năm 1968.

Lúc đầu xăng chở bằng thùng phuy lớn, chở bằng xe tải, có nơi thả cho trôi, chảy theo các dòng sông.

Đến 1968, được chở từ Liên xô sang một bộ đường ống đã chiến dài 200 km với hơn 20 máy bơm PNU 35/7 0.

Vùng đầu tiên được đặt là Vinh - Nam Đàn - Linh Cảm (Nghệ Tĩnh). Ngày 22-6-1968, bắt đầu đặt qua sông Lam 500 mét đường ống đầu tiên.

Đoạn đầu tiên dài 42 km từ xã Nam Thanh, vào đến xã Nga Lộc đặt xong và bơm thử có kết quả ngày 10-8-1968. Cuối năm 1968, đường ống được đặt qua đèo Mụ Giạ (qua biên giới Việt-Lào) trên đường số 12.

Đầu năm 1969, đường ống vượt Trường Sơn đến kho Na Tông trên đất Lào cung cấp xăng dầu cho trạm 31 của đường vận chuyển chiến lược Bắc-Nam. Tháng 3-1969 đường ống vươn đến điểm Ka-vat (Mụ Giạ - Ka-vat dài 350 km). Từ đó đường ống được kéo dài theo trục đường 18, vượt qua đường số 9 đến Hạ Lào rồi hướng về phía Nam.

Đầu năm 1971 xăng dầu đã có thể chảy từ Vinh vào đến phía nam đường số 6. Đến cuối năm 1972, 65.000 tấn xăng dầu đã được bơm vào Nam; từ tháng 2-1973 (sau hiệp định Paris) đường ống vươn nhanh hơn dọc đường 14, cả phía Đông và phía Tây Trường Sơn để gặp nhau ở ngã ba biên giới.

Tháng 1-1975, đường ống vào đến Búp Răng, rồi đến Lộc Ninh. Thế là đường ống xăng dầu đi từ biên giới Việt Trung vào đến tận Bù Gia Mập ở miền Đông Nam Bộ, chiều dài là 4.900 km (do nhiều đoạn phải đặt quanh co theo địa hình), với 316 trạm vừa bơm vừa đẩy, với 101 kho bể hàn cố định và bể hàn dã chiến, có sức chứa cộng lại là 880.000 mét khối xăng dầu.

Đội ngũ cán bộ, công nhân của binh chủng đường ống dẫn xăng dầu từ 30 người buổi đầu đến đầu năm 1975 lên đến 14 ngàn người, bao gồm 2 trung đoàn công binh, 9 trung đoàn đường ống, phục vụ cho vận tải quân sự thông suốt trong chiến tranh.

Trong thời gian đó, có phương án hành động nào khả dĩ có hiệu quả của phía Mỹ mà ông được biết không?

Tôi đã dự hai cuộc họp có chủ đề "Nhìn lại cuộc chiến tranh Việt nam" tổ chức vào đầu năm 1996 và đầu năm 1997 ở Si-ca-gô (vùng Ken-tích-ny, Cantigly), do Học viện hải quân Mỹ cùng ủy ban Rô-bốt Mắc Co-mích (The Robert Mc Cormick Tribune Foundation) tổ chức. Tôi có dịp trao đổi ý kiến rất bổ ích với nhiều sĩ quan và chính trị gia của Mỹ, như cựu tổng thống Giê-rôn Pho, đại tướng Oét-mo-len[12], trung tướng Giôn Cát-sman và Ha-rôn Mo, đô đốc Dum-oan (E. Zumwalt), thiếu tướng Xim-mơns (E. Simmons)..., các nhà viết sách, viết báo Đa-vít Hát-man (David Hartman), Pi-tơ Brét-xtráp (Peter Brestrup), ê-li-da-bét Béch-cơ (Elizabeth Becker), Ro-bốt Thim-béc (Robert Timberg), Brai-ơn van Đê-mác (Brian van Demark)...

Năm 1997 tôi cũng được mời ghé thăm Trung tâm nghiên cứu xung đột ở Việt nam tại Lúp-bốc (Lubbock), thuộc tiểu bang Téch-dớt (Texas) và Học viện hải quân Mỹ (US Naval Academy) ở An-na-pau-lítx (Annapolis), thuộc tiểu bang Me-ry-lan (Maryland).

Trung tướng Giôn Cát-xman, vào tháng 3.1965, sau một thời gian làm cố vấn cho chương trình "bình định,, của Sài Gòn ở đồng bằng sông Cửu Long và trở về Mỹ, ông đã viết một tập tài liệu nhan đề: "Sự yểm trợ từ bên ngoài của Việt Cộng: Phân tích và đề nghị" (External Support of the Viet Cong: an analysis and a proposal) và gửi cho Học viện quốc gia về chiến tranh (National War College). Đó là tập tài liệu nghiên cứu khá sâu sắc về mười bốn cuộc nổi dậy của nhân dân ở nhiều nước, một nửa thất bại và một nửa có kết quả, từ đó rút ra những kinh nghiệm để đề nghị hành động chiến lược ở Việt nam nhằm chiến thắng gồm hai điểm ("A Winning strategy: Block the Ho Chi Minh trail and excute a massive Pacification Proglam"). Một

chi tiết đáng chú ý của Cát-xman là không dùng quân chiến đấu Mỹ ở nông thôn miền Nam Việt nam, mà cắt đứt đường mòn Hồ Chí Minh và thực hiện chương trình bình định miền Nam với qui mô lớn. Đến nay ông vẫn còn tiếc rằng chiến lược ấy đã không được thực thi. Tôi cho rằng, kiến nghị của tướng Cát-xman là có cơ sở thực tế. Nó không được chấp nhận hồi ấy có lẽ vẫn do căn bệnh chủ quan, cứ như thế mà làm thêm (incrementalism), do tệ sùng bái vũ khí, hỏa lực của phía Mỹ.

Tôi có nói với tướng Cát-xman rằng, ý kiến của ông là rất đáng chú ý. Chiến tranh là hành động và là phản ứng của hành động, một chuỗi dài các hành động và phản hành động. Nếu phía Mỹ áp dụng kế hoạch Cát-xman thì diễn biến chiến tranh đã có thể khác đi, cũng có thể khác hẳn với năm 1975. Tuy Mỹ khó chiến thắng, nhưng có thể sẽ ở vào thế giằng co, để đi đến một giải pháp chính trị tương xứng.

Trong chiến tranh, những cuộc tiếp xúc cấp cao giữa chính quyền miền Bắc và miền Nam đã diễn ra như thế nào? Đã có khả năng hòa giải và bình thường hóa nào đó giữa hai miền không?

Theo tôi thì không. Vì từ năm 1959, với nghị quyết 9, lãnh đạo đảng cộng sản ở miền Bắc đã theo đuổi con đường bạo lực. Từ năm 1967, con đường chung sống hòa bình giữa các chế độ chính trị khác nhau, do đảng Cộng sản Liên xô đề ra, đều bị lãnh đạo đảng Cộng sản Việt nam coi là hữu khuynh, xét lại, sai lầm đi chệch khỏi chủ nghĩa Mác-Lênin. Đã có một số thăm dò gián tiếp giữa Ngô Đình Nhu, cố vấn của Ngô Đình Diệm với ông Phạm Hùng, lãnh đạo đảng cộng sản ở miền nam hồi năm 1963, hay giữa tướng Nguyễn Khánh, thủ tướng Việt nam Cộng hòa với kiến trúc sư Huỳnh Tấn Phát, chủ tịch chính phủ Cách mạng lâm thời miền Nam Việt nam vào năm 1965... Tôi được biết đó không phải là những ý định rõ ràng, nghiêm chỉnh để hòa giải, để chấm dứt chiến sự.

Hồi ấy ý định của Hà Nội là vận động, lôi kéo thật nhiều trí thức ở Sài Gòn nhằm lập ra lực lượng thứ ba. Họ tiếp cận, tranh thủ được các nhân vật như: luật sư Trịnh Đình Thảo, tiến sĩ Lê Văn Hảo, nhà

báo Ngô Công Đức, thượng tọa Thích Đôn Hậu, bác sĩ Dương Quỳnh Hoa, linh mục Lê Khắc Từ... và khá nhiều nhân vật khác.

Đối với các ông Diệm, Nhu, Thiệu, Kỳ, Khánh, Dương Văn Minh..., theo tôi, chính quyền cộng sản không có ý định nghiêm chỉnh để tiếp xúc và hòa giải. Lãnh đạo đảng cộng sản coi những người ấy là "không thể cải tạo được", là tối nguy hiểm, chỉ có diệt bỏ, lật đổ chứ không thể bắt tay. Họ cũng rất kỵ với những người lãnh đạo các đảng phái chính trị khác như Đại Việt, Việt nam quốc dân đảng, Duy Dân, Dân Chủ... Gần đây, Hà Nội đưa ra một bài của Tâm Chính đăng trên báo Tuổi trẻ chủ nhật ở Sài Gòn viết rằng: ông Dương Văn Minh[13] đã có liên hệ với chính quyền miền Bắc, ít nhiều cộng tác với họ từ lâu, nay xin về Việt nam. Điều đó là bịa đặt, gây hỏa mù, thổi phồng thành tích của ngành địch vận trong thời chiến tranh.

Còn với Hoa Kỳ, Hà Nội đã có ý định liên hệ với chính quyền Mỹ để giải quyết cuộc chiến tranh hay không?

Tôi nhớ lại, hồi năm 1967, Hà Nội đã có ý định móc nối để thăm dò Oa-sinh-tơn trong ý định tìm giải pháp cho cuộc chiến tranh. Sau đó, từ năm 1968, hai bên đã có các cuộc thương lượng mở ra ở Paris nên không có cuộc thăm dò nào khác, dù Oa-sinh-tơn nhiều lần cố gắng tác động đến Mát-xcơ-va và Bắc Kinh để ép Hà Nội. Ông Mai Văn Bộ, cán bộ của bộ Ngoại giao Bắc Việt nam, sau này là đại sứ của Hà Nội ở Paris (Pháp) có kể cho chúng tôi nghe và cho biết, Oa-sinh-tơn đã đặt mật danh cho vụ này "chiến dịch Pen-sin-va-nia" ("operation Pennsylvama"). Vụ này trước hết liên quan đến "phong trào Pắc-oát" (movement Pugwash) là phong trào chính trị ở châu Âu tập hợp những trí thức chống nguy cơ hạt nhân. Henry Kissinger móc nối được với Herbert Marcovich và bạn của ông là Raymond Aubrac, hai nhân vật Pháp thân Hà Nội. Aubrac từng mời ông Hồ Chí Minh ở tại nhà mình khi thương lượng Pháp-Việt diễn ra ở Pháp năm 1946. Qua hai nhân vật trên, Oa-sinh-tơn bắn tin rằng, Mỹ sẽ ngừng và có thể chấm dứt ném bom Bắc Việt nam, một khi miền Bắc cam kết đáp ứng thuận lợi. Theo lời ông Aubrac kể lại, ngày 21-7-1967, hai ông đến Hà Nội. Khi đó ông Hồ Chí Minh không được khỏe, nhưng vẫn đồng ý tiếp họ.

Hai vị khách Pháp cũng gặp thủ tướng Phạm văn Đồng và có những cuộc trao đổi khá lâu. Ông Đồng trả lời: "Chúng tôi muốn phía Mỹ cứ ngừng ném bom không điều kiện. Nếu điều ấy được thực hiện sẽ không còn có trở ngại gì cho thương lượng". Ông Đồng mong hai ông giữ liên lạc với Hà Nội qua trung gian là ông Mai Văn Bộ ở Paris.

Lúc ấy, Kít-sinh-giơ đã nghĩ đến một giải pháp thỏa thuận bằng nhân nhượng (compromis) là thành lập chính phủ liên hiệp (government of coalition). Thế nhưng đến ngày 20.10.1967, ông Mai Văn Bộ bỗng từ chối không tiếp Obrắc và Ma-cô-vích với lý do: "Không có gì mới để nói với nhau. Tình hình đã xấu đi không còn lý do để thảo luận!".

Vụ Pen-sin-va-nia chấm dứt, theo tôi, đó là vì Hà Nội cho rằng trong mấy tháng ấy tổng thống Giôn-xơn đã leo thang, ném bom miền Bắc Việt nam mạnh hơn. Còn Lầu năm góc cho rằng tình hình quân sự ở miền Nam đã được cải thiện có lợi cho Mỹ và Sài Gòn: "Việt Cộng đã bị đẩy lùi xa khỏi các thành phố và căn cứ". Mặt khác, Hà Nội đã có nghị quyết quân sự chuẩn bị cho cuộc tiến công rộng lớn Tết Mậu Thân năm 1968.

Tại cuộc hòa đàm ở Paris, Hà Nội đã biết rõ rằng phong trào phản chiến trên đất Mỹ đang lên cho, hậu phương Mỹ chia rẽ sâu sắc, chính quyền Mỹ phân hóa mạnh giữa hai phe "điều hâu và "bồ câu", quân viễn chinh Mỹ bị tác động mạnh, Oa-sinh-tơn đã quyết định rút chân ra khỏi bãi lầy. Biết rõ "tây của Mỹ, nên ông Lê Đức Thọ[14] đã xác định ngay từ khi Hội nghị Paris về lập lại hòa bình ở Việt nam bắt đầu: không chấp nhận rõ ràng sự có mặt của quân đội miền Bắc ở miền Nam, "nơi nào có áp bức, nơi ấy có đấu tranh", "người Việt nam chiến đấu trên đất nước mình", không thể có chuyện người Việt nam rút khỏi nước Việt nam, không có chuyện hai nước Việt nam, chỉ có miền Bắc và miền Nam... Cứ tưng đi tưng lại như thế, cuối cùng Mỹ đành phải chịu? Không có điều khoản nào trong hiệp định Paris về việc bộ đội từ miền Bắc vào miền Nam rút trở ra miền Bắc với sự giám sát của quốc tế. Việc đưa thêm quân miền Bắc vào miền Nam trở nên tự nhiên, dễ dàng hơn.

Về cuộc tổng tiến công Tết Mậu Thân năm 1968, ý định của những người lãnh đạo ở Hà Nội là gì?

Năm 1968 là năm bầu cử tổng thống Mỹ. Những người lãnh đạo đảng cộng sản muốn tạo nên một chiến thắng có thể làm chấn động hậu phương Mỹ và thúc đẩy phong trào phản chiến trong nhân dân Mỹ. Họ đã huy động lực lượng và tạo nên được tiếng vang ở toàn miền Nam, nhất là ở các đô thị: Hà Nội chọn thời điểm ngày Tết âm lịch để tận dụng dòng người di chuyển, đi lại tấp nập, tạo nên bất ngờ do lệ ngừng bắn hàng năm vào dịp này. Cách đánh theo lối tập kích của đặc công (đánh du kích có phối hợp trên toàn chiến trường) dùng từng tốp nhỏ, cùng đánh ở nhiều nơi, chọn những mục tiêu hiểm yếu để gây chấn động cho đối phương và kêu gọi dân chúng nổi dậy (chỉ vùng Quảng Trị-Thừa Thiên là dùng lực lượng khá lớn).

Trước Tết một thời gian, Hà Nội đã đánh lạc hướng đối phương bằng cách hoạt động rộ lên ở vùng Khe Sanh, để các thành phố và đô thị yên ắng, làm cho đối phương chủ quan nghĩ rằng quân Bắc Việt không tấn công các nơi đó. Từ năm 1964 đến cuối năm 1967, quân đội Sài Gòn và quân Mỹ hoạt động mạnh, mở nhiều chiến dịch tiến công, quân Bắc Việt thường ở vào thế đối phó, giữ lực lượng, rút ra xa và mất nhiều khu vực đông dân: Vì thế, năm 1968 họ cần một đợt hoạt động mạnh để giành lại thế chủ động, cải tiến thế trận. Cuộc tiến công rộng lớn dịp Tết Mậu Thân 1968 đã thu được kết quả lớn, gây chấn động dư luận thế giới và chính giới Mỹ, được bình luận sôi nổi khắp nơi qua báo chí, đài truyền thanh, truyền hình. Những tuyên bố của Lầu năm góc và MACV (bộ tổng tư lệnh lực quân Mỹ): địch đã bị đẩy ra xa các thành thị, căn cứ, đã đuối sức an ninh đã vững chắc... thắng lợi của chiến tranh đã trong tầm tay v.v... đã bị thực tế bác bỏ và càng tạo nên khủng hoảng niềm tin của nhân dân Mỹ đối với chính phủ Mỹ.

Tuy nhiên, cuộc tổng tiến công Tết Mậu Thân không đạt được những điểm sau đây so với kế hoạch:

- Không chiếm được đài phát thanh Sài Gòn, băng ghi âm chuẩn bị

sẵn kêu gọi nhân dân nổi dậy không đưa đến được, mũi đánh vào dinh Độc Lập cũng không đến nơi, cuộc tiến công vào sứ quán Mỹ chỉ vào được tầng trệt rồi bị đánh lùi (tuy có tin đưa vội rằng đã chiếm được các tầng trên, do một số phóng viên phương Tây sính tin giật gân). Ở các nơi khác như sân bay Tân Sơn Nhất, ngã tư Bảy Hiền, Phú Lâm... không giữ được, bị đẩy lui nhanh với tổn thất lớn.

- Do đó, thắng lợi quân sự không lớn như mong muốn, nhân dân không nổi dậy.

Sau Tết Mậu Thân, Mỹ và Sài Gòn tiến hành phản kích trên toàn miền Nam và thực hiện bình định cấp tốc. Những năm 1968, 1969 và 1970 là những năm tổn thất lớn nhất của phía Hà Nội. Các cơ sở ở thành thị bị lộ, bị quét gần hết. Nông thôn cũng bị mất rất nhiều. Hà Nội phải đưa quân miền Bắc vào để thay thế quân của họ ở miền Nam. Việc tuyển quân tại chỗ ở miền Nam rất khó khăn. Có nơi bộ đội địa phương tỉnh, huyện, cho đến có nơi cả du kích "xã cũng là người từ Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh... được đưa vào để thay thế.

Trong chúng tôi có người nghĩ rằng, phải chăng cuộc tổng tiến công Tết Mậu Thân là miền Bắc tiến công miền Nam với ý đồ của đảng cộng sản lợi dụng cuộc tiến công đó để tiêu diệt lực lượng của chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam vì giữa họ vẫn có sự đối kỵ Nam-bắc, và để rồi chỉ còn lực lượng của miền Bắc ở miền Nam mà thôi. Cho nên, sau Tết Mậu Thân, người ta thấy rằng tất cả lực lượng chiến đấu ở miền Nam gần như hoàn toàn là lực lượng quân đội miền Bắc?

Có lẽ một số người trong các bạn đã nghĩ quá xa với suy luận theo cách chủ quan. Tôi cho rằng, lúc bấy giờ bộ phận lãnh đạo đảng cộng sản ở miền Bắc khi mở cuộc tiến công Tết Mậu Thân ở miền Nam đều có sự phối hợp với bộ phận lãnh đạo ở miền Nam của Trung ương Cục. Họ không có ý đồ như các bạn đã hỏi. Bởi vì, chính phủ Cách mạng lâm thời và Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam đều do cơ quan lãnh đạo đảng cộng sản lập ra. Khi đó trong đảng và trong quân đội, chúng tôi luôn được giáo dục rất kỹ rằng,

tuy về hình thức có hai đảng (ở miền Nam là đảng Nhân dân Cách mạng tuy có hai chính phủ (ở miền Nam là chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt nam), nhưng thực chất chỉ có một đảng, một chính phủ, một chiến trường. Sau Tết Mậu Thân 1968, sự thật là lực lượng cách mạng ở miền Nam bị tổn thất rất nhiều. Những cơ sở vốn có ở miền Nam, ở nông thôn cũng như ở thành thị bị tiêu diệt, bị "bình định thông qua kế hoạch Phượng Hoàng, do lực lượng cách mạng hoạt động gần như công khai vào năm 1968 và bị lộ. Khi bị đối phương phản công lại, hầu hết lực lượng đó bị phát hiện và bị tiêu diệt. Khi tôi về một số tỉnh ở khu 5 lúc bấy giờ, có một số lực lượng của địa phương từ Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh vào thay thế vì lực lượng ở bên trong bị tiêu diệt gần hết. Hơn nữa, như đã nói, việc tuyển quân tại chỗ không dễ dàng, do phong trào tòng quân ở các vùng giải phóng không còn như trước. Tình hình sau năm 1968 có một số nét phác họa như vậy.

Cũng cần nói thêm, vị trí của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam và Chính phủ Cách mạng lâm thời miền Nam là không có thực chất, họ chỉ là cái bình phong, là một tổ chức được đưa ra để lý giải và thuyết phục dư luận thế giới, rằng đây là một phong trào vốn có từ miền Nam. Thực ra, tất cả đều do chỉ đạo từ cơ quan lãnh đạo của đảng cộng sản ở miền Bắc. Tất nhiên, giữa lãnh đạo miền Bắc với lực lượng Mặt trận và chính phủ Cách mạng lâm thời miền Nam được dựng lên ở miền Nam có sự nhất trí, nhưng vai trò của Mặt trận, chính phủ Cách mạng lâm thời luôn ở thế lép vế, phụ thuộc, hình thức, phục tùng, không có thực quyền gì. Chính vì thế đến năm 1975, khi giành được toàn thắng, Mặt trận Dân tộc Giải phóng và chính phủ Cách mạng lâm thời bị giải thể rất nhanh, gần như không kèn không trống. Các vị nhân sĩ, trí thức có chân trong chính phủ như luật sư Nguyễn Hữu Thọ, kiến trúc sư Huỳnh Tấn Phát, luật sư Trịnh Đình Thảo, bác sĩ Dương Quỳnh Hoa.. cũng cảm thấy chán nản, vì không được trọng dụng nữa. Tất cả những người có vai vế một thời đều ngao ngán, buồn tủi cho thân phận bị khinh bạc của mình.

Vậy thì trong Tết Mậu Thân, ai thắng, ai thua?



Một câu hỏi thú vị!

Thuần túy về quân sự, thì có thể nói chúng tôi không thắng. Không chiếm được địa bàn, thị trấn, thành phố. ở Huế sau 25 ngày chiếm giữ, là lâu nhất, chúng tôi phải rút lên núi. Tiêu diệt đối phương không nhiều. Tổn thất phía chúng tôi lại rất lớn. Lẽ ra sau đợt 1, chúng tôi rút về củng cố địa bàn nông thôn, duy trì thế lực lâu dài, thì chúng tôi lại phạm sai lầm, lao vào tiến công đợt 2 (tháng 5.1968), đợt 3 (tháng 9.1968), đợt sau đúoi hơn đợt trước, tổn thất sau đó cũng nặng hơn! Ai ở miền Nam cũng hiểu rõ, năm 1968 và năm 1969 là hai năm cực kì gay go của chúng tôi, gay go sang cả năm 1970 và năm 1971, đến năm 1972 mới hồi phục. Thế nhưng, những thất bại của chúng tôi rất nặng nề, các cơ sở mật và nửa bí mật được xây dựng công phu hàng mấy chục năm, cơ sở chính trị cũng như quân sự, đã bị tổn thất gần hết sạch, phải có nhiều thời gian để xây dựng lại, lại được bù đắp bởi thất bại về chính trị và tâm lý của chính quyền Mỹ! Chúng tôi không ngờ, Tết Mậu Thân đã hất Giôn-xơn ra khỏi ghế tổng thống. Ông ta phải tuyên bố bỏ cuộc, chôn vùi luôn cả giấc mộng về "xã hội vĩ đại". Ông ta phải từ chối đề nghị khẩn thiết tăng quân của tướng Oét-mo-len. Ông ta phải chấp thuận cuộc thương lượng mở đầu ở Paris và khởi đầu cuộc xuống thang, cam kết rút quân ra khỏi miền Nam Việt nam. Đây là một bước ngoặt tai hại cho Mỹ, có lợi cho Hà Nội đang gặp khó khăn gay gắt trên chiến trường.

Cho nên, về chính trị, chiến lược, tâm lý, Hà Nội đã thắng ngoạn mục, thắng lớn? Đây là một nét đặc biệt, có vẻ trái quy luật, mang tính chất biện chứng. Không phải thắng lợi chính trị bao giờ cũng gắn với một thắng lợi quân sự và ngược lại! Sự đời thật không đơn giản!

Sau Tết Mậu Thân, điều rất rõ là nước Mỹ mệt mỏi, chia rẽ, đã bỏ cuộc ở Việt nam.

Vụ tàn sát ở Huế hồi Tết Mậu Thân ra sao?

Hồi 1985, 1988 tôi trở lại Huế và có chú ý tìm hiểu thêm về sự kiện

này.

Theo tôi việc tàn sát người bị bắt (bao gồm quân nhân, sĩ quan, công chức, đảng viên đảng Dân Chủ, gia đình họ...) trong khi chiến sự diễn ra, nhất là những ngày cuối khi bộ đội cộng sản phải rút quân lên vùng núi phía tây là có thật. Có một số hố chôn tập thể từ 20, 30 đến 60, có khi gần 100 xác chết ở một số nơi trong và ngoài thành phố, như bãi dâu (gần cửa Đông Ba), Tây Lộc, Kim Luông, An Hòa...

Không có chỉ thị, chủ trương tàn sát tù binh. Các đơn vị tham chiến đều có được phổ biến về kỷ luật chiến trường, nghiêm cấm giết, đánh đập, xỉ vả người bị bắt. Nhưng những vụ tàn sát đã diễn ra. Do bộ đội miền Bắc được "giáo dục" kỹ về khoa học căm thù, dựa trên cơ sở đấu tranh giai cấp ngay từ khi nhập ngũ. Do thái độ quá khích trong qui định về bọn ác ôn, có nợ máu, nên có khuynh hướng coi là ác ôn một cách bừa bãi: viên chức ở xã, ở huyện, ở tỉnh; chỉ huy tiểu đội trưởng lên đến đại đội trưởng, tiểu đoàn trưởng; đảng viên đảng Dân Chủ, Cần Lao cũ...; lính dù, biệt động, thủy quân lục chiến; lại còn có đơn vị coi người họ Tôn Thất, Wng, Bảo, Vĩnh... là gốc phong kiến, chống Cộng... Trên lại chỉ thị nghiêm không được để lỏng tù binh, lộ bí mật quân sự, rất nguy hiểm. Đến khi chiến sự khẩn trương, quân Mỹ đổ bộ, ứng cứu, máy bay, pháo binh, pháo từ biển bắn dữ dội, bộ đội di chuyển, rồi lệnh rút lên núi... các đơn vị cơ sở (trung đội, đại đội một số tiểu đoàn) tự đề ra cách giải quyết: thủ tiêu tù binh để đỡ vướng bận, để di chuyển nhanh, không lộ bí mật; rồi còn vì số thương binh lên cao, cần đưa về sau, mà hàng ngũ chiến đấu ngày càng giảm sút nhanh...

Do đó có thể nói trách nhiệm của việc tàn sát tù binh và cả dân thường là hệ thống chỉ huy từ trên xuống dưới, là đảng cộng sản muốn giành thắng lợi bằng mọi giá, qua tổn thất của cả hai bên. Số người bị tàn sát lên đến bao nhiêu? Chưa biết rõ, cần điều tra thêm. Tôi nghĩ có thể là bốn đến năm nghìn. Một người tù binh hay dân thường bị tàn sát là tội ác, huống chi số tàn sát man rợ lên đến bốn hay năm nghìn, cũng có thể cao hơn nữa. Từ khi ở trong nước, tôi có nghe nói về vụ tàn sát này. Nhưng những người lãnh đạo và chỉ

huy chiến tranh muốn che dấu, muốn bỏ qua, chỉ xử lý nội bộ, phê bình nội bộ đối với tướng Trần Văn Quang, tư lệnh chiến trường Trị Thiên, với chính ủy Lê Chường (chết trong tai nạn ô tô ở Quảng Bình), với đại tá Lê Minh (cũng đã chết bị bệnh ung thư). Họ muốn "quên", xí xóa vụ tàn sát này làm cho vụ án này càng thêm day dứt, gây thêm uất hận trong nhân dân và các chiến sĩ dân chủ...

Nhân đây, tôi nói lên mong ước về công bằng xã hội, rất cần làm rõ ba con số thống kê hiện còn mù mờ: số người bị tàn sát trong Cải cách ruộng đất (là vào khoảng 6.000? hay trên dưới 10.000, hay là chừng 50.000 người? tùy theo tài liệu); số bà con thuyền nhân ta bị chết trên biển, do chìm tàu, thuyền, do hải tặc, do giông bão (là chừng 10 vạn, hay 20 vạn, hay đến nửa triệu, là 500.000? tùy theo sự ước lượng). Và số bà con ta bị tàn sát ở Huế (chừng 2000, 3.000 theo con số trong nước, không chính thức chừng 6 đến 7.000 hay hàng vạn người?). Sau này, cần có những nhóm điều tra, nghiên cứu, sưu tầm tài liệu của các trường đại học, tổ chức từ thiện, các học giả, sinh viên làm luận án... theo các nội dung trên một cách khoa học, cụ thể và tương đối chính xác để tiếp cận sự thật.

Qua những hiện tượng gì các ông cho rằng phía Mỹ đã bỏ cuộc từ sau Tết Mậu Thân năm 1968?

Nhớ lại hồi ấy, những hoạt động quân sự của chúng tôi ở miền Nam bị đuối dần, kể cả phải rút ở Huế sau gần hai tháng chiến đấu, thì tin tức từ Mỹ dồn dập tới, cực kỳ phấn chấn, nói lên rằng Mỹ về cơ bản đã bỏ cuộc ở Việt nam để rút chân khỏi bãi lầy:

Cuối tháng 3, tổng thống Giôn-xơn tuyên bố không ra ứng cử tổng thống nữa và thỏa thuận sẽ hội đàm và ném bom hạn chế miền Bắc Việt nam (từ vĩ tuyến 20 trở vào). Những tín hiệu ấy cho thấy, rõ ràng phía Mỹ đã "thăm dò", đã mất ý chí. Ngay sau đó, đầu tháng 4.1968[15], Mc Namara rời chức bộ trưởng Quốc phòng, Clark Clifford lên thay, lại thêm một bằng chứng về sự thụ nhận thất bại trong quân sự của Mỹ.

Đồng thời tướng Westmoreland trở về Mỹ, Creighton Abrams phó

tướng lên thay, có nghĩa là, tư lệnh chiến trường bị rút về vì thất bại? Chúng tôi bình luận với nhau: Hoa Kỳ đang gặp khó khăn. Về chức tổng thống, khó ai hơn Giôn-xơn, về bộ trưởng Quốc phòng khó ai hơn Mắc Na-ma-ra, còn tư lệnh chiến trường khó ai hơn Oét-mo-len. Mỹ đã bế tắc!

Có một tin từ Mỹ hồi ấy làm chúng tôi đặc biệt thích thú là, tổng thống Giôn-xơn đã triệu tập những nhân vật tài giỏi, sáng suốt nhất của nước Mỹ tới Nhà Trắng để hỏi ý kiến về đối sách ở Việt nam. Họ đều góp ý nên rút ra, nên tìm một giải pháp hòa đàm. Đó là những "wise Men" (tức là "những người khôn ngoan"), những "bồ lão" của nền chính trị Hoa Kỳ, như: Dan Achison John McCloy, Mc George Bundy), Douglas Dillon... Họ đều là những "điều hâu" cỡ lớn, nay bằng gia nhập đoàn "bồ câu?

Đề nghị ông cho biết, lúc bấy giờ các ông đánh giá khả năng chiến đấu của Quân đội Việt nam Cộng hòa như thế nào?

Đây là một câu hỏi rộng! Tất nhiên, khi Mỹ thực hiện rút quân (cả quá trình rút từ những năm 1969, 1970 và 1971), Mỹ đã cố sức giúp quân đội đó về các mặt trang bị, huấn luyện, xây dựng lực lượng hải quân, không quân. Sau này, trong cuộc chiến người ta đã thấy rõ Quân đội Việt nam Cộng hòa không đủ sức bảo vệ lãnh thổ miền Nam trước những cuộc tiến công dồn dập của Quân đội nhân dân Việt nam từ năm 1972 đến năm 1973, sau khi ký hiệp định Paris, đặc biệt là năm 1974 và đầu năm 1975. Lý do cũng đơn giản, là trước kia cả nửa triệu quân Mỹ cùng với Quân đội Việt nam Cộng hòa đã đương đầu rất chặt vật với Quân đội Nhân dân Việt nam ở miền Nam. Do đó, khi quân đội Mỹ rút ra cùng với hỏa lực rất lớn của trọng pháo, xe tăng, thiết giáp, không quân, tất nhiên, khả năng chiến đấu của Quân đội Việt nam Cộng hòa càng rơi vào tình trạng khó khăn thêm.

Về đánh giá, so sánh lực lượng Quân đội Nhân dân Việt nam với Quân đội Việt nam Cộng hòa trên chiến trường miền Nam, tôi thấy, phía Quân đội Nhân dân Việt nam được huấn luyện, trang bị khá tốt, do sự giúp đỡ, chi viện của Liên xô, Trung quốc lúc đó. Cho nên, vũ

khí, trang bị hiện đại, khả năng huấn luyện tốt, đặc biệt tinh thần chiến đấu, công tác giáo dục chính trị, tuyên truyền về tâm lý và nhận thức chính trị chặt chẽ, cộng với kỷ luật nghiêm đã làm nên sức mạnh của quân đội đó. Về chỉ đạo chiến lược, Quân đội nhân dân Việt nam đã có một bề dày kinh nghiệm của thời kì chống Pháp, rất quan trọng. Nếu không có chín năm kháng chiến chống Pháp, miền Bắc khó mà đạt kết quả ngay được trong chiến tranh chống quân viễn chinh Mỹ. Về các cấp chỉ huy, các cấp tướng của Quân đội Nhân dân Việt nam thường trau dồi về lý tưởng, đồng thời họ mưu lược, dày dặn kinh nghiệm trong chiến tranh chống Pháp, họ có uy tín trong nhân dân, vì phần lớn trong số họ là những người đã từng hy sinh, tận tụy với sự nghiệp giải phóng dân tộc như đã nói ở trên. Họ hầu như không có vấn đề tham nhũng. Chỉ có một trường hợp đáng kể là trong chiến dịch Biên giới, đại tá Trần Dụ Châu là cục trưởng Cục quân nhu, vì đã tham nhũng nhu yếu phẩm của quân đội, ăn chơi sa đọa nên đã bị tử hình. Sinh hoạt của các vị tướng Quân đội Nhân dân khá giản dị, họ có tinh thần đồng cam, cộng khổ với binh sĩ. Nhìn chung, họ chỉ sa sút về phẩm chất từ những ngày hòa bình.

Còn các vị tướng của Quân lực Việt nam Cộng hòa, theo tôi biết chưa thật đầy đủ, cũng có những vị tướng có tài như Nguyễn Đức Thắng, Đỗ Cao Trí, Ngô Quang Trưởng... Nhưng nhìn chung, đánh giá một cách khách quan trong điều kiện hoàn cảnh chiến tranh lúc bấy giờ, hầu hết các vị tướng của Quân lực Việt nam Cộng hòa nhiệm vụ tham nhũng khá nặng, làm ảnh hưởng đến uy tín của mình trước hàng quân và trong xã hội. Người ta đã nói nhiều đến các vị tướng ăn chơi, buôn lậu v.v... Và điều này cũng làm giảm sức chiến đấu của quân đội. Về hàng ngũ sĩ quan trung cấp của cả hai bên có thể nói là xấp xỉ ngang nhau. Tôi đã gặp anh em ở Quân đội Nhân dân Việt nam và sau này có quen biết một số sĩ quan cấp tá của Quân lực Việt nam Cộng hòa, tôi thấy, trình độ của các sĩ quan Việt nam Cộng hòa không kém, thậm chí họ được huấn luyện chính quy qua các trường cao đẳng quốc phòng, trường sĩ quan Đà Lạt và các trường huấn luyện khác qui mô hơn. Một số còn được bổ túc ở các trường quân sự Hoa Kỳ. Họ am hiểu nhiều về chiến thuật chung của quân sự phương Tây và công tác tổng kết chiến trường cũng rất

khá, không kém gì sĩ quan của Quân đội nhân dân Việt nam. Có những mặt về kĩ thuật quân sự như truyền tin, không quân, hải quân, pháo binh v.v... họ được huấn luyện chính quy hơn, tỉ mỉ hơn. Càng xuống cấp dưới, từ sĩ quan sơ cấp, hạ sĩ quan đến binh sĩ thì không thể nói là bên nào khá hơn. Mặc dù chiến thắng thuộc về phía quân đội miền Bắc, nhưng không thể nói binh sĩ trong Quân lực Việt nam Cộng hòa không thể hiện sự dũng cảm. Cả hai bên đều có những đơn vị thiện chiến chủ lực, như Quân lực Việt nam Cộng hòa có các đơn vị thủy quân lục chiến, dù, biệt động... Quân đội nhân dân Việt nam có các quân đoàn 1, quân đoàn 2, các đơn vị đặc công, một số đơn vị tên lửa, không quân... vừa có trình độ huấn luyện tốt vừa có nhiều kinh nghiệm chiến đấu.

Có thể nói thêm gì về Quân lực Việt nam Cộng hòa, theo ý ông?

Cho đến nay, với thời gian, tôi càng hiểu rõ hơn về quân đội ấy. Hơn bảy năm nay, tôi đã gặp khá nhiều sĩ quan, hạ sĩ quan, binh sĩ vốn thuộc Quân lực Việt nam Cộng hòa. Một số người đã trở thành bạn tôi, có người khá thân nữa. Quân lực Việt nam Cộng hòa có những khó khăn, nhược điểm ở ngay sự ra đời và phát triển của nó. Nó được chính quyền thực dân Pháp lập nên, được người Pháp tổ chức và huấn luyện. Các sĩ quan cấp cao nhất hầu hết là học ở các trường quân sự của thực dân Pháp. Các tướng Nguyễn Văn Thiệu, Nguyễn Cao Kỳ, Nguyễn Văn Linh, Trần Văn Đôn, Dương Văn Minh, Phạm Văn Phú, Đỗ Cao Trí, Ngô Quang Trưởng, Đỗ Mậu... đều thế cả. Trước nhân dân cả nước Việt nam, trước dư luận quốc tế, quả thật là có nhiều khó khăn, khi muốn dành cho quân đội ấy những chữ "yêu nước", chính nghĩa", khác hẳn với Quân đội Nhân dân Việt nam. Tất nhiên điều này, anh em binh sĩ, sĩ quan sơ cấp và trung cấp của Quân Đội Việt nam Cộng Hòa không chịu trách nhiệm. Nó thuộc về lịch sử.

Ngoài khó khăn rất cơ bản và khách quan ấy đã đưa Quân lực Việt nam Cộng hòa đến chỗ thua trận, còn một lý do quan trọng nữa. Đó là chiến lược sai lầm, vội vã rút bỏ Tây Nguyên giữa tháng 3.1975, gây nên sụp đổ dây chuyền về ý chí, kỷ luật và thể trận, mà dù Quân lực Việt nam Cộng hòa có những tướng giỏi về chỉ huy tác chiến,

như Lý Tông Bá, Ngô Quang Trưởng, xông xáo như tướng Lê Minh Đảo... hay có người sống giản dị, liêm khiết như Nguyễn Viết Thanh..., có khí tiết như các tướng Nguyễn Khoa Nam, Phạm Văn Phú, Lê Văn Hưng cũng không cứu vãn nổi tình thế.

Có đơn vị chiến đấu Liên xô, Trung Quốc trên chiến trường Việt nam không?

Tôi có thể khẳng định: hoàn toàn không có đơn vị chiến đấu Liên xô và Trung Quốc ở chiến trường Việt nam. Theo tôi biết, ở chiến dịch Biên giới cuối năm 1950, chỉ có một cố vấn quân sự Trung Quốc. Nhà quân sự Trung Quốc đầu tiên đến Việt nam vào tháng Giêng năm 1950 là La Quý Ba, cấp tướng, trước đó là chánh văn phòng Quân ủy Trung ương đảng Cộng sản Trung Quốc, với chức vụ là đại sứ Trung Quốc đầu tiên ở nước Việt nam Dân chủ Cộng hòa (nay là cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt nam), ngay sau khi Trung Quốc chính thức công nhận Hà Nội.

Tháng 8.1950, đoàn cố vấn quân sự Trung Quốc đầu tiên đông gần một trăm người đã đến Việt Bắc. Đoàn do đại tướng Vi Quốc Thanh dẫn đầu, mang mật danh là "Tổ công tác Trung-Nam". Trước đây, tướng Vi là chính ủy Quân đoàn 10, thuộc Đệ Tam đã chiến quân của Quân giải phóng nhân dân Trung Quốc. Từ tháng 3.1950 nhiều đơn vị quân đội Việt nam sang Vân Nam và Quảng Tây để chở vũ khí, đạn dược, mìn, chất nổ, trong đó có nhiều súng máy và đại bác các cỡ về Việt nam.

Trong chiến dịch Biên giới bắt đầu từ giữa tháng 9.1950, hơn 40 cố vấn Trung Quốc đã có mặt ở các sư đoàn, trung đoàn của Việt nam, mỗi đơn vị có từ ba đến sáu cố vấn Trung Quốc. Không có ai tham gia chiến đấu trực tiếp. Các trận bao vây Cao Bằng và Lạng Sơn, tiến công hạ đồn Đông Khê, diệt binh đoàn Lơ-pa-giơ (Lepage) và Sác-tông (Charton), giải phóng một vùng biên giới rộng, đều có sự góp ý của cố vấn Trung Quốc vào kết hoạch quân sự của Quân đội nhân dân Việt nam. Công bằng mà nói, đại tướng Trung Quốc Trần Canh, một tướng có nhiều kinh nghiệm chiến đấu, tư lệnh của Quân đoàn 20, ủy viên Trung ương đảng Cộng sản Trung Quốc, được cử

sang Việt nam từ tháng 6.1950 để giúp Việt nam chuẩn bị chiến dịch Biên giới, đã đóng góp đáng kể cho chiến dịch này. Ông to béo, mỗi lần lên ngựa lại phải có người "bê" lên. Ngay sau khi chiến dịch Biên giới kết thúc, ông được lệnh về gấp Trung Quốc vào đầu tháng 11.1950 để nhận chức phó tổng tư lệnh chỉ huy quân Trung Quốc sang tham chiến ở Triều Tiên và là phó tướng của nguyên soái Bành Đức Hoài.[16]

ở chiến dịch Điện Biên Phủ, theo tôi được biết, cũng không có một quân nhân Trung Quốc nào tham gia chiến đấu. Tổng cố vấn Vi Quốc Thanh dự chiến dịch, nhưng không ở cùng chỗ với tướng Giáp, là tổng tư lệnh chiến dịch, đóng bản doanh ở Mường Phăng. Các sư đoàn đều có tổ cố vấn Trung Quốc. Vũ khí Trung Quốc được chuyển đến ngày càng nhiều, nhưng đều do bộ đội Việt nam nhận tại các binh trạm Bằng Tường và Hồ Khẩu ở biên giới. Có ai đó nói rằng, ở Điện Biên Phủ, lính Trung Quốc đánh nhau với lính Pháp là hoàn toàn sai sự thật!

Tôi biết rõ, sau khi sáu tiểu đoàn quân Pháp nhảy dù xuống Điện Biên vào ngày 20 tháng 11. 1953 để lập căn cứ, tướng Giáp đã đề ra ngay việc chuẩn bị tiến công cả Lai Châu và Điện Biên. Phương châm tác chiến là "tiến nhanh, giải quyết nhanh", vì quân Pháp chưa kịp củng cố hệ thống phòng thủ. Cố vấn Trung Quốc đồng ý phương châm này, nói theo kiểu Trung Quốc là "khoái tả, khoái diệt". Ngày 20.1.1954, cuộc tiến công đã được dự định thì đột nhiên phải đình lại. Phương châm tác chiến thay đổi thành "đánh chắc, tiến chắc". Sự thay đổi phương châm là do tướng Giáp đề xuất, vì tình hình đã thay đổi quân Pháp đã có hơn 16 tiểu đoàn, công sự hào ngầm đã được củng cố vững chắc, dây thép gai, ụ pháo, ụ súng máy được bố trí dày đặc, lại có không quân yểm trợ ngày đêm. Các cố vấn Trung Quốc cũng đồng ý thay đổi phương châm tác chiến. Cuộc tiến công phải chuẩn bị thêm đến gần 50 ngày đêm nữa, để khởi đầu vào ngày 13.3.1954. Một trong những yếu tố quyết định thắng lợi là hệ thống hào hào được xây dựng theo lối đào dũi, bao vây, chia cắt trận địa của đối phương, thắt chặt, lấn dần bằng xẻng cán ngắn, sắc, kết hợp với các hầm pháo được giấu kín, bắn cầu vòng và bắn thẳng, cùng với nhiều trận địa pháo giả, tạo khói nghi binh để đánh lừa pháo đối phương..



Trong cuộc chiến đấu chống không quân Mỹ ở miền Bắc, từ cuối năm 1967 có một số đơn vị cao xạ Trung Quốc tham gia bắn máy bay Mỹ, nhưng không nhiều. Họ chỉ bố trí trận địa ở phía bắc sông Hồng hoặc gần Hà Nội, như ở các tỉnh Hà Bắc, Bắc Thái, Quảng Ninh... xa các thành phố và thị trấn, nơi máy bay Mỹ ít đánh phá. Họ đóng quân trong rừng, ở xa vùng dân cư. Số máy bay do pháo cao xạ Trung Quốc bắn rơi rất ít thấy. Mục đích chính của họ có vẻ chủ yếu là thu thập kinh nghiệm chiến đấu.

Binh lính Liên xô không có mặt ở Việt nam, nhưng chuyên gia kỹ thuật quân sự và cố vấn quân sự thì khá đông, có lúc tới hơn 2000 người. Họ làm cố vấn ở Bộ Quốc phòng, Bộ tổng tham mưu, ở các tổng cục và cục chuyên môn, ở các quân đoàn, sư đoàn, học viện, viện kỹ thuật quân sự... Chuyên gia không quân, tên lửa, hải quân, ra-đa của Liên xô cũng luôn có mặt. Đó là chưa nói đến hải quân Liên xô thuộc Hạm đội phía Đông đóng ở căn cứ Cam Ranh sau ngày 30.4.1975.

Những trang bị quân sự của Liên xô và Trung Quốc, những kinh nghiệm phong phú về chiến tranh du kích, về "công kiên" và "vận động chiến" của Trung Quốc, những kinh nghiệm về "hợp đồng binh chủng" của Liên xô... đã có tác dụng to lớn đối với việc nâng cao trình độ chiến đấu của Quân đội Nhân dân Việt nam từ khi đội quân này được thành lập cho đến nay. Nhưng cách đánh trận thì phải hoàn toàn Việt nam.

Những lúc nào ông cảm thấy chiến tranh gặp khó khăn và làm phía Việt nam lo ngại, bối rối?

Khó khăn trong chiến tranh nhiều vô kể, vì nền kinh tế của Việt nam lạc hậu, trong khi đó quân đội Pháp và quân đội Mỹ đều được trang bị tối tân. Thời điểm khó khăn, đáng lo ngại nhất có lẽ là khi quân Mỹ bắt đầu được đưa ồ ạt vào miền Nam Việt nam. Chúng tôi lo rằng quân đội chúng tôi khó đương đầu nổi với quân đội Mỹ có hỏa lực mạnh, với sự yểm trợ rất lớn của không quân, trực thăng, pháo binh, xe bọc thép, xe tăng. Nhưng sau các trận Plây-me, Ya-drang, sau

các chiến dịch Gian-xơn Xi-ti Xê-đa Phô, át-lê-bô-rô... chúng tôi bớt lo. Quân Mỹ không có gì thật ghê gớm. Chúng tôi đã tìm ra cách đánh thích hợp. Chúng tôi hiểu, đánh nhau với quân đội Mỹ, không cần thắng lợi trọn vẹn, chỉ cần không chịu thua, bền bỉ đương đầu là thắng. Mà phía quân đội Mỹ không thắng được chúng tôi có nghĩa là thua.

Có những lúc đứng trước sự chênh lệch quá lớn, người ta dễ bị ngợp. Trên đường mòn Hồ Chí Minh, nhìn lên trời, nhiều máy bay vận tải C.130 của Mỹ bay qua, chở hàng chục tấn hàng quân sự và cả một đại đội chiến đấu trong bụng nó, mỗi giờ bay được gần một ngàn kilômét. Trong khi chúng tôi vai vác ba, bốn chục ki lô, suốt một ngày chỉ đi được ba chục kilômét. Một bã người, có lúc thấy nản, nhưng rồi lại tự động viên bằng ý chí vượt khó, lại còn cảm thấy tự hào về sức bền bỉ, dẻo dai của mình. Phần đông chúng tôi vẫn giữ một niềm tin lạc quan. Động viên nhau giữ vững tinh thần, nên có lo ngại, nhưng không bối rối. Số bối rối, tuyệt vọng, nản chí, bỏ cuộc, bị chiêu hồi không đáng kể. Lúc đầu gặp cuộc ném bom rải thảm của máy bay B-52, tôi cũng sợ. Lúc ấy là ở Quảng Trị tháng 5.1972. Sau thì quen, vì bom tỏa rộng, chỉ khi nào bom trúng như ném vào lỗ đáo thì mới nguy, cứ có hầm, hố có mái che bằng gỗ cây là yên chí. Các cuộc ném bom của không quân Mỹ trên miền Bắc cũng vậy. Một, hai lần đầu thì giật mình, lo sợ. Sau cứ ung dung xuống hầm, báo động xong lại làm việc, đọc sách, đi chơi bình thường như không có gì xảy ra. Khả năng thích ứng của con người với hoàn cảnh thật vô cùng!

Hiệp định Paris về Việt nam được ký vào tháng 1.1973 đã có tác dụng gì?

Lợi thế của chúng tôi đã quá rõ. Quân Mỹ phải rút hết. Tôi tham gia tổ kiểm soát cuộc rút quân Mỹ cuối cùng ở sân bay Tân Sơn Nhất. Anh thượng sĩ không quân Mc Bielke là quân nhân Mỹ cuối cùng. Không có điều kiện nào buộc chúng tôi phải rút quân khỏi miền Nam Việt nam. Lập luận chúng tôi đơn giản là, cả quân đội Việt nam Cộng hòa và nửa triệu quân Mỹ không thắng nổi chúng tôi, nay quân Mỹ rút đi, chỉ còn quân đội Việt nam Cộng hòa, thì chúng tôi chắc chắn

thắng. Chúng tôi hiểu rằng, cần đưa thêm nhiều quân miền Bắc vào miền Nam. ý định thành lập các đơn vị cỡ quân đoàn được đặt ra (mỗi quân đoàn có ba sư đoàn bộ binh và một sư đoàn thiết giáp) một cách khẩn trương. Quân đoàn 1 được hình thành ngay cuối năm 1973.

Một lợi thế nữa là chúng tôi có đoàn đại biểu quân sự của "quân Giải phóng miền Nam" ở ngay Tân Sơn Nhất, trong Ban liên hợp quân sự hai bên. Đoàn thường xuyên có công việc đi Lộc Ninh và nhiều nơi khác như Mỹ Tho, Phan Thiết, Đà Nẵng, Huế... Đây là "trạm quan sát" lợi hại, có thể nắm bắt nhanh nhạy tình hình chính trị, quân sự, tâm lý của người Mỹ và Sài Gòn, thu lượm tin tức tình báo để báo cáo cho lãnh đạo ở Hà Nội. Các đoàn quốc tế giám sát việc thi hành Hiệp định Paris gồm các sĩ quan Ba-lan và Hung-ga-ri cũng rất có ích cho việc thu lượm tin tức thăm dò đối phương.

Công cuộc "đổi mới" ở Việt nam diễn ra như thế nào?

Khác với Liên xô cũ và Trung Quốc, ở Việt nam không có ai là "kiến trúc sư của "đổi mới" cả. Đảng Cộng sản Việt nam chưa có ai như Goóc-ba-chốp (M. Gorbachew)[17] cũng chưa có ai như Đặng Tiểu Bình[18]. Đảng Cộng sản Việt nam, vì bó buộc, phải thoát ra khỏi cảnh "đói nghèo tập thể" mà bắt đầu đi vào "đổi mới". Do "đổi mới" một cách bị động, nên "đổi mới" nửa vời, cảm chừng với đầy mâu thuẫn chông chéo nhau. "Đổi mới" khá rõ về kinh tế, nhưng "đổi mới" chậm chạp, đầy lo sợ về chính trị. Thực hiện kinh tế thị trường, tự do kinh doanh, nhưng không công nhận quyền sở hữu cá nhân về đất đai (theo Hiến pháp, mọi đất đai thuộc về toàn dân). Thực hiện kinh tế nhiều thành phần, nhưng sở hữu quốc doanh vẫn là chủ đạo, chiếm 60% tổng sản phẩm công nghiệp hàng năm. Đảng cộng sản vẫn độc quyền lãnh đạo. Bầu cử vẫn là "đảng chọn dân bầu v.v... Những người bất đồng chính kiến vẫn bị bịt miệng, quản thúc, giám sát và giam giữ. Tự do báo chí bị từ chối.

Do "đổi mới" không mạnh dạn, không chủ động, không hài hòa và toàn diện, nên tuy có một số kết quả rõ về mặt kinh tế, công nghiệp phát triển ít nhiều, sản xuất dầu thô, gạo, cao su, cà phê... tăng khá,

nhưng các mâu thuẫn xã hội, chênh lệch giàu nghèo, bất công giữa các vùng càng tăng. Đặc biệt hai năm nay tốc độ tăng trưởng chậm lại, đầu tư từ nước ngoài đình đốn, khách du lịch giảm, nông dân bắt đầu dẫn đến những cuộc đấu tranh lan rộng ở 128 xã thuộc riêng tỉnh Thái Bình và cả vùng đồng bằng sông Hồng (các tỉnh Hải Dương, Hưng Yên, Sơn Tây, Thanh Hóa...) trong tháng 5 và 6.1997.

Đảng Cộng sản Việt nam vẫn bị quá khứ đè nặng. Họ vẫn tụng niệm chủ nghĩa Mác-Lênin, rêu rao trung thành với chủ nghĩa xã hội, tổ chức kỷ niệm trọng thể Cách mạng tháng Mười Nga lần thứ 80 ở Hà Nội...

Quan hệ Mỹ-Việt hiện nay ra sao và có triển vọng như thế nào?

Đã có một số tiến triển. Lệnh cấm vận của Mỹ đối với Việt nam đã bãi bỏ từ năm 1994, quan hệ giữa hai nước được bình thường hóa vào giữa năm 1995. Đại sứ của hai nước đã nhận nhiệm vụ. Các cuộc thương lượng về việc Mỹ chấp nhận Việt nam được hưởng tối huệ quốc trong quan hệ buôn bán Mỹ-Việt đang được tiến hành. Việc giúp đỡ nhau để giải quyết các vấn đề tồn tại có liên quan đến tù binh chiến tranh và quân nhân Mỹ mất tích ở Việt nam (POW-MIA) đang tiến triển có khả quan. Tuy nhiên, vẫn còn lắm trắc trở. Trắc trở lớn nhất là Hà Nội nhìn sang Oa-sinh-tơn với đôi mắt đầy nghi kỵ. Họ chưa dứt khoát giở sang trang mới trong quan hệ giữa hai nước. Họ lập luận: "Mỹ đang có thái độ hai mặt". Mỹ vừa muốn mở rộng quan hệ buôn bán, giao dịch kinh tế để phục vụ quyền lợi của Mỹ, lại vừa muốn đảng Cộng sản Việt nam phải thực hiện dân chủ, đa nguyên, đổi mới mạnh hơn cả về kinh tế lẫn chính trị. Hà Nội cho rằng, việc các nước, trong đó có Mỹ, ép Việt nam thả tù chính trị, lên án Việt nam vi phạm nhân quyền là can thiệp vào chủ quyền của Việt nam. Việt nam rất muốn Hoa Kỳ dành cho qui chế tối huệ quốc (MFC) trong giao thương, nhưng lại sợ nguy cơ "diễn biến hòa bình", chủ yếu là đến từ phía Mỹ, có thể lật đổ chế độ của họ. Hà Nội nhìn Oa-sinh-tơn với con mắt vừa muốn là bạn, vừa có mặc cảm cho là kẻ thù nguy hiểm.

Về chiến lược ngoại giao, trong đảng Cộng sản Việt nam đang có

phân hóa. Giới lãnh đạo chớp bu muốn xu hướng gắn bó toàn diện với Trung Quốc phải là chính, do chung một chế độ chính trị độc đảng, cùng tuyên bố xây dựng chủ nghĩa xã hội, cùng nói là theo chủ nghĩa Mác-Lênin, cùng "đổi mới" theo một kiểu. Vấn đề xâm lược, xung đột chiến tranh như năm 1979 là chuyện eũ, chuyện lịch sử, tạm thời cho vào quá khứ. Ngược lại, có một số cán bộ ngoại giao, cán bộ kinh tế, cán bộ trẻ cùng đông đảo nhân dân lại muốn quan hệ tốt với cả Trung Quốc và Mỹ cũng như với các nước phương Tây, trong đó nên nặng hơn về Mỹ và phương Tây, vì tiềm lực kinh tế, tài chính của các nước đó lớn, kỹ thuật hiện đại, khả năng đầu tư dồi dào; họ chỉ rõ rằng chính Trung Quốc cũng phải cầu cạnh để có quan hệ tốt với Hoa Kỳ. Xu thế này có chiều hướng tăng thêm với thời gian, gắn liền với xu hướng đổi mới cả về chính trị một cách rõ ràng. Triển vọng lâu dài trong quan hệ Việt-Mỹ là thuận lợi.

Tôi lạc quan ngay cả đối với tương lai không xa. Vì trong thời "mở cửa" hiện nay, giao lưu trong và ngoài nước đã mở rộng, thông tin từ thế giới dân chủ tràn vào không có cách nào ngăn chặn hay sàng lọc nổi. Nếp sống, nếp nghĩ mới thấm dần vào xã hội theo nhiều tốc độ khác nhau. Văn nghệ sĩ, trí thức, nhà kinh doanh, tuổi trẻ... tiếp thu nhanh nhất.

Trong đảng cộng sản tiếp thu chậm, chậm nhất là bộ phận lãnh đạo bảo thủ. Ngày càng có nhiều cán bộ trẻ, có tài năng đi học ở Mỹ, Ca-na-đa, ở các nước châu Âu, Úc, có học bổng hoặc tự túc. Họ tiếp thu sâu sắc nếp sống dân chủ ở các nước đó... Lợi thế nói trên không nhỏ; bà con người Việt ở nước ngoài về thăm nhà, khách du lịch từ Mỹ và phương Tây vào Việt nam cũng góp phần đáng kể cho xu thế dân chủ hóa ở trong nước.

Về POW-MIA ý kiến của ông ra sao?

Cuối năm 1991, theo lời mời của ủy ban đặc biệt về tù binh chiến tranh và người mất tích của quốc hội Hoa Kỳ, tôi có trình bày ý kiến riêng của tôi tại quốc hội. Tôi nói rõ thái độ của tôi là nói lên sự thật mà tôi biết, không thêm bớt. Không phải giới lãnh đạo trong nước

lúc ấy có thái độ vu cáo, chụp mũ tôi là "phản bội", "phản động mà tôi nói sai về họ.

Tôi cho rằng, sau khi Hiệp định Paris được ký kết, thái độ của Hà Nội trong vấn đề trao trả tù binh là rõ ràng: trả gọn, trả hết tù binh Mỹ để nhận đủ, nhận hết người của mình. Tôi là ủy viên chính thức đoàn miền Bắc, còn là người phát ngôn chính thức của đoàn, tôi được đọc các bức điện hàng ngày dịch điện mật mã được đánh đi từ Hà Nội cho đoàn ở trong sân bay Tân Sơn Nhất (trại Đa-vít), chỉ đạo cụ thể việc thi hành Hiệp định. Đó là những bức điện của ông Lê Duẩn, tổng bí thư đảng Cộng sản Việt nam, ông Phạm Văn Đồng chủ tịch Hội đồng bộ trưởng, đại tướng Võ Nguyên Giáp... Trước đó, tôi đã có dịp đến tất cả trại tù binh Mỹ (ở Hà Nội, Hà Tây), gặp gần hai trăm tù binh Mỹ, viết một cuốn sách phóng sự về tù binh Mỹ và nhiều bài báo về đề tài này. Bạn thân tôi, đại tá Nguyễn Thúc Đại cùng học một lớp với tôi khi còn trẻ ở Huế, là cục trưởng Cục địch vận, trong đó có phòng quản lý trại tù binh, nên tôi hiểu khá rõ. Tôi gần như được tự do đọc hồ sơ mật về tù binh Mỹ ở các trại giam, do các trại trưởng, thường là cấp trung tá và thiếu tá mà tôi là đại tá, họ nể tôi, họ đưa cho tôi đọc.

Tôi có nói rõ số tù binh Mỹ mất tích nhiều vì máy bay của họ bị bắn rơi nhiều về. Có chiếc đâm xuống biển, nhiều chiếc rơi vào rừng rậm ở Tây Bắc, miền Trung và bên Lào, nơi rất ít dân cư, đường xá ít. Rừng nhiệt đới rậm đến nỗi cách xa chừng hai trăm mét đã không thấy xác máy bay và xác người. Mưa, nắng, lũ, lụt... làm mất vết tích. Chính chúng tôi có một trực thăng chở sĩ quan Việt nam và Liên xô gần mười người bị rơi vì tai nạn ở vùng tây Nghệ An, Hà Tĩnh năm 1984 mà huy động cả trực thăng, bộ binh, dân quân địa phương đông đảo đi tìm hàng tháng mà không thấy một dấu vết nào. Tôi đã đề xuất là nên yêu cầu phía Việt nam đưa ra các sổ sách gốc nhập trại, cấp phát đồ dùng, các báo cáo hàng tháng của các trại, các tài liệu của các ban biên tập lịch sử tỉnh, đảng bộ địa phương, các ban sưu tầm hiện vật bảo tàng tỉnh, huyện, vì việc bắn rơi máy bay Mỹ, bắt tù binh Mỹ được coi là chiến công nổi bật của các tỉnh, huyện..., thì có thể căn cứ vào đó mà biết thêm một số trường hợp. việc này sau đó đã được thực hiện.

Liệu có việc đưa tù binh Mỹ sang Liên xô không?

Theo tôi biết là không! Vì tôi có qua Mát-xcơ-va một số lần, có lần ở trong đoàn quân sự cấp cao mà không hề nghe nói đến chuyện này. Hơn nữa, Liên xô sẵn có tùy viên quân sự ở Hà Nội, trong đó có sĩ quan quân báo tại chỗ. Họ rất quan tâm thu lượm tin tức về vũ khí mới, chiến thuật của không quân Mỹ và những tin tức quân sự khác qua sĩ quan không quân Mỹ bị bắt. Theo lệnh trên, Bộ tổng tham mưu và Cục địch vận sẵn sàng giúp đỡ họ, cho họ gặp tù binh, thông báo cho họ biết những tin tức phía Việt nam khai thác được, không cần phải đưa tù binh sang Liên xô.

Khi ông Bô-rít En-xin (Boris Eltsin)[19] sang Mỹ năm 1995 có nói rằng, Liên xô có giữ tù binh Mỹ, Lầu năm góc hỏi ý kiến tôi qua điện thoại vào ban đêm, tôi trả lời ngay rằng: tôi tôn trọng tổng thống En-xin, nhưng trong vấn đề này tôi nghĩ ông ta đã nói một điều không có thật. Sau đó, Lầu năm góc cảm ơn tôi và cho biết sứ quán Mỹ ở Mát-xcơ-va cũng cùng một ý kiến như vậy.

Vậy về những ý kiến của nhà nghiên cứu Stê-phan Mo-rítx (Stephan Morris) liên quan đến các tài liệu mật được tiết lộ từ kho lưu trữ ở Mát-xcơ-va, ông đánh giá thế nào?

Ông Mo-rítx nhiều lần gặp tôi ở Mỹ và ở Pháp, cũng nhiều lần gọi điện thoại và viết thư cho tôi về vấn đề này. Lầu năm góc cũng gửi tôi các tài liệu lưu trữ ở Mát-xcơ-va và cử sĩ quan chuyên về vấn đề POW-MIA nhiều lần gặp tôi. Hai tài liệu: Báo cáo của tướng Trần Văn Quang trước Bộ Chính trị ngày 26.6.1972 và báo cáo của ông Hoàng Anh, bí thư Trung ương đảng Cộng sản Việt nam tại Hội nghị Trung ương lần thứ 20 (khóa 3) tháng 12.1970 và tháng Giêng năm 1971 Cục quân báo Bộ Quốc phòng Liên xô đều có dưới dạng bản dịch tiếng Nga (không có nguyên bản tiếng Việt) và được xếp vào loại tuyệt mật.

Báo cáo của tướng Trần Văn Quang không nói đến tù binh Mỹ, mà chỉ cho biết từ ngày 30.3.1972 đến tháng 6 năm ấy đã có gần 200

máy bay Mỹ bị hạ ở miền Bắc. Còn máy bay "ta" bị mất 27 chiếc. Báo cáo của ông Hoàng Anh cho biết con số 785 phi công Mỹ bị bắt trên miền Bắc, nhưng chỉ có 368 người (50%) là đưa tin công khai. Một báo cáo khác của tướng Trần Văn Quang mới cực kỳ quan trọng, làm Stê-phan Mo-rítx giật mình. Đó là trích đoạn 6 trang bản báo cáo của Phó tổng tham mưu trưởng, trung tướng Trần Văn Quang tại cuộc họp bộ Chính trị ngày 15 tháng 9 năm 1972" (bản dịch tiếng Nga của Cục quân báo bộ Quốc phòng Liên xô), cho biết tổng số tù binh Mỹ ở Việt nam, Lào, Căm-pu-chia là 1.205 người. Theo báo cáo, số phi công Mỹ bị bắt ở Việt nam là 767 người, gồm số bị bắt ở miền Bắc là 624 và bị bắt ở miền Nam là 143. Số quân nhân Mỹ khác bị bắt ở miền Bắc là 47 người, đưa số tù binh Mỹ ở miền Bắc lên 671 người. ở miền Nam, tổng số tù binh Mỹ là 143 phi công cộng với 283 quân nhân các loại khác là 426 người. Do đó, tổng số tù binh Mỹ bị bắt ở cả hai miền Nam và Bắc Việt nam là 671, cộng với 426 người là 1.097 người.

Số tù binh Mỹ bị bắt ở Căm-pu-chia là 65, ở Lào là 43, tổng cộng số bị bắt ở cả ba nước là 1.205 người.

Trên miền Bắc Việt nam, số tù binh cấp tá của Mỹ bị bắt là 275, gồm 7 đại tá, 85 trung tá và 183 thiếu tá.

Bản báo cáo còn phân tù binh Mỹ bị bắt làm ba loại về chính trị và tinh thần. 372 người có quan điểm phải chăng, không "tiến bộ" cũng không "phản động". 368 có quan điểm "tiến bộ", có thể được thả trước hết. Còn lại 465 người có quan điểm "phản động". Tất cả tù binh sĩ quan cấp cao (senior officers) giữ quan điểm "phản động".

Điều đáng chú ý là, gắn liền với bản báo cáo này là 8 trang tóm tắt (đánh máy bằng tiếng Nga) của trung tướng Liên xô I-van-su-tin (Ivanshutin), Cục trưởng Cục quân báo thuộc Bộ Tham mưu quân đội Xô viết, nhắc lại những con số quan trọng về số lượng tù binh Mỹ ở Việt nam, Lào, Căm-pu-chia, về "những tài liệu quan trọng mà Việt nam đã thu được về quân đội Mỹ, trang bị chiến đấu các loại vũ khí Mỹ, kể cả vũ khí hóa học". Cho đến nay, ba tài liệu trên đây thật, giả ra sao vẫn chưa có kết luận dứt khoát.



Tướng Giôn Véc-xây (John Vessey), nguyên tổng tham mưu trưởng quân đội Mỹ (former Chairman of the U.S. Joint Chiefs of Staff) đã sang Hà Nội gặp tướng Trần Văn Quang. Phía Việt nam dứt khoát phủ nhận bản báo cáo trên, nói rằng lúc ấy (năm 1972) tướng Quang ở miền Nam, không hề có mặt ở Hà Nội và cũng không mang chức vụ Phó tổng tham mưu trưởng. Thêm nữa, năm 1972 cấp quân hàm của tướng Quang là thiếu tướng, chứ không phải là "trung tướng".

Tôi đọc rất kỹ cả ba tập tài liệu trên và rất phân vân để tìm ra sự thật. Không thể nói một cách chủ quan rằng chính quyền Việt nam hay nói dối, nói dối "thành thần", hoặc nói dối "không hề biết ngược" (vì cho rằng đánh lừa được địch là ưu điểm, là tài ba vì mục đích chính nghĩa...) để kết luận, họ cũng nói dối trong vụ này. Cũng không thể cho rằng đảng Cộng sản Việt nam vốn phụ thuộc vào đảng Cộng sản Liên Xô, luôn coi Liên xô là ông anh cả, để kết luận rằng đây là "tài liệu thật", Việt nam đã "thủ tiêu" nhiều tù binh Mỹ (vài trăm người??) và chắc chắn Việt nam có gửi tù binh Mỹ sang Liên xô.

Không thể suy luận khiên cưỡng, dễ dãi như vậy được. Chỉ có thể đặt ra những giả thuyết (supposition). Có người còn đưa ra vụ Stalin thủ tiêu hàng chục nghìn sĩ quan Ba Lan ở rừng Ka-tin (Katyn), mà mấy chục năm sau dư luận mới biết để nói rằng Việt nam cũng đã làm việc tương tự như vậy?

Tôi rất phân vân trong việc nhận xét tài liệu trên, vì:

- Tôi biết rất rõ tướng Trần Văn Quang hồi ấy ở chiến trường miền Nam, khi ông làm Tư lệnh mặt trận Thừa Thiên-Huế một thời gian dài và không còn trách nhiệm gì ở Bộ tổng tham mưu. Vấn đề tù binh Mỹ thuộc trách nhiệm của Tổng cục Chính trị, chứ không thuộc Bộ tổng tham mưu. Nếu cần báo cáo vấn đề này với Bộ Chính trị thì tướng Song Hào hoặc tướng Lê Quang Đạo, lúc ấy là chủ nhiệm và phó chủ nhiệm Tổng cục Chính trị, mới là những người thích hợp. Các con số ghi trên báo cáo chênh lệch quá lớn với con số tù binh

Mỹ được trao trả sau Hiệp định Paris tới 591 người. Làm sao có thể chênh lệch đến con số gần 600 người được Về báo cáo của ông Hoàng Anh, hồi ấy, ông đặc trách về nông nghiệp. Làm sao ông lại có thể báo cáo vấn đề quân sự, trong đó có vấn đề tù binh, tại cuộc họp của Ban chấp hành Trung ương đảng". Trong báo cáo của ông, khi đề cập đến vụ "Xét lại-chống đảng, có ghi rằng: "đã có mười sáu ủy viên Trung ương đảng ở trong nhóm cơ hội chủ nghĩa này", và có kể tên: "Lê Liêm, Nguyễn Khánh Toàn, Hà Huy Giáp, Bùi Công Trừng, Nguyễn Văn Vịnh, Song Hào"... Theo tôi được biết và được nghe phổ biến chính thức, ba ông Lê Liêm, Bùi Công Trừng, Nguyễn Văn Vịnh là đúng, còn ba ông Nguyễn Khánh Toàn, Hà Huy Giáp và nhất là Song Hào thì là sai, mà trong văn kiện của đảng thì không thể sai đến vậy. Số ủy viên Trung ương "chống đảng" chưa bao giờ lên quá con số 5 người, theo phổ biến chính thức. Một văn kiện đảng không thể sai đến như vậy được. Trong báo cáo của tướng Quang, có nêu một vài viên tướng của Sài Gòn nhưng tướng Ngô Du lại viết sai là "Ngô Đình Du, có lẽ lầm với một nhân vật dân sự là Trương Đình Du chẳng!? Nếu là báo cáo thật của tướng Quang, thì ông không thể nhầm lẫn tên của hai nhân vật ấy được.

Vấn đề ba tài liệu nói trên đã có thể khép lại chưa?

Lầu năm góc vẫn còn "nhức đầu về sự thật, giả của ba tài liệu trên đây. Nếu là giả, thì ai đã sáng tạo, bịa ra nó? Bịa ra để làm gì? Phía Việt nam bịa, hay phía Liên xô bịa ra? Nếu là từ phía Việt nam, thì do ai bịa ra, do đảng, chính phủ, hay do một nhân vật nào đó bịa ra để "bán" cho phía Liên xô? Gần đây, Lầu năm góc lại mong tôi giúp vài ý kiến để tiếp cận sự thật. Tôi chỉ ra hai hướng (pistes): một là khả năng ở Hà Nội, hai là khả năng ở Mát-xcơ-va.

Tôi cho rằng, nếu có việc che giấu, lừa dối, thủ tiêu tù binh Mỹ thì chắc chắn liên quan đến hàng vài chục người thực hiện. Một vài sĩ quan thân tín không thể làm được việc tày trời ấy mà không để lại dấu vết. Chuyện mới xảy ra hơn hai mươi năm, nên số người biết trực tiếp hoặc gián tiếp chuyện này, nếu có, ắt có nhiều người còn sống.

Những sĩ quan có trách nhiệm ở Tổng cục Chính trị ở Cục địch vận, ở các trại giam tù binh Mỹ (từ trưởng, phó trại, phiên dịch, quản giáo, canh gác, quản lý, tiếp phẩm, nấu cơm...), ở Văn phòng bộ Quốc phòng, ở Cục đối ngoại, ở Cục quân báo Bộ tổng Tham mưu... hiện đã di chuyển đi nơi khác, hoặc đã về hưu đều có thể cung cấp tin tức thật. Cuộc đấu tranh chống độc đoán, chống lừa dối, phơi bày sự thật, cải thiện quan hệ tốt đẹp Việt-Mỹ, đòi dân chủ... có thể là động cơ tìm ra sự thật.

Hương ở Mát-xcơ-va, trong các kho lưu trữ của Bộ Chính trị, Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, Cục quân báo, Cục đối ngoại thuộc Bộ Quốc phòng Liên xô.. chắc chắn còn nhiều tài liệu quý. Cần bỏ công sức tiếp cận, khai thác chúng. Hiện nay kho lưu trữ tuyệt mật của nước Nga đang trải qua củng cố. Tướng Vôn-cô-gô-nốp (Volkogonov), tổng giám đốc kho lưu trữ mật đã qua đời. Cán bộ lưu trữ lâu năm Vla-đi-mia Che-nút-x (Vladimir Chernous) bị sa thải vì tham nhũng. Sau vụ "Stê-phan Mo-rít-x", kho lưu trữ tạm thời đình lại việc cho người nước ngoài vào kho khai thác tài liệu, để củng cố. Bạn tôi ở Mát-xcơ-va cho biết, sau khi bà Quin-giốt (Quinn Judge) tiết lộ tài liệu lưu trữ về quan hệ vợ chồng giữa ông Hồ Chí Minh và bà Nguyễn Thị Minh Khai, đã có một số nhà nghiên cứu (hoặc an ninh mật đội lột nhà nghiên cứu?) từ Việt nam sang đến kho lưu trữ để tìm cách lấy đi (lén bỏ vào túi?) hoặc mua (với giá cao bằng đô-la) một số tài liệu "nhạy cảm" nhất. Ký ức, tài liệu của cá nhân (các cán bộ lãnh đạo của đảng, của bộ Ngoại giao, bộ Quốc phòng Liên xô cũ) cũng có thể có giá trị nếu tiếp cận, phỏng vấn, tìm hiểu.

Tôi tin rằng, người Mỹ đang cố gắng theo hai hướng này để tìm ra sự thật rõ ràng.

Một sĩ quan chuyên về POW-MIA ở Lầu năm góc cho tôi biết, cán bộ kho lưu trữ ở Mát-xcơ-va cho biết, có thể họ còn giữ băng ghi âm buổi báo cáo của tướng Trần Văn Quang tháng 2.1972 về tù binh Mỹ, khi Hiệp định Paris sắp được ký. Nếu quả vậy, tôi sẵn sàng giúp để nghe băng ghi âm ấy và xác định giọng trong băng có đúng là của tướng Quang hay không, vì tôi rất quen ông Quang, tôi từng ghé thăm gia đình và quê ông ở huyện Nghi Lộc (Nghệ An), nơi giọng

nói có âm sắc rất đặc biệt và tướng Quang đi nhiều nơi vẫn giữ nguyên giọng nói của vùng Nghi Lộc.

Ông nhận xét ra sao về cuộc Hội thảo Việt-Mỹ về chiến tranh Việt nam tháng 6.1997 ở Hà Nội.

Có lẽ ông Mc Namara và các nhà nghiên cứu trường đại học Brown dự hội thảo đó mới đưa ra được những nhận xét chính xác nhất. Ông Mc Namara nguyên là bộ trưởng Quốc phòng Mỹ trong thời kỳ chiến tranh với Việt nam. Ông là người đề xướng cuộc Hội thảo ở Hà Nội từ ngày 21 đến 23.6.1997, sau chuyến ông sang thăm Việt nam vào năm 1996. Trường đại học Brown được giao liên lạc và phối hợp tổ chức Hội thảo. Tham dự Hội thảo, phía Mỹ có hơn 40 học giả, gồm những tướng lĩnh, các nhà nghiên cứu, nhà sử học, các nhà lý luận quân sự, tình báo... như tướng William Smith, cựu trợ lý đặc biệt của Tổng tham mưu trưởng trước đây, ông (C. Cooper, người của cơ quan CIA; ông F. Peter, phó trợ lý bộ Quốc phòng và ông Mc Namara. Phía Mỹ mong rằng đây là một hội nghị mang tính khoa học và biểu thị sự tổng kết cuối cùng sau hơn 20 năm chấm dứt chiến tranh để bước sang một trang sử mới trong quan hệ Việt-Mỹ, khởi đầu một sự thân thiện. Nhưng đáng tiếc, phía Việt nam đã không đáp ứng được yêu cầu này. Việt nam đối với Mỹ vẫn đầy nghi kị, lo người Mỹ lật đổ, làm "diễn biến hòa bình"; họ không để ông Võ Nguyên Giáp tham dự hội nghị đó mà không nói rõ lý do. Ông Võ Nguyên Giáp chỉ tiếp phái đoàn Mỹ trong một buổi, hoàn toàn trái với mong đợi của phía Mỹ. Tôi biết nhiều người Việt nam ở Hà Nội cũng thất vọng. Những người cầm quyền ở đất nước vẫn chỉ quen độc thoại

Ngay trong quân đội Việt nam vẫn chưa có tổng kết chiến tranh. Có chăng là ba cuốn hồi ký dài, do ba ông tướng viết, mục đích để "tranh công", như dư luận Việt nam nhận xét. Nhiều cán bộ lão thành phàn nàn rằng: chiến tranh kéo dài, hy sinh bạo nhiều, thắng to như vậy, mà đến nay, hơn 20 năm rồi vẫn không có một bản tổng kết lịch sử ra trò? Trong quân đội và trong đảng, mọi việc đều phải tỏ ra nhất trí. Tranh luận hầu như bị gạt bỏ. Cho nên, cứ phải "nói theo nghị quyết". Mà nghị quyết thì gọn, khô. Các diễn văn, tổng kết đều

theo một kiểu công thức lười gối khô không khóc, nghe cứ như là xã luận báo Nhân Dân vậy...

Các "học giả" Việt nam dự Hội thảo như các ông Nguyễn Cơ Thạch (nguyên Ngoại trưởng từ đầu thập kỷ 90), Đinh Nho Liêm (nguyên thứ trưởng Ngoại giao), Trần Quang Cơ (thứ trưởng Ngoại giao), Đào Huy Ngọc (viện trưởng Viện quan hệ quốc tế), tướng Đặng Vũ Hiệp (Tổng cục Chính trị) hầu hết đều là viên chức mà phía Mỹ gọi là "lười gối", quen viết các văn kiện sáo rỗng của chế độ cung đình. Họ đâu có nói lên được những suy nghĩ cá nhân, những tìm tòi cá nhân, những ý kiến riêng độc đáo, sắc sảo? Tất cả đã được xét duyệt, uốn nắn, sửa kỹ từ trước. Hơn nữa, lãnh đạo ở Hà Nội coi đây là dịp tốt để "lên án mạnh mẽ tội ác đế quốc Mỹ" và bắt đền, ăn vạ, buộc chính phủ Mỹ phải bồi thường chiến tranh. Tư duy lãnh đạo của họ lạ lùng, thật không giống ai cả!

Trước khi Hội thảo ba ngày, cũng là trước một tuần lễ bà Ngoại trưởng Mỹ Me-đơ-lai On-brai (Madeleine Albright) đến Hà Nội, Thông tấn xã Việt nam (VNA) phóng ra những con số về tổn thất trong chiến tranh là 3 triệu người chết; 4,4 triệu người bị thương, trên 2 triệu người bị ảnh hưởng của chất độc hóa học, trong đó có chất độc màu da cam (orange agent), 50 ngàn quái thai sinh ra trong mười năm hậu chiến; 50% gia đình nạn nhân chiến tranh hiện sống trong tình trạng cơ cực, cần trợ giúp... Hà Nội không làm điều gì một cách ngẫu nhiên. Rõ ràng bản tin này để nhấn với Hội thảo về "tội ác chồng chất" của Mỹ, "nghĩa vụ bồi thường chiến tranh" của Mỹ - những kẻ phạm tội - cần phải thức tỉnh lương tâm.

Tên của Hội thảo là: "Những cơ hội bị bỏ lỡ". Ông Mác Na-ma-ra thất vọng nói: "Tôi không ngờ phía Việt nam lại tính toán sai lầm đến như vậy. Đây là một cơ hội mới mà chính phía Việt nam bỏ lỡ lần nữa". Do căn bệnh giáo điều, bảo thủ, căn bệnh "đấu tranh giai cấp không khoan nhượng với kẻ thù đế quốc", Hà Nội đã lại bỏ qua một cơ hội để hòa giải với Hoa Kỳ, để hòa nhập với thế giới hiện đại, để giở sang trang mới trong quan hệ Việt-Mỹ.

Tôi nghĩ, đó cũng là ý kiến của tướng William Smith, của cả ông

Chester Cooper, Francis M.Bator và của cả ông Mc Namara nữa, khi họ rời Hà Nội ngày 24.6.1997 vừa qua.

Tôi hy vọng rằng một thời gian nữa, khi Việt nam chấp nhận dân chủ và đa nguyên, đổi mới về chính trị đi cùng với đổi mới kinh tế, các cuộc hội thảo Việt-Mỹ sẽ rất sôi nổi và lý thú. Quân đội Việt nam không thiếu những sĩ quan tài giỏi, có trình độ khoa học. Hiện nay họ trao đổi ý kiến sôi nổi với nhau, nhưng còn bị như "dán băng keo ở miệng khi tiếp xúc với nước ngoài, nhất là khi tiếp xúc với những "kẻ thù cũ. Khi có dân chủ, đa nguyên, mỗi người Việt nam sẽ có thể là một ngôi sao lóng lánh với những vẻ đẹp khác nhau, mà nay họ vẫn chỉ là những hạt cát thụ động trong một chế độ độc đoán đậm mùi phong kiến, gia trưởng. Mấy năm qua, tôi đã dự những hội nghị khoa học về cuộc chiến tranh Việt nam tại các trường đại học và viện quân sự Hoa Kỳ. Thật là bổ ích và đúng là hội thảo khoa học. Những người tham dự hội thảo đều có trình độ, kinh nghiệm thực tế và lý luận, có ý kiến cá nhân sâu sắc, tranh luận sôi nổi, thẳng thắn. Không có tình trạng nhất trí xuôi chiều với nhau. Nhưng mỗi cuộc họp lại mở rộng hiểu biết, một số ý kiến đối lập nhích lại gần nhau, các kết luận đều phong phú, kích động những suy nghĩ mới.

ở Lúp-bốc, bang Téch-dớt, khi thăm Trung tâm nghiên cứu những cuộc xung đột ở Việt nam, tôi thấy tài liệu lưu trữ ở đó thật đồ sộ. Cuộc gặp gỡ với ông giám đốc Giam Réch-xnơ (J. Rechner) và giáo sư Đu-glát-x Pai-cơ (Douglas Pike) từ trung tâm lưu trữ Đông Dương (Indochine Archives) ở Xan Phran-xít-xcô (San Francisco) rời sang, thật lý thú vô cùng?

Ông đánh giá ra sao về chiến sự năm 1975?

Đầu năm 1975, không một ai trong chúng tôi, kể cả người lạc quan nhất, nghĩ rằng chiến sự sẽ kết thúc trong năm 1975 với toàn thắng của chúng tôi.

Đầu tháng 12.1974, trước trận tiến công vào tỉnh lỵ Bình Long, chúng tôi chưa chiếm được một tỉnh lỵ nào ở miền Nam. Trước đó

tỉnh lỵ Quảng Trị bị chiếm nhưng sau đó đã bị lấy lại. Chỉ có vài quận lỵ bị đánh chiếm là Lộc Ninh, Cam Lộ, Đắc Tô...

Chúng tôi nghĩ cuộc chiến đấu còn lâu dài. Trong cuộc họp cán bộ cấp cao cuối năm 1974 về tình hình và nhiệm vụ quân sự, về ý định của Bộ Chính trị giành thắng lợi cao nhất trong hai năm 1975 và 1976, năm 1976 là năm bầu tổng thống Hoa Kỳ, cũng chẳng ai nghĩ rằng cuối năm 1976 sẽ có thể chiếm được toàn miền Nam.

Trong chúng tôi, nhiều người lo rằng Liên xô và Trung Quốc đều mong muốn hòa dịu với Mỹ trong chuyến đi của tổng thống Ních-xơn (R. Nixon) sang Mát-xcơ-va và Bắc Kinh, do đó sự ủng hộ, chi viện cho chúng tôi sẽ gặp khó khăn với thời gian. Hướng suy nghĩ của phần lớn cán bộ cấp cao ở Hà Nội là còn phải đấu tranh lâu dài, kết hợp quân sự và ngoại giao, tiến công và đàm phán, tạo sức ép dư luận để miền Nam phải thay người lãnh đạo là tổng thống Nguyễn Văn Thiệu, tạo nên một kiểu chính phủ liên hiệp ở miền Nam Việt nam... Sau đó, sẽ có nhiều bước đấu tranh nữa.

Trước đó, tháng 8.1974, chúng tôi được cổ vũ bởi một tin bất ngờ từ Mỹ: tổng thống Ních-xơn bị kẹt cứng trong vụ Oa-tơ-ghét (Watergate), đã thoái vị. Phó tổng thống ác-niu (Agnew) lên thay cũng bị bê bối. Và tổng thống Pho lên làm tổng thống, không có một lá phiếu bầu. Ông Pho sẽ là một tổng thống yếu. Dịp may hiếm có, bất ngờ đã đến.

Chúng tôi thấm thía câu châm ngôn của Pháp "tự giúp trời sẽ giúp". Cứ cố gắng, sẽ tận dụng được nhiều cơ hội bất ngờ, quả vậy! Tháng 3.1975, chúng tôi lại tận dụng được thời cơ bằng vàng: sự hỗn loạn của các đơn vị quân đội Sài Gòn ở Tây Nguyên sau cuộc tiến công của Quân đội nhân dân Việt nam vào Buôn Ma Thuột, do quyết định rút bỏ Tây Nguyên của ông Thiệu tạo nên.

Một sĩ quan cấp cao của Mỹ nói với tôi trong một hội thảo ở Chi-ca-gô (năm 1996) rằng: tháng 4.1975, sau khi làm chiến tranh nhân dân mấy chục năm, các ông đã thực hiện "chiến tranh của người lính" thay vì chiến tranh nhân dân ( Replace Peoples war by Soldiers

war). Còn chúng tôi, trước kia chúng tôi chỉ mong các ông tác chiến như thế, binh đoàn cơ giới ngang nhiên kéo đi trên đường quốc lộ để phía chúng tôi tha hồ có mục tiêu mà tiêu diệt, khỏi ao ước tìm kiếm. Nhưng thật trớ trêu, khi có thừa mứa mục tiêu thì chúng tôi đành ngồi nhìn. Chính chúng tôi lại bỏ chạy, tan biến vào thiên nhiên, ra đại dương!

Ngày 30-4-/975 ông có mặt ở Sài Gòn, nay nhìn lại ông có những suy nghĩ riêng ra sao?

Nhìn lại một cách ngay thật thì cảm giác của tôi hôm ấy, hơn 23 năm trước, là: mệt, đói, khát, vui. Lo viết cho tốt bài tường thuật, tìm cách gửi ra Hà Nội được sớm.

Tôi không tự đề cao mình, không hề tự nhận là người nhận đầu hàng? Tôi chỉ là một nhà báo, có may mắn đi cùng một đơn vị đầu tiên đến trung tâm Sài Gòn để kịp chứng kiến một sự kiện lịch sử chiến tranh chấm dứt.

Tôi chỉ nhớ một câu nói với các ông Dương Văn Minh, Vũ Văn Mẫu, Nguyễn Văn Huyền, Nguyễn Hữu Có... hôm ấy: "Chỉ có người Mỹ thua, còn người Việt nam chúng ta đều thắng!" làm cho các ông ấy đang ưu tư, lo lắng bằng vui vẻ và bắt đầu cười (tôi còn giữ bức ảnh có hình ông Mẫu với nụ cười hôm ấy).

Từ khi ở trong nước, tôi rất buồn thấy ba hồi ký của ba ông tướng: Võ Nguyên Giáp, Văn Tiến Dũng và Trần Văn Trà, đều cố nhấn mạnh vai trò của cá nhân mình, một sự tranh công lộ liễu sau khi hàng triệu người đã bỏ mình. Cụ Ngô Thúc, một nhân sĩ Thăng Long có lý khi trách rằng từ sau chiến tranh đến nay vẫn chưa có một văn kiện tổng kết chiến tranh, sâu sắc, hóa giải các thù hận, mở ra một kỷ nguyên hòa bình, phát triển trên cơ sở đồng thuận quốc gia và dân tộc...

Sau ngày 30.4.1975, tình hình Việt nam diễn biến ra sao?

Sau 30.4.1975, tôi ở Sài Gòn liền hơn bốn năm, thỉnh thoảng mới ra



Hà Nội. Tôi làm nhiệm vụ tổ chức in báo Quân đội nhân dân ở Sài Gòn và thu lượm tin tức về mọi mặt ở miền Nam cho báo này. Người dân miền Nam yên lòng vì không có tẩm máu, không có tòa án nhân dân ở góc đường. Nhưng một loạt chủ trương làm họ lo sợ đến hốt hoảng. Các sĩ quan cũ, viên chức cũ, người thuộc các đảng phái cũ phải trình diện, học tập cải tạo, thực tế là ở tù mút mùa. Việc đổi tiền giáng vào cuộc sống của dân nghèo và tiểu thương (vì nhà giàu giữ vàng, chứ không giữ tiền). Các nhà buôn lớn, sản xuất lớn bị kiểm kê trong cái gọi là "cải tạo công thương nghiệp". Các khu "kinh tế mới" ở các vùng heo hút được mọc lên để tư bản, tiểu thương, dân nghèo "trở nên người lao động lương thiện", thực tế là đẩy họ theo kiểu "đem con bỏ chợ".

Các chủ trương trên làm tôi sửng sò, nản chí, hoài nghi. Việc thải loại các nhân vật trong chính phủ Cách mạng lâm thời, trong Mặt trận dân tộc giải phóng, giao cho họ những chức vụ hình thức (mặc dù họ là những trí thức tương đối trong sạch và có kiến thức hơn những người lãnh đạo đảng cộng sản) làm tôi nản lòng thêm. Làn sóng di tản lan rộng, hàng ngàn người, hàng chục ngàn người mỗi tháng lao ra biển cả, đi tìm một nơi xa xôi, bất định, để thoát cảnh nghèo khổ, tủ nhục, bị khinh thị, con cái không có tương lai ở trong nước. Tôi gặp và hỏi chuyện một số người di tản bị công an chặn giữ cốt để moi thêm vàng. Đây là những "giọt nước làm tràn cốc" trong lương tâm tôi. Đảng mà tôi tin cậy, tự hào... đã trở nên xa lạ với những chủ trương kỳ quặc, ngu dốt, đại dốt của những người say chiến thắng.

Tôi đã suy ngẫm và cho rằng đó là do tệ kiêu ngạo sau khi giành được toàn thắng quá lớn, ngoài mong đợi, những người lãnh đạo say mê với chiến thắng bất ngờ, tự cho phép mình làm mọi điều phi lý Tôi từng nghe họ nói: trên đời không gì khó bằng đánh thắng đế quốc Mỹ, tên đế quốc đầu sỏ, siêu cường số một của thế giới. Thắng Mỹ rồi thì làm gì cũng được cả! Từ đó là những chủ trương làm mất lòng dân, làm mất uy tín với thế giới, đẩy cả một bộ phận dân tộc ở miền Nam vào thế thù hận, đối kháng dai dẳng.

Cách đây hơn 20 năm, sau khi kết thúc chiến tranh, tình hình lúc ấy

ra sao và gây cho ông ấn tượng gì? ông nhận định như thế nào về diễn biến xã hội Việt nam sau ngày 30.4.1975?

Tôi eòn nhớ vào thời điểm sau ngày 30.4.1975, đại đa số nhân dân hết sức phấn khởi. Phấn khởi nhất là vì đất nước sau một thời gian dài chiến tranh, với biết bao hy sinh, đổ nát, bây giờ đã bước vào thời kì hòa bình. Đất nước bị chia cắt từ năm 1954, sau hơn 20 năm, nay đã thống nhất. Tôi nghĩ, vào thời điểm ấy nếu có sự lãnh đạo sáng suốt, chu đáo, có thảo luận một cách đầy đủ để có chủ trương đúng, làm thế nào để xây dựng đất nước Việt nam phát triển nhanh nhất, tận dụng ưu thế đất nước đã thống nhất và hòa bình, Việt nam sẽ tiến nhanh hơn nhiều. Nhưng ngay sau đó, tình hình diễn ra không như nhiều người mong đợi. Nay có dịp nhìn lại thì thấy rằng, ngay sau khi giành thắng lợi trọn vẹn, tình hình không diễn ra theo chiều hướng sáng sủa, mà càng ngày càng đi xuống một cách rõ rệt. Người ta nói cũng có lý rằng, sau chiến thắng thường bước vào kì thất bại, sau một thắng lợi lớn có khi lại rơi vào một thời kì hết sức đen tối. Những người lãnh đạo cộng sản bảo thủ ở Việt nam đã bắt đầu thua ngay sau thắng lợi huy hoàng, vì tầm nhìn nông cạn, vì hiếu thắng, chủ quan, vì sự kiêu ngạo, tự phụ của họ. Khi thắng lợi, nếu không tỉnh táo, sẽ dễ bị chất men tự phụ làm ngây ngất. Khi đã mất tỉnh táo tất sẽ mù quáng, cho mình là nhất thiên hạ, làm gì cũng thành công mà không có gì khó khăn trở ngại. Cho nên, họ không cân nhắc thận trọng và đầy đủ, không tính toán chu đáo và khoa học để có những chủ trương đúng. Sau đó, tôi thấy họ đề ra những chủ trương rất nguy hiểm và tệ hại.

Đó là:

- Cải tạo vôi vã nền kinh tế miền Nam do tham vọng đi lên chủ nghĩa xã hội, hợp tác hóa vôi vàng, dự định trong vòng hơn một năm là hoàn thành hợp tác hóa toàn miền Nam. Cải tạo công thương nghiệp ở miền Nam nhằm xóa bỏ công thương nghiệp tư nhân ngay tức thời, dưới danh nghĩa "đánh gian thương" Chính do cải tạo công thương nghiệp, xóa bỏ tầng lớp tư sản dân tộc đã làm cho tình hình kinh tế miền Nam nói riêng và cả nước nói chung bị ảnh hưởng trầm trọng và ngày càng xuống dốc.

- Chiến lợi phẩm thu được sau chiến tranh, như 27 tấn vàng trong ngân khố do phía Việt nam Cộng Hòa giao lại, và nhất là thiết bị, dụng cụ, máy móc, vật liệu. phục vụ chiến tranh do quân đội Mỹ để lại trong tổng kho Long Bình và ở nhiều nơi khác, có thể dùng trong hai, ba chục năm vẫn chưa hết. Chỉ tính riêng số bản kẽm dùng để in báo, tôi đã đến xem, thấy có thể dùng mấy chục năm không hết. Nếu số chiến lợi phẩm đó được bảo quản chặt chẽ, thống kê đầy đủ và sử dụng hợp lý, tiết kiệm, thì đây là một nguồn vốn lớn để phát triển đất nước. Nhưng thực tế, tất cả số chiến lợi phẩm đó không được quản lý tốt và đã bị phung phí, thất thoát, "rơi vãi" hết, thậm chí chui vào túi cá nhân, không phát huy tác dụng có lợi cho đất nước.

Sau khi giành thắng lợi, đáng lẽ quân đội có thể giảm quân số hoặc chuyển một số lực lượng quân đội, lúc bấy giờ khoảng 1 triệu 700 ngàn quân, vào những công việc cần thiết về kinh tế hoặc xây dựng hạ tầng cơ sở như đường sá, cầu cống... Nhưng lực lượng đó vẫn được giữ nguyên dưới cờ. Sau đó mấy năm tôi được theo một phái đoàn cao cấp của tổng bí thư đảng sang thăm Ấn Độ và In-đô-nê-xi-a. Trong lúc dự hội đàm, tôi giật mình và hết sức băn khoăn, vì như In-đô-nê-xi-a chẳng hạn, dân số gần 200 triệu người, gấp ba lần dân số của Việt nam lúc đó mà quân đội của họ chưa bao giờ lên trên 1 triệu quân. Những người lãnh đạo In-đô-nê-xi-a nói, nếu chúng tôi tăng quân đội lên trên 1 triệu người, thì nền kinh tế sẽ nguy ngập. Còn Ấn Độ có số dân đông gấp gần mười lần Việt nam, nhưng quân chính quy của họ chưa bao giờ vượt quá 1 triệu 200 người, bằng khoảng hai phần ba quân số của quân đội Việt nam. Số quân lớn như vậy là gánh rất nặng đối với nền kinh tế Việt nam vốn đã nghèo nàn lại càng thêm gay go. Điều đó làm tôi nản chí, muốn viết những bài báo để báo động vấn đề này, nhưng những người lãnh đạo không muốn nghe. Lập luận của họ là sau khi thắng lợi, nền kinh tế nhất định bay bổng và Việt nam sắp trở thành "con rồng mới" trong một thời gian ngắn.

- Tôi đã đề cập nhiều lần về chủ trương chính quyền trong nước đưa hơn 200 ngàn viên chức và sĩ quan trong chính quyền miền

Nam đi cải tạo trong các trại kiểu nhà tù để đầy đọa, hạ nhục họ. Lúc đầu nói "đi học tập ba tháng nhưng sau đó cứ kéo dài, ba năm, mười năm, có người tới mười ba năm. Tôi thấy chủ trương này rất sai lầm, độc ác, mang tính trả thù hèn hạ, đáng ra không nên có ở người chiến thắng và tự cho là "chính nghĩa

Xin ông cho biết ý kiến về sự kiện thuyền nhân diễn ra như thế nào? Nguyên nhân do đâu? Sự kiện thuyền nhân đã ảnh hưởng gì đến tình hình chung của Việt nam?

Sự kiện "thuyền nhân" ("boat people") có thể nói là một sự kiện bất hạnh cho Việt nam, nhiều người đã phải bỏ đất nước ra đi. Việc một số người Việt nam di tản vào tháng 4.1975 trước khi quân đội miền Bắc vào Sài Gòn là một vấn đề thực tế xảy ra khi cuộc chiến chuyển sang giai đoạn cuối. Người ta lo sợ cái gọi là "cuộc tắm máu" được bộ máy tuyên truyền của Mỹ và chính quyền miền Nam tung ra lúc đó. Tuy nhiên, cái gọi là "cuộc tắm máu" đã không xảy ra. Nhưng điều tôi cho là cay nghiệt không kém là chính sách phân biệt đối xử như tôi đã nói ở trên. Sau ngày 30.4.1975, vẫn có nhiều người ra đi kéo dài qua các năm 1975, 1976, 1977, đỉnh cao là năm 1978, trong chiến dịch bài Hoa, xua đuổi người Hoa đang sinh sống ở Việt nam, nhằm kích động mâu thuẫn giữa hai dân tộc Việt và Hoa, để tiếp tục đợt cải tạo tư sản. Sự kiện "thuyền nhân" là một sự kiện chính trị đè nặng lên xã hội Việt nam, vì không phải chỉ có người từ miền Nam, mà có không ít người từ miền Bắc ra đi. Hà Nội giải thích sự kiện này như thế nào? Tôi đã từng nghe trực tiếp nhiều cán bộ lãnh đạo giải thích là, "không việc gì phải lo ngại cả, số đó là những phần tử xấu, họ đã phản bội Tổ quốc, bỏ đất nước ra đi, họ là những phần tử nguy quân, nguy quyền, làm tay sai cho đế quốc, bây giờ bám gót chủ chạy sang châu Âu châu Mỹ, Trung Quốc, Ca-na-đa... thì không có gì đáng tiếc, không cần ngăn cản, thậm chí, họ đi là một cơ hội tốt cho chúng ta". Có người lãnh đạo họp ở chỗ đông người nói là "bọn đó (ám chỉ thuyền nhân) như Việt gian bán nước, mất gốc dân tộc". Có người còn ví "thuyền nhân" như là "cục thịt thừa, đoạn ruột thừa của đất nước, nó đã bị viêm, bị ung thư thì phải cắt bỏ, cơ thể đất nước càng lành mạnh"... Sau này, tôi được biết một bí mật còn thậm tệ hơn nữa. Hồi ấy ở miền Nam, chính cơ quan an ninh được

phép bán bãi, bán tàu, thu vàng của mỗi người vượt biên từ một đến ba lượng, rồi tổ chức cho họ đi, để lấy tiền thu vào "ngân sách". Ngân sách nào và bao nhiêu thì không ai biết, ngay Quốc hội cũng không biết. Tôi biết trong Trung ương đảng cũng không thảo luận về vấn đề này. Thế thì số tiền này rơi vãi đi đâu? Chắc chắn vào những túi tham nhũng. Lúc bấy giờ có vụ giám đốc Công an Biên Hòa Mười Vân bị tử hình vì nhiều tội khác nữa, thì người ta mới được biết có những chuyện tham nhũng hàng mấy ngàn lượng vàng xung quanh sự kiện vượt biên, "thuyền nhân" này.

Quan sát sự kiện "thuyền nhân" lúc bấy giờ, tôi thấy trong số những người ra đi có nhiều trí thức, công chức trong chính quyền cũ. Nguyên nhân là do chính sách của những người lãnh đạo đảng cộng sản đã bắt hàng trăm ngàn người vào tù, đương nhiên, gia đình và người thân của họ phải ra đi, vì tất cả đều bị coi là kẻ thù. Nguyên nhân nữa là chính sách phân biệt đối xử, phân loại nguy quân, nguy quyền. Báo chí, đài phát thanh tiếp tục miệt thị họ là tay sai của đế quốc. Chính sách tuyển dụng làm việc, học tập, đào tạo đối với con cái của họ cũng khắt khe, bắt công. Cho nên người ta nghĩ, ở lại trong chế độ cộng sản, con cái của họ sẽ không có tương lai, không được học tập, đào tạo, phát huy và đối xử một cách bình đẳng, luôn cảm thấy mình là công dân loại hai trong xã hội. Nhân dân Việt nam, nói chung, trọng danh dự có tính tự trọng cao. Cho nên, khi đã bị khinh miệt, chà đạp danh dự, bị coi là ở ngoài lề xã hội, không có tương lai, khi có cơ hội, tất nhiên người dân sẽ tìm đường ra đi, mặc dù thuyền bè vượt biển ọp ẹp, đại dương sóng gió nguy hiểm vô cùng. Họ phải liều mình, buộc lòng gạt nước mắt từ biệt người thân, nhắm mắt lao vào màn đêm hải hùng của biển cả để ra đi, đánh đổi tính mạng lấy cuộc sống tự do, tương lai sáng sủa hơn. Đây là cái tội lớn của những người lãnh đạo tàn nhẫn, giáo điều và bảo thủ.

Theo tài liệu công bố ở Liên hiệp quốc, con số thống kê "thuyền nhân" bị chết ngoài biển có thể đến một phần năm, phần sáu tổng số người ra đi. Nghĩa là, cứ một triệu người ra đi, thì có khoảng 200 ngàn người chết. Sau này chúng ta phải thống kê qua khai báo của các gia đình xem số người mất tích là bao nhiêu, phân loại nguyên

nhân tử nạn, do thuyền bè hỏng, do hải tặc, hay do bão tố, do mất phương hướng... Vì những người tổ chức vượt biên tham lam, muốn lấy được nhiều vàng, nên chở quá tải gấp hai, ba lần tải trọng cho phép, dẫn đến lật thuyền cũng cho là nguyên nhân rủi ro ngoài biển. Những người lãnh đạo cộng sản không bao giờ muốn nhắc tới chuyện này, cho nên chúng ta càng cần phải nói rõ và thảo luận công khai, làm rõ những nguyên nhân, chỉ rõ sự kiện "thuyền nhân" bắt nguồn từ đâu.

Theo ông, Quân đội Nhân dân Việt nam và Quân lực Việt nam Cộng hòa, quân đội nào có chính nghĩa?

Câu hỏi này khó có thể trả lời một cách rõ ràng, thỏa đáng, bởi vì tùy chỗ đứng của mỗi người và cũng tùy thời điểm lịch sử mà có những cách lý giải khác nhau. Bên phía Quân đội Nhân dân Việt nam, tôi thấy anh em nhập ngũ, vào đảng trong quân đội, vào Nam chiến đấu, họ được giáo dục, tuyên truyền để nghĩ rằng, "đánh Mỹ", "giải phóng miền Nam" là một sứ mệnh lịch sử. Bởi vì Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954 đã chia đôi đất nước do sự áp đặt của các cường quốc. Nghĩa vụ của toàn dân là phải thống nhất đất nước Việt nam. Theo Hiệp định Giơ-ne-vơ, dự kiến sau hai năm sẽ tiến hành tổng tuyển cử và thống nhất đất nước. Nhưng hai năm trôi qua phía Mỹ, Pháp, phía chính quyền miền Nam không muốn thực hiện tổng tuyển cử. Chính vì vậy, sau này phía cộng sản đặt ra chuyện vùng dậy của nhân dân, tất nhiên cũng do sự lãnh đạo của những người cộng sản còn nằm ở phía Nam, thúc đẩy phong trào đồng khởi, tạo ra phong trào nổi dậy tại chỗ ở miền Nam. Họ đã lợi dụng lòng yêu nước của nhân dân ở phía Nam để xây dựng lực lượng Quân giải phóng nhỏ bé ban đầu, sau này được tăng cường bằng lực lượng vũ trang tập kết ra Bắc trở về miền Nam và sau nữa là các đơn vị hùng hậu của miền Bắc được đưa vào. Họ lập luận: đây là sự nghiệp thống nhất đất nước, đánh đuổi ngoại xâm, trước kia là Pháp và hiện nay là Mỹ. Còn Quân lực Việt nam Cộng hòa ở miền Nam, như tôi đã nói ở trên, là do nước ngoài dựng lên từ quân đội cũ do thực dân Pháp thành lập.

ở miền Nam, người ta lại lập luận rằng, miền Bắc đã cưỡng chiếm

miền Nam, đã đưa quân ồ ạt vào miền Nam, do đó họ phải có lực lượng tự vệ một cách chính đáng. Cũng như ngày 30.4.1975, một bên gọi là ngày "giải phóng", ngày "thống nhất đất nước", còn phía bên kia gọi là ngày "quốc hận", ngày "mất nước". Tôi nghĩ, đây là hai suy nghĩ đối lập nhau, một lúc nào đó chúng ta phải thảo luận cho ra lẽ, hoặc có một quan điểm nhất trí tương đối gần nhau. Tất nhiên, trong điều kiện như thế chúng ta phải lưu tâm đến dư luận của tuyệt đại đa số nhân dân. Bất cứ bên nào cũng không nên độc đoán, áp đặt mọi người phải nghe theo quan điểm của mình, hoặc trong khi thảo luận chưa ngã ngũ, không nên tự cho quan điểm của mình là chân lý. Mỗi người nên tự tìm hiểu và có chính kiến của mình, làm thế nào để con cháu mình có nhận thức đúng đắn về những gì đã xảy ra. Do đó, tôi nghĩ dần dần người ta sẽ đi đến chấp nhận ý kiến của nhau và nhận ra rằng chân lý không phải là điều dễ đi tới. Bản chất cuộc chiến tranh Việt-Mỹ diễn ra trên đất nước Việt nam có nội dung chòng chéo lên nhau. Nó không phải là đơn thuần, mà vừa là cuộc nội chiến, vừa là cuộc đọ sức giữa hai phe, xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa, vừa mang tính quốc tế, mang vai trò tiền đồn giữa phe này đối với phe kia, vừa có tính dân tộc và có tính chất đảng phái nữa, tùy theo lập trường, chỗ đứng và góc độ xem xét. Những điều đó phải có ý kiến phân tích của các nhà sử học, các nhà khoa học, các nhà chính trị, trao đổi một cách bình tĩnh thì mới có thể ngã ngũ được. Tốt nhất, trong lúc này hãy hết sức lắng nghe nhau, không nên có một ý định cố chấp, càng không nên có sự áp đặt.

Lập trường của tôi là chúng ta phải thấy được các bản chất ấy xen kẽ lẫn nhau. Cuộc chiến Việt-Mỹ không hoàn toàn là cuộc nội chiến, không hoàn toàn là cuộc chiến tranh ý thức hệ, cũng không hoàn toàn là cuộc chiến tranh vì độc lập đơn thuần, mà cũng không phải chỉ là cuộc chiến tranh giành lấy sự thống nhất và quyền sống của một dân tộc. Cần nhận định bản chất cuộc chiến tranh ấy đúng như nó có. Thấy được về phía này có mặt đúng, mặt sai, phía kia cũng có điều cần làm, có điều đáng tiếc Cuộc chiến này không phải là định mệnh, nhất thiết phải có. Nói chung, cả dân tộc Việt nam là nạn nhân của thời thế, của những thế lực lãnh đạo độc đoán, nạn nhân của những ý thức hệ, của những học thuyết ngoại lai. Ngoài ra, ý muốn chân chính của dân tộc Việt nam được sống trong độc lập, tự

do, hạnh phúc và thời cuộc xoắn chặt với nhau, lại bị những người lãnh đạo tuân theo một học thuyết ngoại lai, nuôi dưỡng những ý đồ xa lạ của các thế lực quốc tế mà họ phụ thuộc, tạo lên một cuộc chiến tranh bị thảm, đáng tiếc, đáng lý ra có thể tránh được. Do vậy, cuộc tranh luận về bản chất chiến tranh Việt-Mỹ, hay Nam-Bắc, tranh luận về chính nghĩa thuộc về phía nào, tôi nghĩ không dễ đi đến chỗ rõ ràng. Nói thế không phải là ba phải, mà là thực tế nó như thế. phải tách những người lãnh đạo cao nhất ra khỏi quần chúng chiến sĩ và nhân dân, thậm chí tách những người lãnh đạo đảng cộng sản với số đông đảng viên ở cơ sở mới phân tích rành mạch vấn đề này được. Bởi vì tuy ở cùng một bên, nhưng suy nghĩ, mục đích của họ lại có điểm trùng nhau, cũng lại có điểm khác nhau. Chúng ta phải có thời gian để làm nguôi đi các hận thù thì mới có thể lắng nghe nhau và có thể tiếp cận được chân lý vốn khá phức tạp. Cũng từ đó mới nảy sinh ra vấn đề là, có những việc đã xảy ra đều do cả hai bên cùng làm, nhưng bên này gọi đó là "tội ác", còn bên kia lại cho là "chính đáng" và không gọi là "tội ác". Tôi lấy ví dụ: nạn nhân chiến tranh ở phía Quân đội Nhân dân Việt nam là rất lớn, bố mẹ bị bom Mỹ giết hại, anh chị em bị chết ở chiến trường miền Bắc có, miền Nam có, con số lên đến mấy triệu người. Những cái chết này đều được tố cáo là "tội ác của đế quốc và tay sai". Đây là một tổn thất rất lớn khó có thể nguôi ngoai, do phía Mỹ cùng một bộ phận đồng bào ở miền Nam gây nên. Và ở miền Nam cũng thế. Rất nhiều gia đình bị gọi là "cộng sản", nhưng thật ra là gia đình của những anh em đi tập kết ra miền Bắc theo Hiệp định Giơ-ne-vơ bị chính quyền địa phương của Sài Gòn phát động những phong trào "tố Cộng", "diệt Cộng", chiến dịch Phụng Hoàng nhằm phát hiện "tay chân của Việt Cộng... Chúng tôi nghĩ, lúc bấy giờ những người do lòng yêu nước, giúp đỡ Quân giải phóng miền Nam đã bị bắt bớ bị tù đầy, bị tra tấn, bị thủ tiêu, con số cũng không phải là ít, có người nói đến hai, ba chục vạn...

Còn Quân lực Việt nam cộng hòa cũng bị tổn thất bởi các cuộc tấn công trong các cuộc giao tranh, bị pháo kích, trong đó có cả đồng bào bị chết lây, có nơi chợ búa, trường học cũng bị pháo kích, rồi có người hoặc bà con thân thích bị thủ tiêu qua các đợt "diệt tề, trừ gian"... tức là thủ tiêu những người gọi là "tay sai của địch".



Bây giờ nhìn lại, chúng ta không nên coi người nào là của riêng một phía bên mình. Tinh thần chung của chúng ta là "gà cùng một mẹ... chớ hoài đá nhau".

Chúng ta phải đau với cái đau khi lấy tay phải đánh vào tay trái, dùng tay trái đâm vào tay phải, anh em với nhau mà tàn sát lẫn nhau, điều mà chúng ta không hề muốn và do hoàn cảnh của lịch sử đưa đẩy dẫn đến bị đát như vậy. Có tinh thần hòa hợp, chúng ta mới thấy cái đau ấy là nỗi đau chung của dân tộc. Không nên lấy cái gọi là "ta" đã diệt bên này nhiều hơn bên kia, hay cái tổn thất của bên này nặng nề hơn bên kia, vui mừng hả hê vì đã diệt được đồng bào của mình... mà phải tỉnh táo nhìn lại. Đúng như ý kiến của một vị ủy viên Trung ương đảng Cộng sản Việt nam là anh Hoàng "lửa", đã về hưu, có tinh thần dân chủ, đang bị chính quyền trong nước phân biệt đối xử: "Đã đến lúc chúng ta phải nhìn lại cuộc chiến bằng con mắt anh em với nhau để hòa giải hòa hợp, nên tổ chức một buổi cầu siêu chung của tất cả bà con anh em dân tộc Việt nam ta đã bị chết, bị hy sinh trong cuộc chiến này ở cả hai bên".

Xét cho cùng, thù địch giữa hai bên chỉ là giả tạo do bị lừa dối, làm lẫn và thúc ép. Về thực chất, bên ta đã đánh nhau với bên mình.

Có một số ý kiến của những người từng trong đảng Cộng sản Việt nam nhưng có quan điểm dân tộc sâu sắc đề xuất là sau này nên tổ chức một buổi lễ an táng cho ông Hồ Chí Minh đảng hoàng theo nghi thức dân tộc, để ông ta có thể được chôn cất tử tế, hoặc được thiêu xác theo như nguyện vọng của ông, nắm tro còn lại được chôn ở một nơi nào đấy làm thành một di tích cho gia đình, người thân và những ai còn quý mến ông ta có nơi đến để tưởng niệm. Có người mê tín cho rằng vì ông Hồ không được hỏa thiêu, thi hài không được nhập thổ như ông muốn, hồn ông còn vất vưởng làm đất nước không yên ổn. Còn lăng của ông ở giữa thủ đô Hà Nội hiện nay nên chuyển thành Đài tưởng niệm tất cả những người đã hy sinh trong cuộc chiến của tất cả các bên trong suốt 40 năm ròng rã. Đây là đài kỷ niệm những oan hồn của đất nước đã chết trong chiến tranh. Qua lễ cầu siêu được tổ chức trong cả nước, chúng ta cầu nguyện cho

hương hồn những người đã chết, bất kể họ thuộc dân tộc nào, địa phương nào, đơn vị nào, thời điểm nào, để thể hiện chúng ta quý trọng tất cả những người đã chết oan trong các cuộc chiến tranh vừa qua. Tôi nghĩ, đó cũng là một cách hòa giải. Việc tranh luận bên nào là chính nghĩa, bên nào là phi nghĩa, cái chết bên nào là chính đáng... nên cho qua và coi đây là một nỗi đau, một sự kiện bị thương của lịch sử, nhưng điều cuối cùng chúng ta đã đạt được là độc lập, thống nhất. Và bây giờ chung sức để xây dựng đất nước, để bù lại những thời gian chiến tranh đã mất, nhìn nhau bằng con mắt không còn phân biệt "ta-địch", bên này-bên kia như trước nữa. Tôi mong rằng đã đến lúc chúng ta sẽ cùng nhau thực hiện bằng được điều đó

Có nhận xét rất có tình có lý rằng trong cuộc chiến vừa qua, bên "ta" đã đánh với bên "mình" cho nên nói đến ai thắng ai thua là điều vô nghĩa. Thật thâm trầm vậy.

Ông đã ở trong quân đội miền Bắc trong một khoảng thời gian rất dài, gần 40 năm. Ông có luyến tiếc thời gian đó không?

Tôi ở trong Quân đội nhân dân Việt nam 37 năm rưỡi. Bây giờ nghĩ lại, tôi thừa nhận mỗi người đều là một sản phẩm của những điều kiện lịch sử, xã hội cụ thể nhất định. Nếu như tôi sống ở miền Nam, có khi tôi đã không ở trong Quân đội nhân dân, mà lại ở trong Quân lực Việt nam Cộng hòa... Do đó, con người không phải lúc nào cũng hoàn toàn làm chủ được hiện tại và tương lai của mình. Có thể chỉ làm chủ được một phần nào mà thôi. Tôi sinh ra ở miền Bắc, lớn lên trong thời kì Cách mạng tháng Tám, có được một chút lý tưởng, muốn cống hiến cho sự nghiệp giành độc lập của đất nước. Trước đây tôi thấy không có luyến tiếc gì thời trai trẻ của mình ở trong Quân đội nhân dân Việt nam cả. Đây là một thời kì đáng sống, thời kì đem bầu nhiệt huyết của mình ra làm những cái có ích trong cuộc chiến đấu giành lại độc lập cho đất nước, giành quyền sống tự do cho dân tộc. Tất nhiên tôi chỉ bắt đầu nhiều suy nghĩ từ sau ngày 30.4.1975.

Có khả năng tránh được chiến tranh không? ấn Độ, Nam Dương

không qua chiến tranh vẫn giành được độc lập! Trách nhiệm thuộc về các bên: chính phủ Pháp còn luyến tiếc hệ thống thuộc địa; chính phủ kháng chiến Việt nam không che dấu nổi cái bản chất cộng sản gắn bó với Staline và Mao mặc dầu đã giả vờ giải tán đảng Cộng sản; chính phủ Sài Gòn với chính sách tố cộng, diệt cộng, lê máy chém và dọa lấp sông Bến Hải; chính phủ Mỹ ủng hộ thực dân Pháp rồi thế chân quân viễn chinh Pháp... Do từ các phía mà các cơ hội hòa bình đều bị bỏ lỡ...

Cũng cần nói rõ rằng nếu nước thuộc địa cũ nào cũng theo chủ thuyết bất bạo động như thánh Gandhi (Ấn Độ) thì không ổn. Tùy điều kiện, có thể chủ trương bất bạo động hay bạo động vũ trang; hai chủ trương này hỗ trợ cho nhau. ở Việt nam ta, điều chính là cảm sủng để giành độc lập rồi để làm gì nữa? Để trở nên một nước độc lập chân chính, một nước dân chủ, có phát triển và hạnh phúc, hay để lại chui vào tròng của một kiểu "đế quốc cộng sản" khác, chịu một ách độc đoán mới để rồi chìm sâu trong đói nghèo và bất công như đã xảy ra.

Chiến tranh có thể tránh khỏi, nếu như Tổng thống F. Rô-du-ven (F. Roosevelt) không chết sớm (ông chủ trương trả lại độc lập cho các thuộc địa sau chiến tranh thế giới thứ hai); nếu như các ông Hồ Chí Minh và Ngô Đình Diệm đều có tinh thần dân tộc cao, không lệ thuộc nước ngoài; nếu như... thì vô cùng! Đó là những giả thuyết không thực tế. Tôi chỉ thử đặt ra tình huống, nếu như đảng Cộng sản Việt nam (thực tế rất khó xảy ra), sau khi đã chấm dứt được chiến tranh, có một chính sách sáng suốt chính sách hòa giải, hòa hợp thật sự, không đưa 200 ngàn sĩ quan, viên chức cũ của chính quyền Việt nam Cộng hòa vào trại cải tạo, thực chất là các nhà tù tàn ác, bỏ qua mọi chuyện trong quá khứ, coi nhau là anh em một nhà để bắt tay xây dựng đất nước trong hòa bình, thì tôi nghĩ có thể tôi đã không nản chí, không bận tâm về quá khứ chiến đấu của mình. Trong vòng mười năm (1975-1985) các nước láng giềng của chúng ta tận dụng những cơ hội mới, phát triển rất nhanh. Đất nước ta, do kéo quân vào Căm-pu-chia một cách đại dột, ngông cuồng, lại không biết giải quyết các vấn đề nội bộ trong nước với nhau sau chiến tranh, rồi hàng triệu người bỏ nước ra đi kiểu "thuyền nhân"...

Tuổi trẻ Việt nam vẫn lại chết oan uổng thêm ở Căm-pu-chia, ở vùng biên giới Việt-Trung... Các nắm mồ chiến sĩ lại mọc lên. Nước mất các bà mẹ mất con, các vợ góa, con cô... Đất nước bị cấm vận, tẩy chay, trừng phạt... Tôi cảm thấy đảng đã phạm quá nhiều sai lầm tệ hại. Tôi tìm cách cất lên tiếng nói trung thực của mình, nhưng liền bị giám sát, chụp mũ, đe dọa...

Vào năm 1990, tôi đã nghe có người trong nước phê bình rằng ông đã đưa ra kiến nghị, đã trả lời phỏng vấn của đài BBC và những điều ông nói lúc bấy giờ người ở trong nước đã nói công khai cả rồi. Do đó khuyết điểm của ông là đã ra nước ngoài để nói những điều đó, có đúng như vậy không?

Vâng, hồi năm 1990, 1991 tôi cũng đã nghe người trong nước ra nói cái ý kiến đó. Tôi cho đó là lời của những người lãnh đạo cố tình đưa ra nhận xét như vậy nhằm đánh lạc hướng dư luận đang quan tâm đến nội dung kiến nghị của tôi cũng như những điều tôi đã viết trong những cuốn sách. Nhiều nội dung trong cuốn sách tôi đã viết làm những người lãnh đạo ở Việt nam khó chịu, bởi vì lần đầu tiên tôi nói công khai và trước hết để đồng bào ở trong nước biết. Ví dụ, tôi đã phan phui vụ để thất thoát, rò rỉ và chi dùng bất hợp lý số chiến lợi phẩm ở qui mô lớn. Chính ở trong nước rất ít người biết đến và có biết cũng không được phép nói ra. Những vụ "Nhân văn-giai phẩm" và vụ "Xét lại chống đảng" cũng rất ít người ở trong nước biết nội dung đầy đủ. Lần đầu tiên tôi nói để nhân dân trong nước rõ, ngay cả một số người trong đảng cũng lần đầu tiên được biết sự thật về những vụ nói trên. Sau này, với những bài phát biểu của ông Hoàng Minh Chính[20], hồi kí của ông Trần Thu[21], gần đây là hồi kí của ông Vũ Thư Hiên[22], nhân dân trong nước bắt đầu hiểu ra sự thật về những vụ như vậy một cách cặn kẽ và đòi những người lãnh đạo phải giải quyết công bằng. Hàng loạt những vấn đề khác như vụ "cải tạo ngục quân, ngục quyền", vụ "tổ chức vượt biển" của "thuyền nhân" là những vấn đề những người lãnh đạo bảo thủ ở trong nước không muốn ai đụng đến, muốn cả xã hội quên đi. Những điều tôi đề cập và nhắc đến làm cho họ đau đầu, nhức nhối. Họ rất sợ những cuốn sách, bài báo tôi viết được gửi về nước. Vì

những điều viết trong đó, đồng bào trong nước rất dễ tiếp nhận, đồng tình. Tôi lại viết với giọng điệu ôn tồn, có lý lẽ, không chửi bới om xòm, dễ đọc, dễ nghe, không làm chối tai. Chính do vậy mà những người lãnh đạo độc đoán coi tôi là kẻ chống đối nguy hiểm nhất của chế độ. Có người còn dọa dành cho tôi một bản án tử hình! Tôi khẳng định điều tôi làm là cần thiết, là hoàn toàn chính đáng, cho dù nói ở bất kì đâu, ở trong hay ở ngoài nước. Ở trong nước, tôi không thể nói được. Chính quyền sẽ kiểm duyệt, ngăn chặn bằng cả một bộ máy khổng lồ. Chỉ có ra nước ngoài, tôi mới có thể nói được, viết được một cách đầy đủ, rõ ràng những điều tôi từng biết, những gì tôi đã nghĩ, đến những vụ đen tối, sai lầm của những người cầm quyền cộng sản, ảnh hưởng đến quyền lợi của nhân dân và đất nước. Hành động của tôi hoàn toàn phù hợp với thực tế. Nếu không, đồng bào trong nước vẫn không biết đến những vấn đề của đất nước đã bị che giấu và được phơi bày trong hai cuốn sách của tôi. [23] Tuy có thể có chi tiết nào đó chưa thật chuẩn xác tôi có thể đính chính, nhưng trên đại thể là đúng và nhìn chung ai cũng khẳng định đây là những điều mới mẻ, nhân dân trong nước chưa biết. Nếu những người lãnh đạo thấy tôi viết sai thì họ có thể tranh luận, nhưng họ đã im lặng. Có thể họ sợ tranh luận công khai về những nội dung tôi đưa ra, vì bị buộc phải nhận những sai lầm khi bị đánh trúng huyết và phải sửa sai. Đây là điều họ luôn tìm cách lẩn tránh, vì họ luôn nói trước dư luận là đảng không phạm sai lầm. Vì lẽ phải, tôi không ngại dư luận trong nước hay ngoài nước, vì ở trong nước đã biết, thì dư luận ở ngoài nước cũng biết. Chúng ta không nên giấu dư luận ngoài nước, vì một khi đất nước vững mạnh thì không ai có thể phá hoại. Đất nước chỉ thực sự vững mạnh khi mọi việc được thực hiện một cách trong sáng, tất cả mọi người Việt nam đều biết và cùng nhau giải quyết. Chúng ta không ngại phê bình và tự phê bình trước những khuyết điểm của mình, công khai cho nhân dân cả nước biết và tất nhiên thế giới đều biết, vì hiện nay có nhiều phóng viên báo chí nước ngoài nằm ở trong nước, không thể giấu dư luận được. Gần đây nhà nước còn thực hiện một chủ trương phi lý, trái với xu thế hòa nhập, tức là cấm báo chí nước ngoài có mặt ở Việt nam liên hệ với người Việt nam, cấm người trong nước viết bài cho báo chí nước ngoài (kể cả báo người Việt hải ngoại và báo ngoại quốc). Đó là điều dại dột, ai viết người ấy phải chịu trách

nhiệm về vấn đề đã viết. Viết sai đã có dư luận lên án, thậm chí nếu vu khống thì pháp luật có thể trừng phạt người viết, không thể cấm giao lưu trong và ngoài nước, cấm thông tin trong và ngoài nước. Điều đó hoàn toàn trái với những qui ước về thông tin quốc tế, không phù hợp với xu thế chung của thời kì hòa bình hiện nay, kể cả tập tục ở trong nước, trái ngược với phương thức làm việc trong quan hệ đa phương của các nước trên thế giới. Chẳng hạn phóng viên Việt nam có mặt ở Pháp hoặc ở bất kì một nước nào đó đều có thể phỏng vấn mọi công dân của các nước đó, trong khi đó tại sao lại cấm phóng viên nước ngoài không được phỏng vấn người Việt nam? Vì lý do gì những người trong nước, kể cả nhà báo, không được viết cho báo chí nước ngoài, trái với những qui định về phong tục tập quán và nghiệp vụ của tất cả nhà báo quốc tế ở các nước khác?

## PHẦN II

### NHỮNG VẤN ĐỀ CỦA HIỆN TẠI

### HỎI VÀ TRẢ LỜI VỚI MỘT SỐ CỰU CHIẾN BINH CỦA QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM VÀ QUÂN LỰC VIỆT NAM CỘNG HÒA

*Hiện tại Việt nam vẫn phải đối mặt với di sản của thế kỷ 20- thế kỷ của chiến tranh tang tóc và tàn phá. Mây mù trong nhận thức xã hội cần giải tỏa.*

*Độc lập chưa trọn vẹn, đất nước vẫn bị cầm tù bởi một học thuyết ngoại lai. Dân chủ - giá trị thời đại vẫn còn ở phía trước.*

Ông nhận xét như thế nào về cộng đồng người Việt ở hải ngoại nói chung và những người quốc gia ở hải ngoại nói riêng?

Cộng đồng người Việt chúng ta hiện nay ở hải ngoại rất đông đảo, có chừng hai triệu người và ở rải rác trên gần 60 quốc gia khác nhau. Hiếm có nước nào có một cộng đồng ở hải ngoại đông, mạnh, có tiềm lực đến thế. Tôi thường nói, đây là nỗi bất hạnh của dân tộc, khi có biết bao người con có tấm lòng đối với đất nước buộc phải bỏ đất nước ra đi. Nhưng đồng thời, điều bất hạnh ấy lại trở thành thế mạnh. Nhiều người ra đi đã lập nên cơ đồ, đời sống khá hơn nhiều khi còn ở trong nước. Cộng đồng người Việt ở hải ngoại có lớp con em trẻ, học hành rất xuất sắc, tiếp thu được kiến thức khoa học, kỹ thuật và văn hóa của thế giới hiện đại. Tất cả vốn liếng, vốn về kinh doanh, về kỹ thuật công nghiệp hiện đại, về tổ chức v.v... sắp tới trong điều kiện thuận lợi nếu đưa được về để đóng góp xây dựng đất nước thì rất đáng quý. Nỗi bất hạnh ấy có thể trở thành niềm hạnh phúc, lợi thế. Nhưng hiện nay, do chính quyền trong nước bảo thủ, độc đoán nên những lợi thế đó chưa phát huy được hết, bà con

ta ở ngoài nước nhìn chung chưa có thể đưa tài năng về để xây dựng đất nước. Đây là một thiệt thòi rất lớn cho đất nước.

Nhưng tôi thấy người Việt sống ở hải ngoại cũng còn có những nhược điểm: chưa thực sự đồng tâm nhất trí, còn chia rẽ nhiều. Tình trạng chia rẽ nhau cũng là điều dễ hiểu, bởi vì mỗi người ra đi có hoàn cảnh khác nhau. Trong những người gọi là "quốc gia" ở hải ngoại, có những nhược điểm cần khắc phục. Đó là thái độ hận thù còn quá sâu. Hận thù ấy không những đối với hàng ngũ lãnh đạo bảo thủ ở trong nước, mà còn đổ xuống tất cả các đảng viên cộng sản với con mắt "vơ đũa cả nắm", cứ ai dính tới cộng sản, từng ở trong đảng cộng sản đều bị định kiến, không thể bắt tay, không thể tin cậy. Tâm lý hoài nghi như thế cũng dễ hiểu, vì những người tự nhận là "quốc gia" có mối thù rất sâu đối với sự lãnh đạo của đảng cộng sản. Nhưng cũng nên thấy rằng, cần có cách nhìn có văn hóa và tỉnh táo, có nghĩa là, chỉ nên hận thù đường lối lãnh đạo sai lầm của một số người cộng sản bảo thủ; và cũng nên nhớ rằng đảng cộng sản không phải thuần nhất, không phải tất cả các đảng viên cộng sản đều nghĩ như những người lãnh đạo, mà chỉ có một số người lãnh đạo ở bên trên nghĩ thay, đặt ra đường lối, rồi buộc toàn đảng phải tuân theo. Cũng như đảng Cộng sản Liên xô trước kia có một thời kì có vẻ vững mạnh, nhưng đến khi bùng nổ dân chủ, nó tan rã rất nhanh, vì nó không có kết được, không đồng tâm nhất trí. Do đó, chúng ta cần nhìn vào đảng Cộng sản Việt nam với con mắt tỉnh táo. Phân biệt được giữa những người bảo thủ trong cơ quan lãnh đạo với những người cộng sản khác mà chúng ta có thể bắt tay. Lại cần phân biệt những người đảng viên bình thường, họ chỉ có lòng yêu nước và trình độ chính trị trung bình, không có đường lối sâu sắc. Ngay những người hiện nay đang làm việc ở trong bộ máy cầm quyền, chúng ta cũng nên có sự phân biệt; cũng có những người tham nhũng nặng nề, lạc hậu, bảo thủ, nhưng đồng thời cũng có những người trong sạch, có lý tưởng dân tộc, muốn có công bằng, bác ái. Cả những đảng viên về hưu tôi quen biết và đến nay vẫn còn liên hệ, có nhiều người tài sản chẳng có gì, sống hết sức trong sạch, thực tâm muốn đất nước mình hòa hợp, để tiến nhanh, hòa nhập với thế giới.



Trong số những anh em "quốc gia" còn có người nhìn nhận với con mắt định kiến. Vì thế, họ có những chủ trương không thích hợp. Ví dụ, như họ có chủ trương không quan hệ giữa người trong nước với người ngoài nước, không tham gia xây dựng, giúp đỡ người ở trong nước. Có thời kì họ còn lập cả những ủy ban để ngăn cản bà con về thăm quê nhà v.v... Tôi nghĩ, đó là những cách nhìn cứng nhắc, tai hại. Cách nhìn tỉnh táo là cách nhìn đồng tình với nguyện vọng về thăm quê hương của bà con ở nước ngoài, gửi tiền về giúp gia đình họ ở trong nước. Đây là một lợi thế để chứng minh rõ rằng chế độ hiện nay ở trong nước không có điều kiện nâng cao mức sống của nhân dân mà phải dựa vào sự giúp đỡ từ bên ngoài. Vả lại, thông qua những chuyến du lịch về thăm quê hương, người Việt ở nước ngoài có thể mang theo những câu chuyện sinh động dân chủ, dân chủ có lợi như thế nào, về chống độc đoán, chống tham nhũng... Khi gặp những người của chính quyền trong nước, cũng nên ngay thẳng, đàng hoàng phê phán, phê bình những mặt trái, chủ trương sai lầm của họ một cách bình tĩnh, cởi mở, không cần chửi bới, thóa mạ. Cách tốt nhất là thuyết phục, "nói phải củ cải cũng nghe. Ngay cả đối với những nhóm nghệ sĩ trong nước sang Pháp hay Đức biểu diễn, hát những bài hát dân tộc, tại sao lại tẩy chay họ, gọi đó là "văn nô, văn hóa một chiều? Đáng lý ra phải tranh thủ họ bằng những tư tưởng dân chủ, hòa hợp và đoàn kết dân tộc thì lại đẩy họ đi, đem lại cho họ những ác cảm đối với người Việt hải ngoại. Mọi chủ trương cần cân nhắc, đừng để xảy ra những điều đáng tiếc.

Rất mừng là hiện nay trong cộng đồng chúng ta đã có những tiếng nói tỉnh táo, phù hợp với thực tế hơn. Việc giúp đỡ ở trong nước là một việc rất nên làm, như quỹ quyền góp đỡ đầu những học sinh học giỏi, đỡ đầu những mầm non văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, giúp anh em thương binh ở cả hai bên, (nhất là ở phía Việt nam Cộng hòa không được nhà nước quan tâm giúp đỡ), trại trẻ em mồ côi duy trì, bảo tồn những di tích lịch sử, văn hóa ở các địa phương, mà ngân sách ở trong nước chưa có đủ. Việc làm này rất có lợi, cho dù có thể bị cắt xén, lấy mất chút ít vì tham nhũng, nhưng ai đã cho tiền thì phải được quyền kiểm soát xem những đồng tiền đó phát huy tác dụng đến đâu. Những liên lạc ấy rất có ích để đất nước đỡ khỏi điều tàn, lại chứng minh rằng chính quyền hiện nay

không quan tâm đầy đủ và bất lực, vừa cho thấy rằng tấm lòng của bà con Việt nam ở nước ngoài luôn hướng về quê hương. Như bác sĩ Phạm Minh Hiền ở Pháp đã vận động chở về nước mấy trăm chiếc xe lăn cho những anh em thương binh không có điều kiện mua sắm... Những việc làm đó đã nâng ảnh hưởng của cộng đồng của người Việt hải ngoại lên, trên cơ sở đó giúp đỡ bà con trong nước, nâng nhận thức về chính trị, về dân chủ lên.

Khi đã xác định rằng không nên và không thể dùng bạo lực để lật đổ chính quyền - đồng bào trong nước cũng không tán thành việc làm đó, ba mươi năm chiến tranh làm họ ngao ngán, không muốn có hỗn loạn nữa - thì phải dùng những mối quan hệ để tác động một cách hòa bình, chính biện pháp đấu tranh hòa bình mới làm các chế độ độc đoán sợ và khó lòng ngăn cản.

Sau khi ông đã từ bỏ hàng ngũ đảng cộng sản và ông có lập trường chống lại sự lãnh đạo độc đoán của giới lãnh đạo đảng cộng sản hiện nay, liệu ông có chấp nhận lập trường của người quốc gia không? Ông có ý định gia nhập một tổ chức quốc gia nào không?

Tôi nghĩ, danh từ "cộng sản" và "quốc gia" đã bị xói mòn quá nhiều, gần như bị lạm dụng đến mức nó không còn ý nghĩa chuẩn xác của nó nữa. Việc chia thành "cộng sản" và "quốc gia" được hình thành trong lịch sử và ở một mức độ nào đó có phần giả tạo, không có ý nghĩa thực chất. Trong hàng ngũ những người cộng sản, có nhiều người vào đảng chỉ vì yêu nước và ý thức quốc gia, có tinh thần đấu tranh cho độc lập. Rất nhiều người trên danh nghĩa là "cộng sản", nhưng có ý thức quốc gia sâu sắc. Họ vào đảng, ra mặt trận, chịu đựng những hy sinh, hiểm nghèo và tận tụy phục vụ nhân dân. ý thức đó xuất phát từ tinh thần yêu nước và bao trùm tất cả tinh thần của họ vẫn là đấu tranh giành độc lập cho đất nước khỏi sự chiếm đóng của nước ngoài.

Tôi cho rằng, sự đối lập giữa cộng sản và quốc gia là một đối lập giả tạo, không thực chất. Như tôi đã nói, rất đông đảo người cộng sản, khi gia nhập đảng không phải là để xây dựng chủ nghĩa cộng sản, mà trước hết là để giành độc lập cho đất nước. Tuổi trẻ của chúng

tôi ra trận chính vì một lý tưởng như thế. Nếu coi mọi người cộng sản đều không có tinh thần dân tộc là không thực tế, không phù hợp với sự thật, và đối lập những người cộng sản với những người đấu tranh cho độc lập của đất nước thì đối lập này lại càng không thực tế, càng không phù hợp với sự thật. Do đó, trong số những người cộng sản cũng nên chia ra làm nhiều loại. Có những người lãnh đạo ở trên cao, mang nặng ý thức "đấu tranh giai cấp" và "chuyên chính vô sản", và những đảng viên thường vào đảng chỉ để có công ăn, việc làm, hoặc để có một chức vụ nào đấy nhằm phát huy khả năng bản thân, vì không có một tổ chức chính trị nào khác được phép hoạt động trên đất nước Việt nam cả. Tôi nghĩ rằng, không nên đối lập những người cộng sản với những người quốc gia trên tinh thần ấy.

Ngược lại, tôi cũng nghĩ, đối với những anh em binh sĩ, sĩ quan, viên chức của chế độ ở miền Nam trước đây tự nhận là những người "quốc gia", chúng ta cũng cần có sự phân biệt. Bởi vì, trong số họ cũng có người yêu nước thật sự, có không ít người có tinh thần đấu tranh cho độc lập của đất nước. Trước đây chúng tôi nhận định về những người ấy không đúng, coi họ là "ngụy", là "tay sai của đế quốc là "cồng rắn cắn gà nhà" và "gây nên cuộc chiến tranh tàn khốc". Đánh giá như thế là sai, là chụp mũ.

Bây giờ tôi mong rằng giữa cộng sản và quốc gia cần có sự nhìn nhận mới. Trong cuộc đấu tranh hiện nay để xây dựng một chế độ dân chủ, cái thiết nhất của đất nước, tuy đã có độc lập, là chưa có dân chủ. Giành lại chế độ dân chủ, xây dựng xã hội công dân là việc quan trọng nhất hiện nay. Lúc này là lúc cần tập hợp tất cả mọi người, không phân biệt quá khứ đã từng ở trong đảng nào, trong quân đội nào, miễn là bây giờ có tinh thần bắt tay nhau xây dựng một chế độ dân chủ. Những người dấn thân cho thể chế dân chủ là những chiến sĩ dân chủ. Đối lập với những lực lượng dân chủ là thế lực độc đoán và bảo thủ. Thế lực đó hiện nay nằm trong cơ quan lãnh đạo của đảng cộng sản và chính quyền ở trong nước. Nhưng không thể nói tất cả những người đảng viên cộng sản, tất cả những người tham gia chính quyền ở trong nước đều là những người chống lại trào lưu dân chủ. Cần thấy rằng, cơ quan lãnh đạo rất bảo

thủ, nhưng trong đảng không hiếm người có ý thức dân chủ và có thể tranh thủ được họ để chống lại chế độ độc đoán, giáo điều hiện nay, đưa đất nước hòa nhập với thế giới và tiến lên. Đã đến lúc nên có sự bắt tay giữa những người quốc gia có tinh thần dân chủ với những người trước đây hoặc hiện nay vẫn còn ở trong đảng cộng sản cũng có tinh thần dân chủ. Khi có biến chuyển, số chiến sĩ dân chủ ở trong nước - trong nhân dân, trong đảng cộng sản - có thể tăng lên gấp bội.

Thái độ của ông đối với những người chống cộng hiện nay như thế nào?

Nếu gọi "chống cộng" là chống chủ nghĩa cộng sản mù lóm, cả gói, không phân biệt, thì tôi không có lập trường ấy. Tôi vẫn quan niệm Mác là một nhà tư tưởng lớn. Nước Cộng hòa Liên bang Đức hiện nay vẫn có những đại lộ mang tên Các Mác, nhiều tượng Mác và cả bảo tàng về Mác. Nhân loại có đến hàng trăm nhà tư tưởng lớn, để ra vô vàn học thuyết... Mỗi học thuyết là một viên gạch, hoặc một nấc thang trong quá trình nhận thức vô tận của loại người. Chủ nghĩa cộng sản bản thân nó trong lý thuyết chứa đựng nguyện vọng và xu hướng của nhân loại. Cái sai hình thành cơ bản từ những người vận dụng rất tùy tiện học thuyết ấy, được rút ra từ thí nghiệm ở Liên xô và một số nước khác chưa hội đủ những điều kiện làm tiền đề cho chủ nghĩa cộng sản. Chủ nghĩa cộng sản hiện nay còn xa vời, là ước mong chủ quan, không thực tế. Có người từ bỏ chủ nghĩa cộng sản không phải vì căm thù nó, mà vì nhân loại chưa hội đủ điều kiện để đạt được mục tiêu của nó. Tôi là người theo chủ trương đa nguyên, nên tôi tôn trọng bất kỳ lý tưởng của ai, dù họ có xu hướng chính trị nào đi nữa; tôn trọng không đồng nghĩa với chấp thuận. Hiện nay tôi không theo con đường của chủ nghĩa cộng sản nữa vì nó là ảo tưởng, xa lạ với dân tộc chúng ta. Đồng thời, tôi cũng thông cảm với những người thù hận với chủ nghĩa cộng sản. Theo tôi cảm nhận: có thể họ thù hận chủ nghĩa cộng sản là do đảng cộng sản gây nên bao điều tệ hại, do những người lãnh đạo cộng sản mà họ đã phải từ miền Bắc chạy vào miền Nam và từ miền Nam chạy ra nước ngoài. Nếu vậy, lập trường chống cộng của họ cũng không phải là chống chủ nghĩa cộng sản, - vì chưa ở đâu có chủ

nghĩa cộng sản cả -mà là chống những người lãnh đạo cộng sản.

Bà con người Việt ở hải ngoại căm thù cộng sản là cũng dễ hiểu và tôi thông cảm, tôn trọng thái độ của họ đối với những người lãnh đạo gia trưởng, bảo thủ và giáo điều có những chủ trương sai lầm kìm hãm đất nước, đẩy một bộ phận đông đảo người Việt vào tình thế bị đất và bắt hận.

Riêng tôi, tôi cũng căm giận những người lãnh đạo cộng sản vì những tội lỗi họ gây ra cho xã hội, cho đồng bào ta. Nhân đây tôi xin kể một câu chuyện. Vào năm 1991, tôi ghé qua Canada, trong một cuộc gặp với một số anh chị em trẻ, trí thức và bà con Việt nam sống ở đó. Có người bảo tôi: "Bây giờ ông phải sám hối trước chúng tôi, nhận tất cả những tội ác của đảng cộng sản!". Tôi nói: "Ông đặt yêu cầu này không đúng chỗ, bởi vì tôi không phải là người đề ra chủ trương chính sách. Do đó tôi không có gì phải sám hối. Và nếu tôi có tội phải sám hối thì tôi sẽ sám hối trước nhân dân, chứ không phải sám hối trước bất cứ một cá nhân ai. Tại sao tôi lại buộc phải sám hối trước những người mà tôi không hề đụng chạm, liên quan tới họ. Tôi lại càng không thể sám hối trước những người mà tôi cho là cũng tham nhũng, có những chủ trương sai lầm với nhân dân!" Cũng tại cuộc họp ấy, có một chị đến chỉ vào mặt tôi và trút tất cả hận thù vào tôi, vì chị ta có mẹ và một người con bị chết trên biển trong khi vượt biên ra nước ngoài. Tôi đề nghị tất cả mọi người bình tĩnh để nghe. Chị ta nói gần như tổ khổ và sau khi xong câu chuyện, tôi có nói rằng tôi rất thông cảm với một người như chị đã mất con, mất mẹ. Nhưng cá nhân tôi không chịu trách nhiệm, không liên quan trực tiếp đến hậu quả bị thảm ấy. Chính những người lãnh đạo đất nước mù quáng gây nên không khí căm thù, phân biệt đối xử để dẫn đến làn sóng di tản của thuyền nhân. Tôi ngờ ý: chị gặp tôi và có những lời không đúng với tôi nếu việc đó có thể làm nguôi chút nào nỗi khổ đau của chị, thì tôi cũng sẵn sàng nghe. Tôi cảm thấy nỗi đau của chị như chính nỗi đau của tôi chính nỗi đau của chị nhân lên hàng ngàn, hàng vạn lần của người khác đã thúc đẩy tôi tìm kiếm một giải pháp cho đất nước. Chị đã đến bắt tay tôi xin lỗi và nói: "Đến nay tôi mới hiểu rằng, chính cái điều ông đang đấu tranh là để có một xã hội lành mạnh, công bằng, bớt đau khổ cho người dân"

Ông có ý kiến như thế nào đối với cộng đồng người Việt ở hải ngoại?

Tôi đã nhiều lần nói rõ rằng: cộng đồng người Việt ở nước ngoài là một tập thể đông đảo (gần hai triệu người), có nhiều thành đạt. Có những thành đạt ở hàng đầu của cộng đồng người nước ngoài trên thế giới, không kém gì người Nhật, người Hoa và cũng không kém gì người Do Thái,... Những thành tựu đó là về: làm việc, kinh doanh, buôn bán, học hành, tiếp thu khoa học kỹ thuật. Nhất là các em trẻ tuổi, nam cũng như nữ, hòa nhập rất nhanh, có trình độ học vấn khá cao và thành đạt khá nổi tiếng trong trường đại học ở tất cả các nước, đó là vốn quý của dân tộc. Tôi thường nói: dễ gì mà cử được số người đông đảo như thế, gần như ở khu vực nào cũng có để hòa nhập, học tập lối sống, văn hóa, văn minh, kinh nghiệm của các dân tộc khác. Tôi ví họ như một đàn ong cần mẫn hút nhụy hoa làm mật, chất tinh túy ấy chính là vốn kiến thức, vốn tiền nong, kinh doanh, khoa học kỹ thuật và công nghệ. Hiếm có dân tộc nào đã biến bất hạnh của hoàn cảnh trở thành điều may mắn, hạnh phúc.

Bất hạnh bà con ta phải trả là phải bỏ nước ra đi, từ đó tạo nên những cái đáng mừng. Cái còn tồn tại trong cộng đồng người Việt hải ngoại, theo tôi, là chưa đoàn kết; có quá nhiều tổ chức, lại kinh chống nhau. Người Việt hải ngoại thiếu những tổ chức thống nhất, lành mạnh, có thể tập hợp đông đảo người Việt có cùng một chí hướng, có sinh hoạt dân chủ. Tôi có cảm giác ở nơi này, nơi kia những tổ chức của người Việt hải ngoại còn mang nặng tính hình thức. Những hội đoàn, ái hữu chú trọng nhiều đến cờ quạt, úy lạo, diễn văn, chụp ảnh chủ tịch đoàn v.v... một cách phô trương, mà ít có những hoạt động thực chất. Thảo luận dân chủ chưa rộng rãi, vẫn còn không khí gia trưởng, áp đặt. Có những người chủ trương "cấm vận" với trong nước, không được có quan hệ làm ăn buôn bán, đi lại, thăm hỏi, du lịch, vì cho rằng như vậy mới có thể làm cho chế độ cộng sản ở trong nước mau sụp đổ (!?) Chủ trương như thế không được thảo luận đầy đủ, và những ai có dự định trái với xu hướng "cấm vận" ấy phải tránh đi, không dám cương lại không muốn phát biểu công khai. Nhưng điều mỉa mai là chính những

người đề ra chủ trương như vậy rất cuộc, cũng lao vào làm ăn buôn bán ở trong nước, về thăm quê, gửi tiền về cho người nhà ở trong nước v.v... Như thế là không lành mạnh, nói một đằng, làm một nẻo, không chế người khác và không tôn trọng lẫn nhau. Tôi nghĩ, trong cộng đồng làm sao xây dựng được một tinh thần dân chủ, thẳng thắn tranh luận, đối thoại, cởi mở, mỗi người đều có chính kiến riêng, đều có thể phát biểu công khai, không e ngại lo sợ bị đe dọa, khủng bố. Đối với nhà thơ Nguyễn Chí Thiện, có người có thái độ khiêu khích, gây sự, đe dọa hành hung ông, hoặc o bế, gò ép ông, cho gặp người này, ngăn cản gặp người khác... Đây là thái độ thiếu lành mạnh, thiếu văn hóa ở ngay trên đất nước dân chủ.

Sự chia rẽ của tổ chức Văn bút ở hải ngoại là đáng tiếc, làm giảm uy tín của cộng đồng người Việt. Việc phê phán một ông tướng từng là Chủ tịch ủy ban Hành pháp ở Miền Nam có ý hòa hợp và hòa giải giữa người Việt với nhau, hoặc việc lên án một bà ủy viên hội đồng địa phương ở Úc đề xuất ý kiến kết nghĩa với một quận ở thành phố Hồ Chí Minh... mang tính chất thóa mạ, chụp mũ, không khác mấy với kiểu chỉnh huân, kiểm thảo, tố khổ của đảng Cộng sản? Hai vị ấy bị lên án là tay sai Hà Nội, đi đêm với kẻ thù, đâm dao sau lưng chiến sĩ và bà con ta; hay bị cộng sản mua mất linh hồn, tiếp tay cho ma quỷ, phản bội cộng đồng, sẽ bị hỏi tội và trừng phạt...

Trước đây, có một vài tờ báo và cá nhân phát biểu rằng, ông đã từ bỏ hàng ngũ cộng sản để về với quốc gia, rời bỏ chủ nghĩa đen tối của cộng sản để đến với "chính nghĩa quốc gia", rằng ông đã bị chiêu hồi, đã bỏ cờ đỏ sao vàng để theo cờ vàng ba sọc đỏ. Nhân dịp này xin ông cho biết ý kiến của ông về những điều đó?

Nhiều lần tôi đã nói, có những người nhận định không đúng về tôi, ví dụ như cho tôi là bị chiêu hồi, bỏ hàng ngũ cộng sản để về với "chính nghĩa quốc gia" như ông đã hỏi. Nhân đây, tôi cần nói rõ thế này. Hiện nay tôi không còn là người cộng sản nữa. Người ta đã khai trừ tôi khỏi đảng cộng sản. Tôi yên lòng và còn tự hào đứng ngoài đảng cộng sản. Nhưng không phải vì vậy mà tôi bôi đen hoặc nói xấu đảng cộng sản. Trước hết, đối với đảng cộng sản, tôi luôn cho là không ít người vào đảng cộng sản do động cơ yêu nước. Và

hiện nay tôi vẫn cho là trong đảng cộng sản có hơn hai triệu đảng viên nhưng phần lớn họ vào đảng không phải vì lý tưởng cộng sản, học thuyết cộng sản, mà chính tình thế bắt buộc do không có đảng nào khác ở trong nước để họ lựa chọn. Trừ một số trường hợp riêng biệt, ai muốn làm việc, tiến thân đều phải vào đảng cộng sản. Trong số hơn hai triệu đảng viên cộng sản hiện nay, không hiếm người có tinh thần dân tộc sâu sắc nghe theo lẽ phải. Nhưng vì chưa có điều kiện, thời cơ hoặc còn e ngại vì ách độc đoán, nên họ chưa biểu hiện thái độ của mình. Đã và đang có nhiều người thảo luận ngầm với nhau về hướng dân chủ hóa cho đất nước trong tương lai.

Còn việc có người cho rằng tôi đã "trở về với chính nghĩa quốc gia", tôi nghĩ, không phải tất cả những người Việt ở hải ngoại đều là "quốc gia". Bởi vì "quốc gia" không có nghĩa là cứ người bỏ miền Nam ra đi đều có tinh thần "quốc gia". Trong cộng đồng đó có đến ba, bốn trăm tổ chức khác nhau, có những tổ chức chống đối nhau quyết liệt. Tôi không gia nhập tổ chức nào và cũng không để ai lôi kéo mình. Cho nên, không thể nói tôi trở về với "chính nghĩa quốc gia" và "bị chiêu hồi" được. Những người yêu nước thật sự là người theo chủ nghĩa yêu nước chân chính, dù họ có là cộng sản, hay quốc gia và đều là những con người chân chính. Còn những người mang danh "quốc gia", nhưng không dấn thân cho sự nghiệp độc lập, tự do, phát triển của quốc gia, thì chắc gì đã là người quốc gia chân chính? Tôi đã gặp một số vị trong chế độ Sài Gòn cũ, có vị là trung tướng nói với tôi rằng: "Nếu chúng tôi chiến thắng, tức miền Nam thắng miền Bắc, không chắc chính sách của chúng tôi đối với các ông đã hơn gì so với chính sách của các ông đối với chúng tôi. Có khi chúng tôi lại có những trại giam tàn bạo hơn". Ngay một số trí thức từng ở trong chính quyền miền Nam cũng tỏ ra phủ nhận bộ máy lãnh đạo của chế độ Việt nam Cộng hòa trước đây và phủ nhận cả lá cờ vàng ba sọc đỏ. Nhiều người trước kia đã là viên chức cao cấp trong chính quyền miền Nam đã nói với tôi: "Chúng tôi muốn quên lá cờ vàng ba sọc đỏ đi vì nó tiêu biểu cho một chế độ quan liêu, quân phiệt, tham nhũng và thối nát, chúng tôi không muốn thừa nhận lá cờ ấy. Chế độ đó đã thất trận, thất trận do thối nát, thiếu sáng suốt, phải bỏ nước chạy ra nước ngoài". Ở trong nước, đồng bào ta, kể cả những người từng sống trong chế độ Sài Gòn cũ, cũng



không nuôi tiếc và hy vọng gì về những người "quốc gia" ở nước ngoài, vì họ không tác động có hiệu quả đối với đất nước, trong khi phần đông họ chỉ cổ vũ hận thù và một thời gian còn có không ít người chủ trương dùng bạo lực. Tôi thấy còn hai nhược điểm lớn tồn tại trong cộng đồng người Việt ở nước ngoài. Thứ nhất là hiện tượng kích động hận thù, duy trì và phát triển sự phục thù sâu sắc, nặng nề. Thứ hai là chủ trương bạo lực lật đổ chế độ cộng sản, giành chính quyền, xu hướng này đã giảm rõ, nhưng chưa bị triệt tiêu. Tôi tự cho mình không có "sứ mệnh" thay đổi trận tuyến để đi theo kiểu ấy. Bởi vì hơn 40 năm là đảng viên cộng sản và 37 năm trong Quân đội Nhân dân Việt nam, suốt quãng thời gian ấy tôi không làm điều gì xấu xa, không có điều gì phái hổ thẹn cả. Hồi ấy, tôi đã chiến đấu với tấm lòng trong sáng, tin tưởng ở chính nghĩa để giành lại độc lập cho dân tộc. Đến khi ra ngoài này, tôi trình bày kiến nghị của tôi về xây dựng và phát triển đất nước. Những người lãnh đạo đảng cộng sản khai trừ tôi.

Tôi thanh thản giã từ đảng cộng sản. Trước sau tôi vẫn giữ tấm lòng yêu nước, nguyện đấu tranh cho độc lập dân tộc và hạnh phúc của nhân dân, ngoài ra không có cái gì khác. Cho đến nay tôi vẫn gắn bó với đồng bào ở trong nước, gắn bó với lực lượng còn ở trong đảng cộng sản mà tôi có khả năng thức tỉnh họ theo xu thế thời đại, lôi cuốn họ vào cuộc đấu tranh cho dân chủ. Đó sẽ là lực lượng quyết định ở trong nước để xây dựng một nền dân chủ thực sự cho đất nước. Tôi không đặt cho mình phải cắt đứt mọi liên lạc với những người cộng sản, mà đặt cho mình nhiệm vụ phê phán những người lãnh đạo bảo thủ, tham nhũng, thối nát trong đảng cộng sản. Những người lãnh đạo bảo thủ, giáo điều, vì quyền lợi cá nhân mà duy trì ghế lãnh đạo, duy trì đặc quyền, đặc lợi hòng vơ vét của cải của nhân dân và của đất nước. Đây là những đối tượng chúng ta phải đấu tranh gạt bỏ khỏi chính quyền hiện nay. Còn những người trí thức, những anh em trẻ tuổi có trình độ học vấn cao, có đạo đức tư cách tốt hoặc những người ngoài đảng cộng sản như ông Phan Đình Diệu, ông Hà Sĩ Phu... và một bộ phận khá lớn tuy còn ở trong đảng, nhưng vẫn giữ tấm lòng đối với đất nước, giữ được tư cách đạo đức trong sáng... tôi nghĩ đó là tiềm năng của cách mạng dân chủ, là lực lượng mà tôi cần liên hệ, bắt tay đoàn kết, tin cậy để đưa

đất nước vào con đường dân chủ. Về lá cờ, đã có người ra điều kiện cho tôi là: "Ông bỏ đảng thì ông phải dẫm chân lên lá cờ đỏ sao vàng, bước qua lá cờ đó!" Tôi trả lời: "Không ai có quyền yêu cầu người người khác làm điều đó và tôi cũng không bao giờ làm như vậy. Lá cờ đỏ sao vàng tôi đã tôn trọng, đã chiến đấu dưới lá cờ ấy với lòng yêu nước của tôi, nó từng là biểu tượng trong cuộc đấu tranh giành độc lập trong trái tim tôi!" Nhưng quả thật, lá cờ đỏ không còn hoàn toàn đáng ngưỡng mộ đối với tôi như trước nữa. Lá cờ đỏ đã bị tập đoàn lãnh đạo bảo thủ làm cho hoen ố bởi những sai lầm tội lỗi trong Cải cách ruộng đất. Dưới lá cờ ấy, những tòa án mệnh danh là "tòa án nhân dân" đã xét xử và bắn chết hàng vạn đồng bào nông dân vô tội, trong đó có cả những người quen biết, họ hàng của gia đình tôi và gia đình vợ tôi. Lá cờ đỏ đã bị hoen ố trong vụ "Nhân văn - Giai phẩm" như đối với các ông Nguyễn Hữu Đang, Trần Dần... và trong vụ "Xét lại, chống đảng". Gần đây lá cờ ấy càng bị hoen ố thêm trong vụ xử tù ông Hoàng Minh Chính, ông Lê Hồng Hà cũng như các ông Đoàn Viết Hoạt, Nguyễn Đan Quế, các nhà lãnh đạo tôn giáo trước đó, v.v...

Lá cờ đỏ sao vàng đã bị lạm dụng, bị bôi nhọ khi chính quyền trong nước tăng cường độc đoán, gây nên bất công, đau khổ cho những người yêu nước vô tội. Chính lá cờ ấy đã cấm trên những nhà tù giam cầm hàng trăm chiến sĩ dân chủ yêu nước như trước đây đã từng giam hàng chục vạn sĩ quan, công chức của chính quyền Sài Gòn cũ.

Về lá cờ vàng ba sọc đỏ, nó được dựng lên dưới thời thực dân Pháp. Dưới lá cờ ấy biết bao nhiêu người chết oan uổng, mẹ tôi đã bị quân đội viễn chinh Pháp bắn chết. Hàng chục vạn người bị chết trong những cuộc tàn sát của quân Pháp và lực lượng do Pháp xây dựng. Rồi sau này là những đợt "tố Cộng", "diệt Cộng", thực chất là giết những người yêu nước ở miền Nam. Theo số liệu của Lầu Năm Góc (Hoa Kỳ), hơn 20 ngàn người bị tử hình, ám sát trong thời kỳ "tố Cộng thực hiện kế hoạch "Phụng Hoàng". Phía bộ đội miền Bắc và "giải phóng" cũng có 28 ngàn chiến sĩ bị bắt ngoài mặt trận, bị giam trong các nhà tù mà lá cờ đỏ đại diện. Lá cờ ba sọc đỏ chưa hề chinh phục được tôi.

Tất nhiên mỗi người có quyền tín nhiệm, yêu thích, tôn trọng lá cờ mà mình tự lựa chọn và tôn trọng sự lựa chọn của người khác. Nhưng cũng không nên áp đặt buộc mọi người theo một lá cờ nhất định. Cũng không nên vì chuyện lá cờ mà những người cùng chung chí hướng, cùng nguyện vọng không thể đối thoại với nhau, không thể đứng cạnh nhau để cùng nhau làm một công việc ích nước, lợi nhà như hiện nay.

Công bằng mà nói, đối với tôi, lá cờ vàng ba sọc đỏ đã có một lúc nào đó kiêu hùng phát phới khi một số anh em hải quân Việt nam cộng hòa chống trả quân bành trướng Bắc Kinh trên vùng đảo Hoàng Sa cuối năm 1974, để giữ một vùng lãnh thổ và hải phận của Tổ quốc, trong khi thủ tướng Phạm Văn Đồng tuyên bố cam chịu sự bành trướng nước lớn của Trung Quốc ở vùng đảo này!

Hiện nay có người chủ trương giữ lá cờ vàng ba sọc đỏ có người nói nên giữ cờ đỏ sao vàng và cũng có người cho rằng nên bỏ cả hai lá cờ đó đi. Thế còn ý kiến của ông?

Đây cũng là vấn đề tôi đã suy nghĩ. ở mỗi nơi có những ý kiến khác nhau. ở Mỹ, ở úc tôi nghe thấy có một số ý kiến, ở châu Âu cũng có những ý kiến này, ý kiến khác về lá cờ. Trong số những anh em gọi là "người Việt Đông Âu[24] cũng có người có ý kiến về hai lá cờ nói trên. Trong người Việt "quốc gia", có người cho rằng, hiện nay việc chống cộng là quan trọng nhất, có chống cộng thì mới có thể cứu vãn được tình thế của đất nước. Lá cờ đỏ sao vàng là lá cờ của cộng sản, vậy thì phải bỏ lá cờ mang tính chất cộng sản đó đi và dùng lá cờ của quốc gia là lá cờ vàng ba sọc đỏ để tập hợp lực lượng, làm phương tiện tiêu biểu. Chúng ta biết nguồn gốc lá cờ này từ xa xưa của các thời hoàng triều gọi là lá cờ vàng "long tinh". Sau thời kì Nhật đảo chính Pháp (9.3.1945), xuất hiện lá cờ "quẻ ly". Có người giải thích là sau khi thực dân Pháp "trao trả nền độc lập" cho vua Bảo Đại năm 1948, người ta lấy lại cờ "quẻ ly" nhưng nối liền sọc đỏ ở giữa thành ba sọc đỏ trên nền màu vàng, làm quốc kỳ của Việt nam Cộng hòa. Còn cờ đỏ sao vàng, có người nói đó là "lá cờ do bà Nguyễn Thị Minh Khai đưa ra theo mẫu lá cờ của Nga-sô" từ cuộc khởi nghĩa ở Nam bộ vào năm 1940, sau đó mặt trận Việt Minh

lấy lá cờ đỏ làm lá cờ của mình, rồi nó đã được chấp nhận trong Cách mạng tháng Tám và trở thành quốc kỳ của nước Việt nam Dân chủ Cộng hòa (sau khi thống nhất đất nước đổi thành nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt nam). Tôi thấy lá cờ đỏ sao vàng đã có một thời kì oanh liệt. Đó là thời kì khởi nghĩa Cách mạng tháng Tám năm 1945, thời kì kháng chiến chống Pháp và trước đó còn tiêu biểu cho cả cuộc khởi nghĩa Nam bộ năm 1940... Nó có cả một quá trình lịch sử hào hùng và đi cùng với nó là bài quốc ca có tựa đề Tiến quân ca.[25] Nhiều người cho rằng, cần phải giữ lá cờ đỏ sao vàng vì nó tiêu biểu cho một thời kì lịch sử, được Quốc hội của nước Việt nam chấp nhận và được công nhận ở Liên hiệp quốc, là lá cờ chính thức làm lễ chào cờ khi đón các nguyên thủ quốc gia và thay mặt đất nước Việt nam trên trường quốc tế.

Cho đến nay, ngay một số người Việt "quốc gia" đã nghĩ đến một lá cờ khác. Họ không công nhận lá cờ vàng ba sọc đỏ là "quốc kỳ" nữa, với lý do nó tiêu biểu cho một thời kì, một chế độ tham nhũng do thực dân, đế quốc dựng lên. Một số người quốc gia còn nói với tôi là không thể chấp nhận cờ vàng ba sọc đỏ, vì nó đại diện cho sự thối nát, cho sự thất trận, bất lực trong cuộc chiến đấu giữ miền Nam khỏi lọt vào tay cộng sản, đến nỗi họ phải bỏ đất nước ra đi.

Một số bạn từ trong nước cho biết đã thử thăm dò thì đồng bào trong nước rất ít ai còn nghĩ gì đến lá cờ vàng ba sọc đỏ, vì nhiều nguyên nhân. Số người ở miền Bắc không còn ai nghĩ gì đến lá cờ ấy; số người ở miền Nam một số còn nghĩ đến, nhưng với ít nhiều chua xót, bức bối. Nhưng ở ngoài nước có người lại nói, bao giờ cũng phải có sự tập hợp dưới một lá cờ nào đấy, nếu không thì mất hết ý nghĩa của việc tập hợp ấy. Cũng có người khác cho rằng, hiện nay hãy cứ để tạm thế đã không thể công nhận cả cờ vàng ba sọc đỏ lẫn cờ đỏ sao vàng. Và nên gác các bất đồng sang một bên, khi cuộc thảo luận về lá cờ chưa ngã ngũ, đến khi nào có điều kiện sẽ tiến hành trưng cầu dân ý, duy trì lá cờ này hay lá cờ kia, hoặc nghĩ đến một lá cờ mới. Cũng có người đề nghị nên sớm có một lá cờ mới gồm có các màu: màu xanh nước biển tượng trưng cho biển cả, màu xanh lá cây tượng trưng cho núi rừng và màu vàng - màu truyền thống của dân tộc Việt nam - tượng trưng cho đất đai, lãnh

thổ. Có người đề nghị nên dùng màu xanh lá cây, màu vàng và màu đỏ. Tôi nghĩ, đây là những ý kiến tự do, không ai có quyền cấm đoán, được nêu ra để tham khảo. Theo tôi, hiện nay không nên áp đặt một lá cờ nào. Chúng ta không nên sa lầy vào vấn đề này, không nên chia rẽ vì một lá cờ vốn mang tính hình thức nhiều hơn. Theo tôi, trong lúc này không nhất thiết phải treo, phải chào một lá cờ nào trong các cuộc họp của cộng đồng. Làm như thế vô hình chung là áp đặt đối với những người có suy nghĩ khác. Không nên vì lá cờ mà bài bác lẫn nhau, chụp mũ cho nhau, khó chịu với nhau, chia rẽ, xa lánh nhau... Tôi biết rằng ý kiến này rất khó chấp nhận với nhiều người, vì đã thành thói quen, tập quán việc treo cờ, chào cờ... Không có thì như thiếu một điều gì hệ trọng... Tôi mạnh dạn nói lên điều mà rất đông đảo người trong nước, kể cả các chiến sĩ dân chủ, cũng có ý kiến như thế. Tôi cũng hiểu rằng một ý kiến hợp lý có khi mất nhiều thời gian mới thuyết phục được số đông.

Ông có biết ông đụng đến một vấn đề hết sức nóng bỏng và phức tạp không?

Có chứ. Đây là vấn đề rất gai góc. Vì liên quan đến danh dự, sĩ diện con người, đoàn thể... Vì người ta từng chết và có thể dấn thân vào chỗ chết vì một lá cờ, do tính tiêu biểu và thiêng liêng của lá cờ ấy.

Là quân nhân, chúng ta đều thấu hiểu điều ấy. Là quân nhân chúng ta từng tuyên thệ dưới lá cờ mà ai cũng cho là chứa đựng hồn thiêng của Tổ quốc cô đọng lịch sử đấu tranh của dân tộc, đánh dấu chủ quyền của đất nước. Với đơn vị chiến đấu, lá cờ đánh dấu lãnh thổ quốc gia; cờ cắm ở đâu, đánh dấu cuộc chiến đấu đạt kết quả bảo vệ hoặc giành lại đất đai, quyền làm chủ đến đó, sau biết bao hy sinh, mồ hôi, xương máu của đồng đội. Tôi không ngại đề cập vấn đề này vì hiểu rõ chiều sâu ý nghĩa của nó. Nhất là vì vấn đề này có liên quan đến cuộc đấu tranh cho dân chủ hiện nay của nhân dân ta, ở trong và ở ngoài nước. Không nên vì nó là vấn đề gai góc mà tránh né cấm kỵ. Chúng ta nên trao đổi, đối thoại vấn đề này một cách ngay thẳng, cởi mở, tinh táo và bình tĩnh. Không nên nóng nảy, tự ái, mất bình tĩnh, đi đến cãi nhau một cách giận dữ, làm sống dậy những thù hận cũ, chỉ làm cho xa cách nhau thêm.

Cần có thái độ có văn hóa, nghĩa là lắng nghe nhau, ngấm ngấm cân nhắc cho chín mặt này, mặt khác, tự đặt mình vào chỗ đứng của người đối thoại để hiểu hết ý họ, rồi tự mình tìm ra lẽ phải. Trong khi đối thoại, tranh luận, cần tự tin, tự trọng, lại cần tôn trọng người khác và phục thiện, cái gì đúng thì chấp nhận; lại cần biết kiên nhẫn, biết đợi chờ nhau để suy nghĩ thêm với thời gian.

Thái độ xử sự có văn hóa như thế là biểu hiện của một con người trưởng thành, có nếp sống có văn hóa, xứng đáng với dân tộc Việt nam nghìn năm văn hiến.

Tôi không chấp nhận lá cờ đỏ sao vàng. Thế mà ở một số nơi công cộng bên này, trong sách báo, phản ánh, trên ti-vi nhìn thấy lá cờ ấy là tôi dị ứng, khó chịu, nên làm thế nào? Tôi rất hiểu tình hình như thế. Vì ở trụ sở Liên Hiệp Quốc, ở quảng trường quốc tế giữa thành phố New York, tôi cũng nhiều lần thấy những lá cờ đỏ sao vàng rất lớn. Trên tờ diễn, bách khoa toàn thư, sách địa lý, lịch sử cũng vậy. Vì đối với quốc tế, lá cờ đỏ sao vàng là quốc kỳ chính thức của nước Việt nam thống nhất hiện nay. Những người không thích lá cờ ấy, không chấp nhận lá cờ ấy cũng nên có cách nhìn thực tế, không nên bức bối đến mức có những việc làm như hạ cờ, hủy bỏ... là những việc làm không cần thiết, có thể bị coi là vi phạm trật tự xã hội của đời sống công cộng. Tôi có dự một số cuộc họp, cuộc biểu tình, trong đó, những anh chị em người Việt Đông Âu (từ miền Bắc sang) cùng chung tiến hành với anh chị em "quốc gia" (phần lớn ở miền Nam sang), tại đó người ta chào cờ vàng ba sọc đỏ và đi diễn hành với lá cờ ấy, vậy nên có thái độ thế nào? Tôi không còn ưa gì lá cờ đỏ sao vàng, nhưng lá cờ vàng ba sọc chưa chinh phục được tôi.

ở Berlin, Hanover và Frankfurt (Đức) cũng như ở Praha (Tiệp) tôi đã nghe một số anh chị em sinh viên và lao động hỏi như thế. Anh em không còn ưa gì lá cờ đỏ sao vàng, nhưng cũng không cảm thấy ưa thích lá cờ ba sọc đỏ. Theo tôi, mỗi người cần có lập trường, thái độ của mình, theo suy nghĩ, lập luận, tình cảm của riêng mình, theo cái quyền tự do của mỗi người, đồng thời tôn trọng tự do lựa chọn của người khác. Đó là thái độ có văn hóa. Trong khi cần phối hợp, đoàn

kết để đấu tranh giành quyền tự do dân chủ trong cả nước thì không nên chỉ vì sự lựa chọn lá cờ mà chia rẽ, đổ kỵ, xa cách nhau. Có nên đứng dậy chào cờ hay không thì cũng tùy nếu không thông suốt, có thể lảng lạng nhẹ nhàng đi ra ngoài; hoặc có thể đứng dậy. Không ai có thể coi việc đứng dậy là một cam kết, một thái độ công nhận lá cờ nào đó; vì đây còn có thể hiểu là một thái độ ngoại giao đơn thuần, để tỏ lòng tôn trọng đối với người xung quanh theo kiểu lịch sự xã giao mà thôi.

Kẻ thù cũ nay ta có thể bắt tay. Đất nước thù địch cũ nay ta có thể kết bạn. Huống chi đó là lá cờ của một bộ phận của dân tộc ta, dưới lá cờ ấy từng có những con người có lý tưởng, có tư cách hy sinh cho những giá trị mà nó từng tiêu biểu, thì việc làm như thế không có gì có thể làm cho ta ân hận hay e ngại cả.

Tháng 4-1998 này, một số bài báo ở hải ngoại lại nói đến "tháng 4 đen", đến "ngày quốc hận, đến hận "mất nước"... Ông có đồng ý với những danh từ ấy không?

Tôi có cách nhìn khác. Tôi vẫn cho ngày 30-5-1975 là một ngày vui, với cái ý nghĩa là chấm dứt chiến tranh, không còn quân đội nước ngoài nào trên đất Việt nam và đất nước ta được thống nhất liền một giải. Sau 30 năm chiến tranh với biết bao hy sinh, tổn thất, tàn phá, hòa bình trở lại chẳng lẽ không phải là niềm vui lớn sao?

Sự lãnh đạo sai lầm ngay sau đó đã triệt tiêu dần niềm vui trong tôi, với những sự kiện bị thảm liên tiếp trong 10 năm sau đó. Các trại giam chật cứng, tới tấp mọc lên; xóa bỏ giai cấp tư sản; cưỡng bức hợp tác hóa gấp; cả nước đói khổ; chiếm đóng lâu dài Cam Bốt; đất nước bị cấm vận... Làm sao vui được nữa.

Khá nhiều bạn tôi, là người phía "quốc gia" cũng nói rằng: nếu như sau 30-4-1975 họ thực hiện hòa giải hòa hợp như họ từng hứa, không có trả thù, mọi người là anh em với nhau, tận dụng sức lực nhân dân mọi nơi, mọi gia đình để xây dựng đất nước thì chúng tôi có thể chấp nhận họ, sẵn sàng bỏ qua quá khứ để sẵn tay xây dựng hiện tại, hướng tới tương lai đẹp cho mọi người, mọi nhà.

Những bất hạnh liên miên xảy ra từ sau 30-4-1975 càng làm cho những ai coi đó là "tháng tư đen", là "ngày quốc hận", là bị "mất nước" thấm thía thêm. Tôi tôn trọng những nỗi đau ấy, cảm thấy đó là nỗi đau của chính mình, nhưng riêng tôi tôi không coi đó là "hận mất nước" vì nước ta còn đó, không ai có thể lấy mất đi được. Đất nước Việt nam, quốc gia Việt nam, dân tộc Việt nam là trường tồn với hồn thiêng của sông núi, lãnh thổ. Tôi tin rằng những bất hạnh do sự lãnh đạo độc đoán, giáo điều, bảo thủ dù kéo dài thêm cũng chỉ là tạm thời, không thể trường tồn được. Chính quyền độc đoán bảo thủ đang trên quá trình rã đám không ai cưỡng lại nổi.

Một số người lên án miền Bắc đã cưỡng chiếm miền Nam, ông có đồng tình với chính kiến ấy không?

Đây là một vấn đề quan trọng trong nhận định về cuộc chiến tranh trên đất nước ta. Nó không đơn giản. Hai năm qua tôi có dự một số cuộc hội thảo khoa học về chiến tranh do Lầu Năm Góc tổ chức. Vấn đề này cũng được bàn đến, như là một vấn đề của khoa học lịch sử.

Trước hết tôi nói nhận thức của tôi khi còn ở trong nước.

Sau hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954, lẽ ra cả nước đã có tổng tuyển cử vào tháng 7-1956 để thống nhất đất nước. Miền Nam và Pháp, Mỹ đều không muốn thi hành điều khoản ấy vì vào lúc ấy uy tín của chính phủ Kháng chiến ở Hà Nội còn mạnh trong phạm vi cả nước. Ai cũng đoán nếu có bầu cử với kiểm soát quốc tế thì ông Hồ Chí Minh sẽ thắng. Ngay sau đó, chính phủ Ngô Đình Diệm thực hiện các chiến dịch tố cộng, diệt cộng, với sắc lệnh 10-59, đưa máy chém khắp các vùng để trừng trị lực lượng cộng sản đang ẩn dấu trong dân. Hà Nội gọi đó là cuộc chiến tranh một bên trong các tài liệu tổng kết.

Các chiến dịch tố cộng ở đồng bằng sông Cửu Long, ở khu 5, bắt vợ con những người "cộng sản" (thật ra phần lớn chưa, hoặc không phải cộng sản, chỉ là người kháng chiến chống thực dân Pháp) tù bỏ



những người chồng đi tập kết ra Bắc; những người kháng chiến cũ, gia đình họ bị quản thúc, kiểm soát gắt gao, gây nên một không khí rất căng thẳng. Họ bắt buộc phải tự vệ... Có nơi họ tự động đào súng lên lập tổ chức canh gác, chiến đấu để tự bảo vệ. Thế là nổ ra các cuộc chiến đấu do những người kháng chiến cũ nằm vùng chỉ huy, được gọi là các cuộc đồng khởi ở Bắc ái (Nam Tây Nguyên 20-1-1959), ở Trà Bồng (Bình Định tháng 8-1959) và Bến Tre (tháng 1-1960).

ở Hà Nội hồi ấy Đảng cộng sản tập trung sức lãnh đạo vào công cuộc sửa sai trong cải cách ruộng đất chống đói, hồi phục kinh tế, chống nạn vỡ đê lớn ở Mai Lâm (bắc Hà Nội), chống phong trào Nhân Văn Giai Phẩm, nên chưa tập trung sức vào tình hình ở miền Nam. Sau khi được tin đồng khởi, ban chấp hành trung ương họp và ra nghị quyết gọi là Nghị Quyết Trung ương 15, nhận định rằng đối phương đã chủ trương dùng bạo lực nên đấu tranh chính trị là không còn phù hợp, phải chuyển sang dùng bạo lực, xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng căn cứ, bảo vệ và phát triển lực lượng mọi mặt ở miền Nam.

Các cuộc tổ cộng, diệt cộng ở miền Nam được tiến hành mạnh mẽ, rộng khắp và quyết liệt hơn. Cuộc chiến đấu vũ trang của cả hai bên đều mở rộng dần, và mỗi bên đều lần lượt có những bước leo thang tương ứng. Tôi nói một vài cột mốc để các bạn trẻ có thể hình dung. Miền Nam đề cao chống Cộng thành quốc sách, phù hợp với chiến lược chung của phương Tây là ngăn chặn phong trào cộng sản bành trướng thêm. Việc khai báo lý lịch, khai báo hộ khẩu, kiểm tra người ở từng gia đình là hết sức chặt chẽ, nghiêm ngặt.

Đại hội 3 đảng cộng sản Việt nam họp vào tháng 9-1960 thành lập Trung ương Cục Miền Nam để lãnh đạo toàn miền Nam. Ngày 20-12-1960 thành lập Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam Việt nam. Ngày 15-2-1961 thành lập Quân Giải Phóng Miền Nam, lúc đầu gồm toàn bộ những chiến sĩ, thanh niên thực sự ở miền Nam. Cuối 1961 bắt đầu đưa lực lượng vũ trang tập kết, thuộc các sư đoàn 305, 825, 324... trở về theo từng tốp nhỏ và một số người chỉ huy cấp đại đội, tiểu đoàn...

Tháng 8-1961 ở miền Nam, lập trung đoàn chủ lực đầu tiên tại miền Đông Nam Bộ, trong khi phía Sài Gòn đã có hàng mấy chục trung đoàn chính quy. Sang năm 1962 mới lập chủ lực miền Nam gồm có 2 trung đoàn bộ binh, ngay sau đó ở khu 5 cùng với Tây Nguyên có 3 trung đoàn.

Sau trận ấp Bắc (2-1-1963) ở tỉnh Mỹ Tho lực lượng Quân Giải Phóng phát triển nhanh. Theo thống kê của Bộ Tổng Tham Mưu ở Hà Nội thì vào năm 1959 và 1960 khi Hoa Kỳ đưa vào miền Nam Việt nam 1.800 cố vấn, cán bộ kỹ thuật quân sự thì trong thời gian ấy, miền Bắc đưa vào miền Nam cũng chỉ gần 1.800 người, gần bằng con số ấy. Không thể đưa thêm vì miền Nam chưa đủ sức tiếp thu, vùng giải phóng còn nhỏ, kiểu xôi đỗ, co sở dân chưa rộng. Đến năm 1968, Mỹ đưa vào 4.200 cố vấn và nhân viên kỹ thuật, miền Bắc đưa vào hơn gấp đôi: 8700 người.

Từ cuối 1963, sau khi ông Diệm chết, Tổng Thống Kennedy bị ám sát, miền Bắc mới cho là thời cơ đã thuận để đưa các đơn vị cỡ sư đoàn gồm cả người miền Nam và người miền Bắc vào miền Nam. Đến khi Mỹ đưa vào miền Nam 543 ngàn quân (hơn nửa triệu) vào cuối năm 1967, thì số quân miền Bắc có mặt ở miền Nam (chưa kể đường vận chuyển chiến lược mang tên Hồ Chí Minh) là 21 vạn. Đó là phản ứng của các bên trong từng thời gian một. Vậy là trách nhiệm của cả hai bên, với cách nhìn của mỗi bên gắn bó với một phe trong chiến tranh lạnh, trong cuộc đọ đầu lịch sử giữa hai hệ thống thế giới đối lập. Cả hai bên đều không còn lập trường độc lập tự chủ, đổ lỗi cho nhau... Phía Mỹ và Việt nam Cộng Hòa tố cáo Bắc Việt xâm lược, gây sự trước. Hai phía đều leo thang chống đối nhau. Phía Bắc Việt nam tố cáo do Việt nam Cộng Hòa và Mỹ khởi sự, khủng bố, leo thang trước.

Cho đến mùa xuân 1975 khi chiến tranh sắp kết thúc, số quân các loại (chủ lực, địa phương quân, cảnh sát vũ trang, biệt động, hải quân, không quân, bảo an vũ trang...) của miền Nam có tất cả là 1 triệu 10 vạn quân sĩ. Còn quân Bắc Việt nam chính cống nghĩa là từ Bắc Việt nam đưa vào là 26 vạn cùng với một số quân vốn ở miền

Nam (cả du kích vũ trang) là 15 vạn (do tổn thất khá lớn trong những năm 1968, 1969 và 1970 qua ác chiến dịch Phụng Hoàng, Bình Định cấp tốc). Lúc ấy, quân Việt nam Cộng Hòa tuy đông, nhưng phải rải khắp các tỉnh thành, làng xã để phòng thủ, còn quân đội Nhân Dân Việt nam thì có thể tập trung cơ động bằng cơ giới, với tổ chức quân đội cao nhất lên đến cấp quân đoàn (gồm 8 sư đoàn bộ binh và 1 sư đoàn thiết giáp) trong khi tổ chức cao nhất của quân đội Việt nam Cộng Hòa là cấp sư đoàn; còn huy động lớn nhất của quân đội Việt nam Cộng Hòa cho một chiến dịch là 1 chiến đoàn (gồm 2 đến 4 sư đoàn) còn của quân đội Nhân Dân là 1 tập đoàn quân (gồm đến 5 quân đoàn, tức là chừng 20 sư đoàn như trong chiến dịch cuối cùng).

Sỹ quan và binh sỹ Việt nam Cộng Hòa chúng tôi vẫn giữ chính kiến là miền Nam bị cộng sản cưỡng chiếm bằng vũ lực, chúng tôi chỉ chiến đấu để tự vệ.

Tôi rất hiểu chính kiến ấy.

Bộ máy chính trị và tuyên truyền của miền Bắc cực lực bác bỏ quan điểm ấy, với lý lẽ rằng: không thể có hai nước Việt nam, chỉ có một nước và tạm thời hai miền. Không thể có chuyện người nước Việt nam xâm lược nước mình. Phía Sài gòn đã vi phạm Hiệp định Giơ-ne-vơ chống lại tổng tuyển cử để thống nhất đất nước, còn mở chiến dịch tố cộng, diệt cộng, tiêu diệt người kháng chiến cũ, lê máy chém khắp miền Nam theo luật 10-59, hò hét lấp sông Bến Hải, rồi còn mời hơn nửa triệu quân Mỹ với hàng chục triệu tấn bom đạn tàn phá đất nước, giết hại dân hai miền.

Mặt khác, trong các buổi sinh hoạt chính trị, ở trường quân sự cao cấp, ở trường đảng Nguyễn ái Quốc và khi tổng kết chiến tranh, các nhà lãnh đạo cộng sản lại nói khác. Đại thể là: chúng ta đã luôn giữ thế chủ động trong chiến tranh. Chúng ta đã biết nhìn xa, chôn dấu khá nhiều vũ khí ở khắp các địa phương miền Nam, đã để lại một số nòng cốt cán bộ quân chúng và cán bộ quân sự, cán bộ lãnh đạo; từ 1959 đã sớm phát động các cuộc đồng khởi ở Nam Bộ, Tây Nguyên; đã sớm xây dựng đường mòn Hồ Chí Minh làm đường vận

chuyển chiến lược; đã luôn coi Lào Miên là thuộc chiến trường thống nhất ba nước Đông Dương của quân đội nhân dân; chúng ta không bao giờ để cho các hiệp định quốc tế trói chân trói tay và khi thời cơ đến đã không ngần ngại dốc hầu hết lực lượng vào miền Nam để giành toàn thắng.

Đến nay, qua các lập luận trên, tôi thấy lộ ra sự thật là những người lãnh đạo cộng sản đã chủ động trong các bước tiến công để chiếm lĩnh miền Nam bằng vũ lực bằng mọi giá, bất kể phải hy sinh đến mấy triệu sinh mạng đồng bào mình. Họ có ý đồ rõ rệt là đưa cả nước gia nhập vào phe xã hội chủ nghĩa - trên thực tế là một nước đàn em của Liên bang xô viết. Đó là thực chất, được che dấu khá kỹ.

Ông có đồng ý với cách giải thích trên đây của những người lãnh đạo cộng sản không?

Hồi còn chiến tranh, tôi rất đồng tình, còn thích thú về cách giải thích của họ. Từ ngày chiến tranh kết thúc, với diễn biến bị đát của tình hình, tôi xem xét lại toàn bộ nhận thức, suy nghĩ của mình, và dần dần rời xa cách giải thích theo lối tuyên truyền lấy được trên đây. Những mây mù trong nhận thức được giải tỏa.

Có 3 điểm quan trọng dưới đây:

Nếu giành thắng lợi trong chiến tranh để xây dựng một chế độ tiến bộ hơn, mang lại cho nhân dân cả hai miền đã thống nhất trong một nước độc lập thật sự, tự do, ấm no và hạnh phúc thì có thể chấp nhận. Thế nhưng tôi nhận ra rằng nền độc lập vẫn không trọn vẹn. Đất nước đã có độc lập theo nghĩa không còn bị nước ngoài xâm chiếm làm thuộc địa, nhưng đất nước vẫn chưa có độc lập, tự chủ vì còn bị một học thuyết ngoại lai cầm tù. Đây là một nét văn hóa gốc gác bị vi phạm. Bóng ma của chủ nghĩa Mác, nhất là của chủ nghĩa Lênin, chủ nghĩa Staline, chủ nghĩa Mao... còn đậm nét trong suy nghĩ của các nhà lãnh đạo. Họ còn bị lệ thuộc. Quyền độc lập tự chủ của nước Việt nam nghìn năm văn hiến đã bị những người lãnh đạo cộng sản dâng cho một học thuyết lạ hoắc từ phương trời xa xăm ập

đến! Hơn nữa chế độ xây dựng trong cả nước từ hơn 20 năm nay còn thua kém chế độ ở miền Nam trước khi gọi là "giải phóng!" Vậy thì giải phóng để làm gì? ở miền Nam hồi đó, dù chưa thật đầy đủ, đã có nền chính trị dân chủ, đa nguyên, đã có nền tư pháp tương đối độc lập, nói chung có tự do tín ngưỡng và tôn giáo, có tự do báo chí, ngôn luận. Tất cả đều còn khiếm khuyết nhưng đã khác xa, tiến bộ hơn cái chế độ độc quyền một đảng lộng hành, người dân không có quyền dân chủ, tự do báo chí là con số không, tù chính trị còn rên xiết...

Hai là tiêu chí của chế độ là độc lập, tự do, hạnh phúc. Vậy mà độc lập thì chưa đầy đủ; tự do là con số không, hạnh phúc thì mờ mịt; mà bất hạnh thì tràn đầy, không bút nào tả xiết. Vậy cái chế độ này là một chế độ dị dạng, không xứng đáng để mang tính mạng ra mà giành lấy! Các oan hồn của triệu triệu anh hùng, chiến sĩ, liệt sĩ, nhân dân ở các bên bờ mình trong chiến tranh đang đứng dậy chất vấn, hỏi tội những người lãnh đạo cộng sản mù quáng, tham lam, vị kỷ.

Ba là: trong chiến tranh, một số trí thức quan tâm đến thời cuộc nghĩ rằng những hạn chế tự do là điều cần thiết trong thời chiến, nhằm giành chiến thắng trước hết. Sau chiến tranh, cuộc sống sẽ trở lại bình thường, với quyền tự do đầy đủ của công dân. Và nhiều lúc một số người lãnh đạo cộng sản cũng trấn an dư luận như vậy. Thế nhưng sau chiến tranh vẫn là chế độ hà khắc, mang tính chất cảnh sát với chế độ hộ khẩu, lý lịch phi lý, những hành động đàn áp tôn giáo và kiểm duyệt báo chí, đôi khi còn quá quắt hơn thời chiến. Người ta nhận ra ngày càng rõ chế độ độc đoán độc quyền đảng trị là hoàn toàn ngược với bản chất của dân, do dân và vì dân mà chế độ từng rêu rao. Đây là một quả lừa nữa của một chế độ lạc lõng với thời đại. Thật đáng xấu hổ, chế độ mang tên cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam, về mặt tôn trọng nhân phẩm và nhân quyền, được dư luận và các tổ chức quốc tế xếp cùng một loại với các chế độ tàn bạo, độc tài ở Miến Điện, Ly-bi, Uganda, Irak!

Theo ông Việt nam Cộng Hòa có thể thắng được trong cuộc chiến tranh này không?

Các bạn Mỹ đã hỏi tôi câu hỏi gần như vậy: phía Hoa Kỳ có thể thắng không? Tôi đã trả lời trong phần trên. Các bạn Mỹ tỏ ra hài lòng. Với các bạn Việt nam, thật là khó cho tôi để trả lời cho rõ. Khó vì tôi không muốn làm phật lòng các bạn. Nhưng tôi nghĩ lại thấy rằng đối với nhau ngay thật là hơn cả. Chiến tranh huynh đệ tương tàn đã chấm dứt hơn 20 năm. Nay chúng ta là anh em, ôn tồn nói chuyện với nhau. Chiến tranh đã chấm dứt và sẽ không bao giờ có thể tái diễn. Cái khó của các bạn trước hết là về chính trị, là thuyết phục được nhân dân rằng chính nghĩa là thuộc về phía mình.

Tôi đã nghĩ thật nhiều. Nếu như sau 1954 ở miền Nam, xuất hiện một tổ chức lãnh đạo có uy tín hơn, từ đó cũng xuất hiện một người lãnh đạo tài giỏi, một tập thể lãnh đạo tài giỏi hơn là chính quyền ông Ngô Đình Diệm, thì tình hình có thể khác. Nhìn lại tình hình miền Nam thời chiến tranh, về nhân sự lãnh đạo, một số chuyên viên trẻ có nhiệt tình, tâm huyết và kiến thức chưa kịp trưởng thành và tạo lập uy tín. Các ông Nguyễn Văn Thiệu, Dương Văn Minh cũ quá. Cụ Hương quá già nua. Có lẽ lẽ lối gia trưởng, tuấn tự mà tiến còn nặng nên việc đưa nhân tài lên một cách vượt bậc bị vướng víu. Ngay từ đầu, cái thế của ông Diệm đã không hấp dẫn với nhân dân. Ông là một cụ lớn cũ của triều Bảo Đại thời thuộc Pháp, do người Mỹ đưa về lại cai trị theo lối gia đình với ông Nhu là cố vấn bên cạnh, cộng thêm bà vợ kiêu căng, ngạo mạn, lắm tham vọng; với ông Cần là lãnh chúa miền Trung, ông Thực đầy quyền thế cả về chính quyền và thần quyền ở vùng đồng bằng sông Cửu Long, và bà Cả Lễ rất cổ xưa, sành buôn bán...

Sau ông Diệm là các ông tướng, tất cả đều là hạ sĩ quan, cai, đội hoặc sĩ quan sơ cấp thiếu úy, trung úy thời quân đội thực dân Pháp, nên uy tín chính trị không thể lớn được?

Nam Việt nam không thể xây dựng một chính thể tương đương như ở Đại Hàn hay Xinh-ga-po. Tại đó, được Hoa Kỳ, Nhật Bản và phương Tây giúp đỡ chế độ bảo vệ được mình, còn phát triển phồn vinh và trên quá trình dân chủ hóa. Vì sao vậy? Tôi tự hỏi và thật khó tìm ra trả lời.

Hồi ấy, Nam Việt nam có ít nhiều dân chủ, ít nhiều quyền tự do ngôn luận, quyền biểu tình, điều hành... thế nhưng nạn tham nhũng quá nặng, quá rộng tàn phá nặng nề công bằng xã hội, và viện trợ Mỹ vào càng nhiều càng làm xã hội bê bối thêm. Đó là những chỗ yếu chí mạng mà không có người đủ tài năng, đủ uy tín khắc phục nổi. Lòng dân không yên thì mọi việc đều khó. Cũng như tình hình hiện nay trong cả nước.

Về quân đội, nếu Mỹ có chủ trương chiến lược đúng, hợp thời (như tôi đã nói với các nhà lãnh đạo Hoa Kỳ và cựu chiến binh Mỹ ở trên) thì Mỹ tuy rất khó có thể thắng, nhưng có thể tránh thất bại quân sự nặng nề đến như đã xảy ra. Và đó là do lãnh đạo chính trị của Hoa Kỳ không ngang tầm, các tướng lĩnh chỉ đạo chiến tranh thiếu năng động, sáng kiến... Tôi nghĩ các ông tướng Việt nam Cộng Hòa cũng cần nhìn nhận phần khuyết điểm, thiếu sót, phần trách nhiệm khá lớn của mình, vì ít có chế độ nào được sự chi viện về quân sự từ bên ngoài to lớn đến vậy.

Anh em binh sĩ Việt nam Cộng Hòa không kém, các sĩ quan sơ cấp, trung cấp không kém so với quân đội Nhân Dân. Tuy có đơn vị ít nhiều thiệt chiến, có đơn vị yếu kém, nhưng nhìn chung là hai quân đội ngang nhau. Chịu đựng gian khổ, bền bỉ, lạnh lặn tháo vát, thông minh sáng tạo, họ không khác nhau, không hơn kém nhau gì nhiều. Cùng một gốc dân tộc, cùng từ nông dân, hoặc tầng lớp trung lưu mà ra.

Do đó tôi nghĩ các tướng lĩnh Việt nam nên nhìn lại mình để thấy phần trách nhiệm của mỗi người trong cục diện bị thảm chung. Điều đó sẽ làm cho uy tín được phục hồi, lòng quý mến của thuộc cấp được lưu giữ lâu bền.

Theo ông việc loại bỏ ông Ngô Đình Diệm có phải là một điều tai hại cho Việt nam Cộng Hòa không?

Theo tôi, điều ấy tùy thuộc vào việc đưa ai lên thay ông Diệm. Nếu đưa lên một nhà lãnh đạo chính trị thông minh, trong sạch, có uy tín,

trẻ trung hấp dẫn nhân dân về nhiều mặt, được quân đội trọng nể thì đó là điều tốt. Tôi nghĩ ở đâu cũng có thể kiếm ra nhân tài. Nhưng vấn đề là tìm ra, phát hiện ra, bồi dưỡng lên, gây vốn chính trị rồi vun vén vào. Ông Clinton trước đây chưa hề ở thủ đô, chỉ là một chánh án của một tiểu bang, thua mấy keo bầu cử ở bang Arkansas, thế mà được phát hiện, bồi dưỡng, vun đắp lên làm thống đốc, rồi tổng thống...

Ông Leonel Jospin thủ tướng Pháp, mấy năm trước là giáo sư, còn ở hàng thứ 8 của đảng Xã Hội Pháp, chỉ ở hàng 20 trong giới chính trị Pháp, thế mà được tuyển lựa, bồi dưỡng, để thành thủ tướng có uy tín cao bậc nhất từ trước đến nay trước nhân dân Pháp.

Sau khi ông Diệm chết, các ông tướng cầm quyền chỉ lo lật nhau, đảo chánh liên miên, tình hình sa sút nhanh, vì vậy mới có nhiều người cho rằng biết vậy thì để ông Diệm lại, chỉ đưa ông Nhu về nghỉ thôi, thì tình hình sẽ không đến nỗi nào... Nhận định ấy có vẻ có lý.

Hội Cựu chiến binh Việt nam hiện nay ra sao? Hội Cựu chiến binh Việt nam hiện nay chỉ là một tổ chức quần chúng phục vụ cho sự lãnh đạo của đảng cộng sản. Đại tướng Võ Nguyên Giáp làm chủ tịch danh dự của Hội, thượng tướng Trần Văn Quang làm chủ tịch, ba phó chủ tịch là người miền Bắc, miền Trung và miền Nam.

Năm 1984, ở miền Nam có Câu lạc bộ những người kháng chiến cũ, có báo riêng, có tinh thần đấu tranh chống độc đoán và tham nhũng. Nhưng những người lãnh đạo cao nhất coi tổ chức ấy là nguy hiểm và đã giải tán nó. Những người cầm đầu bị đàn áp, như ông Nguyễn Hộ, ông Tạ Bá Tòng và một số người khác hoặc bị khai trừ khỏi đảng, hoặc bị quản thúc. Tôi mong muốn sau này khi tình hình trong nước đã biến chuyển sâu sắc, chế độ độc đoán được thay thế bằng một chế độ dân chủ, các Hội cựu chiến binh của Việt nam và của Hoa Kỳ cùng với các Hội cựu chiến binh của quân đội Việt nam Cộng hòa cũ trong cộng đồng người Việt ở nước ngoài sẽ liên lạc với nhau trên tinh thần hòa hợp, hòa giải, hóa giải các oán thù cũ trong chiến tranh, xây dựng tình hữu nghị bình đẳng, tôn trọng lẫn



nhau theo khẩu hiệu "chúng ta là anh em". Trong chiến tranh, mỗi bên đều có những việc làm đáng tiếc. Nay, hãy quên đi những gì cần quên, làm những điều tốt đẹp, bắc cầu hữu nghị, đi đầu trong xây dựng tình bạn giữa hai dân tộc. Biết bao nhiêu việc cần hợp tác với nhau. Chấm dứt mọi toan tính có tính chất bạo động, dùng vũ lực. Mở rộng du lịch giữa các cựu chiến binh, đi thăm các danh lam thắng cảnh giữa Việt nam và Hoa Kỳ, đi thăm các chiến trường cũ ở Việt nam. Giúp đỡ nhau, tương trợ chăm sóc các thương binh nặng bất kể thuộc về phía nào trước kia, chăm sóc các gia đình liệt sĩ các trẻ em mồ côi... Cung cấp chân tay giả, xe đẩy cho thương binh. Trao đổi các đoàn thăm viếng, sách báo, tranh ảnh, phim, thư từ. Kết bạn với nhau giữa những người trước kia từng dự một trận đánh, một chiến dịch.

Có thể mở rộng quan hệ giữa các Hội cựu chiến binh Việt nam và Hoa Kỳ với các Hội cựu chiến binh từng tham gia chiến đấu ở Việt nam tại các nước Ca-na-đa, úc, Tân Tây Lan và các nước Đông Nam á.

Không những giữa các cựu chiến binh Hoa Kỳ và cựu chiến binh quân đội Nhân dân Việt nam cần hòa giải với nhau, mà giữa các cựu chiến binh Hoa Kỳ với các cựu chiến binh quân đội Việt nam Cộng hòa cũ cũng cần hiểu biết nhau hơn. Đã có quan chức Mỹ dùng lời lẽ quá đáng, nặng nề, tỏ ý khinh thị khi nói về chế độ Sài Gòn và quân đội Nam Việt nam Cộng hòa. Cũng có một số sĩ quan Sài Gòn cũ mang hận thù nặng với Mỹ, như có định kiến rằng, Hoa Kỳ ích kỷ, vô trách nhiệm, chỉ có mục đích dùng chiến trường Việt nam để thử vũ khí mới, để bán vũ khí kiếm lời, có chủ định đánh không cần chiến thắng... Họ vô tình bỏ qua cố gắng, nỗ lực, hy sinh của phía Mỹ, quên sự đón tiếp hơn một triệu người Việt nam vào đất Mỹ sinh sống. Cần tỉnh táo, công bằng và bình tĩnh hơn. Tôi mong có những cuộc họp trên tình bạn giữa các Hội cựu chiến binh trong chiến tranh Việt nam (Veteran Vietnam War, VVW) của các nước. Khi đó người ta sẽ bàn về nhiều việc thiết thực, cần thiết, bổ ích, như: hoạt động thông tin, phối hợp để viết sử, tham quan, du lịch và kết bạn, học nghề cho con em, cấp học bổng cho gia đình cựu chiến binh, giúp nhau sửa sang nghĩa trang quân sự (hiện nay ở Việt nam, các nghĩa

trang cũ của Việt nam Cộng hòa bị phân biệt đối xử rất tệ hại, bị di chuyển, phá bỏ, để cho bê bối...) Giúp đỡ các cựu chiến binh nghèo khổ, tàn tật.

Ông có thể nói thêm về khả năng hợp tác giữa các Hội cựu chiến binh ở trong nước với ngoài nước.

Hiện nay ở Việt nam có Hội cựu chiến binh là tổ chức duy nhất tập trung đông đảo các cựu chiến binh của quân đội nhân dân Việt nam. Tôi nghĩ, sau này đất nước có thay đổi theo hướng dân chủ hóa, Hội cựu chiến binh Việt nam nên có mối quan hệ bình thường với các hội Cựu chiến binh Việt nam Cộng hòa ở Mỹ, úc, Pháp... Hiện nay Hội cựu chiến binh Việt nam đã có những mối quan hệ với một số Hội cựu chiến binh Hoa Kỳ, tất nhiên, chỉ là trên một vài lĩnh vực như phát triển du lịch và trên chừng mực nào đó đem lại một số lợi ích cho Hội cựu chiến binh Việt nam. Khi đã có tinh thần hòa giải hòa hợp, coi nhau là anh em, thì có thể có quan hệ tương trợ giúp đỡ lẫn nhau giữa Hội cựu chiến binh ở trong nước với Hội cựu chiến binh Việt nam Cộng hòa. Tôi nghĩ, sự giúp đỡ lẫn nhau đó không phải như hiện nay ở trong nước, kiêu kiêu ngạo, tự phụ, tự coi mình là người chiến thắng để coi khinh các cựu chiến binh ở ngoài nước. Ví dụ, như việc chăm sóc và tu bổ lại các nghĩa trang liệt sĩ của các bên. Hiện nay ở trong nước có chiều hướng phân biệt đối xử rất tệ hại, chỉ chăm lo sửa chữa, xây dựng nghĩa trang liệt sĩ của Quân đội Nhân dân Việt nam, các liệt sĩ của cách mạng mà họ quan niệm là "chính thống". Còn các nghĩa trang cũ của Việt nam Cộng Hòa thì bỏ bê, bệ rạc, thậm chí phá hủy, rời đi nơi khác như nghĩa trang Mạc Đĩnh Chi nằm giữa Sài Gòn. Sau này, với tinh thần tôn trọng những người đã khuất, dù thuộc bên nào, các nghĩa trang sẽ được trùng tu lại trên tinh thần dân tộc, cũng như việc chăm sóc thương binh của các bên. Cựu chiến binh của hai bên có thể giúp đỡ cho nhau để chăm sóc những người thương binh nặng, có thể Hội này giúp những hội viên của Hội bên kia. Các Hội cựu chiến binh nên có trách nhiệm giúp đỡ cho các anh em thương binh cụt chân, cụt tay hiện giờ đang sống lay lắt ngoài vỉa hè. Trong tương lai, những người tàn tật, ốm đau do chiến đấu gian khổ lâu năm, do bị những di hại của chiến tranh, như chất độc hóa học màu da cam... nên được Hội của

các bên cùng nhau chăm sóc, giúp đỡ. Tôi hình dung đến thời kì hòa hợp, hòa giải của các cựu chiến binh, họ giúp đỡ nhau trên tinh thần thương võ, bình đẳng của những người đã buông cây súng và bây giờ tất cả là anh em. Đây cũng là xua tan những mây mù, di sản của một thời mù quáng trong thế kỷ 20.

Xung quanh vấn đề tù nhân của các bên, ông thấy có gì khác nữa không?

Tôi nghĩ, sau này phải hóa giải lại, vì trong chiến tranh có những người bị phía bên kia bắt, khi trở về cũng đều rất bị đất. Nhiều anh em trong diện H.O. đã bị tù lâu năm, bây giờ không muốn sống trong nước, đã được ra nước ngoài. Nhưng cũng có nhiều anh em vì tù đầy chưa đủ năm để cứu xét hiện vẫn còn sống trong nước, cũng cần được Hội cựu chiến binh của quân đội Việt nam Cộng hòa ở ngoài nước liên lạc và chính quyền trong nước cần tạo điều kiện để họ liên lạc bình thường, phát huy sự giúp đỡ. Tôi cũng muốn đề cập tới một đối tượng khác ít được chú ý, rất thương tâm. Đó là hàng chục ngàn anh em từng ở trong Quân đội nhân dân Việt nam bị bắt và bị giam ở nhà tù Phú Quốc ở miền Nam. Đặc biệt số anh em vào Nam chiến đấu bị chiêu hồi vì những nguyên nhân nào đó như đau ốm, bệnh tật, bị rơi vào những tình huống đặc biệt phải bỏ cuộc, hoặc vì thất vọng, không thấy rõ ý nghĩa hành động chiến đấu của mình, nên đã bị chiêu hồi, bỏ ngũ sang phía bên kia. Sau ngày 30.4.1975 họ phải trình diện trở lại, một số bị đưa đi "cải tạo một lần nữa. Tình trạng những anh em này rất bị đất. Tôi có quen biết ở đường Khâm Thiên, quận Đống Đa-Hà Nội một số anh em như vậy. Họ đang ở trong tình trạng rất khó khăn về kinh tế, chính trị, tâm lý và gia đình, không có ai đoái hoài đến. Vì những người lãnh đạo Hà Nội rất định kiến với bất cứ ai đã từng nằm trong tay địch, dù bỏ cuộc với bất cứ lý do gì. Những người này coi như bị quăng ra ngoài lề xã hội. Sau khi bị đi học tập cải tạo, đặc biệt là những anh em trước đây bị chính quyền miền Nam chiêu hồi rồi thả về theo Hiệp Định Paris, họ bị phân biệt đối xử, bị cắt mọi đường sinh sống và định kỳ phải đến trình diện cơ quan công an, bị hoành hợ đủ thứ. Qua đây tôi muốn lưu ý dư luận trong và ngoài nước đến thảm trạng đó. Xã hội ít biết đến họ, cũng giống như những người trên tàu

Thương Tín khi họ trở về sau ngày đất nước thống nhất, hy vọng sẽ được đất nước đón tiếp trở lại, mở rộng cánh tay chào đón, trở về là may, là tốt. Nhưng ngược lại, khi họ về đến nơi, tất cả đều bị tổng giam một thời gian khá dài, không được dùng vào bất cứ một cương vị nào. Chính quyền cho là trong số họ có kẻ trá hàng, được địch huấn luyện... Chế độ ở Việt nam nói rất nhiều đến bác ái đùm bọc lẫn nhau, "lá lành đùm lá rách". Nhưng trong thời kì mở cửa, chạy theo đồng đô-la, có thể nói người ta ít quan tâm đến số phận của đồng bào của mình. Khi sống và có thời gian quan sát ở Pháp, Canada, tôi thấy chính ở những nước tư bản, tinh thần xã hội của nhà nước và xã hội cao hơn nhiều lần ở những xã hội gọi là "xã hội chủ nghĩa". Ví dụ như ở Pháp, chính sách xã hội do cánh tả giành được trong mấy chục năm tranh đấu lâu dài, đã cho tất cả những người không có việc làm, bị thất nghiệp, về hưu cũng được trợ cấp một khoản không phải là nhỏ. Tôi có một số người quen được hưởng trợ cấp xã hội đủ cho cuộc sống bình thường, giá trị tương đương hai lạng vàng mỗi tháng. Vậy tiền mà xã hội và nhà nước bỏ ra là ở đâu? Đó là tiền trích ở thu nhập của những người làm việc, sản xuất, kinh doanh v.v... trong thời gian còn tuổi lao động. Tất cả phải có trách nhiệm trích khoản tiền đó bỏ vào quỹ xã hội và nhà nước có trách nhiệm dùng số tiền đó để chăm lo cho toàn thể xã hội: Tất cả mọi người đều được quan tâm, không người nào bị bỏ rơi ngoài lề xã hội. Hơn nữa, ở các nước này có rất nhiều tổ chức từ thiện quan tâm đến mọi người, nảy nở hàng trăm, hàng vạn tấm lòng vàng, như bà mẹ Theresa, bà hoàng Diana[26] v.v... Mặc dù họ có nhiều của cải, nhưng họ không lấy đó để hưởng thụ riêng mà nghĩ đến việc bênh vực số phận của những người bất hạnh, yếu đuối hơn mình, chia sẻ tình cảm, vật chất để xoa dịu đau khổ của con người. Cái nhứt nhối ở Việt nam hiện nay là nhà nước, xã hội hầu như bỏ mặc số phận con người. Có người nói, hiện tượng đó là "hiệu ứng con lắc" đồng hồ, tức là từ thời gian quả lắc ở bên cực tả thì tất nó phải chuyển sang phía cực hữu. Sau thời kì xã hội coi trọng đạo đức, cổ súy con người xả thân vì nghĩa lớn, đến nay đang chuyển sang thái cực đồng tiền là trên hết, bỏ rơi tất cả mọi giá trị đạo đức. Tôi nghĩ, bây giờ nên điều chỉnh lại quả lắc đồng hồ để nó trở lại trạng thái cân bằng, làm sao con người quan tâm đến nhau, thông cảm và chia sẻ nỗi đau của nhau. Đó chính là cái nghĩa thực

của chủ nghĩa xã hội.

Có người đặt vấn đề, vì sao ông lại đề xuất và nhiều lần nhắc lại vụ án "Nhân văn-giai phẩm" và vụ án "Xét lại chống đảng" là những vụ án nội bộ của cộng sản đã xảy ra quá lâu rồi, mà không nói đến những vụ khác lớn hơn và liên quan đến nhiều người hơn?

Đúng là vụ án "Nhân văn-giai phẩm" xảy ra cách đây hơn 40 năm, vụ án "Xét lại chống đảng" xảy ra đã hơn 30 năm. Những vụ án này quả thật động chạm không đến vài trăm người. Có những bạn bên Hoa Kỳ góp ý với chúng tôi, cộng đồng chúng ta ở ngoài nước không cần quan tâm đến những việc nội bộ của đảng cộng sản, mà có những vụ việc lớn hơn nhiều. Đây cũng là một ý kiến. Nhưng tôi phải nói rõ, vụ "Nhân văn-giai phẩm" và vụ xét lại chống đảng", tuy mỗi vụ chỉ đụng chưa đến vài trăm người, nhưng đã bị đảng cộng sản che giấu, bưng bít rất lâu và gần đây mới đưa được ra ánh sáng. Ngay những người miền Bắc sống ở trong nước trước đây cũng không biết. Bây giờ mới có những người đưa ra, như cuốn sách "Đêm giữa ban ngày" của ông Vũ Thư Hiên đang được dư luận đọc giả hết sức quan tâm. ở châu Âu, đã có những cuộc hội thảo lớn trong cộng đồng thanh niên, sinh viên, những người Việt Đông Âu làm báo để nhắc đến vụ án này. Tôi thấy cần như vậy. Cho rằng đây là chuyện nội bộ của đảng cộng sản, đụng đến vài trăm người, không thấm vào đâu so với vụ cường bức cải tạo hàng trăm ngàn người sau ngày 30.4.1975 hoặc so với vụ "thuyền nhân", là không thấm đáng. Bởi vì, chúng ta đấu tranh chống sự lãnh đạo độc đoán của đảng cộng sản, trước đây họ khoe là họ chỉ có đúng và không có gì sai, đúng từ đầu đến cuối, ngay cả trong các vụ "Xét lại chống đảng", "Nhân văn-giai phẩm" họ cũng đúng, thì chúng ta phải làm cho ra sự thật. Đưa các vụ đó ra ánh sáng, trình bày vấn đề, tạo nên dư luận và ép buộc họ phải công khai thừa nhận rằng đấy là sai lầm của họ, họ phải công khai xin lỗi những nạn nhân và phục hồi danh dự cho những người đó. Đây là đòi hỏi hết sức chính đáng. Khi đảng cộng sản buộc phải nhận những sai lầm lớn ấy họ phải làm tiếp những đòi hỏi chính đáng khác. Như trong những cuốn sách của tôi, tôi đã viết, đã đề cập đến việc họ kêu ngạo và đại dốt tống hàng trăm ngàn người vào cái gọi là "trại cải tạo", nhưng thực chất

là các nhà tù tệ hại. Biết bao người công chức già của các đảng phái, của chính quyền cũ đã chết ở trong tù như các ông Trần Văn Tuyên, Phan Huy Quát và nhiều viên chức khác. Buộc họ phải thụ nhận vụ án "Xét lại chống đảng", mà trong vụ này có rất nhiều nạn nhân thuộc những gia đình có công với cách mạng, đã từng ở trong Trung ương đảng cộng sản, sẽ dễ tạo nên sức ép từ trong đảng cộng sản, từ ở trong nước buộc họ phải nhận sai lầm. Đến lúc đó họ phải nhận tiếp những sai lầm khác, trong đó tôi đặc biệt nhấn mạnh chủ trương đày đọa những người thất trận đã đầu hàng, bắt họ đi cải tạo trong những nhà tù khổ sai. Rồi tiếp đó đi đến buộc phải nhận chính họ đã gây ra thảm kịch "thuyền nhân". Chúng ta phải đi từ cái dễ buộc tội họ đến cái khó buộc tội họ hơn để họ không thể không nhận tội. Những người nào đòi bỏ qua những vụ án trên vì chúng xảy ra đã quá lâu, là việc nội bộ đảng cộng sản là không hiểu bản chất sự việc không biết tận dụng thời cơ để đấu tranh và không biết lợi dụng những cơ hội ấy để dồn đối thủ chính trị vào chân tường, buộc họ phải lùi bước. Khi họ đã phải lùi một bước trước dư luận và công luận trên thế giới, họ sẽ phải lùi những bước tiếp theo. Và trong đó có những việc thiết thân, liên quan đến hàng triệu người thuộc cả hai phía. Chúng ta không nên phân biệt đâu là chuyện cũ, đâu là chuyện mới, việc của phía này, việc của phía kia, mà cần nhận thức là tất cả sự bất công, nỗi bất hạnh của bất cứ ai, xảy ra bất cứ lúc nào đều là nỗi bất hạnh chung. Chúng ta phải có phương pháp đấu tranh khôn khéo, nhưng kiên quyết để buộc những người phạm sai lầm phải thừa nhận tội lỗi của họ và giải quyết từng trường hợp từ nhỏ đến lớn, cả cũ lẫn mới.

Theo ông, vấn đề hòa hợp và hòa giải dân tộc được đặt ra như thế nào? Vấn đề này gây tranh cãi rất nhiều trong cộng đồng chúng ta, có người phản đối, có người tán thành, còn ông?

Hòa giải và hòa hợp dân tộc là chủ trương hết sức cần thiết. Không những thế, nó còn là một vấn đề được hình thành trong thực tế diễn ra từ lâu rồi. Theo tôi, chúng ta nên đặt vấn đề tại sao lại phải hòa giải và hòa hợp dân tộc? Bởi vì có những đổ ứ lẫn nhau, không thông hiểu nhau, định kiến với nhau, hiểu sai về nhau giữa những người bị ảnh hưởng của chế độ miền Bắc với những người bị ảnh

hường của chế độ miền Nam, nên cần đặt ra vấn đề hòa giải và hòa hợp. Nhưng ai thực hiện và thực hiện hòa giải hòa hợp như thế nào? Đây là vấn đề có một thời kì tôi thấy bàn cãi rất sôi nổi trong cộng đồng.

Có người cho là không thể đặt vấn đề hòa giải hòa hợp với những người cộng sản, thậm chí với cả những người liên quan với chế độ cộng sản. Những người cộng sản phải ra đi, phải trao quyền, phải nhận tội, phải bị xét xử, chế độ cộng sản phải bị đập tan, hòa giải hòa hợp dân tộc không kiên định lập trường chống cộng (!)

Theo tôi, chúng ta cần đặt câu hỏi hòa giải hòa hợp như thế nào? Ai là người hòa hợp hòa giải và hòa giải hòa hợp với ai?

Đây là vấn đề rộng, tôi có thể phát biểu vắn tắt mấy quan điểm như sau. Thứ nhất, hòa giải hòa hợp là cần thiết. Bởi vì rõ ràng tồn tại những nhóm người sống ở hai chế độ khác nhau trong thời gian hàng chục năm, bị ảnh hưởng tuyên truyền giáo dục của mỗi chế độ. Do đó, giữa họ đã có mối hiềm khích, nhìn nhận sai lệch về nhau, hiểu lầm nhau. Bây giờ sau khi chiến tranh chấm dứt, họ cần hòa hợp, hòa giải với nhau. Đáng lý ra vấn đề hòa hợp hòa giải phải được đặt ra ngay sau ngày 30.4.1975, bây giờ đã muộn. Thứ hai, tất cả những người trước đây hiểu sai về nhau, từ đó đối địch với nhau, giờ nên giải quyết vấn đề tồn tại đó để đi đến chỗ hòa hợp hòa giải.

Về phía những người cầm quyền ở miền Bắc, cũng có quan điểm cho rằng không hòa hợp hòa giải với những kẻ "bán nước, tay sai đế quốc". Những người chiến thắng luôn luôn là chính nghĩa. Những người bại trận là phi nghĩa, phải phục tùng. Chúng ta (chính quyền cộng sản) là chân lý, không thể có vấn đề nào khác? Trong hàng ngũ những người lãnh đạo cộng sản còn có những người cố chấp, kiêu ngạo, đố kị, tự cho đảng cộng sản là giỏi nhất vì đã chiến thắng, hơn hẳn những người thất trận. Đây cũng là một cách nhìn cực đoan. Chính những người cầm quyền đã từ chối hòa hợp hòa giải hồi năm 1973-1974, điều đã được ghi trong Hiệp định Paris mà họ là một bên ký kết. Họ đã cố tình bỏ qua cam kết và đã cho mình toàn thắng, trịch thượng, tự phụ trong vấn đề này. Đáng lẽ phải hòa giải

hòa hợp dân tộc thì họ lại thực hiện chính sách trả thù những người thua trận. Đây là một thái độ mù quáng, trái với truyền thống nhân nghĩa của dân tộc.

Về phía những người chống cộng cực đoan hiện nay cũng vậy, thái độ của họ giống hệt như những người cộng sản cực đoan. Những người này tự nhận là quốc gia và coi những tổ chức của họ là duy nhất đúng đắn, là chính nghĩa. Họ coi thường những người trước từng là cộng sản hoặc hiện còn ở trong hàng ngũ cộng sản. Họ nhìn tất cả những người cộng sản bằng con mắt hận thù. Họ cho rằng những người quốc gia "giỏi giang hơn hẳn những người cộng sản, coi những người cộng sản là bỏ đi, là tay sai cho nước ngoài. Họ lập luận rằng không cần hòa giải với cộng sản, vì cộng sản phạm nhiều tội lắm rồi. Bây giờ cộng sản phải trao quyền bính cho những người quốc gia và không còn lý do gì để tiếp tục cầm quyền vì đã phá nát đất nước, làm cho đất nước ngày một lạc hậu.

Đây là hai biểu hiện cực đoan đối lập với nhau, tìm mọi cách triệt tiêu nhau. Tôi nghĩ, cần nhìn tỉnh táo, bình tĩnh và nhân ái về vấn đề này. Trong đại bộ phận nhân dân đã có sẵn quan điểm hòa hợp truyền thống giữa người ở miền Bắc và miền Nam khi họ đoàn tụ, họ đã có cơ hội thực hiện hòa giải dễ dàng và tự nhiên. Ngay sau khi chiến tranh chấm dứt, họ đã nói chuyện ngay thẳng với nhau, có khi tranh luận quyết liệt chế độ bên nào tốt hơn bên kia, bên nào là chính nghĩa v.v... Nhưng cuối cùng, họ lại hòa nhã với nhau, nhân nhượng nhau, không phải vì những chuyện đó mà mất tình họ hàng, anh em, tình bạn bè xưa. Chính trong nhân dân đã thực hiện được phần nào hòa hợp một cách tự phát và tự nhiên ngay từ sau ngày 30.4.1975.

Họ nói rất ít, hoặc không nói gì về hòa giải, hòa hợp, nhưng họ làm rất nhiều. Do đó, những người bị tuyên truyền một chiều về xã hội thối nát ở miền Nam dần hiểu miền Nam đúng với thực tế hơn và ngược lại, những người bị truyền bá về chủ nghĩa chống cộng cực đoan, khi tiếp xúc với người miền Bắc cũng thông hiểu hơn và có thái độ đúng mực hơn. Bây giờ phải đi sâu hơn trong vấn đề hòa hợp hòa giải giữa bà con ở miền Bắc và miền Nam, giữa những



người có hoàn cảnh khác nhau, giữa những người ở trong quân đội ở miền Bắc và ở miền Nam, trước kia từng đối chọi nhau, nay nên nhìn lại tìm hiểu nhau để giải quyết tận gốc sự thù hận, coi nó bắt nguồn từ điều kiện lịch sử. Tôi đã từng lựa chọn và kết bạn với nhiều anh em từng ở trong quân đội Việt nam Cộng hòa nay có cùng chung chí hướng, có tinh thần dân chủ, yêu nước thương dân thật sự, không hẹp hòi đố kỵ.

Không thể chấp nhận thái độ chống cộng cực đoan, quá tả đến mức coi ông Đoàn Viết Hoạt là "đại tá tay sai của Việt Cộng", coi nhà thơ Nguyễn Chí Thiện[27] là "con bài tay sai của cộng sản cử ra vận động ở nước ngoài", cho nữ văn sĩ Dương Thu Hương[28] là "con bài của cộng sản" và cả bản thân tôi cũng là "cò mồi", "do những người lãnh đạo trong nước cử ra để vận động"... Không nên vơ đũa cả nắm. Trên thế giới ngày nay có rất nhiều loại cộng sản khác nhau. Có đảng cộng sản nằm trong trào lưu phái tả, tiến bộ như đảng cộng sản Pháp hiện nay. (Đảng cộng sản Pháp hiện có 36 đại biểu trong Hạ viện, có 8 bộ trưởng trong chính phủ, đã công khai từ bỏ chủ nghĩa Sta-lin, học thuyết chuyên chính vô sản; ở ngoại Ô Paris còn có một số thị trưởng cộng sản, tại đó nhân dân được hưởng nhiều phúc lợi xã hội). Nhưng cũng có những đảng cộng sản rất cực đoan, vẫn sùng bái học thuyết Sta-lin, học thuyết đấu tranh giai cấp và chuyên chính vô sản. Không nên coi tất cả những người cộng sản là kẻ thù không đội trời chung, phải phân biệt đó là người cộng sản nào, có quan điểm ra sao, có hành động gì để có thái độ tương xứng với họ.

Theo tôi, trừ trường hợp cá biệt, như tên trùm phát-xít Hít-le, tên độc tài tàn ác Staline, tên khát máu Pon Pốt, còn nhìn chung, không có người quốc gia hoặc cộng sản tuyệt đối tốt và ngược lại, cũng không có người cộng sản hay quốc gia tuyệt đối xấu. Ví dụ, thời chiến tranh những người lãnh đạo miền Bắc gọi tất cả những nhân vật lãnh đạo của chính quyền miền Nam là "thằng", là "phản động", là "bán nước" (như thế mới là có quan điểm lập trường vững), tạo ra mầm mống chia rẽ hận thù, là trở ngại cho chủ trương hòa giải và hòa hợp dân tộc. Cũng cần nhận ra rằng, có người quốc gia khi cầm quyền họ cũng tham nhũng, quan liêu, cũng bắt lực và kém tài năng

đức độ. Đồng thời cũng có những người cộng sản có đức độ, tài năng và có tấm lòng đối với nhân dân. Vì thế, chúng ta không nên chống quốc gia một cách thiếu phê phán và chống cộng một cách cực đoan. Hòa giải và hòa hợp dân tộc chính là hóa giải những quan điểm cực đoan, nhìn mỗi con người là một thực thể sinh động, phân biệt mỗi con người là tốt hay xấu, tốt, xấu đến đâu, có thể kết bạn được không, nói chuyện được không, bắt tay hợp tác được không, chứ không nên có định kiến từ trước. Qua kinh nghiệm bản thân, để có nhận định về ai nên có quan điểm trực tiếp, nên có cơ hội gặp gỡ trực diện và đánh giá trực tiếp con người đó về nhận thức tư tưởng. Không nên chưa gặp người ta, chưa đọc sách, đọc báo của người ta đã vội kết luận kẻ này là cực xấu, hoặc người kia là cực tốt. Chỉ khi gặp gỡ, trao đổi với nhau, nhìn thấy nhau qua cuộc sống, mới có điều kiện để hiểu đúng thực tế những người mà mình muốn đánh giá. Cũng có người trước khi gặp, tôi tưởng con người này phải hết sức cực đoan, không thể kết bạn được. Nhưng đến khi gặp gỡ trao đổi thì lại không phải như vậy, đây là một người biết điều, có thể trao đổi được, thậm chí dần dần hiểu ra thì lại có thể kết bạn được. Ta không nên định kiến, phải tìm gặp trực tiếp, trao đổi mới thấy được quan điểm, nhận thức của người ta có phù hợp với tình hình hoặc có thể có điều kiện để kết bạn như thế nào. Có người khi tôi đọc báo của họ thấy không thể chấp nhận được. Đến khi gặp thì lại thuyết phục được họ và họ đã có những thay đổi nhận thức đúng với thực tế hơn so với trước. Có những người không tìm gặp tôi đã đánh giá rất sai, chụp mũ cho tôi đủ mọi thứ. Nhưng đến khi họ gặp tôi, họ xin lỗi tôi vì đã có những nhận thức không đúng về tôi. Còn những người khó hòa hợp hòa giải, gây trở ngại cho hòa hợp hòa giải là những người có cách nhìn cứng nhắc, hoặc là quá kiêu ngạo, tự phụ, tự cho mình là trung tâm của thế giới, là kho hiểu biết chân lý nhất. Nhưng thực tế không phải như thế, những người ấy sợ tiếp xúc ngại tranh luận một cách bình đẳng, ngay thật, cảm thấy đuối lý. Còn những người nào có quan điểm khoa học, hiểu biết rộng, khiêm tốn, tôn trọng lẽ phải và sự thật, tôi nghĩ những người ấy rất phù hợp với chủ trương hòa giải và hòa hợp dân tộc.

Hòa hợp và hòa giải dân tộc không có nghĩa là hòa giải hòa hợp với giới cầm quyền, vì giới cầm quyền hiện có chủ trương đường lối

giáo điều mù quáng, cứng nhắc, chống lại dân chủ, ta không thể nào hòa hợp với những người lãnh đạo như thế. Hòa hợp hòa giải là tùy theo đối tượng, tùy theo điều kiện. Đây là hòa giải trong xã hội, giữa nhân dân với nhau, giữa cá nhân với nhau, giữa các nhóm tập thể với nhau, giữa những người từng ở miền Bắc và ở miền Nam... để đi đến một chủ trương chung là dân chủ hóa đất nước, để đất nước phát triển thực sự, phồn vinh, bình đẳng và hạnh phúc. Nhân dân bình thường có nhiều sáng kiến hòa hợp và hòa giải. Như ở tỉnh Mỹ Tho, một số cán bộ về hưu đã đặt vấn đề với chính quyền khuyến khích bà con có con em là binh sĩ Việt nam Cộng Hòa đã tử trận, thu gom hài cốt và mồ mả cũ bị phá hại vào một nơi để chăm nom thăm viếng. Những người lãnh đạo đảng ở địa phương chống phá chủ trương này, cuối cùng đã phải lùi bước trước lý lẽ của dân.

Theo ông, những người cộng sản Việt nam có tương lai hay không?

Câu hỏi này phải trả lời tùy theo từng đối tượng. Nếu là những người cộng sản bảo thủ thì chắc chắn họ không thể có tương lai. Còn nếu người cộng sản nào thực sự cố tư duy tiến bộ, linh hoạt và có tấm lòng yêu nước thương dân thật sự, tôi nghĩ họ sẽ có tương lai tốt đẹp. Nhìn ra thế giới, có nhiều đảng cộng sản đã cải tổ lại sau khi Liên xô sụp đổ. Họ đã rút ra được bài học là thứ chủ nghĩa cộng sản giáo điều gia trưởng kiểu Sta-lin không phải là một chủ nghĩa tốt đẹp có hứa hẹn. Đó là một kiểu chủ nghĩa phát-xít, sớm muộn sẽ làm mất lòng dân, kết cục sẽ bị tan vỡ, sụp đổ. Ngay từ những tội ác, sai lầm mà nó phạm phải từ bên trong đã làm cho chủ nghĩa cộng sản ở Liên xô, CHDC Đức, Rumania sụp đổ tan tành. Những người cộng sản mới đã cải tổ tổ chức của họ, có đảng cộng sản cũ đổi tên thành đảng Xã hội, đảng Dân chủ, đảng Dân tộc... Đặc biệt, có những đảng cộng sản vẫn giữ tên như đảng cộng sản Pháp, nhưng họ đã thực sự từ bỏ những gì lạc hậu, bảo thủ như quan điểm "chuyên chính vô sản", nguyên tắc "dân chủ tập trung", học thuyết "đấu tranh giai cấp"... vốn là những nền tảng của học thuyết Mác, do đó họ trở thành những đảng tân tiến. Chỉ sau một thời gian khó khăn, họ đã nhanh chóng khôi phục được uy tín của mình. Như đảng cộng sản Pháp trước kia ở thời Tô-rê, Đuy-clô (Duclos) nhất nhất theo gậy chỉ huy của Mát-xơ-va, vừa rồi đã phải từ bỏ học thuyết chuyên chính vô sản, từ bỏ hình búa liềm, quan điểm "dân

chủ tập trung và có quan điểm linh hoạt hơn trong đấu tranh xã hội. Đến nay đảng cộng sản Pháp đã khôi phục được tín nhiệm. Đảng cộng sản ý đến nay vẫn có vai trò trong quốc hội, thậm chí có lúc có vai trò quan trọng vì ở giữa hai chính đảng tư sản lớn thế và lực gần như ngang nhau, đảng cộng sản liên minh với phía nào thì phía ấy sẽ có sức nặng áp đảo Do đó, vị trí của đảng cộng sản ý cũng được tăng lên. Một số đảng cộng sản ở Đông Âu cũng vậy. Có một thời đảng cộng sản Bungari có thể quay lại chính trường, tuy lúc ở thế mạnh, lúc ở thế yếu, nhưng đều tham gia sinh hoạt chính trị trong xã hội một cách bình thường. Gần đây, đảng cộng sản U-krai-na sau khi cải tổ, lột xác đã lập chính phủ.

Tôi nghĩ, những người cộng sản Việt nam thấy được điều đó. Anh chỉ có thể có vị trí nếu anh thật sự đổi mới cả về kinh tế lẫn chính trị, từ bỏ những học thuyết giáo điều như "chuyên chính vô sản", "đấu tranh giai cấp", tiếp thu những trào lưu tư tưởng tiến bộ và quan trọng nhất là quay trở về với dân tộc. Anh có thể xây dựng chủ nghĩa xã hội, hiện nay ở châu Âu đa số cánh tả thuộc về đảng xã hội, chủ trương xây dựng chủ nghĩa xã hội, một kiểu chủ nghĩa xã hội hoàn toàn khác với chủ nghĩa xã hội mà đảng cộng sản Việt nam quan niệm. Những người lãnh đạo đảng cộng sản cần hiểu rằng, nếu cố giữ quan điểm độc đảng, thì họ sẽ không có tương lai. Phải thực hiện chế độ đa đảng, chấp nhận đa đảng, thi đua với nhau thì mới vươn lên được. Lúc này đảng cộng sản phải tự lựa chọn: theo dân tộc hay theo riêng mình. Theo dân tộc để đổi mới thật sự không vì đặc quyền đặc lợi riêng của đảng mình, phải đi vào con đường đa nguyên. Như vậy mới có thể tự đặt dưới sự kiểm soát của nhân dân và nhân dân mới góp phần xây dựng cho đảng trong sạch, chống được tham nhũng. Đây là một lựa chọn hết sức khó khăn, phải từ bỏ những quyền lợi riêng tư, ích kỷ để gia nhập vào cộng đồng dân tộc, chấp nhận các tổ chức và đảng phái chính trị khác để hình thành thế lực đối lập xây dựng. Trong xã hội nếu không có đối lập xây dựng, kiểu một mình một cỗ, thì đảng cầm quyền rất dễ trở nên thoái hóa, phạm pháp do tham nhũng không ai có thể kiềm chế được. Đảng cộng sản chỉ có thể có tương lai, với điều kiện như thế. Nếu không chịu mở cửa về chính trị, không chấp nhận tự do báo chí, thì sẽ tự đặt mình vào thế bế tắc, từ chỗ bế tắc có thể bùng nổ những hỗn

loạn xã hội không kiểm soát được. Lúc ấy sẽ là tai họa cho toàn thể xã hội.

Ông có thể dự đoán diễn biến ở Việt nam trong tương lai sẽ như thế nào? Chế độ hiện nay sẽ đi đến đâu?

Hiện nay, những người lãnh đạo bảo thủ mở cửa khá về kinh tế nhưng lại cố khép chặt về chính trị. Có khóa chặt về chính trị thì họ mới chịu hé mở về kinh tế, vì họ sợ bị mất quyền. Tình hình như thế này đã dẫn họ đến một số kết quả về kinh tế trong mười năm, đặc biệt là trong bốn, năm năm nay, tốc độ phát triển khá, nhưng tình hình chính trị lại bế tắc. Cũng có nhích lên đôi chút như có thảo luận dân chủ trong quốc hội, quốc hội có bác một đề nghị của chính phủ đề bạt bộ trưởng bộ Giao thông và bác một đề nghị của thủ tướng chính phủ về việc tái cử thống đốc Ngân hàng, buộc chính phủ phải đề cử người khác. Có phê phán sự bất lực của chính phủ trong việc chống tham nhũng trong các kì họp quốc hội. Nhưng mặt khác, không khí xã hội vẫn còn ngột thở, tức là không cho người dân được tự do ăn nói, cấm kị người làm báo trong nước không được viết, trả lời phỏng vấn cho báo chí nước ngoài. Nếu gửi bài cho nước ngoài phải được kiểm duyệt trước. Cấm các báo chí nước ngoài ở trong nước dùng những người Việt nam theo họ lựa chọn, buộc phải dùng những người phiên dịch, cộng tác do cơ quan an ninh, cơ quan ngoại giao cử đến cho họ.

Tất cả những dự trữ phát triển trong mấy năm qua đã đến lúc cạn kiệt. Đầu tư nước ngoài bắt đầu chững lại, không còn tăng nhiều như trước nữa. Các khách sạn trong nước đang lâm vào tình trạng khủng hoảng thừa, từ chỗ trước kia tính toán rằng sẽ đông người vào thăm, nhiều khách lo sẽ bị thiếu khách sạn. Hiện nay trung bình chỉ có ba, bốn chục phần trăm số phòng có khách thường xuyên. Nhất là tình trạng khủng hoảng về tài chính, đồng tiền bị giảm giá. Khủng hoảng tài chính ở Thái Lan, In-đô-nê-xi-a đã tác động đến nền tài chính vốn hết sức ọp ẹp của Việt nam. Hiện nay, Ngân hàng nhà nước Việt nam có nguy cơ phá sản, những người vay, phần lớn là cơ sở quốc doanh, đến hạn đòi lại, thì không có ai trả. Số tiền này lên tới cả tỉ đô-la.

Đáng nói nhất phải kể đến bất mãn của nông dân trước tình trạng bất công xã hội gia tăng trong mấy năm nay. Vi phạm quyền làm chủ đất đai, bắt dân đóng góp quá nhiều, từ 4 loại thuế lên đến 24 loại thuế đóng góp tiền bạc để xây dựng nhà trường, các trạm xá, đường giao thông liên xã liên huyện v.v.. những biểu hiện khuất tất, tham nhũng trong quản lý các khoản do dân đóng góp, chi tiêu ngân sách của xã lên tới tiền tỉ nhưng không có giấy tờ minh bạch, nên dân bất mãn. Chỉ cần làm cán bộ xã huyện hay tỉnh một, hai năm là nhà cao cửa rộng, khác hẳn với cuộc sống bình thường của nhân dân. Các cơ quan tài chính của cấp thành ủy, tỉnh ủy bây giờ tranh thủ làm ăn một cách kinh khủng, trên đà đó vơ vét tài sản của quốc gia vào túi riêng của các nhà lãnh đạo đảng ở địa phương. Chính những tham nhũng đó làm cho quần chúng bất mãn, bất công tạo nên nổi uất ức và là thuốc nổ rất nguy hiểm trong xã hội. Đảng phải thực hiện đúng pháp luật, không bênh riêng ai, lúc ấy mới có thể trị được bọn quan lại tham ô, dù chúng ở bất cứ cấp nào, Trung ương hay Bộ Chính trị, thì lòng dân mới yên. Đảng cộng sản đang đứng trước một thử thách lớn là như thế. Hoặc nếu không, sẽ có nguy cơ bùng nổ xã hội và dẫn đến rối loạn. Như vừa rồi ở Thái Bình, báo Nhân dân phải công nhận là có những diễn biến phức tạp ở 128 xã. Chúng ta biết, sự việc xảy ra ở 5 hay 10 xã đã là lớn, mà đây lại cùng một lúc ở hơn 100 xã, gấp đôi địa bàn của một tỉnh trung bình. Bây giờ lại được biết ở cả Hưng Yên, Hải Dương, Sơn Tây, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Bắc Ninh và ở cả đồng bằng sông Cửu Long đều như thế cả. Nhận thấy sự bất mãn của nông dân lan ra rộng lớn ở nông thôn có thể mang lại sự bất ổn về chính trị, nên ông Nguyễn Văn Linh, ông Phạm Văn Đồng đều đề nghị trên báo chí là phải mở rộng dân chủ. Đó là một bài học cho đảng lãnh đạo. Nói là xây dựng pháp luật mà không có Nhà nước pháp luật thực sự, nói là dân chủ mà không thực hiện dân chủ thực sự, nói là có công bằng xã hội mà không có công bằng xã hội thực sự. Người dân nghe thấy đảng nói khắp nơi là xây dựng một xã hội công bằng, văn minh, nhưng nhìn ra xung quanh thì nhà to, đất tốt là thuộc về cấp ủy, ô tô sang trọng cũng vậy. Thanh niên ăn chơi phè phỡn, con ông, cháu cha là con các ông ủy viên Trung ương, bộ trưởng, bí thư tỉnh ủy, huyện ủy ném tiền qua cửa sổ v.v... Cho nên, cái đó làm dân ngửa

mất, không thể nào chịu được. Họ phản ứng gần như nổi loạn, đốt phá trụ sở xã, phá hủy giấy tờ, đốt nhà, đánh đập cán bộ, có những chủ tịch huyện bị thương nặng...

Đối với chủ trương xây dựng nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện nay ở Việt nam, ông có ý kiến như thế nào?

Quan điểm của tôi là nên gác vấn đề xây dựng chủ nghĩa xã hội sang một bên. Những người lãnh đạo trong nước không nên bảo thủ, vì bây giờ ở Việt nam còn có yếu tố nào là chủ nghĩa xã hội đâu. Trước đây trong chiến tranh, đặc trưng nổi bật nhất của chủ nghĩa xã hội được xây dựng ở miền Bắc là chế độ giáo dục miễn phí từ mẫu giáo đến đại học, tạo nên nền giáo dục phổ biến, rộng rãi và tương đối có chất lượng. Thứ hai là chế độ chữa bệnh không mất tiền từ nông thôn đến thành thị, vì lúc ấy khá nhiều thuốc men do quốc tế giúp đỡ, việc chữa bệnh và phòng ngừa các bệnh dịch tả, kiết lỵ, sốt rét... có hiệu quả và kịp thời. Ốm đau, mỗ xẻ, điều trị, chữa bệnh, nằm viện không phải trả tiền, tuy còn thiếu thốn nhưng nhìn chung là tốt. Hiện nay hai thành tựu đó không còn. Mọi vấn đề giáo dục, đào tạo đều phải trả tiền, hàng triệu trẻ không có điều kiện đến trường, chất lượng giáo dục giảm sút, thầy cô giáo bỏ nghề, hàng năm trong cả nước thiếu hàng chục ngàn giáo viên ở các cấp. Việc khám, chữa bệnh ngày một khó khăn vì phải trả tiền, rất nhiều tiền. Công việc xét nghiệm, mỗ xẻ phải chi phí rất tốn kém là tai họa cho các gia đình nghèo khó. Mặc dù khu vực quốc doanh còn nhiều, ngay cả các nước tư bản cũng có khu vực quốc doanh như vận tải đường biển, hàng không, bưu điện, luyện kim..., chứ không riêng gì xã hội chủ nghĩa, nhưng chế độ vẫn mang danh "xã hội chủ nghĩa" là không đúng với thực tế, đôi khi mỉa mai, vì một đất nước tình trạng thất nghiệp lên đến bảy triệu người (thậm chí mười hai triệu kể cả nông thôn). Đã thế lại chưa có phụ cấp thất nghiệp. Những người về hưu được nhận một khoản phụ cấp ít ỏi, mang tính tượng trưng. Trợ cấp cho những đối tượng đặc biệt như thương bệnh binh, gia đình liệt sĩ chỉ tương đương mấy chục cân gạo. Thật ra, ở các nước tư bản, thành tựu mang tính xã hội, phúc lợi xã hội của họ cao hơn ở những nước mang danh "xã hội chủ nghĩa" rất nhiều. Không nên

giữ cái tên "xã hội chủ nghĩa" để giữ sĩ diện. Gần đây, giáo sư Tôn Thất Thiện ở Canada viết báo nói rằng muốn nhìn thấy chủ nghĩa xã hội thì hãy đến Canada mà xem, chứ không phải ở Cuba. Đó là một sự thật. Ở Việt nam hiện tại cũng chẳng thấy chủ nghĩa xã hội ở đâu cả!

Cần phải xây dựng thực sự một nền kinh tế thị trường, tôn trọng sở hữu tư nhân. Chính do sự chấp vá tư bản không ra tư bản, xã hội chủ nghĩa không ra xã hội chủ nghĩa mà nhà sử học Ga-bri-en Côn-cô (Gabriel Kolko) đã nhận xét: "Nó là chế độ tư bản rùng rú (savage capitalism), không có sự tôn trọng luật lệ. Vì không tôn trọng luật, nên nó để ra vô vàn mặt trái xấu xí". Ông ta vạch rõ: "Đó là sự cưỡng hôn giữa tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa. Kết quả là để ra một đứa con quái thai, nó không phát huy được những nét đẹp của cha hay của mẹ, mà chỉ giữ lại những gì khó coi nhất của người cha cộng với cái xấu xí nhất của người mẹ". Ông giải thích: chủ nghĩa tư bản xấu ở chỗ nó cạnh tranh không khoan nhượng, cá lớn nuốt cá bé, cơ sở yếu thế sẽ bị phá sản. Nhưng mặt tốt là có luật pháp công minh dựa trên ba quyền phân lập và cạnh tranh bằng tài năng, chứ không phải bằng quyền lực". Trong chế độ tư bản, hoạt động tổ chức bộ máy nhà nước được kiểm soát chặt chẽ, không phải người làm luật, người xét xử và người thi hành luật đều bị điều khiển, khống chế từ một nhóm lãnh đạo đảng và nhà nước. Nếu hoạt động của bộ máy quyền lực của nhà nước được kiểm soát chặt chẽ, thì sẽ hạn chế được tình trạng mất cân bằng, sai lầm, phát huy được mặt tích cực và hạn chế mặt tiêu cực.

Hiện nay ở Việt nam hình thành một xã hội không tôn trọng luật pháp, cạnh tranh man dại dựa trên quyền lực không dựa theo tài năng và qui luật mà dựa vào thần thế. Điều xấu xa nhất của cái gọi là "chủ nghĩa xã hội hiện thực" tồn tại trong mấy chục năm qua là sự độc đoán, thiếu dân chủ lại đang gia tăng do đảng lộng hành, đứng trên nhà nước. Vì vậy, ông Côn-cô nói: "Chưa bao giờ tình hình Việt nam lại nguy hiểm như hiện nay. Tuy có một bước phát triển nào đó nhưng chứa đầy những mầm mống của sự hỗn loạn, mất ổn định!" Trong khi đó, những người lãnh đạo trong nước luôn khẳng định có sự ổn định, nhưng thực chất là mất ổn định tận gốc, do độc đoán mà



sinh ra. Lòng dân không yên do những bất công ngày càng đè nặng, làm cho xã hội đảo điên, tạo nên một kỷ lục tệ nạn xã hội, tội ác, trộm cắp, cướp của, giết người, chiếm đoạt tiền của đất nước, sự phá sản của những cơ sở tư nhân, công ty, ngân hàng, quỹ tín dụng... Hiện tượng phổ biến là biển thủ, chia chác tài sản của quốc gia, hợp thức hóa thành tài sản riêng, chỉ cần có tiền hối lộ là có được các loại giấy tờ có dấu, chữ kí hợp lệ, từ giấy khai sinh, đăng ký kết hôn, giấy ly hôn cho đến hộ chiếu, bằng cấp... Có thể nói tình hình không phải chỉ ở mức rạn nứt, mà nó đang ở thời kì tan rã, nếu không kịp thời chấn chỉnh, xây dựng một xã hội lành mạnh và luật pháp hóa.

Ông thấy trong thời gian qua "đổi mới" đã đạt được kết quả như thế nào ở trong nước?

Từ năm 1986, tức là từ Đại hội đảng cộng sản Việt nam lần thứ 6 cho đến nay, qua hơn mười năm là thời kì thứ nhất của "đổi mới", "mở cửa", thành tựu đạt được trong thời kì này tương đối khá, vì những nguyên nhân khách quan, như xuất phát điểm của nền kinh tế Việt nam rất thấp, từ chế độ bao cấp trì trệ kéo dài nay trả lại cho nhân dân quyền tự do kinh doanh, tạo ra bước phát triển kinh tế năng động, thu nhập tăng lên. Phát triển về công nghiệp đáng kể, về nông nghiệp cũng vậy, xuất khẩu mỗi năm hơn 2 hay 3 triệu tấn gạo, phát triển về dịch vụ khá mạnh. Không khí sôi động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, xây dựng, đi lại... và nói chung là "dễ thở" hơn ở cả nông thôn lẫn thành thị. Mức độ lạm phát trước kia từ vài trăm phần trăm trong năm, hiện nay đã chững lại và tương đối ổn định (chỉ còn khoảng 10%). Lượng người du lịch, hoặc làm ăn buôn bán vào Việt nam trên một triệu lượt mỗi năm, kéo theo việc xây dựng khách sạn, phục vụ ăn uống, giải trí, đi lại... có hiệu quả hơn so với trước đây.

Nhưng sau hơn mười năm "đổi mới", vào đầu năm 1998, khi bàn giao giữa những người lãnh đạo nhà nước mới và cũ, đất nước ở vào thời kì hết sức hệ trọng, nguồn dự trữ đảm bảo cho sự tăng trưởng mạnh mẽ đã cạn. Đồng thời đã có dấu hiệu đáng lo ngại hơn trước, đó là nguồn đầu tư của nước ngoài vào Việt nam từ hai năm

nay đã chững lại và đang có xu hướng giảm đi. Do đó, cán cân thanh toán xuất-nhập khẩu mất thăng bằng lớn. Trong năm 1996, số nhập cao hơn xuất lên tới bốn tỉ USD, đặt đất nước trước một khoản nợ rất lớn. Món nợ cũ lưu cữu như nợ mười tỉ USD đối với nước Nga, cộng thêm nợ mới hiện chưa thống kê ước khoảng hơn một chục tỉ USD nữa. Ngoài khoản vay mượn dài hạn hoặc lãi suất thấp, cái đáng lo là khoản vay mượn với lãi suất bình thường và đã đến hạn phải trả đang là một gánh nặng nan giải. Điều đáng lo ngại hơn nữa là thị trường chứng khoán chưa xây dựng xong và toàn bộ hệ thống ngân hàng, cả những ngân hàng lớn của nhà nước đang đến độ ngập ngừng phá sản, các cơ sở quốc doanh được "phóng tay" vay vô tội vạ đến nay không có khả năng chi trả do thua lỗ. Khoản nợ của các ngân hàng không có khả năng thu hồi là rất lớn, cần có sự chi viện của nước ngoài mới có thể phục hồi được. Cuộc khủng hoảng tài chính hiện nay đang lan ra sâu rộng ở các nước Đông Nam á, bắt đầu từ Thái Lan qua In-dô-nê-xi-a, Phi-líp-pin, dội đến Hồng Kông... là sự kiện đáng lo ngại cho Việt nam.

Nhìn lại có thể thấy "đổi mới" trong mười năm qua có những kết quả nhất định, nhưng mới chỉ đạt ở mức phát triển với tốc độ khiêm tốn, nghĩa là còn chậm so với yêu cầu thực tế đòi hỏi đối với Việt nam, là một nước vốn còn lạc hậu trong khu vực. Những nhà nghiên cứu xã hội châu á của Thụy Điển đã viết trong một cuốn sách tổng kết: "đổi mới" của Việt nam như "một con hổ cưỡi xe đạp", không có tốc độ nhanh mạnh mà hết sức ỉ ạch vì tính chất bảo thủ. Cuốn sách phê phán Việt nam đã để phí mất thời gian quý nhất là từ năm 1975 đến năm 1985, mười năm sau khi giành thắng lợi lớn đã đi vào một thời gian khủng hoảng nặng nề, buộc phải đổi mới nhưng lại thực hiện đổi mới nửa vời một cách chập chững. Đây là điều đáng ân hận vì những người lãnh đạo bảo thủ đã phạm sai lầm nghiêm trọng từ năm 1975 đến nay đối với dân tộc, làm cho đất nước mất những cơ hội quý báu, mất đi cái đà phát triển trong thời gian dài.

Trong bối cảnh như vậy, những người lãnh đạo nhà nước mới thay thế bắt buộc phải sớm có những quyết định, dứt khoát bước vào thời kì đổi mới thứ hai. Bà ngoại trưởng Hoa Kỳ On-brai cũng khuyến khích Việt nam nên "bước mạnh hơn nữa vào giai đoạn 2

của đổi mới". Lần đổi mới này, trước hết cần giải quyết gánh nặng của 6 ngàn cơ sở quốc doanh, trong đó chỉ có khoảng 17% cơ sở hoạt động còn có lãi, số còn lại bị lỗ phải cổ phần hóa, tư nhân hóa mới có thể cứu vãn được tình hình. Muốn vậy phải có những bước đi kiên quyết để cổ phần hóa các cơ sở quốc doanh ấy, nhưng việc này làm rất chậm chạp vì đúng phải ý định quyết giữ bằng được 60% giá trị sản lượng trong khu vực quốc doanh. Nếu vẫn muốn giữ những cơ sở quốc doanh làm thành phần kinh tế chủ đạo như nghị quyết Đại hội đảng 8 nêu ra một cách hình thức, thì đó sẽ là một gánh nặng ví như một khối u ác tính, nếu không cắt đi sẽ làm suy sụp toàn bộ nền kinh tế.

Thứ hai là cần phải sớm bắt tay cải tạo gấp hệ thống ngân hàng hiện nay theo hướng hoạt động lành mạnh, chính quy và thực hiện đúng luật. Muốn như vậy phải xây dựng một đội ngũ nhân viên, một lề lối làm việc và một nền tài chính minh bạch. Chỉ có thể giải quyết tốt hệ thống ngân hàng mới có thể tạo điều kiện huy động vốn của tư nhân mà có người đánh giá hiện nay số tiền đó vào khoảng sáu tỷ USD.

Số tiền này được cất giấu dưới dạng vàng, kim cương, ngoại tệ mạnh phân tán, chôn giấu trong nhà. Cần huy động được tất cả số vốn "nhàn rỗi" đó vào hoạt động sản xuất, kinh doanh vì ích lợi chung. Kinh nghiệm từ những nước phát triển trong khu vực cho thấy, kinh tế phát triển thuận lợi nếu tư nhân mạnh dạn hùn vốn để hoạt động sản xuất kinh doanh, buôn bán lành mạnh.

Thứ ba là phải xây dựng được một chế độ pháp luật. Hiện nay đã có "Nhà pháp luật" ở Hà Nội, nhưng vẫn chưa xây dựng pháp luật đầy đủ. Quan trọng hơn cả là thực hiện pháp luật không nghiêm. Hiện nay đã có hàng chục ngàn người phạm pháp, đã bị tòa án xét xử, nhưng vẫn sống nhõn nhõ ngoài vòng pháp luật, do có thế lực, có tiền hối lộ. Còn những người có công, đáng được trọng dụng, nhưng vì có những ý kiến bất đồng với chủ trương đường lối hiện nay của giới lãnh đạo, thì bị đưa vào tù. Đảng cộng sản vẫn còn đứng trên luật pháp, đứng ngoài luật pháp. Từ đó bộ phận kinh doanh của đảng, gọi là "ban kinh tài" cũng đứng ngoài pháp luật, thả sức lũng

đoạn nền kinh tế, là một chủ bất động sản, chủ các ngân khoản tín dụng ngoại tệ, đứng ngoài vòng pháp luật làm giàu bất hợp pháp cho đảng cộng sản.

Thứ tư là phải thực sự công nhận quyền sở hữu tư nhân, quyền tự do kinh doanh của tư nhân, bình đẳng với các loại hình kinh tế khác. Không được coi thành phần kinh tế tư nhân là "con ghẻ" mà hắt hủi, vùi dập nó, trong khi coi thành phần kinh tế quốc doanh là "con đẻ", được nâng đỡ, ưu tiên. Giải quyết mối quan hệ kinh tế giữa các thành phần kinh tế trong xã hội không được dựa trên tính toán chủ quan, cảm tính, mà phải dựa trên cơ sở luật pháp nghiêm minh. Muốn vậy điều cực kì quan trọng là phải đẩy lùi tệ nạn tham nhũng. Trong mấy chục năm qua, nhà nước càng hô hào chống tham nhũng bao nhiêu thì tham nhũng càng nảy nở bấy nhiêu. Đỉnh cao là vụ buôn ma túy xuyên quốc gia mà kẻ tham nhũng lại chính là những người phụ trách việc chống buôn lậu ma túy trong ngành công an. Bài toán chống tham nhũng có điểm mấu chốt cần giải quyết là nó ở ngay chính nơi quyền lực cao nhất của nhà nước. Muốn giải được bài toán ấy phải khai từ đầu não cao nhất. Chống tham nhũng hiện nay mới chỉ đánh từ vai trở xuống, còn từ vai trở lên thì tránh né. Chẳng hạn như đụng đến Nguyễn Hà Phan[29] là thôi, không dám xử tiếp trong vụ Tamexco-Phạm Huy Phước[30], trong vụ buôn lậu ma túy xuyên quốc gia "Xiêng Phênh-Vũ Xuân Trường"[31] chỉ mới đụng đến cấp thượng tá[32] công an thì dừng lại.

Một điều hỗ trợ đắc lực cho việc chống tham nhũng là tự do báo chí. Hệ thống báo chí của nhà nước, bị nhà nước kiểm duyệt thì không thể đảm nhiệm được vai trò này. Cho nên cần có luật báo chí rõ ràng và tôn trọng tự do báo chí cũng như chấp nhận báo chí tư nhân. Báo chí được tự do hoạt động trong khuôn khổ luật báo chí và chịu trách nhiệm trước pháp luật. Chỉ có như vậy mới làm cho tình hình ổn định, chống được tham nhũng, nền kinh tế đất nước mới phát triển được.

Người ta thường nói báo chí cùng với các cơ quan hành pháp, tư pháp và lập pháp, tạo thành "tứ quyền" trong xã hội dân chủ, có khả năng chống tham nhũng và xây dựng công bằng trong xã hội. "Tứ

quyền" ấy hiện nay ở Việt nam còn thiếu và chưa thực hiện quyền tự do thông tin, tự do ngôn luận để tạo nên sức mạnh dư luận xã hội. Trong một nước dân chủ, dư luận xã hội rất quan trọng. ở Việt nam cần sớm thực hiện việc điều tra dư luận, theo dõi dư luận một cách công khai, minh bạch.

Thiếu công khai, minh bạch phải chăng theo ông là lỗ hổng, là thiếu sót lớn của chế độ hiện nay?

Đó là một lỗ hổng, lỗ hổng ấy là những gì những người cộng sản đã nói, nhưng họ không làm, theo tôi được gói gọn ở một chữ là "trong sáng", cố nghĩa là "minh bạch", tiếng Nga là "glasnost", tiếng Pháp là "transparence", trong sáng, ngay thật, thẳng thắn, không mờ ám, không quanh co dối trá, sự việc như thế nào nói đúng như thế, không che giấu, không bịa đặt. Trong thời kỳ ông Nguyễn Văn Linh[33] làm Tổng bí thư đảng cộng sản Việt nam, một số nghị quyết của đảng đã nói đến khẩu hiệu "nói thẳng, nói thật, nói hết" theo ý nghĩa của "transparence", "glasnost". Bây giờ ở Việt nam người ta không dám nói đến những chữ đó nữa, họ sợ bởi vì họ vẫn còn muốn che giấu những sự thật, không dám nói thẳng, không dám nhìn thẳng vào sự thật. Ví dụ như trong vụ "Nhân văn-giai phẩm", giới lãnh đạo cộng sản sai đến như thế mà vẫn không chịu xin lỗi các nạn nhân. Họ không nhận sai cả trong vụ "Xét lại chống đảng", mà ông Nguyễn Trung Thành[34] là người trực tiếp tham gia xử lý vụ này cách đây hơn 30 năm vừa qua đã lên tiếng là "sai hết cả rồi, phải sửa lại đi!" ông Thành thấy rằng không hề có một chứng cứ nào có thể buộc tội những người này là chống đảng, phản đảng, phạm pháp mà lại tùy tiện bỏ tù họ, có người đến chín năm không có án. Những người có trách nhiệm trong đảng và chính phủ không chịu sửa còn quay sang trị ông ta, đuổi ông ta ra khỏi đảng. Chính cái đó là thiếu lòng phẳng, minh bạch, sợ sự thật. Những người lãnh đạo luôn mồm nói là "có sai thì sửa", nhưng thật ra họ có sai nhưng không dám nói là sai và để những cái sai ấy tích tụ, chồng chất thành muôn vàn sai trái. Cho đến nay, chưa một cơ quan có thẩm quyền nào của nhà nước kết luận công khai về vụ "Nhân văn-giai phẩm" và vụ "Xét lại chống đảng". Hiện nay, những người lãnh đạo cộng sản vẫn ngoan cố giải thích là "Đảng từ xưa tới nay vẫn hoàn

toàn đúng, tất cả những người trong các vụ đó là sai, đều đã cúi đầu nhận tội. Bây giờ những người này lợi dụng đổi mới để lật án, đảng không cần phải xin lỗi, không cần kết luận lại gì hết". Đây là một kiểu nói lầy được. Việc nhà nước coi thường luật pháp là điều không thể chấp nhận được.

Những người lãnh đạo đảng cộng sản, một mặt cấm dân thảo luận những điều mà họ không muốn nghe, một mặt lại đề ra khẩu hiệu "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra". Đó chỉ là một kiểu mị dân, lừa dối. Bây giờ chúng ta thách họ hãy thực hiện những điều họ đã nói thông qua tự do ngôn luận và tự do báo chí. Không có gì mà pháp luật đã cho phép lại có thể bị ai đó cấm đoán. Tất cả phải minh bạch, chứ không phải như hiện nay, có những vùng cấm, không ai được động chạm tới. Ví như nhà nước cấm không được đưa tin trên báo chí về tình trạng khủng hoảng của hệ thống ngân hàng Việt nam thời gian vừa qua, mọi tin tức có liên quan phải được thông đốc ngân hàng Trung ương thông qua thì mới được đăng. Hay mới đây, việc ông Nguyễn Hoàng Linh[35], vì viết báo về vụ tham nhũng hàng triệu đô-la trong vụ mua bốn chiếc tàu tuần duyên cho ngành Hải quan, nên bị bắt. Điều phi lý ở chỗ, ông Linh bị bắt không phải vì tội "vu khống, đưa tin trên báo chí", mà là vì tội "tiết lộ bí mật quốc gia", chứng tỏ nhà nước muốn che đậy những vụ tham nhũng tài sản quốc gia ở mức độ rất nghiêm trọng. Những nhà báo có tinh thần trách nhiệm như ông Linh, lẽ ra phải được khen thưởng do gan dạ, công tâm phanh phui vụ bê bối làm tổn hại cho quốc gia đó, thì ngược lại, ông bị trừng phạt. Chế độ hiện nay còn đầy những chuyện mờ ám như vậy.

Ngoài ra, hiện nay, chế độ trong nước còn có gì khiếm khuyết.

Đất nước ta còn lạc hậu nhiều, trong đó nổi bật là chính trị. Cái lạc hậu lớn nhất là chưa có dân chủ, biểu hiện ở chỗ chưa công nhận những thể lực đối lập Hầu hết tất cả các nước trên thế giới như Pháp, Hoa Kỳ, Anh... cho đến Thái Lan, Căm-pu-chia hiện nay đều có những lực lượng chính trị đối lập với đảng cầm quyền. Đối lập không phải là đối lập để gây chiến tranh, để phá hoại đất nước, mà là để giám sát, kiểm tra, góp ý phê bình... Người ta thấy, một đất

nước không có đối lập thì đất nước ấy khó có thể phát triển bình thường. Nền chính trị sẽ bị trì trệ, lạc hậu và không tạo nên công luận trong xã hội để răn đe những người cầm quyền. Cho nên, tôi nghĩ cần phải tạo nên một lực lượng đối lập Người ta gọi lực lượng như vậy là lực lượng xây dựng. Chẳng hạn như ở Pháp, sau một thời gian dài cầm quyền của cánh tả, cánh hữu lên cầm quyền một thời gian ngắn, tổng thống Si-rắc (J. Chirac) quyết định giải thể và bầu cử lại quốc hội. Qua bầu cử bất ngờ cánh tả thắng cử và lại được thành lập chính phủ. Bây giờ cánh hữu trở lại vị trí đối lập để quan sát, phê bình, nhận xét, hoặc tán thành những chính sách đúng đắn, có lợi cho đất nước: gần đây cả cánh tả và cánh hữu, phái cầm quyền và phái đối lập đều nhất trí chủ trương giảm 350 ngàn công ăn việc làm trong năm tới. Phải có đối lập chính trị trong quốc hội, trong xã hội để phái cầm quyền luôn cảm thấy có những đối tượng giám xét mình, kiểm tra mình, do đó phải giữ cho đảng mình trong sạch, trung thành với những lời cam kết, tăng cường mọi biện pháp có hiệu quả, thúc đẩy cho mình trở thành một lực lượng chính trị lành mạnh và hữu ích. Ở nước ta cần xây dựng sớm mô hình như vậy. Những người lãnh đạo bảo thủ luôn luôn lo sợ có kẻ thù xung quanh mình, bất cứ ai có suy nghĩ hơi khác lập tức bị quy là kẻ thù. Họ không biết chính những người chỉ ra thiếu sót của họ, dù có quan điểm khác thì mới là "thầy" của họ, mới là người bạn tốt của họ. Bởi vì có người sớm chỉ ra những sai lầm, khuyết điểm, những điều không thực tế thì mới hạn chế được những tác hại nguy hiểm do chính sách chủ quan, phiến diện. Hiện nay, tất cả những người có ý kiến đối lập đều bị chính quyền bắt vào tù hoặc bị quản chế như các ông Nguyễn Hộ[36], Hoàng Minh Chính Hà Sĩ Phu[37] cổ những ý kiến xây dựng, đáng lẽ phải nghiên cứu và tiếp thu những gì đúng, cảm ơn người ta, ngược lại bác bỏ hoàn toàn và chụp mũ cho họ là phản bội, theo quan điểm đế quốc... Rồi như các ông Đoàn Viết Hoạt, Nguyễn Đan Quế[38] không chủ trương bạo lực lật đổ chính quyền hiện tại, chỉ có những ý kiến thẳng thắn, mà bị bỏ tù mười lăm, hai chục năm. Họ có những lý lẽ mà chính quyền không bác bỏ được, lại đi che giấu, không công bố, chụp mũ cho họ là làm loạn, gây rối trật tự trị an, để giam giữ họ như những tù nhân hình sự. Tất cả những hành động đó của giới lãnh đạo hiện nay không thể tồn tại trong thời kì mở cửa, thời kì mà tất cả các quốc gia

đang tìm mọi cách hòa nhập vào cộng đồng quốc tế. Giới lãnh đạo trong nước cũng nói tới "hòa nhập", nhưng thực ra họ vẫn suy nghĩ theo kiểu cũ, hành xử chẳng giống ai, chẳng phù hợp với nếp nghĩ của thế giới văn minh.

Đã đến lúc những người lãnh đạo đảng cộng sản phải nhận ra và chấm dứt chế độ hà khắc phi lý hiện nay. Trong Hội nghị thượng đỉnh các nước nói tiếng Pháp vừa qua ở Hà Nội, giới lãnh đạo Việt nam đã bị mất mặt nặng nề, vì họ chỉ muốn bàn đến vấn đề kinh tế. Trong bài phát biểu của mình tại Hội nghị, tổng thống Pháp Si-rắc đã nhấn mạnh: "Hội nghị các nước nói tiếng pháp mang ý nghĩa nói tiếng Pháp phải tôn trọng nhân quyền". Ông nói thẳng với chính quyền Hà Nội rằng cần phải xây dựng một chế độ dân chủ, vì đây là xu thế của thời đại. Nhân dịp đó, phóng viên người Pháp nổi tiếng Pa-tơ-rích Poa-vơ Đác-vo (Patrick Poivre d'Arvor) của đài vô tuyến truyền hình pháp TFL đã đến Hà Nội và cùng với nhóm quay phim lên đến trại giam Thanh Cẩm (huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa), nơi giáo sư Đoàn Viết Hoạt đang bị giam giữ, để đòi được gặp ông Hoạt và chất vấn viên trại trưởng. Trong cuộc họp những người làm báo tiếng Pháp toàn thế giới, ông Pa-tơ-rích nói rõ: "Cần phải trả tự do cho giáo sư Đoàn Viết Hoạt. Đây là vấn đề danh dự của chế độ. Ông Hoạt bị tù hoàn toàn vì quan điểm chính trị của ông, chứ không phải vì chủ trương lật đổ. Ông ta là một người dân chủ?" Toàn bộ tư liệu ông Pa-tơ-rích quay được ở trại giam Thanh Cẩm đã được đưa về Pháp mặc dù chính quyền Hà Nội tìm cách tịch thu. Trước đó một số nhà lãnh đạo Pháp đã gặp bà Trần Thị Thức, vợ ông Đoàn Viết Hoạt, tại Paris. Bà Thức đã được đón tiếp trong phủ tổng thống và phía Pháp cũng hứa hẹn sẽ yêu cầu Hà Nội trả tự do cho ông Hoạt. Phía Pháp đã trao cho bộ Ngoại giao Việt nam danh sách 40 tù nhân chính trị đang bị giam giữ và yêu cầu phía Việt nam trả lại tự do cho họ.

Giới lãnh đạo Việt nam ở thế kẹt, tiến thoái lưỡng nan, lo sợ vấn đề tù chính trị vỡ lở, mà không thả thì mất mặt với dư luận thế giới. Những người lãnh đạo đã phải lùi bước, đành phải thả ông Đoàn Viết Hoạt, ông Nguyễn Đan Quế, các vị Thích Quảng Độ, Thích Trí Siêu, ông Lý Tổng và một vài tù chính trị khác, nhưng vẫn gọi họ là



tù thường phạm, còn ra điều kiện cho ông Hoạt, ông Quế phải ra nước ngoài, tự thú nhận thể bị động của mình đồng thời tự phơi bày bộ mặt độc đoán lý lợm chà đạp nhân quyền, kích thích cuộc đấu tranh của nhân dân Việt nam và cộng đồng quốc tế.

Đây là một bước lùi ngoạn mục của Hà Nội đang cần xum xoe xin cái "lộc" Tối huệ quốc của Mỹ, khi chuyến đi của ông Phan Văn Khải cầu viện ở châu Âu và Nga đều vô hiệu!

Ông có đồng ý với nhận định cho rằng, nếu trước đây ở trong nước có lực lượng đối lập, thì tình hình hiện nay đã khác?

Nếu trước đây đảng cộng sản chấp nhận cho đối lập xây dựng tồn tại, không nhìn họ bằng con mắt sợ hãi hay thù địch, mà coi lực lượng đối lập là cần thiết, là hữu ích thì tôi cho rằng tình hình Việt nam đã khác nhiều. Mỗi bước đi, mỗi hoạch định của đất nước sẽ được cân nhắc kĩ. Sau khi chiến tranh kết thúc sẽ không thể có tình trạng hàng trăm ngàn người ở miền Nam phải đi "cải tạo" với kiểu lập luận là "không bắn chết đã là nhân đạo lắm rồi", sẽ không có tình trạng phân biệt đối xử dẫn đến bị kịch làn sóng tỵ nạn chạy ra nước ngoài, thảm họa "thuyền nhân" với hàng trăm ngàn người thiệt mạng trên biển. Nếu có đối lập xây dựng ở trong quốc hội, thì mọi vấn đề quan trọng của quốc gia đã được cân nhắc kĩ, mọi ý kiến trái ngược nhau đều được phân tích tường tận và sẽ không có tình trạng giữ quân đội với lực lượng lớn quá mức, tình hình y tế, xã hội, giáo dục sẽ không đến mức sa sút như hiện nay, việc chống tham nhũng cũng không bế tắc. Do vậy, ở Việt nam cần sớm phấn đấu để có lực lượng đối lập mang tính xây dựng. Nếu có đối lập xây dựng, tôi cho rằng đảng cộng sản sẽ không đến nỗi thoái hóa, bê tha, bệ rạc, "dột từ nóc dột xuống" như hiện nay, gây ra bất mãn rộng lớn trong nhân dân như đã xảy ra ở 128 xã thuộc tỉnh Thái Bình từ tháng 4 đến tháng 7 năm 1997.

Theo ý ông, bước phát triển hiện nay của đất nước nên như thế nào?

Theo tôi, tình hình cứ như hiện nay là rơi vào tình trạng bế tắc. Thị

trường tự do theo định hướng xã hội chủ nghĩa là một món tạp-pí-lù rất khó tiêu hóa! Đó là chủ nghĩa tư bản không có xương sống (vì luật pháp là xương sống của chủ nghĩa tư bản) trộn lẫn với chủ nghĩa xã hội không có linh hồn (vì linh hồn của chủ nghĩa xã hội là xóa bỏ bất công). Nó để ra vô vàn tật bệnh xã hội không có thuốc chữa. Tiến trình tối ưu mà chúng ta cũng như bản thân tôi mong muốn là ở trong đảng xuất hiện những nhân vật có tư duy mới như đã từng xuất hiện một Goóc-ba-chốp ở Liên xô. Hiện nay trong Bộ Chính trị mới cũng như cũ của đảng cộng sản, tôi chưa thấy một ai có thể là một Goóc-ba-chốp. Có thể có một Goóc-ba-chốp nào đó, nhưng lại ở ngoài Bộ Chính trị. Tôi nghĩ, tốt nhất có một nhóm những người lãnh đạo có trình độ, có uy tín, có tư duy trẻ đề ra chủ trương, đường lối khác với đường lối hiện nay. Đó là:

- Chống tham nhũng thật sự, chứ không phải chứng từ đầu gối trở xuống.

- Xây dựng một nhà nước pháp quyền thật sự, pháp luật không phải để làm cảnh, chỉ áp dụng với dân mà không áp dụng với đảng.

- Xử lý những tài sản của đảng một cách minh bạch, chứ không phải mờ ám như hiện nay. Đảng có các cơ quan kinh tài - một bộ máy khổng lồ có trụ sở trung ương, mang tên Ban Tài Chính Quản Trị Trung Ương Đảng, đặt ở trường An-be Sa-rô cũ tại Hà Nội, chiếm nhiều tài sản, ngân sách, ngoại tệ công ty kinh doanh, đất đai, nhà cửa, biệt thự ở Hà Nội, Hải Phòng, Đồ Sơn, Nha Trang, Đà Lạt, Sài Gòn, Cần Thơ, Vũng Tàu... và họ đang tự ý cho những công ty nước ngoài thuê để lấy tiền bỏ vào quỹ đảng, biến tài sản của nhà nước thành ra tài sản của riêng của đảng cộng sản.

Ban hành quyền tự do báo chí, để huy động công luận công khai lên án tất cả những gì xấu xa, giải quyết tận nơi, tận chốn những oan ức và bất công. Nhân dân tin tưởng ở hệ thống ngân hàng và bỏ tiền đầu tư vào sản xuất, kinh doanh v.v..., yên tâm làm ăn, tạo nên sự ổn định vững chắc về chính trị, phát triển kinh tế.

Sớm muộn ở trong đảng sẽ xuất hiện những con người như đã nói

ở trên. ở ngoài đảng khó có những người như vậy. Bởi vì, như tôi đã nói, ở miền Bắc từ trước đến nay, hầu hết những người ưu tú, hiểu biết hoặc là ít nhiều tự nguyện, hoặc là bị thúc ép vào đảng. Tôi nghĩ, sẽ có người có tri thức, am hiểu thời đại đưa ra những kiến nghị thích hợp, khi tình hình chín muồi. Khi một nhóm người như thế xuất hiện, họ sẽ tranh thủ được dư luận xã hội, nhân dân sẽ tín nhiệm họ. Họ sẽ có đủ sức chống lại thế lực bảo thủ, giáo điều. Đây là một khả năng mà ta cố phấn đấu để đạt được. Trong thời kỳ mở cửa mười năm qua, tư duy mới về dân chủ của thế giới tràn vào không ít. Tất nhiên, mức độ tiếp thu tư duy ấy của người trong nước với bốn, năm tốc độ khác nhau: người dân bình thường, trí thức, tuổi trẻ, có lòng yêu nước, ham tiến bộ thì tiếp thu nhanh và sâu sắc còn giới lãnh đạo thì tiếp thu một cách hạn hẹp hơn, dễ bị dị ứng hơn và tiếp nhận cái mới khó khăn, miễn cưỡng hơn. Nhân đây tôi cũng nói thêm, có người cho rằng trong Bộ Chính trị có phe cấp tiến, phe bảo thủ, phe trung dung, phe đảng quyền, phe chính quyền v.v... Đây là cách chia theo cảm tính, thiếu thực tế. Tôi không tin có sự chia rẽ như thế, vì riêng trong Bộ Chính trị, họ đã lựa chọn nhau rất kỹ. Họ là những người hết như nhau về bản chất, là những người chủ trương độc đảng, chuyên chính, quay lưng lại với nền dân chủ của nhân dân. Tôi nghĩ, các phe phái khác nhau, nếu có chẳng, sẽ hình thành ngoài Bộ Chính trị, như ở trong Trung ương chẳng hạn, hay các trong cấp ủy như ở thành phố Hồ Chí Minh hoặc ở Hà Nội, ở các ngành, các địa phương...

Nếu không xuất hiện những người lãnh đạo tiến bộ, thì tình hình ở Việt nam sẽ diễn biến ra sao?

Nếu vậy, tình hình sẽ rất nguy hiểm. Những bất công xã hội sẽ bị dồn nén lại rồi bùng nổ và hỗn loạn xảy ra. Những kẻ xấu sẽ "đục nước, béo cò". Có thể có những cuộc trả thù, thanh toán lẫn nhau giữa các nhóm, phe đảng... Bọn gây tội ác, lưu manh, kẻ cướp sẽ hoành hành. Chúng ta phải cùng nhau cảnh tỉnh đề phòng khả năng đó. Nếu khả năng xấu đó xảy ra, cần hạn chế sự hỗn loạn đến mức tối thiểu. Và nhân đó cũng có thể sẽ xuất hiện những điều kiện thuận lợi, những cơ hội nào đó làm cơ sở cho việc xây dựng một chế độ mới tốt đẹp. Sớm muộn, với xu thế phát triển của thế giới, nhân dân

ta sẽ chuyển sang một nền dân chủ thích hợp và hòa nhập vào thế giới hiện đại.

Giới lãnh đạo ở trong nước vẫn vin vào cái cớ giữa châu Âu và châu á có những khác biệt lớn, cho nên nền dân chủ phương Tây không thích hợp với giá trị truyền thống của Việt nam. Bên cạnh đó, họ còn viện lý do Việt nam còn chống nghèo đói trước đã rồi mới nói đến chuyện dân chủ. Xin ông cho biết ý kiến?

Khi mở cửa ra thế giới, những người lãnh đạo Việt nam buộc phải tìm cách chống chế. Họ bám lấy cái lý của một vài nước châu á cho rằng, nền dân chủ phương Tây không thích hợp với giá trị của châu á. Họ đưa ra một vài điểm gọi là "giá trị châu á", như: người châu á ưa kỷ luật, có tính cộng đồng cao, thường đề cao nền độc lập của đất nước hơn là tự do cá nhân... Tôi cho đó là một kiểu ngụy biện. Bởi đã là con người, bất kì ở châu á hay ở châu Âu, châu Mỹ, châu Phi... ai cũng muốn được tự do trong cuộc sống của mình: tự do suy nghĩ, tự do ngôn luận, tự do tín ngưỡng, tự do giao lưu, tự do báo chí, tự do hội họp, tự do lập đảng phái... Tự do là tính phổ biến, có giá trị phổ cập. Nó là nỗi khát vọng khiến con người tranh đấu để có nó. Tự do là động lực giải phóng trí tuệ và năng lực của con người. Muốn xã hội phát triển, xóa đói nghèo, phải kích thích, tạo điều kiện giải phóng động lực ấy. Những người lãnh đạo vin vào cớ giải quyết đói nghèo mà kìm hãm tự do trong xã hội, thì quả là ngược đời. Tự do, dân chủ là cần thiết. Đã nghèo đói, lạc hậu, kém phát triển thì lại càng phải khẩn trương xây dựng dân chủ trong hòa bình, duy trì pháp luật, kỷ cương, thì mới có khả năng tiến lên với tốc độ cao. Những người lãnh đạo đang mâu thuẫn với chính họ, vì họ đã đưa chủ nghĩa Mác-Lênin sinh ra từ Châu Âu, từ phương Tây vào Việt nam, mà ở những nước có trình độ công nghiệp phát triển cao như Đức, Anh, Pháp, Mỹ... người ta cũng không áp dụng được chủ nghĩa ấy. Trong khi đó, Việt nam là một trong những nước nông nghiệp, lạc hậu ở châu á, chủ nghĩa Mác-Lê-nin đã được "cấy trồng", bắt chấp việc nó có hợp với thủy thổ ở Việt nam hay không và không ai được phép cưỡng lại, phải coi đây là một quy luật tất yếu (!?) Chỉ có chế độ dân chủ mới có khả năng tạo ra một xã hội có kỷ cương, ổn định và loại trừ ách độc đoán, gia trưởng, quan liêu,

báo thủ, tạo nên lòng tin và ủng hộ của toàn dân. Trong nội dung của dân chủ không có yếu tố tạo nên hỗn loạn. Hỗn loạn chỉ xảy ra ở những nước thiếu dân chủ, dân chủ nửa vời, không triệt để dân chủ giả hiệu. Đánh đồng dân chủ với hỗn loạn là sai lầm. Chỉ có dân chủ thực sự mới có hệ thống luật pháp hoàn chỉnh và do đó mới có trật tự và ổn định, phù hợp và hỗ trợ cho những mối quan hệ xã hội tốt đẹp nảy nở và phát triển. Cuộc khủng hoảng tài chính, kinh tế hiện nay ở các nước Châu á: Thái Lan, Nam Dương, Hàn Quốc, Mã Lai... đều có chung một lý do là thiếu luật pháp nghiêm, thiếu dân chủ rộng, lề lối quân phiệt, gia trưởng, phe nhóm, móc ngoặc, tư túi, những lạm còn quá nặng. Cuộc sống tự nó đã bác bỏ quan niệm Châu á chưa cần đến chế độ dân chủ.

Cũng cần chỉ rõ lời ngụy biện của họ bác bỏ nền dân chủ phương Tây là ngược lại với tư tưởng ông Hồ Chí Minh. Chính ông Hồ chứ không phải ai khác đã mở đầu Tuyên Ngôn Độc Lập 2-9-1945 bằng những lời trích từ văn kiện của cách mạng tư sản Pháp và cách mạng tư sản Hoa Kỳ, hai cuộc cách mạng tư sản rất xa lạ với Châu á, khẳng định quyền sống trong tự do của mọi dân tộc, mọi con người.

Trước tình hình hiện nay, liệu ông có điều gì để cảnh tỉnh những người lãnh đạo ở trong nước?

Cho đến nay tôi vẫn giữ quan hệ với một số người lãnh đạo ở trong nước, mặc dù tôi không tin họ có thể phục thiện. Họ chỉ đổi mới miễn cưỡng, bởi sức ép từ bên ngoài. Mặc dù họ kết án tôi, chụp mũ cho tôi, bác bỏ tôi, nhưng có những bức thư từ trong nước gửi ra cho tôi biết rằng có nhiều điều họ lặng lẽ chấp nhận những ý kiến của tôi và các chiến sĩ khác, mà không dám nói thẳng ra điều chấp nhận ấy. Những điều họ chấp nhận là do buộc phải chấp nhận, nhưng mặt khác họ vẫn chụp cho tôi bằng những lời thô bạo. Tôi không lấy đó làm phiền lòng. Tôi đang bận bịu với những công việc mà tôi cảm thấy đúng đắn và cuốn hút. Nếu có điều gì cần nhắc với những người lãnh đạo trong nước tôi chỉ có một điều duy nhất rằng: Đất nước đang ở vào thời kì hết sức nghiêm trọng, thời kì thử thách của đổi mới từ hơn mười năm nay đã tạo nên tiền đề cho một bước

đổi mới mạnh mẽ hơn. Nếu không mạnh dạn thực hiện những bước đổi mới tiếp theo, thì tất cả thành tựu đạt được rất có thể tiêu tan và đất nước sẽ chìm đắm trong sự hỗn loạn và bế tắc! Tôi cảnh báo những người lãnh đạo trong nước rõ điều đó. Ví như một chiếc xe đang có đà leo dốc, vượt qua trở ngại khó khăn, bây giờ không cần ga tăng tốc mà để mất đà dừng lại, thì xe có thể bị tụt dốc một cách tệ hại. Do đó, những người lãnh đạo hiện nay cần cố thái độ quyết đoán, tỉnh táo, để đẩy đất nước tiến lên phía trước. Tôi hy vọng những người lãnh đạo mới gồm thủ tướng Phan Văn Khải và năm phó thủ tướng, trong đó ông phó thủ tướng thứ nhất Nguyễn Tấn Dũng còn trẻ, có thể có tư duy mới mẻ và quả đoán đưa đất nước bước những bước mới, mở rộng thắng lợi. Nguy cơ tụt hậu hiện nay đang rõ ràng, nếu không giải thể bớt các cơ sở quốc doanh thua lỗ, nếu không cải cách gấp hệ thống ngân hàng, nếu không huy động nhanh vốn nhàn rỗi của tư nhân vào những hoạt động sản xuất kinh doanh hữu ích, nếu không xây dựng nhà nước có kỷ cương pháp luật nghiêm minh, nếu không có biện pháp đấu tranh chống tham nhũng có hiệu quả từ trên xuống, không trừ một ai, thì đất nước sẽ lâm vào tình trạng khủng hoảng lớn. Những người lãnh đạo cần phải dứt khoát lựa chọn: hoặc là quyền lợi của cả dân tộc, tương lai của đất nước, lợi ích của nhân dân là trên hết, hoặc là đặt lợi ích cá nhân của một nhóm người trong đảng cộng sản với những đặc quyền đặc lợi của họ lên trên. Đây là một thử thách lớn đối với những người lãnh đạo. Những người lãnh đạo mới phải là những người thật sự trong sạch, công tâm, mới có đủ bản lĩnh để có những quyết định đúng đắn. Có tờ báo ở trong nước đã kêu lên rằng: "ông Trong Sạch, ông đang ở đâu?" Chúng ta phải tìm những chính khách, những nhân vật chính trị trong sạch, sáng suốt. Hiện nay có thể nói, tình hình đã rất cấp bách, không còn nhiều thời gian để thảo luận kéo dài. Chúng ta đã mất quá nhiều thời gian đình trệ qua mỗi lần đại hội đảng. Trước đại hội hàng tháng trời, người ta đình chỉ việc cho người Việt nam ở nước ngoài về nước, không cho Việt kiều về thăm quê, đình chỉ các chuyến đi du lịch.

Về đối ngoại, cần cải thiện nhanh chóng quan hệ toàn diện với Hoa Kỳ, giải quyết nhanh chóng vấn đề những quân nhân Mỹ bị mất tích trong chiến tranh. Ngay như Trung Quốc hiện nay còn phải sang

Hoa Kỳ chạy vay để xin giữ tối huệ quốc, để vay tiền, để mong được hợp tác, được Hoa Kỳ nâng đỡ. Thế, tại sao Việt nam không mau chóng giữ mối quan hệ gần gũi với Hoa Kỳ, sâu sắc hơn nữa mà lại còn dờ dờ, ương ương, coi Hoa Kỳ vừa là bạn, vừa là thù, với lập luận thiếu thiện chí, coi Hoa Kỳ là kẻ tạo ra nguy cơ lật đổ chế độ ở Việt nam bằng "âm mưu diễn biến hòa bình". Đồng thời chúng ta phải giải quyết sớm vấn đề nhân quyền, trả lại tự do lập tức cho tất cả những tù nhân chính trị còn lại. Nếu những người lãnh đạo coi những người có ý kiến xây dựng như các ông Trần Độ, Lê Hồng Hà, Nguyễn Kiến Giang, Nguyễn Hộ, Hà Sỹ Phu, Hoàng Hữu Nhân, Phan Đình Diệu... là lực lượng đối lập xây dựng, thì đối thoại, tranh luận sẽ rất có lợi. Sẽ có nhiều ý kiến quý báu, bổ ích, thức thời.

Ngược lại, chính quyền quy chụp cho họ là phản động, bao vây, quản thúc họ, vậy là sai lầm gấp hai lần. Sai phạm thứ nhất là tự bộc lộ sự vi phạm nhân quyền, thứ hai là không chịu tiếp thu, tận dụng những ý kiến hay của những người có tâm huyết, am hiểu thời cuộc. Quan điểm bảo thủ cực đoan coi đối lập là thù, là lật đổ dẫn đến hậu quả vô cùng tệ hại và làm thiệt hại cho đất nước và những người có tấm lòng với đất nước. Những người lãnh đạo mới cần chấm dứt những cách nhìn cũ cực đoan như vậy có quan điểm hợp với sự thật, hợp với lẽ phải để vừa có ích cho đất nước, vừa giữ sự trong sạch cho đảng cộng sản qua những lực lượng đối lập xây dựng.

Đối với những người ở trong nước ra nước ngoài, ông có tiếp xúc với họ không. Những cuộc tiếp xúc ấy diễn ra như thế nào?

Theo kinh nghiệm của tôi, nếu biết ai đó ở trong nước ra nước ngoài thì người Việt hải ngoại nên gặp thậm chí tìm gặp họ. Hoặc ngược lại, nếu họ muốn gặp ta, ta sẵn sàng gặp. Bởi vì, những cuộc gặp như vậy chỉ có lợi, làm cho chúng ta am hiểu thêm một chút tình hình trong nước. Trong khi tiếp xúc với họ, ta có thể nói cho họ biết thêm tình hình người Việt ở hải ngoại, đặc biệt là những mặt tốt, ngoài ra còn cho họ biết thêm tình hình thế giới mà trong nước họ chưa có điều kiện biết, trong đó có cả những kinh nghiệm tổ chức xã hội, kinh nghiệm sản xuất, kinh doanh v.v... Thậm chí, nếu họ cần người Việt hải ngoại giúp đỡ, tùy theo khả năng, chúng ta sẵn sàng

giúp họ một cách vô tư. Những anh em từ trong nước ra nước ngoài, dù họ là học sinh, sinh viên, cán bộ, bác sĩ, kể cả đảng viên cộng sản nữa... ra nước ngoài để học tập, công tác v.v... mà muốn tiếp xúc với tôi, muốn đọc sách của tôi, tôi luôn sẵn sàng tặng họ sách, gặp gỡ, hỏi chuyện họ. Điều đó rất bổ ích. Có người trong bộ máy cầm quyền, một vài đại biểu quốc hội ra nước ngoài, cán bộ ngoại giao, cán bộ thông tin, báo chí, nhà văn... một khi có dịp, tôi vẫn gặp họ và nói chuyện tự nhiên, bình đẳng và ngay thật. Có người là sĩ quan cao cấp, hiện vẫn tại chức trong quân đội, là bạn cũ của tôi, khi ra nước ngoài đã viết thư, gọi điện cho tôi, hoặc muốn gặp tôi, tôi vẫn gặp họ, không có gì ngại. Tôi nghĩ, những người đấu tranh cho dân chủ là làm một việc thiện, một việc chân, đúng đắn, hữu ích, nên chẳng phải sợ ai và cũng không nên có thái độ mặc cảm với ai. Như thế, mới có thể đáp ứng được những yêu cầu thời đại hiện đang đặt ra đối với những người làm dân chủ.

Ông đã từng ra nước ngoài và hiện đang sống ở Pháp. Trong thời gian này ông đã thu hoạch được gì mà ông cho là sâu sắc nhất và ông có luyến tiếc thời gian ông sống ở hải ngoại không?

Tôi đã từng nhiều lần ra nước ngoài và từ lần ra nước ngoài rồi sống ở Pháp đến nay đã được tám năm. Tất nhiên, tôi không ngờ tôi phải ở lại nước ngoài lâu đến như thế. Trước kia, tôi dự kiến thời gian khoảng bốn, năm năm thôi. Nhưng tôi không sót ruột, vì tôi biết cái gì phải đến sẽ đến và việc khó đòi hỏi thời gian, nhất lại là việc thay đổi một chế độ chính trị.

Trong tám năm qua, điều tôi cảm nhận được sâu sắc nhất là tôi đọc được khá nhiều sách, mở rộng được kiến thức, vì ở các nước phương Tây trong những thư viện lớn sách quý không hiếm và dễ dàng được đọc. Tôi được mở rộng kiến thức qua truyền hình, sách báo, đặc biệt là qua gặp gỡ, trao đổi với những bạn bè mới. Những kiến thức về thời đại, kĩ thuật, tổ chức, chính trị thế giới, so với trước đây khi tôi còn ở trong nước, tôi thấy hiểu biết của tôi thay đổi nhiều. Tôi có thời gian để nhìn lại và ngẫm nghĩ cả thời kì lịch sử mấy chục năm qua. Tôi quan tâm theo dõi về các nước "xã hội chủ nghĩa" trước kia như thế nào và chuyển biến hiện nay của những đất nước



ấy ra sao?

Tôi không để phí thời gian. Ngoài thời gian đọc sách, tôi đi tham khảo tài liệu, gặp gỡ bạn bè để trao đổi về các vấn đề kinh tế, kĩ thuật, quân sự, chính trị v.v... Đặc biệt quý đối với tôi trong những năm qua là tôi làm quen được khá nhiều người mà ở trong nước thì không thể quen được họ. Tôi đã kết bạn khá thân với một số người. Điều đó đối với tôi thực sự quý hơn vàng bạc, châu báu. Tôi nghĩ sống ở trên đời mà có tình bạn tốt là quý nhất. Những người bạn hiểu mình, mình hiểu họ và nhất là họ làm cho hiểu biết của mình phong phú hơn. Bạn bè của tôi có cả người lớn tuổi cũng như thanh niên, ở Mỹ có, Pháp có, Ba Lan có, Anh có... Riêng ở Đức tôi có khá nhiều bạn, phần lớn là còn trẻ. Họ là người nước ngoài và là người Việt nam. Trong những người bạn thân thiết, ở đây thân thiết có nghĩa là hiểu tôi và cùng chung một chí hướng đấu tranh cho dân chủ bằng phương pháp hòa bình, có những người tôi từng quen biết chút ít từ khi ở Việt nam, có những bạn trẻ trong số người Việt Đông Âu đã từng học ở các trường Đại học Bách khoa, Đại học Tổng hợp ở Hà nội, cũng có những người trước kia là sĩ quan trong Quân đội nhân dân Việt nam và cả trong Quân lực Việt nam Cộng hòa và bây giờ họ có những quan điểm tiến bộ gần gũi với tôi; còn có nhiều giáo sư ở các trường đại học ở bên Mỹ và đặc biệt là những người làm báo. Họ viết báo, làm báo nói, báo hàng ngày, hàng tuần... Chúng tôi liên lạc với nhau ở trên internet. Có thể nói, đây là vốn quý đối với tôi. Những người bạn mới của tôi có những tư duy rộng mở, sáng tạo, có tình yêu thương đất nước, quan tâm đến quê hương thực sự. Họ là những người bạn chí tình của tôi, mà khi về nước, tôi sẽ mang theo những tình bạn ấy, vì đó là món quà giá trị nhất mà cuộc đời đem đến cho tôi, khó có gì sánh được. Bù lại tình cảm gia đình mà tôi đã bị thiệt thòi phần nào do khoảng cách, xa vợ, xa con cháu, tôi có sự ấm áp của tình cảm từ những người bạn thân thiết mới.

Từ khi sống lưu vong ở nước ngoài, điều gì đối với ông là buồn nhất và vui nhất?

Tôi nhớ vợ tôi, con gái yêu của tôi còn ở Hà Nội. Tôi nhớ hai đứa cháu ngoại của tôi mà tôi yêu thương vô cùng? Tôi thường xuyên

nhận được thư từ của gia đình gửi sang. Điều đó động viên tôi rất nhiều, làm cho tôi yên tâm. Tất nhiên vợ và con gái tôi quan tâm theo dõi tình hình cuộc sống và hoạt động của tôi, lo lắng cho sức khỏe của tôi. Lúc đầu con gái tôi rất lo cho tôi và viết thư kể rằng: "Mỗi lần bố nói trên đài (đài BBC) là con cảm động lắm, phát run lên vì xúc động, vì sợ nữa. Sợ vùi e ngại bố làm như thế có thể ảnh hưởng đến gia đình nhà mình chẳng Nhưng sau đấy nhiều anh chị, các bác, lúc gặp con nói là rất mừng khi nghe thấy lời bố, rằng những điều bố nói hợp lẽ phải cho nên con thấy yên lòng". Nhà tôi cũng lo và nhắn khéo với tôi rằng: "... có khi không nên nói nhiều, nhớ rằng ông mà bị cảm thì con cháu ở nhà nó hắt xì hơi đấy!", tức là người ở nhà có thể bị liên lụy. Tôi chỉ nghĩ, việc gì đúng thì mình làm, làm theo lương tâm và có lợi cho đất nước, cho tất cả mọi người.

Đây là niềm vui, niềm hạnh phúc lớn của đời tôi.

Nếu ai cũng ngại làm việc phải thì đất nước sẽ mãi mãi trì trệ.

Tôi buồn nhất là đất nước còn chậm tiến về chính trị, nhân dân vẫn chưa có tự do sau những năm chiến tranh đàng đẵng, đầy hy sinh, thiếu thốn. Tốc độ Việt nam hòa nhập với thế giới vẫn ỉ ạch, quan hệ Việt-Mỹ tiến quá chậm? Như đã nói ở trên, tôi có những niềm vui. Niềm vui lớn nhất là tôi tận dụng thời gian ở nước ngoài để tìm hiểu về thế giới. Các thư viện lớn, các màn vô tuyến truyền hình Hoa Kỳ, Âu Châu, các cuộc hội nghị quốc tế tôi dự, các nước tôi đến thăm đã mở rộng hiểu biết của tôi chưa bao giờ nhiều và sâu sắc đến vậy.

Tôi vô cùng vui mừng khi bạn bè thân trong nước nhấn sang, tuy chính quyền trong nước ngăn cấm, triệt tiêu các lực lượng đối lập xây dựng, thì lực lượng ấy đang nảy nở. Chính chúng tôi, một số người ít ỏi ở ngoài nước cùng với số anh em dân chủ trong nước đang ngày một đông đảo, sẽ tạo nên một lực lượng đối lập xây dựng, không phải đối lập kiểu phá phách, gây hỗn loạn. Do đó, mặc dù những người cầm quyền rất khó chịu, bức tức, nhưng họ phải chú ý đến các ý kiến đối lập, buộc phải thực hiện một số ý kiến của lực lượng đối lập xây dựng, lực lượng dân chủ. Mặt khác, mặc cho

một số người cầm quyền thóa mạ, chụp mũ những người dân chủ, tôi nghĩ lực lượng dân chủ đang giữ một vị trí cần thiết, có lợi cho đất nước khi chưa có lực lượng đối lập xây dựng chính thức.

Mặc dù bị chính quyền chụp mũ, vu cáo, tính ra tôi vẫn "lãi". Tôi có thêm bạn ở trong bộ máy chính quyền đảng, trong giới trí thức, văn nghệ sĩ, cán bộ các ngành... Họ nhắn tin, gửi thư, tìm gặp tôi khi họ qua Pháp. Tôi có thêm nhiều bạn quý trong cộng đồng người Việt, không phân biệt quá khứ, "sắc áo", "màu cò". Cũng có những người thật lòng thương dân, ưa chuộng dân chủ, sống có lý tưởng, đạo lý bên cạnh những người vị kỷ, háms lợi riêng, độc đoán, xảo trá. Tôi kết bạn với những người tôi thấy là tốt, tử tế và tôi xa lánh, dị ứng với loại sau.

Rút cuộc, tôi vẫn lợi. Cho nên tôi luôn lạc quan. Thời gian đang ủng hộ sự nghiệp dân chủ hóa. Và xu thế thời đại nghiêng về phía những chiến sĩ dân chủ. Khó khăn chỉ làm cho mỗi thắng lợi nhỏ thêm có ý nghĩa.

Ông Lê Khả Phiêu được bầu làm Tổng bí thư đảng cộng sản, thành nhân vật số một của chế độ, ông có nhận định ra sao?

Ông Lê Khả Phiêu được dự định đưa lên làm Tổng bí thư từ Đại hội đảng lần thứ 8 giữa năm 1996 nhưng bị để chậm lại một năm rưỡi do tín nhiệm lúc đó còn thấp qua cuộc thăm dò Trung ương đảng.

Ông Phiêu có những mặt trội hơn so với những người tiền nhiệm: trẻ hơn ông Đỗ Mười chừng 17 tuổi do đó tư duy có thể ít xơ cứng hơn, ít bảo thủ hơn. Do uy tín còn thấp, thành tích chưa có gì đáng kể, nên có thể buộc ông phải cố gắng để tạo uy tín trong đảng, trong xã hội. Chỗ yếu rõ rệt của ông Phiêu là còn ít kinh nghiệm về chính trị, ngoại giao, kinh tế. Việc cử một viên thượng tướng, chính ủy chuyên nghiệp trong quân đội, làm tổng bí thư là không bình thường trong thời bình, xây dựng đất nước, hòa nhập với thế giới, khi chế độ quân phiệt đã kết thúc ở Đài Loan, Hàn quốc, Thái Lan... Có một điểm đáng được chú ý là năm 1997, ông Phiêu đã gặp ông Hoàng Minh Chính hai lần và mừng 2 Tết Mậu Dần vừa qua đã đến thăm

ông Trần Độ, hai nhân vật đòi dân chủ mạnh mẽ ở trong nước. Nhưng không nên có ảo tưởng về người lãnh đạo số một mới này, vì thái độ rõ ràng của ông với những kiến nghị đòi dân chủ vẫn còn là một ẩn số, trong khi bộ máy thông tin, báo chí ở trong nước gần đây phê phán rất dữ dội các kiến nghị ấy.

ở vị trí số một của chế độ, nếu ông Phiêu có tư duy cởi mở, thức thời thì ông có thể có tác động quyết định đến sự lãnh đạo của đảng nhằm thúc đẩy đổi mới một cách mạnh mẽ, thậm chí có thể xoay chuyển mau lẹ tình hình như Khor-rút-xốp và Goóc-ba-chốp ở Liên xô đã từng làm sau khi nắm chức tổng bí thư. Nhưng căn cứ vào những điều ông Phiêu đã nói, đã viết và đã làm cho đến nay, khả năng ấy khó có thể thành hiện thực. Tầm vóc và bản lĩnh chính trị của ông vẫn còn tỏ ra là ở mức "khiêm tốn", nếu không nói là xoàng, thấp.

Tháng 4-1997, tôi có gửi cho ông Phiêu một lá thư được đưa đến tận tay ông. Tôi tận dụng mối quan hệ bè bạn cũ để cổ tác động đến ông, tuy không thật tin ở kết quả. Dù sao cũng yên lòng là đã làm một việc cần thiết, ít ra là để cảnh báo trước một nguy cơ cho đất nước nếu lãnh đạo không được cải tiến kịp thời. (Xin xem ở phần phụ lục lá thư ấy).

Vậy thì với ông thượng tướng Lê Khả Phiêu làm tổng bí thư, ông có bị quan hơn không?

Không, vì tôi nghĩ rằng ông Phiêu nhậm chức trong điều kiện đất nước đầy khó khăn, quá nhiều nguy cơ dồn dập. Ông ta không thể tự mãn, kiêu ngạo. Ông đang trở thành "tù binh" của tình thế, bị vây bủa tứ phía. Đổi mới có nguy cơ đứt gánh, nợ chồng chất, phát triển chững lại, đầu tư từ bên ngoài giảm đáng kể, tham nhũng tràn lan hơn bao giờ. Khủng hoảng tài chính, kinh tế ở châu á tác động rất nguy hiểm đến nước ta. Bất công xã hội tăng. Lòng dân không yên. Nhà nước buộc phải phá giá đồng bạc Việt nam hai lần rồi...

Cái ghế ngồi của ông tổng bí thư mới rất chật, không còn chỗ để xoay sở, không có nhiều lựa chọn. Dừng lại thì nguy, quay lại phía

sau thì khốn. Đi lên phía trước thì hoa mắt. Có vẻ như giới lãnh đạo hiện nay chỉ cần thời gian để thu vén riêng, họ suy tính theo ngắn hạn. Sau nữa là sống chết mặc bay..

Nhìn lâu dài một chút, thế nào dân chủ cũng thắng.

Niềm lạc quan của ông có cơ sở không?

Có chứ. Tôi rất lạc quan. Vì dân chủ là giá trị lớn nhất của thời đại. Vì trong thế kỷ qua, đại đa số các nước đều đi vào con đường ấy, từ ít đến nhiều, rất nhiều. Đó là thành quả của quá trình lịch sử toàn cầu. châu á có phần chậm hơn châu Âu, nhưng nhanh hơn châu Phi. Quanh nước ta, Nhật Bản - nước quân phiệt phát xít, đã bước vào thời kỳ dân chủ rất rộng, tuy hình thức là dân chủ lập hiến, các đảng lớn thay nhau cầm quyền. Thái Lan, Phi-líp-pin, Ma-lai-xi-a, Hàn quốc... đã trở thành dân chủ. ở Hàn quốc, nhà đối lập Kim Đại Trọng (Kim Dee Jung) từng ở tù do chống đối chính trị, từng bị kết án tử hình với tội "âm mưu lật đổ chính quyền", nay đã thành tổng thống qua bầu cử dân chủ. Không ai có thể ngăn chặn bước tiến ấy của thời đại. Hơn nữa, cách mạng tin học, với hệ thống truyền tin cực nhanh, nhạy, với vô vàn máy tính điện tử... làm cho đời sống chính trị các dân tộc gần nhau, hiểu nhau, truyền bá nhanh như chớp đến mọi nơi những giá trị dân chủ, nếp sống dân chủ.

Một số người về thăm Việt nam trở ra kể rằng dân ta chỉ lo làm ăn, không quan tâm gì đến chính trị ông có đồng ý không?

Đây là một cách nhìn hời hợt, hợp với mong muốn và thủ đoạn tuyên truyền của chính quyền độc đoán. Tôi không tin điều ấy.

Nhân dân ta lo làm ăn là một chuyện. Hơn 40 năm bị cấm đoán đi lại, kinh doanh, cuộc sống tù túng, ngột thở. Mười năm nay họ buộc trả lại xã hội cái quyền tự do làm ăn theo kinh tế thị trường vốn có từ xưa, người dân được hít không khí tự do làm ăn, tất nhiên mọi người tận dụng cái quyền tự do ấy để sinh sống, bù lại mấy chục năm tù túng. Điều này rất dễ hiểu.

Nhưng cuộc sống không chỉ có làm ăn. Con người còn có nhu cầu quan hệ xã hội, thường thức văn hóa? thể thao, du lịch, giáo dục con em, chăm sóc y tế, tình cảm bạn bè... trăm nghìn quan hệ hàng ngày ấy đụng đến chính trị, đụng đến tự do của công dân trong cái gọi là xã hội dân sự. Quan hệ công dân với nhà nước hiện ra hàng ngày, từ giấy tờ chứng nhận sở hữu, mua bán, hợp đồng, thuế khóa, xin việc, tiền lương, bảo hiểm, xin học, chữa bệnh, thi cử, đi lại, xuất cảnh, đóng góp, kiện tụng... trong cuộc sống xã hội đều dính đến chính trị. Một xã hội độc đoán khác hẳn với một xã hội dân chủ, một chế độ độc đảng khác hẳn với một chế độ pháp quyền, đa nguyên, đa đảng. Qua mười năm mở cửa, tiếp nhận vô vàn thông tin mới mẻ với những xã hội dân chủ qua vô vàn quan hệ trong ngoài nước, bà con ta ở trong nước bắt đầu nhận ra rằng:

Trong nhà ta chỉ khen ta,

Ra ngõ mới thấy người ta hơn mình.

Tôi nghĩ những điều này không sờ thấy, nhưng đã làm cho hơn 70 triệu cái đầu, hơn 70 triệu bộ óc thay đổi khá sâu rộng sau hơn 40 năm tù túng, ru rú trong nhà.

Tôi vừa gặp một số sinh viên tuổi từ 21 đến 26 sang Pháp học thêm về y khoa và pháp luật, hỏi chuyện, các em biết rất rõ nếp sống chính trị ở nhà lạc hậu ra sao, kiểu "đảng chọn dân bầu" là trò hề như thế nào, vì sao mà "quốc nạn" tham nhũng trở nên bất trị. Các em còn tranh luận với nhau về nhân quyền, về vai trò luật sư mờ nhạt, khốn khổ ở trong nước, về quan hệ Việt-Trung, Việt-Mỹ, Việt-Pháp... Rõ ràng nhận thức của người trong nước đã thay đổi khá nhiều, trong 4, 5 năm gần đây. Trình độ tìm hiểu, so sánh, phân tích, nhận định, phê phán của đồng bào trong nước mới chỉ 4, 5 năm đã khác trước khá nhiều. Phố xá thay đổi, hàng hóa thay đổi, làm ăn, phong tục thay đổi, kiểu quần áo thay đổi.. và cái thay đổi ít thấy lại quan trọng nhất là sự thay đổi trong cái đầu, trong suy nghĩ về cuộc sống, về nếp sống, về tự do, chính trị, về chế độ.

Ông có tin là người ở trong nước sẽ tự mình xoay chuyển được tình

thế, kết thúc chế độ độc đoán hiện tại không?

Cho tôi được kể hết chuyện trên đây đã. Một em nói với tôi rằng: ông Phiêu, ông Phiêu hay ông Phèo gì không cần biết, ông nào cũng phải chịu sức ép của xã hội và của chủ nợ. Họ trót hứa hão với dân về công bằng xã hội, xây dựng xã hội văn minh, bình đẳng, họ leo lẻo cam kết bài trừ tham nhũng, món nợ đời này cứ chồng chất, treo lơ lửng trên đầu họ. Chẳng lẽ chỉ là hứa phiêu! Họ nợ WB (Ngân hàng thế giới), nợ FMI (Quỹ tiền tệ quốc tế), nợ các nước châu Âu, nợ nước Nga... tất cả gần 20 tỷ USD. Còn nợ mồm về tôn trọng nhân quyền, không thể ì ra, vớ nợ kiểu Chí Phèo được! Họ buộc phải hứa cải tổ hành chính, đổi mới kinh tế, tư nhân hóa 200 cơ sở quốc doanh, đơn giản hóa luật lệ đầu tư nhưng độc đáng là căn bệnh gốc không chịu từ bỏ thì chỉ là hứa hão? Họ kẹt cứng. Mà độc đáng với họ là tự sát vì quen ngồi một mình một chiếu thành cổ tịt rồi! Thế là phiêu, nghĩa là đi đứt, đảng nào cũng phiêu?

Đó người trong nước mà nói vậy đó. Cho nên người trong nước trực tiếp bị kìm kẹp, trực tiếp thấy trò hề của họ, chứng kiến lời hứa của họ, trực tiếp chịu đựng những bất công, áp bức, lừa lọc sẽ là lực lượng trực tiếp quyết định kết thúc chế độ độc đoán phi lý này. Nông dân Thái Bình, nông dân Đồng Nai, nông dân Hải Dương, Hưng Yên, Nam Định, Thanh Hóa, Bắc Ninh... vừa nói lên những điều cần phải nói. Đó mới chỉ là những màn dạo đầu. Họ đàn áp thì chỉ là đổ thêm dầu vào lửa. Mà nhượng bộ, lùi một bước thì sẽ bị đẩy lùi thêm 2 bước, 3 bước nữa. Sức dân chở thuyền, sức dân cũng làm úp thuyền như vậy đó.

Vậy theo ông ở trong nước đã có phong trào đòi dân chủ chưa?

Theo tôi, đã có phong trào. Đã có cuộc vận động cho dân chủ, cuộc đấu tranh đòi dân chủ, tất nhiên ở mức thấp, ngày càng phát triển. Cần thấy chế độ độc đáng hiện nay có thể coi là một chế độ đàn áp, chế độ có tính chất cảnh sát, chế độ độc đoán. Các cơ quan nhân quyền quốc tế xếp nó cùng loại với chế độ ở Trung Quốc, ở Bắc Triều Tiên, ở Cu-ba, ở Li-bi, I-rắc, ở Sô-ma-li, U-gan-đa, ở My-an-ma, với cái nghĩa là tồn tại do đàn áp! Đây là một mối nhục dân tộc.

Đất nước nghìn năm văn hiến mà lạc hậu, "đèn đỏ" về nhân quyền, mà nhân dân bị kìm kẹp bởi cường quyền? Đến nỗi cả thế giới tiến bộ phải lên tiếng đòi quyền tự do cho nhân dân Việt nam!

Phong trào "Nhân văn-giai phẩm" cuối những năm 1950 có thể coi như mở đầu của phong trào dân chủ. "Câu lạc bộ những người kháng chiến cũ" những năm 1980 cũng là một cuộc vận động dân chủ. Những chiến sĩ dân chủ từ mười năm nay xuất hiện thêm nhiều, với những con người tiêu biểu ở mọi lĩnh vực: chính trị, khoa học, văn hóa, Văn nghệ, truyền thông... Đó là Phan Đình Diệu, Dương Thu Hương, Nguyễn Khắc Viện, Nguyễn Hộ, Đoàn Viết Hoạt, Lữ Giang, Nguyễn Đan Quế, Tạ Bá Tòng, Chân Tín, Nguyễn Ngọc Lan, Thích Tuệ Sĩ, Thích Quảng Độ. Đó là các cụ các ông Lê Giản, Ngô Thúc, Nguyễn Văn Trấn, Hoàng Hữu Nhân, đó là nhóm dân chủ Đà Lạt gồm Hà Sĩ Phu, Bùi Minh Quốc, Tiêu Dao Bảo Cự, đó là tướng Trần Độ, cựu chiến binh Trần Bá, đó là nhà văn Hoàng Tiến, nhà địa vật lý Nguyễn Thanh Giang bèn bỏ đời bằng được tự do báo chí, đó là tiến sĩ vật lý Nguyễn Hoàng Phương vừa đang hoàng trả lại thẻ đảng.

Những người trên đây chỉ là phần nổi của núi băng mà phần chìm lớn gấp trăm ngàn lần phần nổi, với bạn bè, người thân, đồng chí hướng, chưa cần xuất đầu lộ diện, ở vùng nào, đô thị nào, nông thôn nào cũng có. Đó còn là hàng chục vạn dân ở 128 xã tỉnh Thái Bình, của hàng trăm xã khác ở đồng bằng sông Hồng, ở Đồng Nai, Biên Hòa, ở đồng bằng sông Cửu Long... hào khí cao, mưu mẹo sâu phối hợp nhịp nhàng, chống bọn cường hào địa phương được bọn tham quan Ô lại ở Trung ương che chở, vơ vét tài sản dân đen. Đó là đồng bào theo các tôn giáo (đạo Phật, Công Giáo, Tin Lành, Cao Đài Hòa Hảo...) đòi tôn giáo phải được tự do. Phong trào dân chủ đang có điều kiện phát triển ngày càng sâu rộng, cho đến ngày chế độ độc đoán bị loại bỏ bằng một thể chế dân chủ.

Tốt nhất là nhóm lãnh đạo nên thức thời, chủ động thay đổi tận gốc chế độ độc đoán, từng bước thực hiện tự do tư tưởng và ngôn luận, tự do báo chí, trả tự do cho người tù chính trị, chấp nhận một thể lực đối lập xây dựng, thực hiện hòa giải hòa hợp với người Việt ở nước



ngoài, hòa nhập với thế giới hiện tại. Đại thể như Goóc-ba-chốp, như Bô-rítx Yê-nin đã làm ở Liên xô, ở nước Nga, nhưng thuận lợi hơn nhiều vì đổi mới kinh tế ở Việt nam đã đạt một số thành tựu khả quan.

Nếu không, tức nước vỡ bờ, xu hướng dân chủ, đòi công bằng xã hội sẽ bùng nổ với hậu quả tệ hại cho đảng cầm quyền, cho đất nước, mà trách nhiệm hoàn toàn thuộc về đảng độc đoán, trách nhiệm nặng nề này sẽ do lịch sử và dân tộc phán xét uy tín còn lại của đảng cộng sản sẽ tiêu tan sạch sành sanh!

Một số người bị quan, thậm chí cho rằng dân Việt nam quá mệt mỏi trong chiến tranh triền miên, quá nghèo đói, lạc hậu, đã trở nên hèn, sợ bạo quyền, không dám đứng dậy đòi tự do.

Đó là một cách nhìn phiến diện, hời hợt; xã hội nào cũng có người hèn, người không hèn. Tùy theo điều kiện sinh sống, giáo dục, rèn luyện, quan hệ xã hội, quá trình sống. Dân tộc Việt nam ta có những đức tính, truyền thống bền vững qua lịch sử lâu dài đầy thử thách. Đó là truyền thống bất khuất trước cường quyền, truyền thống nhân ái, chuộng công lý lẽ phải. Anh hùng, sĩ phu nước ta thời nào cũng có, tiêu biểu cho lương tâm dân tộc. Đất nước hiện nay cần nhất là tự do để phát triển bằng người. Một loạt nhân vật kể trên là tiêu biểu cho lương tâm dân tộc hiện nay. Họ không sợ cường quyền. Hãy nghe khẩu khí của họ - nhà thơ Bùi Minh Quốc, bạn tôi, viết mấy dòng thơ, gửi sang Pháp:

Có lẽ nào?

Có lẽ nào?

Lịch sử

Lại như con thò lò trong ván bài quẻ dữ

Máu nhân dân tuôn chảy đúc ngai vàng

Bạo chúa ngồi lem lém tụng "nhân dân"...

Đó "Hèn" như vậy đó? Dám gọi kẻ cầm quyền thối nát là quẻ dữ, ngồi trên "ngai vàng đúc bằng máu nhân dân, gọi chúng là "bạo chúa" lem lém tụng "nhân dân"?

Những vần thơ bộc trực, khẳng khái đó là vết chàm kết tội, in dấu trên trán bọn cầm quyền tham nhũng.

"Hèn nữa của Bùi Minh Quốc là câu thơ kết thúc bài thơ Những người tháng Tám:

ở trong tôi là triệu người đã khuất

Đang thét đòi máu nợ:

Tự do! Tự do!

Nhà thơ Phùng Quán cũng có khí phách như vậy:

Yêu ai cứ bảo là yêu,

Ghét ai cứ bảo là ghét

Dù ai ngon ngọt nuông chiều

Cũng không nói yêu thành ghét

Dù ai cầm dao dọa giết

Cũng không nói ghét thành yêu...

va:

Đường mật công danh không làm ngọt được lưỡi tôi

Sét nổ trên đầu không xô tôi ngã

Bút giấy tôi ai cướp giật đi

Tôi sẽ dùng dao viết văn trên đá!

Một tuyên ngôn rõ ràng,凛冽, đập thẳng vào mặt chính quyền độc đoán. Tôi xin được nhắc thêm mấy câu thơ của Bùi Minh Quốc đang bị quản thúc ở Đà Lạt chỉ vì nhà cầm quyền khiếp sợ những câu thơ cảm khái của anh chửi thẳng vào mặt bọn tán tận lương tâm cướp đoạt mọi tài sản chung:

Chúng đang nhậ từng cánh đồng dải núi

Từng mảng trời, ruột đất lòng khơi

Nhậ mọi thứ từ Vua Hùng để lại

Nhậ tới nàng Tô Thị rã thành vôi...

và lời cảnh cáo đồng dặc:

Đến người chết cũng đội mồ đứng dậy

Khi trên đời còn một mảng bất công!

Đây là khẩu khí văn học, tiêu biểu cho khẩu khí dân gian đang ngày đêm vang khắp hang cùng ngõ hẻm đòi công lý, nhân phẩm, kết tội những kẻ chà đạp quyền sống tự do của dân đen.

Nỗi sợ đối với chính quyền độc đoán có thật sự giảm bớt nhiều trong đồng bào ta ở trong nước không?

Khó mà đo cho chính xác được. Nhưng có thể cảm thấy rõ.

Đây là một kết quả nổi bật của thời mở cửa. Sau hơn 10 năm mở cửa, nhất là từ đại hội 7, sau khi Liên xô sụp đổ, người dân trong nước không còn bị bưng bít như xưa. Trước kia dân ta như ở đáy giếng, không hiểu gì xung quanh. Đảng cho biết gì thì biết. Nay đã có giao lưu rộng. Thư từ. Bà con thăm viếng. Khách du lịch. Phim, ảnh, thu thanh, video, ti vi

Thêm nữa, đảng đồ đón, tham nhũng tràn lan, bất công khủng khiếp, dân đen nghèo khổ, nổi căm giận tâng, thì nỗi sợ giảm. Người ta chửi công khai bọn tham nhũng, coi như dòi bọ lúc nhúc. Cần nói thêm là nỗi sợ di chuyển - chuyển từ dân sang quan. Gương Đại Hàn, hai cựu tổng thống vào tù vì tham nhũng. Gương Tổng Thống Marcos, hét ra lửa một thời bị kết án, trốn đi. Gương tướng Suharto ở Nam Dương mới đây, bị dân chỉ mặt: cướp đoạt 4 tỷ đô la cho gia

đình, cả một triều đình nháo nhác... Cho nên khẩu hiệu chống tham nhũng, bình đẳng trước pháp luật, họ rất sợ.

Họ sợ nên rất muốn trừng trị ông Trần Độ nhưng phải vừa dọa, vừa xoa. Lê Khả phiêu gặp hai lần ông Hoàng Minh Chính; Lê Khả phiêu cũng đến chúc Tết (?) ông Trần Độ. Vừa để đe nẹt, vừa thăm dò, vừa xoa dịu. Nhưng chưa dám khai trừ ông. Sợ phản ứng ở trong đảng, ở ngoài xã hội.

Sợ cho nên hèn. Ông Phạm Thế Duyệt, ủy viên thường vụ, thường trực Bộ Chính Trị, coi như nhân vật số 2 của đảng, cũng đến thăm ông Trần Độ, sau khi báo Nhân Dân và báo Quân Đội Nhân Dân đăng gần 20 bài lên án, phê phán, chụp mũ bằng giọng điệu phỉ báng ông Trần Độ. Họ trích dẫn, cắt xén, xuyên tạc bức thư của ông Trần Độ nhưng lại không dám nêu một lần tên ông! Hèn hơn nữa là khi ông Trần Độ hỏi ông Duyệt: "Có phải các anh mở chiến dịch công kích tôi trên báo đảng không" thì ông Duyệt chối bai bãi là không có chủ trương, không có chiến dịch công kích như thế! Họ sợ lẽ phải, sợ công luận. Cái thế của họ sa sút đến thế đó! Làm đó rồi chối đó. Thật là miệng quan tròn trể. Dân ta bớt sợ nhiều rồi. Tôi xin kể một chuyện. Khi nhà báo Pháp của RFI sang Việt nam và lên tận nhà tù Thanh Cẩm (Thanh Hóa), có hai người Việt nam hướng dẫn tỷ mỉ để họ đi đến nơi, về đến chốn nơi xa lạ đối với họ. Đó là hai người tù chính trị cũ, từng là đại úy trong quân đội thời ông Bảo Đại sau 1954. Một ông tên là Kiều Duy Vĩnh, một ông có biệt danh là Văn thợ mộc (muốn biết thêm về ông này, xin đọc Đêm Giữa Ban Ngày của nhà văn Vũ Thư Hiên - nhà xuất bản Văn Nghệ). Ông Vĩnh và ông Văn còn đảng hoàng trả lời vô tuyến truyền hình Pháp về vấn đề tù chính trị ở Việt nam, đâu có sợ, đâu có ngán chính quyền độc đoán?

Hơn nữa khi công an hỏi hai ông, hai ông đều trả lời đảng hoàng: họ hỏi đường do không biết, chúng tôi biết thì chỉ cho họ. Chúng tôi cho là họ làm điều tốt thì giúp, vậy thôi..

Khi ra tới cửa trạm công an, ông Văn còn chỉ ảnh ông Hồ Chí Minh treo trong phòng lớn, nói: Các chú còn để ảnh cái ông già kia làm gì!

Vì ông già kia mà gia đình tôi tan nát và biết bao bà con ta khổ cực!

Mấy tay công an trẻ nghe rõ hết, không dám phản ứng, chỉ cười hì hì xoa dịu: sao bác lại nổi thế! rồi tiến ra cửa... Trước kia mà nói vậy là mang tội chết chắc chắn!

Sự thay đổi trong nỗi sợ cường quyền được đo" qua những cảnh sống động như thế.

Hiện nay cuộc vận ông dân chủ đã đạt đến đỉnh cao chưa.

Theo tôi, đến mùa xuân Mậu Dần đầu năm 1998 này, cuộc vận động dân chủ đã đạt đến một đỉnh cao. Điều này không phải ngẫu nhiên. Nó do tình thế tạo nên. Do những nguyên nhân xa và nguyên nhân gần. Đổi mới nửa vời đạt kết quả khả quan về kinh tế thôi thúc người lao động đóng góp cho phát triển, quý trọng, giữ gìn những thành tựu, không để mai một. Không tiến lên thì có nguy cơ mọi thành tựu bị triệt tiêu. Họ hiểu rõ cuộc sống có khấm khá lên là không phải công ơn của đảng, mà là do đảng đã buộc phải trả lại xã hội cái quyền tự do làm ăn mà đảng đã tịch thu từ lâu. Cuộc khủng hoảng rộng lớn về kinh tế tài chính ở châu á thúc ép thêm mọi suy nghĩ tích cực để thoát hiểm. Đại hội 8 chứng tỏ không đoán bệnh và bốc thuốc đúng đắn. "Cơn bão Thái Bình" là lời cảnh cáo nghiêm khắc đối với cường quyền. Nguồn đầu tư từ nước ngoài sút giảm, khiến đường xa nghĩ đến sau này mà kinh! Sự chia rẽ, chửi bới nhau trong nội bộ đảng chưa bao giờ tệ hại như hiện nay: một phó thủ tướng cũ viết hồi ký gọi một đại tướng là "y", một tài liệu nặc danh tán phát rất rộng kể tội viên đại tướng có 7 tội lớn (như só thất trăm hồi xưa), một thư lưu truyền trong quân đội kể tội "bốn tên họ Lê: Lê Duẩn, Lê Đức Thọ, Lê Đức Anh, Lê Khả Phiêu", đòi "đưa bốn tên họ Lê này ra trước Tòa án quân sự", cáo giác thủ tướng Phạm Hùng đã đội tử trên bụng bà Trần Thị Trung Chiến, hiện là bộ trưởng, ủy viên Trung ương đảng... Đảng chẳng còn ra cái thể thống gì nữa. (Xem phụ lục, do độc giả cung cấp thêm)

Chúng tôi luôn nhận được những thông tin đáng phấn khởi từ trong nước. Luật sư Đàm Văn Hiếu từng cãi cho ông Lê Hồng Hà trước

tòa án đã gửi đơn yêu cầu tòa án xem lại vụ án ấy vì nó đã xét xử không đúng luật. Đây là cuộc dẫn thân của một nhà luật học gây tiếng vang lớn trong hệ thống tư pháp. Ông Trần Quang Huy, một cựu ủy viên Trung ương Đảng, nguyên bộ trưởng, trước khi mất đã dứt khoát từ chối chỗ "nghỉ" trong Nghĩa trang Mai Dịch vì "nó thối lắm rồi", và yêu cầu được hỏa thiêu.

Một bạn từ Sài Gòn điện thoại sang Paris cho biết tang lễ "Cụ Già Chợ Đệm" Nguyễn Văn Trấn có khá đông sinh viên trẻ đi dự. Các em thấp hươg trước linh cữu và khấn to, rất to: chúng cháu xin hứa đấu tranh bất khuất theo gương bác để giành tự do, dân chủ, trước hết là tự do báo chí cho đến thắng lợi. Các bạn trẻ một số trường đại học cho ra báo Thao Thức được giới trẻ chuyền tay nhau đọc. Chúng tôi cũng nhận được bài viết của ông Trần Dũng Tiến một sĩ quan có chiến tích vang dội, quyết tử quân Thủ đô hồi 1946, tố cáo đích danh Ban Văn hóa Tư tưởng Trung ương Đảng phía ra "bức thư mách bu" ký tên Hoài Việt - một Việt kiều ở Ca-li (Mỹ) nhằm bôi nhọ tướng Trần Độ; rồi bức thư ngỏ mang chữ ký 10 nhân vật cao cấp của đảng cộng sản tố cáo ủy viên thường vụ Bộ Chính trị Phạm Thế Duyệt cùng phó chủ tịch Hà Nội Đinh Hạnh về tội tham nhũng.

Thế kỷ 20 chỉ còn có hơn một năm nữa là kết thúc. Lịch sử loài người như muốn rào bước, thanh toán mọi điều, xấu xa còn lưu cữu để bước vào thế kỷ mới, cũng là thiên niên kỷ mới với nhiều hứa hẹn.

Chính do những điều kiện ấy mà xuất hiện những kiến nghị mới với nội dung mới, tập trung đòi dân chủ và công lý. Có thể nói một thế lực đối lập khá vững chắc đang hình thành ở trong nước, một thế lực bao khắp nhiều vùng của đất nước, từ thành thị đến nông thôn, bao trùm mọi giới, đang tìm mọi cách liên hệ với nhau, phối hợp với nhau, tập hợp lại gần như công khai để đi đến nội dung đấu tranh thống nhất. Thống nhất trong nước với nhau, thống nhất trong với ngoài nước, hỗ trợ cho nhau, truyền âm, tăng âm cho nhau dựa vào những phương tiện truyền thông hiện đại.

Do đó sau đỉnh cao vận động dân chủ đầu xuân năm 1998 này sẽ có

những đỉnh cao hơn nối tiếp nhau theo kiểu triều dâng trong mùa nước lên. Tôi mong và, tin rằng cuộc vận động dân chủ đẹp đẽ đầy triển vọng sẽ lôi cuốn mọi tấm lòng yêu nước, thương dân trong nước và ngoài nước tham gia một cách thiết thực, trên tinh thần góp gió thành bão. Một cuộc dẫn thân tự nhiên, nhẹ nhàng, hào hứng của triệu con em đất Việt. Thời cơ đã đến rồi.

Đảng cầm quyền không thể cầm quyền như hiện nay được nữa.

Người dân không thể sống như vừa qua và hiện nay được nữa.

Thế giới hiện đại không thể để cho nhân dân Việt nam sống không có tự do và dân chủ được nữa.

Dòng chảy của lịch sử thế giới ngày nay đang thừa sức cuốn đi mọi sức ỳ tẻ hại, cuốn đi những di sản nặng nề cùng những mây mù trong nhận thức của thế kỷ 20 đang kết thúc.

Cộng đồng người Việt ở nước ngoài nên làm gì trước thời cơ ấy?

Sức ỳ của chính quyền độc đoán còn tồn tại chỉ vì sức ép từ bên ngoài chưa đủ mạnh. Gần đây, Hà Nội hay nói đến nội lực, cái sức ở bên trong cơ thể. Nội lực của đảng đã yếu, yếu lắm rồi, nó sa sút rất nhanh sau khi đảng cộng sản Liên xô, đảng đàn anh, đảng trụ cột - quê cha đất tổ của chủ nghĩa cộng sản - sụp đổ tanh bành, nó tan nát trong kinh tế thị trường vì bị vi-rút tham nhũng thâm nhập vào xương tủy, nó rã rời vì các phe nhóm kình chống, chửi bới nhau, dành ăn với nhau, bôi nhọ nhau loạn xạ.

Trong lúc họ bối rối, gặp khó khăn gay gắt, đất như rung chuyển dưới chân họ, thì thật đáng tiếc cuộc đấu tranh của bà con ta ở hải ngoại, tuy có khá hơn trước, nhưng vẫn còn yếu. Sức ép của người Việt ở nước ngoài đối với chính quyền độc đoán ở trong nước chưa tương ứng với khả năng tiềm tàng của nó?

Ông nói đến sự thức tỉnh cần thiết như thế nào đối với người Việt ở hải ngoại hiện nay?



Với tất cả lòng ngay thật và quý trọng với tất cả khoảng 2 triệu bà con ruột thịt trải khắp trái đất này, tôi thấy bà con ta cần làm một cuộc nhìn lại mình cho thật rõ ràng, rút ra những kinh nghiệm quý báu nhất, từ đó cùng nhau đề ra một định hướng đấu tranh chung, những biện pháp đấu tranh thích hợp nhất có hiệu quả nhất, rồi tổ chức hành động thật mạnh mẽ, đồng bộ. Với tất cả tâm huyết với cộng đồng, tôi nói lên điều này.

Ông nói đến một cuộc kiểm điểm, một cuộc phản tỉnh, một cuộc kiểm thảo, tự phê bình ư?

Vâng, có thể đại loại là như thế. Không ồn ào, nhưng sâu sắc, bình tĩnh, có thực chất. Những người có trình độ, có uy tín, nhất là có tâm huyết nên gặp nhau làm việc này. Họ là elite, là tinh hoa, là "màng bơ" của cộng đồng. Tôi có thể kể một số tên các nhân vật như thế, nhưng lúc này chưa tiện, dễ gây hiểu lầm và rắc rối. Tôi tin ở cộng đồng ta vì có nhiều nhân tài và tâm huyết. Họ bị che khuất, ẩn mình, ít lộ diện. Có khi họ bị kèn cựa, chụp mũ, vu cáo...

Xin ông thử kể ra những vấn đề gì cần nghiên cứu, thảo luận, kiểm điểm?

Từ những vấn đề lịch sử chân thực của đất nước nửa thế kỷ qua; từ những mặt mạnh, mặt yếu của người Việt "quốc gia"; những sai lầm, thiếu sót khi còn cầm quyền ở miền Nam; những thành tích (khách quan), những đóng góp và những hạn chế, tiêu cực hiện tại của cộng đồng; phương hướng và biện pháp đấu tranh có hiệu quả là thế nào? Rồi tổ chức cộng đồng ra sao cho thích hợp. Hiện nay, quá nhiều tổ chức, rối tinh rối mù, nhiều nhân danh..., nhiều lạm dụng danh nghĩa... Rồi tác phong làm việc ra sao là tốt thiết thực, có hiệu quả. Một số bạn nhà báo, giáo sư ở Ca-li, Hao-xton - Téch-dớt (Texas) cho tôi biết rằng một số vị lên gân, chống cộng hết mình chỉ là để kiếm phiếu, củng cố ghế ngồi theo kiểu tiên chỉ ở đình làng thòm thềm cái thủ lợn! Họ lợi dụng sự nhẹ dạ của bà con ta. Nhưng rồi họ cũng bị lộ tẩy. Cần có một số người lãnh đạo có tài, có đức có uy tín, tập hợp được lòng người. Và rất cần "trẻ hóa" phong trào, huy

động tuổi trẻ vào cuộc, tăng sinh khí, kiến thức, khoa học, nhiệt huyết... Mỗi công việc ta làm đều phải lấy đại khối đồng bào trong nước làm đối tượng. Vì đồng bào trong nước là lực lượng chủ lực, đông đảo, chiếm đến 95% số dân Việt ở mọi nơi, lại là lực lượng trực tiếp làm xoay chuyển tình thế, kết thúc chính quyền độc đoán. Tôi thấy các phong trào của cộng đồng ta còn có phần xa cách, chưa nắm kỹ nhận thức, suy nghĩ, ước muốn, tâm tư chung của đồng bào trong nước. Cần tập trung sức mở rộng quan hệ về trong nước, góp phần nâng cao dân trí về dân chủ, xóa tan những mây mù trong nhận thức của đồng bào do tuyên truyền của chế độ. Những lời chửi bới kiểu "chống cộng kiên định không có tác dụng gì mấy so với việc kiên nhẫn, bền bỉ đối thoại với người Việt trong nước một cách ôn tồn, thẳng thắn, gỡ dần những lầm lẫn trong suy nghĩ của họ bằng sức thuyết phục cao của lẽ phải và chân lý. Đó mới là phương sách có hiệu quả để mau kết thúc chế độ độc đoán đã về chiều.

Không bắc cầu nối cho thật chặt chẽ với trong nước thì kiểu cách "chống cộng ở hải ngoại còn rất ít hiệu quả và tác dụng, còn xa cách thực tế, mắc vào bệnh duy ý chí chẳng kém gì những người lãnh đạo cộng sản.

Xin ông cho biết một vài thí dụ về sự xa cách ấy?

Từ khi ở trong nước, tôi đã đọc một số báo tiếng Việt ở hải ngoại và nghe một số đài từ nước ngoài. Gần đây tôi có gặp một số anh em trí thức, cán bộ từ Hà Nội, Sài Gòn sang Pháp và đưa cho anh em xem khá nhiều báo, tạp chí tiếng Việt xuất bản ở Mỹ, Pháp, Đức... Một số tờ báo thật khó đọc, một số bài đọc trên đài khó nghe (khó nghe lọt tai vì nội dung chứ không phải vì kỹ thuật). Anh em phát biểu: họ nói về Việt nam như nói về một hành tinh nào? họ giàu tưởng tượng quá? Báo đài trong nước tô hồng, bôi đen, thì báo đài hải ngoại cũng tô đen, bôi hồng tùy tiện! Nhà cầm quyền trong nước nuôi dưỡng hận thù, thì một số giới ở hải ngoại còn nuôi dưỡng hận thù hăng hơn? Người lãnh đạo cộng sản dấu diếm sai lầm, khuyết điểm, tự cho là luôn sáng suốt, đúng đắn, thì các vị quốc gia cũng luôn tự cho là luôn đúng đắn, không hề phạm sai lầm? Tôi xin nói

thật rằng những người "quốc gia" chưa tạo nên niềm tin đối với đồng bào trong nước. Bà con ta, đại khối gần 80 triệu người trong nước, tuy bị bộ máy tuyên truyền trong nước khống chế, điều kiện hóa, đã qua kinh nghiệm bản thân, hiểu được sự thật, chán ngấy với sự lãnh đạo cổ lỗ của đảng cộng sản, nhưng vẫn chưa được thuyết phục bởi những người "quốc gia". Có người tuy biết rõ sự thật, hiểu tình hình đất nước, nếu phải lựa chọn, họ vẫn lựa chọn những người "cộng sản" hơn là người "quốc gia". Không phải họ mù quáng đâu, mà họ thận trọng. Họ cần tìm hiểu, đánh giá qua thực tế đã. Họ băn khoăn tự hỏi: những người quốc gia từng cầm quyền ở miền Nam, từng có cơ hội biểu lộ khả năng kinh bang tế thế, sao lại gắn mình với thực dân Pháp? sao không xây dựng được miền Nam cho tốt đẹp? sao lại thất bại đến thế trong chiến tranh? nay để họ cầm quyền thì sẽ ra sao? Họ đã nhìn lại mình ra sao? Hơn nữa họ hận thù như vậy thì họ sẽ trả thù đến như thế nào?

Hiện nay, theo tôi hiểu đại khối đồng bào trong nước, từ nông dân, công nhân, trí thức đến bộ đội, sĩ quan, nhà kinh doanh, sinh viên, tuổi trẻ - mà tôi vẫn có quan hệ trực tiếp và gián tiếp - có một mong muốn chung là thay thế cho sự lãnh đạo độc đoán, bảo thủ "loạn choạng" hiện nay sẽ có một tập thể lãnh đạo mới mẻ, "mô dec", gồm những người lương thiện, có kiến thức bất kể "cộng sản" hay "quốc gia, chủ yếu ở trong nước, được tiếp sức bởi một số nhân tài từ ngoài nước trở về. Những nhân vật này cần có ý thức dân tộc sâu sắc, có tinh thần dân chủ, có kiến thức hiện đại, để nắm vận mệnh "quốc gia.

Cái nhãn hiệu "cộng sản", "quốc gia", đã thuộc về dĩ vãng rồi. Các giá trị mới là: dân tộc, dân chủ, kiến thức mới. Tinh thần dân tộc là gốc, dân chủ là giá trị phổ cập của thời đại khơi dậy mọi tiềm năng, kiến thức là kho tàng văn hóa tích lũy của toàn nhân loại. Nước Việt nam nghìn năm văn hiến được nối tiếp đến nay để kéo dài, phát triển qua các giá trị: dân tộc, dân chủ, kiến thức hiện đại. để mà trường tồn..

Cho nên cái khẩu hiệu "chống Cộng" kiên định chống Cộng đến cùng, đòi cộng sản phải rút lui toàn bộ, phải ra đi hết, phải chuyển

giao chính quyền, phải bàn giao lại cho người quốc gia, hay "đánh sập chính quyền cộng sản", "quang phục quê hương"... là không thích hợp, không thực tế, nếu không nói là lạc điệu với đồng bào trong nước..

Với đồng bào trong nước, các khẩu hiệu trung tâm, hấp dẫn, cấp bách nhất là: chống tham nhũng, chống bắt công, chống cường hào mới, đồng thời đòi tự do báo chí, tự do tôn giáo, tự do xuất nhập cảnh, đòi thả hết tù chính trị, đòi quyền dân chủ, giải quyết các khiếu nại, kiện cáo của dân, đòi trả lại ruộng đất, nhà cửa cho dân, chống sa thải lao động...

Vậy người quốc gia có tương lai gì đối với nước Việt nam sắp tới hay không?

Tôi đã nghe một số vị "quốc gia" hỏi rằng liệu "bọn mình có thể về nước tham chính, nắm chính quyền không? Nếu cần chuẩn bị thì chuẩn bị cái gì?. Tôi rất cảm kích về sự chân thành của các vị. Và tôi trả lời rằng: Có lẽ nên để cho cánh trẻ nắm vận mệnh đất nước. Nhiều nước có tổng thống, thủ tướng... chỉ 38, 40, 50 tuổi. Hơn nữa tuổi trẻ không bị sự ràng buộc nặng nề của quá khứ. Hiện nay, nên để cho những người sinh ra trong nửa sau của thế kỷ 20 chấp chính.

Và cũng có lần tôi nói: tùy thuộc ở chính các vị. Tuy tuổi có cao, nhưng các vị có sức khỏe, có sức nghĩ trẻ, nhất là có tinh thần dân chủ thì tôi thấy các vị có thể được nhân dân chọn lựa chứ! Vì lúc ấy đã có dân chủ.

Còn bà con ta đã chán ngấy với các vị quan cộng sản rồi. Họ rất sợ các quan mới, đọc diễn văn kêu chan chát, lời lẽ hết sức hùng hồn, luôn dạy bảo "úy lạo nhân dân, nhân danh trung ương này, trung ương nọ... ra mệnh lệnh chỉ thị tới tấp... mà họ không sao nhận diện ra là người của dân, người của bà con ta... Trong cộng đồng ta số nhân vật như thế không thiếu, nhưng may thay những người có tấm lòng nhân nghĩa, có tâm huyết thật, khiêm tốn, giản dị, có kiến thức rộng... cũng không quá hiếm.

Hòa hợp và hòa giải bị chống đối dữ dội, bị một số coi là thủ đoạn, là cạm bẫy của cộng sản, ông làm sao thuyết phục nổi họ?

Tôi rất tự tin là lẽ phải sẽ được phần lớn bà con ta thừa nhận.

Tôi cũng bác bỏ, phản đối kiểu hòa hợp mà những người lãnh đạo cộng sản kêu gọi. Theo họ hòa hợp là cúi đầu phục tùng, chịu sự lãnh đạo của họ. Hòa hợp ấy hòa hợp giả cầy, kiểu ban ơn, trịch thượng. Một số người cộng sản cực đoan vợ đũa cả nắm, khinh thị nhân dân miền Nam, dùng khái niệm "ngụy quân", "ngụy quyền" và "dân ngụy" nữa. Một số người "quốc gia cực đoan cũng có ý niệm: "chống cộng tùm lum, chống cộng đến tên cộng sản cuối cùng, rồi có người còn thành kiến với đồng bào miền Bắc mà họ cho là dân cộng sản, tiêm nhiễm cộng sản. Riêng bởi vì có những thành kiến ấy mà "hòa giải, hòa hợp" là cần thiết. Khi còn "cộng sản" còn "quốc gia do lịch sử để lại thì còn cần đến hòa giải và hòa hợp, để hóa giải những hận thù, những hiểu lầm, những khác biệt.

Tôi viết báo, gặp anh em "cộng sản" và "quốc gia" trao đổi, nói chuyện ngay thật như thế này là tôi làm công việc hòa hợp, hòa giải giữa những người Việt nam với nhau, bắc cầu nối giữa những người tốt ở cả hai bên để phối hợp làm điều tốt cho đất nước.

Bà con ta, ở hai miền Nam Bắc, có quan hệ họ hàng, làng xóm, đồng hương, đồng học... gặp nhau nói chuyện, thảo luận, giúp đỡ nhau về vật chất, tỏ lòng quý mến tương trợ nhau... bỏ qua mọi khác biệt, hiềm khích do hoàn cảnh tạo nên, thế là hòa giải hòa hợp. Do đó hòa giải hòa hợp ta từng làm ở mọi nơi, suốt 23 năm nay, vô vàn, khôn xiết, là thực tế hiển nhiên, làm sao bác bỏ hay phủ nhận? Nay ta cần làm tiếp, có ý thức và chủ động hơn. Nên làm nhiều hơn nói.

Ông có kinh nghiệm riêng gì về hòa giải, hòa hợp? Tôi có kỷ niệm khá sâu sắc. ở Pháp, tôi gặp lại một bạn học cũ ở Huế thời xưa. Sau Cách Mạng tháng Tám, anh ấy vào bộ đội (lúc ấy gọi là Quân Đội quốc Gia Việt nam, sau là Quân Đội Nhân Dân) học ở trường Lục Quân Trần Quốc Tuấn khóa 1, rồi làm việc ở bộ Tổng Tham Mưu ở

Hà Nội. Sau khi kháng chiến toàn quốc bùng nổ tháng 12-1946 anh ấy lên Việt Bắc. Có sang Vân Nam (Trung Quốc) để vận chuyển vũ khí. Đến năm 1953, bị ốm, nhớ nhà, có phần bất mãn vì bị khiển trách, anh ấy vào thành rồi vào Nam. Bị động viên, anh lại được cử đi học ở Đà Lạt, rồi về làm việc ở Bộ Chỉ Huy Vùng chiến thuật 2, cấp trung tá. Chúng tôi cùng nhau nhắc lại chuyện thời học sinh trung học: các thầy giáo, ký túc xá, các bạn cũ; rồi chuyện ở Việt Bắc hồi kháng chiến chống Pháp, các bạn cũ ở bộ Tổng Tham Mưu, các cuộc chiến đấu ở Bình Trị Thiên, ở Việt Bắc... Chúng tôi cho thời kỳ 1947-1948 là thời kỳ đẹp nhất, vui nhất của thời trai trẻ, vô tư, hăng hái, lãng mạn. Thế rồi chúng tôi cùng nhau hát, say sưa các bài hành khúc Diệt Phát Xít, Bắc Sơn, Sông Lô, rồi cả những bài trữ tình: Suối Mơ, Thiên Thai...

Năm 1963, khi tôi vào vùng giải phóng ở Bình Định, Quảng Ngãi, anh cũng dự cuộc cán lên chiến khu, gần Đổ Xá. Thật là thú vị. Hai bạn học, hai trận tuyến, gặp nhau thì có thể bắn nhau không chút lưỡng lự, nay lại gặp nhau nơi quê người, và bàn về cuộc phấn đấu cho dân chủ ở quê hương. Cùng nhau ca hát những bài hát hào hứng xưa. Đó là hòa giải, hòa hợp rất đẹp, còn là gì khác được? ở Hanover (Đức) mới đây, tôi dự một tối văn nghệ với nhạc sĩ Phạm Duy và nhạc sĩ Kiều Hưng ở miền Bắc sang. Hai nhạc sĩ từ hai chân trời đối lập tay bắt mặt mừng, nói chuyện thả giàn về hát, các bài hát, các nhạc sĩ hai miền, cứ như là bạn cũ gặp nhau, thân thiết vô cùng. Đó là hòa giải hòa hợp chứ gì? Sau đó ca sỹ Mai Huyền (từng là sỹ quan Sư Đoàn 304 quân đội Nhân Dân song ca với ca sỹ Nam Sơn (từng là sỹ quan Thủy Quân Lục Chiến quân đội Việt nam Cộng Hòa). Hai người từng giáp trận nhau ở chiến trường Trung Bộ hồi 1972 và 1975. Thật vui, thật cảm động, khán giả yêu cầu hai anh hát lại hai lần, vỗ tay không ngớt. Có cả những giọt nước mắt. Niềm xúc động về hòa giải hòa hợp dân tộc, giữa hai anh em thù địch. Không ai nói đến các chữ hòa giải, hòa hợp, nhưng đích thực là đó.

Ông có kỷ niệm nào sâu sắc nữa về hòa giải, hòa hợp dân tộc?

Có thể nói là nhiều kỷ niệm. Tôi gặp lại nhiều bạn học thời xưa, là sỹ quan Việt nam Cộng Hòa. Gặp nhau, thăm hỏi hòa nhã. Có lúc cãi

nhau, hơi to tiếng, cuối cùng hiểu nhau, đồng thuận, rồi thân nhau hơn xưa nữa. Tôi có hầu chuyện cụ Phạm Đình Liệu nay đã 96 tuổi, sáng lập viên Quốc Dân Đảng cùng thời với đảng trưởng Nguyễn Thái Học. Con cháu cụ người ở "bên này", người ở "bên kia". Cụ có con trai cả là anh Phạm Lợi, trung tá quân đội Việt nam Cộng Hòa, tuần tiết ngay sau ngày 30 tháng 4. Anh từng gặp và quen tôi ở Tân Sơn Nhứt hồi tháng 1-1973, trong Ban Liên Hợp Quân Sự bốn bên. Chúng tôi từng nói chuyện hòa nhã với nhau, trong thâm tâm có cảm tình với nhau. Tôi đã thấp nén hương tường nhớ anh trong niềm hòa giải và hòa hợp anh em và tự coi mình như con cụ Phạm, một nhà cách mạng lão thành thâm thúy về nho học.

Tôi đã nói chuyện về hòa giải và hòa hợp với giáo sư Phan Ngô (chị Phan Ngô là bạn thân với chị tôi hồi xưa ở Huế), với giáo sư Lê Đình Duyên, con cụ Lê Đình Thám, bác sĩ nổi tiếng về am hiểu Phật Học ở Huế (có anh ruột là Lê Đình Luân bạn rất thân của tôi, chết trận hồi chống Pháp) đều là H.O, sang Hoa Kỳ sau khi bị tù cải tạo lâu năm. Tôi có nói: căm thù là chuyện bình thường của con người, cần thông cảm và thông hiểu. Nhưng vượt được lên căm thù, có lòng độ lượng thì thật là cao thượng, do tự vượt lên mình. Độ lượng, bao dung với kẻ thù cũ đã tỏ ra hiểu biết, để hướng tới tương lai của dân tộc thì thật là cao cả.

Tôi cúi đầu hai lần cảm phục các anh, sau những năm tháng tù đầy, bị tra tấn, cùm chân... mà tự tưởng cao đẹp đến vậy.

Rồi chúng tôi nói đến lòng từ bi, hỉ xả của đạo Phật; lòng thương yêu chúng sinh. Chúng tôi nói về kinh nghiệm "thiền", về sống theo tư tưởng biến hóa, siêu thoát của Dịch... và ước mong cộng đồng ta ở hải ngoại và đại khối dân tộc trong nước sớm hòa đồng trên nền văn hóa rất cổ mà lại rất tiên tiến và hiện đại ấy...

Đó là thuốc bổ bổ nhất, thức ăn tinh thần ngon lành nhất, sự giàu sang quý báu nhất của tâm hồn... trong cuộc sống con người.

Hòa hợp do cộng sản đề ra, ta có nên dùng không?

Họ đề ra nhưng họ đã tráo trở, không thực hiện. Nay thì họ chỉ nói đến "cùng nhau hòa hợp", với cái nghĩa là phải cúi đầu theo tôi! Đây là kiểu hòa hợp, của ông "đại trí thức" Phó Bá Long, về nước dự họp, đầm ngực sám hối, nhận tội với đảng cộng sản và còn xin chính phủ Hà Nội ra một sắc lệnh đại ân xá cho những người trốn ra nước ngoài (?). Đó là kiểu hòa hợp làm trò cười cho thiên hạ! Những người dân chủ bác bỏ kiểu hòa hợp ấy. Chúng ta không thể hòa giải hòa hợp với những người độc đoán. Chúng ta có nội dung hòa giải hòa hợp phong phú, đúng đắn của nhân dân với nhau.

Đối với những kỷ niệm trong chiến tranh, theo ông, các cựu chiến binh nên có thái độ ra sao?

Mỗi người lính chiến đều có cả một kho kỷ niệm thường là sâu sắc, khó quên. Những hoàn cảnh căng thẳng, có khi gay gắt, hiểm nghèo, tình đồng đội san sẻ từng củ sắn, hớp nước, dòng thư nhà cho nhau; nghĩa cấp trên với cấp dưới theo tình phụ tử chi binh, cứu nhau trong hoạn nạn; tình quân dân cá nước trong khói lửa chiến tranh... ở bên nào cũng có. Rất nên giữ lấy trong tâm khảm những kỷ niệm sâu sắc ấy... Đó là quyền tự do của mỗi người, không ai có quyền can thiệp...

Biết bao người của mỗi bên đã hiến cả tuổi thanh xuân cho cuộc chiến đấu mà mình cho là đúng đắn, cần thiết. Nay nhìn lại, mỗi người có thể có một chỗ đứng khác, một cách nhìn khác, nhưng theo tôi, mỗi người có thể hoặc giữ chính kiến cũ, hoặc hối tiếc những việc đã làm - theo lương tâm và trí tuệ tự do của mình - nhưng không nên có thái độ cơ hội, a dua, vị kỷ mà quay lưng lại một cách giả tạo với những kỷ niệm mà mình từng cho là quý báu, thiêng liêng...

Mỗi cựu chiến binh ở cả hai phía nên có cách nhìn mới trên tinh thần hòa giải và hòa hợp. Thật là xót xa khi chiến tranh đã lùi xa vào quá khứ, nay nhớ lại những kẻ thù của nhau tìm cách diệt nhau trên chiến trường chính là anh em ruột thịt của nhau, "ai" cũng như "ta", đều có bố mẹ, có vợ, có con xiết bao yêu quý, nhìn lại, niềm xót thương càng lớn khi hồi ấy, chúng ta coi một trận đánh đáng vui



mừng là trận diệt được nhiều "địch", nghĩa là anh em ruột thịt giết nhau càng nhiều! Như đã nói, tôi mong cả nước tổ chức một cuộc cầu siêu lớn theo đạo Phật cũng như theo các tôn giáo khác, để hóa giải mọi hận thù sau cuộc chiến tranh huynh đệ tương tàn.

Còn có bạn hỏi về những huân chương, ảnh quân nhân, ảnh chiến trường cũ, quân phục cũ... tôi thấy nên coi đó là những kỷ niệm riêng mà mỗi người có quyền tự do gìn giữ làm kỷ niệm riêng, không có ảnh hưởng gì đến nền an ninh của đất nước... Đất nước đã có hòa bình hơn 20 năm. Không nên ngăn cấm, phê phán, đe dọa như một số cán bộ cơ sở và cán bộ an ninh ở phường xóm một số đô thị và nông thôn miền Nam từng làm hồi sau 1975, bắt buộc anh em cựu chiến binh Việt nam Cộng Hòa và gia đình phải cắt dấu, phá hủy hết những ảnh kỷ niệm, huân chương, bằng khen quân phục đi cùng với chủ trương cần thiết thu hồi hết vũ khí các loại..

ý kiến của ông về mối quan hệ giữa cộng đồng ta với bà con ở trong nước ra sao?

Tôi đã nói về vấn đề này ở trên. Xin nói thêm đôi chút vì đây là vấn đề rất lớn, một vấn đề sinh tử của mọi phong trào ở hải ngoại. Có nhiều ý kiến khác nhau, đối lập nhau.

Trước kia, đã có lúc, có chủ trương bao trùm trong cộng đồng là theo chủ trương cấm vận chung, tuyệt đối không có chuyện trở về làm ăn, thậm chí gửi giúp gia đình người thân cũng rất hạn chế, giúp đỡ từ thiện cũng rất bị cản trở, cho rằng làm thế là giúp cho chế độ cộng sản kéo dài, nuôi dưỡng tham nhũng.

Cho đến khi Mỹ từ bỏ cấm vận giữa năm 1994, quan hệ bình thường Mỹ-Việt được khôi phục từ giữa năm 1995, tình hình đã có khác. Nhiều bà con trở về thăm viếng quê hương, gửi tiền về giúp thân nhân cũng nhiều hơn, giúp đỡ từ thiện có nhích lên, nhưng vẫn còn như muối bỏ biển, còn dưới khả năng khá xa. Vấn đề này, vẫn còn là vấn đề tranh cãi trong cộng đồng. Đã có nhiều ý kiến cho rằng cứu bệnh hiểm nghèo (lao, cùi...) như chữa lửa, cấp bách, không thể trì hoãn, chờ đợi. Ngăn cản là bất nhân. Từ năm 1992, khi tôi

gặp một số thượng nghị sỹ có thể lực ở Quốc Hội Hoa Kỳ, họ đã báo tin là chính quyền Mỹ đã xác định hướng từ bỏ cấm rận, bình thường hóa với chính quyền Hà Nội, và hỉ thời gian ngắn nữa là thực hiện. Mong cộng đồng Việt nam được thông báo, hiểu rõ tình hình chủ xướng mới của chính phủ Hoa Kỳ để cùng phối hợp thuận lợi, tránh trống đánh xuôi, kèn thổi ngược...

Phía Mỹ lập luận: hồi 1979 sau khi Việt nam chiếm đóng Cam Bốt, việc cấm vận để trừng phạt, cảnh cáo là cần thiết. Nay Việt nam đã rút hết khỏi Cam Bốt vào năm 1987, cần có cách đề cập khác. Mỹ hành động theo quyền lợi của Mỹ, cũng là quyền lợi của cộng đồng người Việt trên đất Hoa Kỳ, trong khi vẫn giữ ý định thúc đẩy quá trình dân chủ hóa Việt nam, góp tay vào việc kết thúc chính quyền độc đoán. Mỹ đã tính kỹ, không thể để Việt nam lại lâm vào nội chiến, bạo loạn, thành một khoảng trống hỗn loạn mà cuối cùng Mỹ phải gánh vác việc văn hồi trật tự với chi phí nặng nề... Sự tránh khả năng hỗn loạn cũng phù hợp với lợi ích của cộng đồng người Việt.

Chủ trương của Mỹ là: tình hình thay đổi, biện pháp thay đổi. Trước kia là cấm vận, là tẩy chay, là bao vây, không quan hệ. Sắp tới là: cần sự có mặt của Mỹ. Cờ Mỹ, sứ quán Mỹ, lãnh sự Mỹ, sách báo Mỹ, tài liệu Mỹ, nhà buôn Mỹ, giáo sư mỹ, khách du lịch Mỹ, đô la Mỹ, ngân hàng Mỹ, hàng hóa Mỹ, viện trợ Mỹ... tất cả đều cần, đều vào cuộc để tác động tới quá trình dân chủ hóa Việt nam. Phía Mỹ rất mong cộng đồng ta sẽ chia sẻ với chính quyền Mỹ về phương hướng ấy. Họ cho rằng trong tình hình mới cần có sự có mặt của Mỹ ở Việt nam. Có mặt càng nhiều càng tốt. Và cộng đồng cũng nên theo hướng ấy. Hơn nữa, bà con ta sống trên đất Mỹ, theo luật pháp Mỹ, khá đông còn là công dân Mỹ, thì theo đúng đường lối chính sách Hoa Kỳ trong quan hệ với Việt nam là cần thiết, còn là lẽ đương nhiên và làm tăng thêm sức đấu tranh. Ai vắng mặt sẽ bị "thiệt", sẽ tự đứng riêng, đứng ngoài quá trình dân chủ hóa Việt nam. Hồi ấy, chúng tôi đã có dịp kiến nghị với cộng đồng: nên lập một số quỹ và cử người, lập tổ chức chăm lo: chi viện, giúp đỡ các thương binh vừa và nặng, các thương binh tàn tật của miền Nam trước đây hiện ở trong tình trạng rất bi thảm... lập các học bổng cho các tỉnh, thành trong nước như là phần thưởng cho học sinh giỏi

(không tính lý lịch, thành phần xã hội, địa phương), học trong nước và du học ngoại quốc, lập quỹ góp phần tu bổ, gìn giữ các di tích, lịch sử và văn hóa ở các địa phương; các đền chùa, nhà thờ bị hủy hoại, lập quỹ từ thiện giúp các người bị bệnh hiểm nghèo, hủi (cùi), ho lao...

Ngoài ra, cộng đồng Việt nam có thể tham gia hùn vốn, làm kinh tế ở trong nước và cử chuyên gia về kinh doanh, kinh tế, kỹ thuật về thực hiện một số công trình quan trọng.

Chính qua những sự trở về, tiếp xúc, tham gia chi viện, làm từ thiện như thế mà thúc đẩy nề nếp dân chủ, chống tham nhũng, nâng uy tín của cộng đồng đối với đồng bào trong nước. Ta không làm thì các nước khác cũng làm. Ta vẫn cứ đứng ngoài thôi?

Đây là tương kế tựu kế với chính quyền trong nước. Họ cần vốn, cần kỹ thuật, ta cần có mặt để nâng cao dân trí về dân chủ, để đối thoại với đồng bào.

Quan hệ với trong nước là cả một cuộc đấu tranh. Không phải nhất nhất làm theo yêu cầu của chính quyền cộng sản, mà là mặc cả, thương lượng, đề ra điều kiện, tương nhượng, có phần lợi này bù cho bất lợi kia, nhưng người có tiền, có vốn, có kiến thức bao giờ cũng ở lợi thế, theo nguyên tắc ai chi tiền, người đó chi phối... Trong muôn vàn mối quan hệ, ta nên đề cao luật pháp, tập trung vào những công trình lợi ích chung mang tính lâu dài, bền vững. Nếu làm những việc trên đây từ hồi 1994, 1995 thì nay ta đã có khá nhiều đòn bẩy hữu hiệu để đất nước mau chuyển biến theo hướng tiến bộ. Từ bỏ cách làm cũ, tiến hành biện pháp mới cần có một sự đồng thuận rõ ràng, cần sự sáng suốt và quả đoán đoạn tuyệt với cách làm đã lỗi thời, bắt tay vào cách suy nghĩ và một loạt công việc mới mẻ.

Sự đoạn tuyệt nào cũng đau đớn. Nhưng để theo kịp với tình thế mới thì đau chỉ là tạm, niềm vui kết quả sẽ lớn, rất lớn... Việc lớn bao giờ cũng cần chí lớn, gan to. Cần khắc phục những tình cảm bồng bột. Giận quá mất khôn.

Với đồng bào trong nước, cách nói thế nào là thích hợp?

Nói đúng sự thật. Chớ yêu nên tốt, ghét nên xấu. Phải công bằng, ngay thật. Không cần dùng chữ nghĩa kiểu đao to búa lớn. Sẽ mất cảm tình, mất niềm tin. Mà mất niềm tin là mất hết.

Tôi nghe một anh bạn H.O. nói rằng: "Báo chí hải ngoại nhiều tờ ăn nói thiếu văn hóa quá; họ chửi bới om xòm. Nếu chửi bới, nguyên rửa có thể làm cho chế độ cộng sản chết thì nó đã chết lâu rồi?" Chửi bới, nguyên rửa để giải tỏa nỗi hậm hực, cay đắng, hận thù thì đó là quyền của mỗi người. Nhưng đồng bào trong nước cần một cách đề cập bình tĩnh, tỉnh táo, công bằng, có văn hóa. Khi đã có lẽ phải và chính nghĩa thì chẳng cần hò hét om xòm! Chính quyền cộng sản làm được điều gì có kết quả, tốt đẹp, thì ta cần công nhận. Có như vậy khi nói đến sai lầm của chính quyền thì nhân dân mới dễ tiếp nhận. Nhân dân tuy phần lớn nói, viết không văn hoa, lưu loát, nhưng lương tri người dân thường rất miễn cảm, ý thức về công bằng rất sâu sắc

Lại cần nói đến yếu tố tâm lý. Người dân dưới chế độ chính trị nào thường tùy theo vấn đề và hoàn cảnh mà vừa mâu thuẫn, đối lập với nhà cầm quyền, lại vừa có lúc gắn mình với chế độ ấy. Cần khéo léo thuyết phục, lôi kéo để nhân dân tách khỏi chính quyền độc đoán, đấu tranh đòi lại quyền tự do của một xã hội công dân.

Khi cộng đồng yêu cầu không liên lạc với trong nước, "cấm vận, tẩy chay" thì đồng bào trong nước rất buồn, có cảm giác bị đối xử không công bằng, vô lý

Qua kinh nghiệm thực tế, chính quyền độc đoán ở trong nước không lo sợ gì những sách báo "chống Cộng" in ấn ở ngoài nước chửi bới, nguyên rửa họ, mà lại giật mình kinh sợ những tài liệu bởi người trong nước có tâm huyết dân chủ viết như: Hoàng Minh Chính, Hà Sỹ Phu, Nguyễn Hộ, Nguyễn Văn Trấn, Trần Độ,... hoặc những sách báo có giọng điệu bình tĩnh, có văn hóa như: Thông Luận, Diễn Đàn (Forum) ở Pháp, Hợp Lưu, Thế Kỷ 21 (ở Hoa Kỳ), Thiện Chí, Dân Chủ và Phát Triển, Cánh én... (ở Đức). Họ truy tìm rất kỹ những

sách báo trên, cùng với những cuốn Đêm Giữa Ban Ngày, bài viết của Đoàn Viết Hoạt, của Thích Quảng Độ... chính vì những sách báo ấy, với giọng điệu đúng mức, nói lên sự thật một cách bình tĩnh, hợp với "gu" bà con trong nước và dễ được bà con thích thú chuyền tay, bàn tán và nhân bản lên để lưu truyền rộng. Tôi hiểu rằng những sách báo chống Cộng kiểu vung vít, thô bạo, chụp mũ lung tung như coi thi sĩ Nguyễn Chí Thiện là con bài của Hà Nội, coi Dương Thu Hương là trá hàng", coi bản thân tôi ở trong màng lưới gián điệp cộng sản (!)... rất được bộ máy tuyên truyền và an ninh của Hà Nội đánh giá "cao", được họ truyền bá rộng để bôi nhọ thêm, làm mất uy tín thêm ngành sách báo tiếng Việt ở hải ngoại. Họ coi những người tạo ra những sách báo ấy là đồng minh mặc nhiên" của họ, giúp họ kéo dài tuổi thọ?

Vì sao chính quyền độc đoán ở trong nước sống dai đến vậy?

Ngay sau đại hội 7, năm 1991, khi Liên Bang xô viết sập đổ đảng cộng sản Liên xô tan rã, đảng cộng sản Việt nam phát hoảng, những người lãnh đạo của đảng có lúc mất tự tin, tưởng như không trụ nổi. Vì họ đã quen coi đảng Liên xô và đất nước Liên xô như cột trụ, chỗ dựa, như đất tổ, như nguồn sống, mẫu mực của họ. Tan nát hết, ghé gớm quá, bất ngờ quá?

Họ gắng gượng trụ lại. Họ cố tìm chỗ dựa mới là Trung Quốc, cũng là thầy cũ, là anh hai thuở trước, gắng gượng quên đi cuộc chiến tranh giữa hai nước trước đó hơn 10 năm.

Đến nay cuộc đổi mới nửa vời đi vào khủng hoảng và bế tắc. Lòng dân không yên. Đảng thoái hóa. Họ còn trụ lại được vì sức ép từ bên ngoài chưa đủ mạnh, vì phong trào dân chủ trong và ngoài nước còn yếu, chúng ta còn dở! Ta chưa có phương hướng đúng, chưa vận động đúng với khả năng mình dư luận quốc tế, chính quyền các nước, các tổ chức và nhân vật quốc tế ủng hộ mạnh mẽ hơn cho cuộc đấu tranh ở trong nước.

Nhận rõ những chỗ dở của mình là điều kiện đầu tiên để khá lên.

Chúng ta ở giữa thời điểm của những thay đổi. Hình như lịch sử đang hồi hả xỏ vào chân mình đôi hia bầy dậm để lao vào thế kỷ 21, vào thiên niên kỷ thứ 3. Cuối thế kỷ có những thay đổi ngoạn mục, bất ngờ.

Các chế độ độc đoán, các đảng cộng sản sụp đổ hàng loạt ở Đông Âu, rồi ở Liên xô là một đợt biến lịch sử. Thế lực phân biệt chủng tộc Nam Phi tưởng như trường thọ sập rất nhanh, để người tù da đen 27 năm liền Nelson Mandela trở nên tổng thống của nước Cộng Hòa Nam Phi, gồm cả người da đen và da trắng. Cuộc chiến tranh lâu dài Palestine-ixrasen đi vào ngừng bắn và giải pháp chính trị. Người tù chính trị từng bị án tử hình được bầu làm tổng thống Đại Hàn. Người hùng ở Nam Dương Suharto bị sinh viên đốt hình nộm, đang theo con đường ô nhục của tên độc tài Marcos ở Philippin trước đây.

Đây là thời điểm của sự sụp đổ dây chuyền những chính quyền độc đoán, mất lòng dân. Chính quyền ấy ở Việt nam đã lung lay, chênh choạng, nhưng ta chưa tạo đủ sức ép, chưa tạo đủ "gió mạnh" để nó đổ.

Làm thế nào để tạo nên gió mạnh, nên giông bão như ở Nam Dương gần đây?

Cộng sản Việt nam là cái đuôi còn rớt lại của phong trào cộng sản quốc tế. Thế kỷ 20 là thế kỷ hoành hành dữ dội nhất của phong trào cộng sản quốc tế. Nếu so với các trào lưu tư tưởng khác của nhân loại, phong trào cộng sản như lửa rơm. Có lúc nó đã chinh phục nước đông dân nhất thế giới (Trung Quốc), nước rộng lớn nhất thế giới (Liên xô), bành trướng trên hơn một phần ba quả địa cầu, từ châu á, từ Mỹ đến châu Phi... ở giữa thế kỷ 20, những trí tuệ, những nhân vật trí thức cỡ lớn nhất thế giới phần lớn từng ngả theo Cộng sản. Đây là sự lầm lẫn, sự ngộ nhân lớn nhất của thế kỷ 20. Cộng sản bành trướng do dấu kỹ bản chất hung bạo, vô nhân, phản dân chủ. Cộng sản Việt nam tồn tại cùng với Trung Quốc, Cu Ba, Bắc Triều Tiên chỉ là mây mù còn sót lại trong nhận thức một bộ phận nhỏ, rất nhỏ của nhân loại. Tất cả nhiệm vụ của những người dân chủ là giúp cho một xã hội bị lầm lẫn xóa sạch mây mù tồn đọng của

thế kỷ sắp kết thúc, gột rửa sự sùng bái mù quáng một đảng cầm quyền đã hết thiêng, chấm dứt sự tin cậy ở những người lãnh đạo kém cỏi, thiếu hiểu biết và thiếu bản lĩnh cầm quyền, vươn dậy tự giải phóng khỏi cường quyền, áp bức, bất công, hòa nhập vào thế giới văn minh.

Chúng ta cần tận dụng cao nhất mọi mối liên hệ với trong nước để góp sức làm tan biến những áng mây mù đen tối còn tồn tại trong nhận thức xã hội, giải phóng về nhận thức cho những người từng ngỡ mình là người đi giải phóng thiên hạ. Mây mù nhận thức cũ tan biến thì hiểu biết về dân chủ, về tự do, bình đẳng, về đa nguyên, về luật pháp sẽ được thiết lập vững chắc, làm nền cho cuộc sống mới, cho xã hội mới trong thế kỷ 21 tươi đẹp sắp khởi đầu.

Ông hình dung chính quyền độc đoán ở trong nước sẽ sắp đổ ra sao? Có đúng ở trong đảng đang có nhiều phe phái xâu xé nhau không?

Cần nhận rõ tình hình. Báo hải ngoại nhận định trong Bộ Chính Trị, trong Trung ương Đảng cộng sản phân hóa thành nhiều bè phái, phái đảng quyền, phái chính quyền, phái quân đội và công an, hoặc phái bảo thủ, phái trung gian và phái đổi mới... Tôi không cho là vậy. Hiện nay trong Trung ương và Bộ Chính Trị còn có sự nhất trí khá chắc về đường lối đổi mới: đổi mới về kinh tế nhưng vẫn giữ định hướng xã hội chủ nghĩa, duy trì khu vực quốc doanh rất lớn; đổi mới về kinh tế nhưng đổi mới tà tà về chính trị, duy trì độc quyền cai trị của đảng để bảo vệ đặc quyền của đảng cầm quyền, của các đảng viên có thức, có quyền. Họ nhất trí cao vì họ đã tuyển lựa nhau kỹ, ngăn chặn rất chặt chẽ không cho đảng viên nào có tư tưởng dân chủ có thể lọt vào đại hội các cấp, từ cơ sở, nhất là vào cơ quan lãnh đạo cao như Trung ương và Bộ Chính Trị. Những đảng viên có tư tưởng dân chủ chỉ ở trong hàng ngũ đảng viên thường. Nếu ở cơ quan lãnh đạo mà có tư tưởng dân chủ, cởi mở, thoáng đảng... thì họ tìm cách đưa ra ngoài ngay, như Trần Xuân Bách, như Trần Độ, hay cả như Nguyễn Cơ Thạch...

Chúng ta, các chiến sĩ đấu tranh đòi dân chủ không nên ảo tưởng về

sự xâu xé, chia rẽ trong nội bộ cơ quan lãnh đạo của đảng cộng sản.

Mặt khác cần thấy rằng mâu thuẫn giữa cơ quan lãnh đạo của đảng và chính quyền với đông đảo đảng viên thường đang có xu hướng mở rộng, trở nên gay gắt, do sự sa sút biến chất của những đảng viên có chức, có quyền, những tư bản đồ mới, những cường hào mới. Đặc biệt ngấm ngầm mà gay gắt là mâu thuẫn giữa đông đảo nhân dân với cơ quan lãnh đạo của đảng và nhà nước. Chính mâu thuẫn này đã làm nổ ra phong trào nổi dậy mạnh mẽ ở Thái Bình, Hải Dương, Hưng yên, Hà Tây, Thanh Hóa, Đồng Nai, Biên Hòa, Bình Thuận... Đi với nhân dân nghèo khổ có khá nhiều đảng viên thường, những cựu chiến binh, những thương binh, cán bộ về hưu... Cho nên khả năng làm cho tình hình biến chuyển chính là ở phong trào đấu tranh của nhân dân, chứ không phải chủ yếu ở các phe phái xâu xé nhau, tuy rằng trong cơ quan lãnh đạo có thể có một số hiện tượng kình chống nhau về quyền lợi, về tranh ăn, về địa vị hoặc về địa phương Bắc, Trung, Nam... Muốn đạt đến một phong trào sâu rộng lại cần phân hóa cao độ cơ quan lãnh đạo bảo thủ với đảng viên thường, với viên chức cấp dưới của chính quyền ấy, chứ không nên gộp chung họ vào một khối để chống tất cả mọi người cộng sản, mọi người trong bộ máy viên chức, mọi người lao động dưới quyền họ.

Ông có kỳ vọng gì vào cộng đồng ta ở nước ngoài?

Tôi đã nói nhiều lần, cộng đồng ta có nhiều điểm rất mạnh. Phần lớn là thành đạt trong cuộc sống trên quê hương mới, một số thành đạt cao. Thế hệ kế tiếp rất xuất sắc trong học hành, tiếp thu khoa học kỹ thuật. Giá trị sản lượng của 2 triệu người Việt hải ngoại không kém gì nhiều giá trị sản lượng gần 80 triệu người trong nước. Tấm lòng yêu nước cũng sâu đậm. Vốn về tiền bạc, về kiến thức và kinh nghiệm cũng lớn lắm.

Lực là mạnh. Nhưng Thế lại yếu, chưa tương đương với lực, nên chưa phát huy được về trong nước. Thế và lực liên quan chặt. Thế được tạo nên do điểm tựa. Archimède từng nói: cho tôi một điểm



tựa, tôi có thể nâng cả quả đất. Đó là luật về đòn bẩy trong Vật lý. Có điểm tựa đúng, tạo nên thế tốt thì lực sẽ được nhân lên...

Cho nên tất cả vấn đề của cộng đồng ta là tạo nên thế. Nhưng ý kiến của tôi đề xuất trên đây cũng chính là tìm cho ra điểm tựa thích hợp để tạo nên thế mạnh.

Còn có cách gì nữa để tạo nên thế mạnh?

Dân chủ - nếp sống dân chủ. Tập dượt dân chủ. Không thể chống độc đoán, chửi độc tài mà chính trong cộng đồng lại không dân chủ, thiếu dân chủ hay dân chủ hình thức... không thể chống bệnh duy ý chí, mù quáng của người cộng sản mà chính cộng đồng lại duy ý chí, không liên hệ máu thịt với trong nước, không tìm hiểu sâu sắc mọi mặt về bà con ở trong nước để tiếp sức, hướng dẫn, giúp đỡ bà con nhận rõ tình hình và có cách đấu tranh thích hợp. Cần loại bỏ nếp nghĩ độc đoán, gia trưởng, quan liêu quân phiệt nữa... Hết sức tôn trọng, nâng đỡ, bồi dưỡng anh chị em trẻ, rất ưu ái mạnh tay bồi dưỡng phụ nữ có ý thức dân chủ vào các cương vị xứng đáng... Dân chủ sẽ khơi dậy sức trẻ cho cộng đồng, mang lại sáng kiến, nhựa sống cho cộng đồng. Hãy để cho thật nhiều anh chị em trẻ về nước tiếp xúc với tuổi trẻ trong nước, làm những công việc văn hóa, giáo dục, thể thao, văn hóa, nghệ thuật, từ thiện, tương như không làm chính trị mà thật ra là làm chính trị rất sinh động, sâu sắc. Sự hòa giải, hòa hợp của tuổi trẻ trong và ngoài nước cần có cơ quan của cộng đồng chăm sóc, chỉ đạo chu đáo Tương lai dân chủ và phát triển đất nước sẽ đi qua con đường ấy. Chính quyền trong nước không có lý gì để ngăn cản tuổi trẻ ngoài nước trở về thăm viếng quê hương, thực hiện những công việc văn hóa, giáo dục, nghệ thuật, thể thao và từ thiện... Anh chị em trẻ trong cộng đồng thừa bản lĩnh để hoạt động hữu hiệu mà không khiêu khích chính quyền để họ tạo có ngăn cản hay đàn áp...

Nhân đây ông có nhắn riêng gì anh chị em trẻ tuổi trong cộng đồng?

Tôi rất quý trọng tuổi trẻ. Anh chị em trẻ trong nước cũng như ở hải ngoại. Tôi từng đề tặng Hoa Xuyên Tuyết và Mặt Thật cho tuổi trẻ

Việt nam, với niềm ân hận là thế hệ chúng ta đã phạm nhiều sai lầm, để lại cho thế hệ trẻ một đất nước lạc hậu, độc đoán, thua kém các nước láng giềng! Với cuốn sách này, tôi cũng gửi gắm niềm tin ở tuổi trẻ Việt nam.

Tôi xin làm quà các bạn trẻ một câu chuyện nhỏ. Tôi có mấy cháu họ tại Hoa Kỳ, ở Cali và ở gần Washington D.C. Có cháu từng là hạ sĩ quan Việt nam Cộng Hòa, tuổi đã hơn 40, rất quan tâm đến chính trị, ở trong hội quân nhân... Gặp mặt, cháu vui vẻ kể đã cùng các chiến hữu đi đắp và lấp một số cột cờ, treo cờ vàng ba sọc đỏ. Có nơi cảnh sát Hoa Kỳ yêu cầu hạ cờ, phá bỏ; các bạn đấu tranh làm lại, rồi còn tính làm thêm một loạt "kỳ đài" nữa ở nơi có đông người qua lại. Cháu rất hứng khởi cho đó là việc quan trọng vô cùng, thành tích xuất sắc đóng góp cho việc "đẹp bộ cộng sản", "quang phục quê hương. Tôi nói với các cháu: các cháu sống có lý tưởng, còn nhớ, nghĩ đến quê hương, ngày nghỉ còn làm những công chuyện của cộng đồng, tổ chức giao cho, thế là tốt. Người quân nhân biết đề cao, tôn trọng, bảo vệ lá "quốc kỳ" cũng là điều tốt, ý thức công dân cao. Thế nhưng nhìn vào sự thật, công nhận sự thật rõ ràng là điều cần thiết. Thực thể Việt nam Cộng Hòa không còn tồn tại hơn 20 năm rồi. Thực thể quân đội Cộng Hòa cũng không còn tồn tại 20 năm rồi. Tuyệt đại bộ phận người dân trong nước nghĩa là hầu như đại khối dân tộc hầu như không còn ai nghĩ đến lá cờ này nữa, vì nhiều nguyên nhân khác nhau. Do đó tuổi trẻ hải ngoại nên làm những việc thiết thực, hợp với đại khối đồng bào trong nước, có tác dụng thúc đẩy đất nước sớm kết thúc chế độ độc đoán, có chính quyền dân chủ, hòa nhập với thế giới. Nên nhìn tới phía trước. Cháu hỏi tôi nên làm gì? Tôi kể chuyện ở Đức, có anh em trước cũng ở quân đội Việt nam Cộng Hòa, cùng nhau dùng máy vi tính, dựng internet; qua thư điện (E-mail) chuyển đi những tin tức tài liệu, nội dung sách báo về dân chủ hóa, và đã có một số địa chỉ trong nước tiếp nhận, in lại, truyền bá... Có lẽ việc làm như thế có tác dụng thiết thực hơn. Hai việc làm đều có động cơ tốt, nên làm việc nào hơn? Hoặc nên làm cả hai việc, xin tùy các bạn trẻ. Chính quyền độc đoán trong nước họ sợ việc nào thì ta nên làm việc ấy.

Sự kiện tháng 5-1998, dân Nam Dương hạ bộ Suharto có thể có tác

dụng ra sao đối với Việt nam?

Trong những tháng, năm trước mắt, khi dân trí về dân chủ, về xã hội được nâng cao, khi truyền thông quốc tế thâm nhập rộng và sâu vào xã hội ta, khi nội bộ đảng cộng sản phân hóa dữ dội, cố khả năng xuất hiện là một nhóm người cộng sản thức thời có xu hướng dân chủ được quần chúng ủng hộ xác lập được quyền lãnh đạo. Đây là một xu hướng hiện thực, cần theo dõi và vun đắp, tránh được hỗn loạn và đổ vỡ.

Khả năng tức nước vỡ bờ cũng là một khả năng hiện thực - như ở Nam Dương tháng 5-1998 vừa qua, thông qua nổi dậy của quần chúng, đi đầu là sinh viên và lao động ở các thành phố lớn: Djakarta, Djogiacarta và Solo... Hơn 200 người bị chết trong những đám cháy lớn, sáu sinh viên hy sinh do bị quân lính đàn áp, để đòi lấy một cuộc đổi đời, hạ bệ triều đình Suharto độc đoán-quân phiệt-tham nhũng. Rối loạn chỉ diễn ra trong hai tuần lễ! Việt nam và Nam Dương rất giống nhau: đảng Golkar độc quyền lãnh đạo, giống như đảng cộng sản Việt nam (tuy không theo học thuyết Mác-xít), các ông tướng cầm quyền, vai trò quân đội và an ninh lớn, tham nhũng tràn lan, mức sống chung của người dân rất thấp (Nam Dương, thu nhập bình quân đầu người năm 1995 là 900 đô la, 1997 là 600 đô la; Việt nam thu nhập bình quân đầu người năm 1997 là 320 đô la...) Theo định mức của Liên Hợp Quốc, nước nào thu nhập đầu người hằng năm dưới 365 đô la (mỗi ngày, mỗi người dưới 1 đô la) là ở mức rất nghèo khổ.

Ông có cho rằng sau khi Suharto bị mất chức, đảng cộng sản Việt nam rất lo sợ cho chính họ hay không?

Có chứ. Họ rất lo. Họ giật mình, ăn ngủ không yên.

Vì ở châu á, chỉ có Miến Điện và Việt nam là giống chính quyền Nam Dương: ở chớp bu chính quyền là những viên tướng (tướng Lê Đức Anh, tướng Lê Khả Phiêu).

Mới hai tuần trước tướng Suharto còn hét ra lửa, uy quyền đầy

mình! Thế mà chỉ vài cuộc xuống đường của sinh viên, kéo theo người lao động đông đảo, qua đó hình nộm Suharto bị đốt, ảnh Suharto bị xé, người dân thét: cả gia đình Snharto là một ổ tham nhũng phải bị truy tố và xét xử! Suharto phải "đầu hàng", từ chức ngay.

ở Việt nam kẻ đương quyền vơ vét tham nhũng cũng rộng khắp, tràn lan. ở Nam Dương, vợ Suharto (chết tháng 4-1996) bị gọi là "mụ 10 phần trăm", thì ở Việt nam các bà lớn cũng bị gọi là "bà 10 phần trăm? Hiện tài sản cả đại gia đình Suharto đang bị điều tra, có thể lên đến 14 tỷ đô-la. Sẽ khó tránh khỏi bị tù, tài sản bị tịch thu!

Những người lãnh đạo cộng sản Việt nam còn rất hoảng khi thấy trên truyền hình quốc tế cảnh sinh viên tặng hoa cho quân lính bộ binh và xe tăng đến đàn áp mình; cảnh binh lính Nam Dương mỉm cười trước cảnh hình nộm tướng Suharto cháy phừng phực; và 16 quân nhân Nam Dương bị bắt giam và truy tố về tội bắn vào sinh viên đang biểu tình... Những hình ảnh mang nhiều ý nghĩa...

Trông người lại nghĩ đến ta! Họ lo sợ, giật mình là điều tất nhiên.

Vẫn chưa hết. Hà Nội thường rao giảng rằng đổi mới cần có kỷ luật. Kỷ luật và ổn định cần hơn dân chủ! Dân chủ là giá trị xa lạ của phương Tây! (họ làm như chủ nghĩa Mác không phải được họ du nhập từ xa, từ phương Tây!). Các chế độ quân phiệt đồ sập ở Thái Lan, Nam Hàn, Đài Loan, nay là ở Nam Dương, nêu rõ toàn bộ châu á cần đến dân chủ một cách cấp bách ra sao.

Rõ ràng dân ở châu Âu, châu á, châu Mỹ, châu Phi... đều cần đến dân chủ, không có một ngoại lệ nào.

Họ rất sợ sinh viên, thanh niên Việt nam, ở Hà Nội, Huế, Sài Gòn nhìn rõ hình ảnh sôi nổi ở Nam Dương những ngày tháng 5 vừa qua... Họ kiểm duyệt kỹ báo, đài truyền hình để những hình ảnh ấy không đến với nhân dân, đến tuổi trẻ...

Cuối tháng 6-1998 vừa qua, Tổng Thống Hoa Kỳ đi thăm Trung

Quốc, sự kiện này có ảnh hưởng ra sao đối với nước Việt nam?

Chiến tranh lạnh đã chấm dứt. Đưa Trung Quốc từng bước hòa nhập vào cộng đồng quốc tế là một chủ trương thích hợp, phù hợp với quyền lợi Mỹ đồng thời khuyến khích xu thế dân chủ hóa trong lòng xã hội Trung Quốc.

Nhìn chung và theo cách nhìn dài hạn, điều này cũng có lợi cho xu thế dân chủ hóa ở Việt nam. Điều đáng lo, và cũng đáng buồn cho Việt nam là sự lãnh đạo của đảng cộng sản Việt nam vẫn trì trệ, chậm chân, bị bỏ lại đằng sau! Đổi mới đã chậm hơn Trung Quốc đến tám, chín năm (Trung Quốc khởi đầu từ 1978, Việt nam từ 1986), Trung Quốc có các nhà kiến trúc đổi mới chủ động tính toán đường đi nước bước (Đặng Tiểu Bình, Giang Trạch Dân, Chu Dung Cơ...) còn Việt nam thì bị động trong đổi mới, không nhất quán, loạng quạng... Giá trị sản lượng đầu người của Trung Quốc đã đạt hơn 460 đô la/ năm, Việt nam mới đạt hơn 300; dự trữ ngoại tệ Trung Quốc đạt đến 160 tỷ đô la, Việt nam chưa đến 2 tỷ? Chính do kinh tế quá thấp, chính trị quá yếu mà cái thế của Việt nam bị Trung Quốc bỏ xa lại sau. Nguyên nhân chỉ vì chính trị quá ư thủ cựu, cổ lỗ, đổi mới không dứt khoát. Trong quan hệ với Hoa Kỳ, Việt nam đã bỏ lỡ thời cơ lớn. Thời cơ ngay sau tháng 4-1975 và thời cơ 1990-1991 khi khối Liên xô đổ sập, chiến tranh lạnh chấm dứt. Lúc ấy Hoa Kỳ có nhu cầu hòa giải với Việt nam. Cuối 1991, ở Washington D.C., New York, California, Boston... tôi gặp trợ lý ngoại trưởng đặc trách Đông Nam á và Việt nam, các thượng nghị sĩ, dân biểu Hoa Kỳ, cố vấn an ninh tổng thống, các giáo sư Đại học Stanford, Harvard... họ đều mong đợi một dấu hiệu tích cực của Hà Nội trong cải thiện quan hệ Việt-Mỹ, giờ sang trang sử mới trong quan hệ hai nước, có lợi to lớn cho hai nước, đặc biệt cho Việt nam. Điều này ở Việt nam cần một sự lãnh đạo thật sáng, nhìn xa, trông rộng, vượt qua quá khứ, quả đoán, mang tầm thời đại; điều mà những người lãnh đạo Việt nam hồi ấy do quá ư giáo điều, bảo thủ, do tự kiêu hãnh, không sao nhận ra? Hồi ấy, khi trao đổi với một số chính khách Mỹ, tôi đã cùng họ phác họa một tình bạn Mỹ-Việt mới, tiêu biểu cho thời đại mới, mang tính mẫu mực, tiên phong và khám phá, và tính đến khả năng sớm có cuộc thăm viếng lẫn nhau giữa các người đứng đầu hai nhà

nước ở Washington D.C. và Hà Nội... Thế nhưng chỉ là ảo tưởng. Nhường bước cho sự hòa giải nổi bật đẹp để giữa Nelson Mandela và Frederic de Klerk ở Nam Phi, cho con đường đàm phán giữa Arafat và Ra bin ở Trung Đông! Lãnh đạo Việt nam thua hẳn một cái đầu? Vì thiếu hẳn một cái đầu lãnh đạo!...

Do sự lãnh đạo cổ hủ như thế mà đất nước Việt nam vẫn lở tàu hoai! Những chuyến tàu tốc hành của lịch sử đi tới phát triển, dân chủ và thịnh vượng. Dân ta vẫn cứ phải đứng ở sân ga mà nhìn, mà tiếc mà hổ thẹn vì thua kém thiên hạ. Đã đến lúc toàn thể đồng bào ta nhìn rõ tình hình trên đây, nhận ra nguyên nhân và tổ thái độ. Không thể cam chịu bị cầm tù và lở tàu hoai!

Việc Hà Nội trả lại tự do cho các ông Đoàn Viết Hoạt, Nguyễn Đan Quế, Lý Tồng, các vị Thích Quảng Độ, Thích Tuệ Sỹ, Thích Trí Siêu... có làm cho quan hệ Việt-Mỹ mau được cải thiện và gây khó khăn cho cuộc đấu tranh đòi dân chủ của bà con ta ở trong và ngoài nước không?

Không. Vì vẫn còn chừng 200 tù chính trị. Họ lùi bước này, nhưng nếu bà con ta thừa thắng, đẩy mạnh cuộc đấu tranh lên nữa cùng với việc vận động tăng mạnh áp lực quốc tế, thì họ sẽ còn phải lùi nữa. Họ bí lắm rồi. Tôi được tin từ bạn bè ở Bộ Ngoại giao Hà Nội, vừa rồi trong lãnh đạo họ có ý kiến khác nhau. Cuối cùng họ buộc phải đồng ý nhượng bộ vì tình thế kinh tế, tài chánh, ngoại giao đều bí, hầu như bế tắc. Chuyến đi của ông Phan Văn Khải sang Paris, Lon don, Bỉ, áo mới đây nhằm tranh thủ đầu tư thay cho các nhà đầu tư á Châu đang rút bớt đã không đạt kết quả. Cả Châu Âu đều chán nản với những lời hứa của Hà Nội, Quốc hội Châu Âu còn ép mạnh thêm về tôn trọng nhân quyền. Mới đây, chuyến đi của ông Trần Đức Lương, Chủ tịch nước sang Nga cũng chỉ là những lời hứa vì ông thủ tướng mới vẫn chưa được Quốc hội Nga chấp thuận. Món nợ đối với nước Nga lại quá lớn hơn 10 tỷ đô la? Chỉ còn trông mong ở cái Tối Huệ Quốc của Hoa Kỳ. Nhưng phía Hoa Kỳ không vội. Họ còn ép tiếp. Cuộc thương lượng về thương mại còn vòng vo chán? Danh sách tù chính trị Hà Nội chưa chịu thả - mà Hoa Kỳ và các nước phương Tây yêu cầu thả ngay - vẫn còn dài! Vì sao còn

giam cầm ông Nguyễn Đình Huy? Vì sao nhiều linh mục, thượng tọa, mục sư còn nằm trong tù? Rồi còn các quyền tự do báo chí, tự do ngôn luận, tự do lập hội... được ghi trong Hiến pháp Việt nam và trong Công ước Quốc tế về quyền chính trị và quyền dân sự của công dân mà chính phủ Việt nam đã ký kết, nghĩa là cam kết thực hiện. Cái khó của Hà Nội là trao trả hết thì tay trắng, không còn gì để mặc cả. Mà trao trả theo kiểu nhỏ giọt thì càng bị níu áo, đòi nợ thêm gay gắt. Bế tắc là ở đó.

Chỉ đến khi nào họ thật sự từ bỏ ách độc đoán, trả lại sông phẳng quyền tự do cho toàn xã hội, tỏ ra thật lòng gia nhập một cách lương thiện vào cuộc sống có luật pháp của cộng đồng văn minh thì họ mới thoát khỏi sức ép từ mọi phía.

Ông có tin rằng mây mù thế kỷ như ông tả có thể tan biến sớm không?

Tùy thuộc ở cuộc đấu tranh cho dân chủ hiện nay của bà con ta ở trong nước và sự hỗ trợ của đồng bào hải ngoại. Cuộc đấu tranh ở trong nước đang có xu hướng phát triển. Trong lá thư ngỏ mới đây (tháng 6-1998) của 10 nhân vật cộng sản vào loại "công thần" đã đe rằng nếu ông Trần Độ mà bị bắt thì sẽ có hàng vạn vạn đảng viên và quần chúng xuống đường để chống lại...

Ông Hà Nghiệp, đảng viên kỳ cựu, cán bộ cấp cao, từng là trợ lý cho tổng bí thư Trường Chinh, gần đây lại công khai đòi đổi tên đảng (vì tên "cộng sản" là vô duyên, không thực tế, là ảo tưởng, không có nội dung gì thiết thực)..., đổi tên chế độ xã hội chủ nghĩa (vì không có thực chất, mĩa mai so với thực tế), từ bỏ chủ nghĩa Mác-lê (vì cả gần 80 triệu người Việt không còn gắn bó gì với cái học thuyết xa lạ này), từ bỏ chuyên chính vô sản (vì nó quá xa lạ, ai là vô sản ở Việt nam?), từ bỏ cả điều 4 của Hiến pháp (đảng cộng sản độc quyền lãnh đạo) vì trái với nền dân chủ, trái với nếp sống chính trị chung của thế giới...

Những điều trên, tôi đã kiến nghị gác bỏ từ năm 1990. Nay lại đang rộ lên ở trong nội bộ đảng. Đây là những mây mù còn tồn đọng, sớm

muộn sẽ tan vì nó xa lạ với dân tộc, với nhân dân, với thế giới. Cần gây nên tranh luận công khai, bình tĩnh, thấu đáo về các vấn đề này, điều mà nhóm lãnh đạo giáo điều đang ngăn cản.

Cuốn sách best seller (bán chạy nhất) năm 1997 ở Pháp là cuốn *La fin d'une illusion* (Kết thúc của một ảo tưởng) của giáo sư Sử học Francois Furier đã tả sự tan biến của bóng đen cộng sản, của phe xã hội chủ nghĩa, của Liên Bang xô viết - sự kiện lịch sử nổi bật nhất cuối thế kỷ này. Có lúc đông đảo trí thức, nhà chính trị lầm lẫn về bóng đen ấy ngỡ là chân lý, là mặt trời... Nó tan biến vì cái lỗi phi nhân của học thuyết này và vì sự áp dụng đầy tội ác. Quả thật có lúc những thành tựu của nó rất hấp dẫn như cái Sputmik (vệ tinh nhân tạo đầu tiên), như Gagarine (nhà du hành vũ trụ đầu tiên), như tàu phá băng chạy bằng sức nguyên tử mang tên Lénine. Những Goulag (các trại tập trung) và cuộc xâm lược Afganistan đã phơi bày sự thật. Hệ thống này tan biến, không để lại một vết tích văn hóa nào đáng kể (trong khi đế chế Napoléon còn để lại cho nền văn minh nhân loại một bộ luật có những tư duy pháp lý tiến bộ).

Có lẽ tác dụng tích cực duy nhất của phe xã hội chủ nghĩa hiện thực là đã thúc đẩy cho các nước tư bản phát triển mạnh mẽ hơn về khoa học kỹ thuật, cải tiến chủ nghĩa tư bản liên tục, có hiệu quả và nâng cao phúc lợi xã hội cho người lao động trong cuộc thi đua hòa bình giữa hai hệ thống xã hội đối lập. Vì thế, có người nhận định rằng con đẻ của phe xã hội chủ nghĩa hiện thực thì ốm yếu, còi cọc nên chết yểu; còn "con hoang" (không cố ý đẻ ra) thì lại kháu khỉnh và sống dai!

Vậy thì các vị Nguyễn Đức Bình, Đoàn Khuê. Lê Đức Anh, Lê Khả phiêu... còn lưỡng lự gì mà chưa chia tay với quá khứ, góp sức làm cho mây mù về nhận thức chính trị tan biến khỏi bầu trời Việt nam còn u ám, để mặt trời văn minh, tiến bộ của thời đại ló rạng trên giải đất hình chữ S còn bất hạnh này!

Có người cho rằng ông có vẻ vẫn gần những người "cộng sản" hơn những người "quốc gia", điều ấy có đúng không?



Đúng, mà cũng không đúng

Vì tôi vốn ở trong đảng cộng sản, trong quân đội Nhân Dân. Quan hệ xã hội tôi rất rộng. Cho nên số bạn bè từng ở trong đảng và trong quân đội khá đông. Phần lớn tôi vẫn giữ tình bạn với họ. Vì phần lớn, họ vẫn là những người yêu nước. Tôi vẫn giữ quan hệ với bè bạn trong nước, mặc dầu bị chính quyền kiểm soát. Với những người "quốc gia" cũ, tôi không ngại gần gũi, quan hệ, trao đổi ý kiến. Vì tôi cho rằng họ đều có lòng yêu nước, tuy ít hay nhiều, với những kiểu cách khác nhau. Có một số trở thành bạn, có người trở thành bạn thân.

Tôi thấy cách nhìn của một số người lãnh đạo cộng sản cực đoan, phân chia rành mạch hai trận tuyến đối lập rồi nhận định theo kiểu: người kém nhất của phe mình cũng còn hơn là kẻ cao nhất, tài giỏi nhất của phe "chúng nó". Cho nên họ buộc nhân dân, đảng viên phải giữ lập trường vững vàng: gọi ông Diệm, ông Thiệu là "thằng".

Người "quốc gia" cũng có người cực đoan có quan niệm tương tự: cộng sản là xấu tuốt luốt, là "chúng nó", là đồ bỏ đi, "cả gói"!

Tôi cho rằng phía nào cũng có người tốt, người xấu Hiện nay tôi lấy tiêu chuẩn "độc đoán" hay dân chủ" để đánh giá tốt, xấu, để chọn bạn mà chơi.

Với ai tôi cũng giữ thái độ cởi mở, ngay thật và cố tìm ra mặt tốt. Nếu vì nói thẳng, nói thật, có người phật lòng, tôi xin họ thông hiểu. Thà mất lòng trước mà được lòng sau còn hơn. Và châm ngôn ta có câu: thuốc đắng dã tật, nói thật mất lòng. Còn ai cố tình hiểu sai, chụp mũ tôi, tôi tự nhận lỗi về mình, vì tôi chưa có đủ sức làm cho họ hiểu. Thế thôi

Ông có lời nhon thêm gì nữa với cộng đồng ta ở hải ngoại?

Tôi rất mừng là số người có cách nhìn cực đoan không còn nhiều. Số bà con ta theo dõi kỹ phong trào dân chủ ở trong nước và tỏ ý ủng hộ các chiến sĩ dân chủ - dù đó là ông trung tướng cộng sản,

ông cựu ủy viên Trung ương, hiện là đảng viên cộng sản - ngày càng đông đảo trong cộng đồng ta. Một số chiến sỹ dân chủ ở trong và ngoài nước đang phối hợp thảo ra một tuyên bố chung, tuyên ngôn chung, hoặc gọi là hiến chương chung, một kiểu xã ước (Contrat Social) chung gì đó để trong và ngoài nước cùng đồng tình trên một quá trình chuyển từ chế độ độc đoán sang một chế độ dân chủ trong hòa bình, một kiểu cương lĩnh tối thiểu, đúng vào dịp cuối thế kỷ này.

Sự đồng tình càng sâu rộng thì tạo nên sức ép với chính quyền trong nước càng lớn, càng có hiệu quả.

Muốn vậy mỗi người phải tự vượt qua chính mình, vượt qua thù hận lưu cữu ở hai bên, giang tay anh em ruột thịt ra với nhau, hòa giải và hòa hợp trên hành động thực tế, chung sức trong sự nghiệp xây dựng dân chủ cho quê hương. Đức Khổng Tử xưa kia từng nói: người quân tử biết khoan dung thay thù hận.

Chúa Giê-su cũng từng nói: chúng ta cần biết thương yêu và cầu nguyện cho kẻ thù địch về những sai lầm của họ.

Tôi biết anh em từng ở bên kia chiến tuyến với tôi đến nay vẫn không tin tôi, cho tôi là "cò mồi", "chim mồi", "trá hình", làm "tình báo". Tôi không oán trách ai nặng lời với tôi, chỉ tự trách mình là chưa làm cho hiểu thật rõ mình. Tự tôi có lỗi. Có người khi nghe tôi nói chuyện, hoàn toàn đồng ý tán thành những suy nghĩ của tôi, nhưng lại yêu cầu tôi: "Nhưng xin ông chớ nói với ai là tôi đã gặp ông và tán thành những điều ông nói". Tôi buộc phải tôn trọng yêu cầu ấy, nhưng lòng dạ không thư thái. Sao lại vậy? Có người trả lời: "Vì cộng đồng này phức tạp lắm, ông không biết đâu. Những kẻ quá khích có thể khiêu khích, gây sự, thậm chí hành hung chúng tôi. Tránh voi chẳng xấu mặt nào". Có kẻ dọa bắn bỏ những người mà họ chụp cho cái mũ vô lý là "phản bội", "trở cò".

Tôi mong tất cả bà con ta, bất kể trong quá khứ từng ở bên nào, quê hương Bắc hay Nam, hay Trung, lớn tuổi, trung niên và các bạn trẻ, hiện ở Hoa Kỳ, châu Âu, Châu úc, ở Đông Âu hay Liên xô cũ, hãy

tập trung tất cả sức đấu tranh vào cuộc vận động dân chủ hiện nay, biểu thị đồng tâm nhất trí trên một phương án chung. Hãy gắn nỗi đau của mỗi người vào nỗi đau chung của hơn 70 triệu đồng bào trong nước chưa được hưởng tự do xứng đáng với con người. Chúng ta là một đàn gà cần mẫn, nòi giống đẹp, có cùng chung một mẹ, do hoàn cảnh, do sự thúc ép của xung quanh, đàn gà vĩ đại ấy ly tán, rồi xung đột, cào mổ nhau, giết hại nhau, nay hãy họp đàn lại, đùm bọc nhau, chữa cho nhau những vết thương lòng còn rỉ máu, hòa thuận tin yêu nhau sống dưới đôi cánh ấm áp vĩ đại của bà mẹ Tổ quốc Việt nam thân yêu đời đời... "

Viết xong ở Paris (Pháp) tháng 6, 1998.  
Sửa chữa, bổ xung ở Vancouver (Canada)  
tháng 9, 1998.

# PHỤ LỤC

## LÁ THƯ VIẾT TAY GỬI ÔNG LÊ KHẢ PHIÊU

*Dưới đây là lá thư tác giả viết tay gửi cho ông Lê Khả Phiêu từ đầu năm 1997, khi đã có dự định cử ông Lê Khả Phiêu thay thế ông Đỗ Mười làm Tổng bí thư đảng cộng sản Việt nam, nhân vật số một của chế độ cầm quyền.*

*Tôi từng quen biết ông Phiêu, vì là cùng một lứa sĩ quan từ Trung tá lên Thượng tá, rồi Đại tá Quân đội Nhân dân. Tôi gặp ông nhiều lần trong các cuộc hội nghị quan trọng của Quân đội, của đảng cộng sản, khi ông là chủ nhiệm chính trị Quân đoàn 2 hồi 30 tháng 4 năm 1975 và sau đó là chủ nhiệm chính trị Quân tình nguyện Việt nam ở Cam Bốt từ đầu năm 1979...*

*Bức thư này đã được đưa tận tay ông phiêu tháng 5-1997. Tôi đặt hy vọng rất dè dặt ở kết quả. Vì cho đến nay, ông Tổng bí thư mới vẫn giữ giọng điệu cũ công thức và giáo điều trong các bài phát biểu, ông còn về thăm quê ở Đông Sơn, Thanh Hóa với vẻ quan cách lễ nghi róm, kiêu vinh qui bá tổ, còn làm lễ ở đền Vua Lê (với ngụ ý khai sáng một triều đại tân Hậu Lê) và thăm Mộ Tổ Hùng Vương rất ồn ào ở Vĩnh Phú...*

*Cái tâm cỡ lớn của "vĩ nhân" này được một nhà báo hóm hỉnh ở Bắc Hà nhận xét là: mèo mù vớ cá rán! Câu chuyện ngụ ngôn của La Fontaine về con ếch phình bụng để bằng con bò có thể là bài học bổ ích.*

*Tôi gửi lá thư này chỉ là để yên tâm rằng đã gửi một tín hiệu thiện chí, đã chân tình góp ý và cảnh báo về tình hình sẽ xấu tệ hại nếu không có một quyết định hệ trọng về chính trị theo hướng dân chủ hóa, hòa nhập mạnh bạo với thế giới văn minh.*

*Người lãnh đạo cao nhất của đảng cộng sản vẫn còn quyền uy với bóng đen của quá khứ và chưa muốn xua tan những mây mù của thế kỷ còn đè nặng lên hiện tại và tương lai của đất nước.*

*Thêm nữa, vừa qua (giữa năm 1998) một số quan chức ở Ban Văn Hóa và Tư Tưởng của Trung ương đảng cộng sản cùng một số quan chức ở ngành công an đã dựa vào việc tôi gửi bức thư này cho ông Lê Khả Phiêu để tung tin xuyên tạc rằng: Bùi Tín hiện đang ở trong tình trạng bị đát, sức khỏe giảm sút, xa vợ con, không bạn bè, cuộc sống chật vật cô đơn tinh thần sa sút... nên đã tỏ ra hối hận, ngó ý xin về nước sống yên thân (!)...*

*Do sự xuyên tạc trên đây, tôi thấy cần công bố bức thư này trước công luận để đồng bào trong nước và ngoài nước hiểu rõ việc tôi làm với tinh thần lạc quan, nhất quán, tin tưởng vững chắc ở tương lai ra sao.*

Paris 1-3-1997

Kính gửi Anh Lê Khả Phiêu

Hà Nội

Tôi từng biết và gặp anh ở Sài Gòn (30-4-75) khi anh ở Quân đoàn 2, và hồi 1979 và 1980 ở Nom Pênh.

Nay đối với anh, tôi ở xa, về nhiều mặt. Năm nay đang thay một thể hệ lãnh đạo. Cờ đang đến tay anh, với trách nhiệm rất nặng trước đất nước, nhân dân, trước đảng cộng sản.

Đời một người chỉ thoáng qua giữa cái vô tận. Để lại được gì tốt đẹp trong lòng dân? Tiếng thơm sẽ còn lại lâu bền.

Tình hình đến nay đã chín cho bước đi mạnh dạn, quả đoán, thực

hiện những cải cách chính trị tiến kịp với những cải cách kinh tế, để đổi mới được toàn diện, đồng bộ, hài hòa, không vấp vấp, đình. Càng quý những thành tựu vừa qua, càng cần thúc đẩy đổi mới thêm một bước, như dư luận anh chị em trí thức, nhà kinh doanh, tuổi trẻ... có tâm huyết và trí tuệ yêu cầu, như dư luận quốc tế chờ đợi

Tôi chắc anh đã nghĩ đến những điều ấy. Những vật cản ngáng trở đổi mới về chính trị đã giảm bớt. Lúc này chính là thời cơ để đề xướng và chủ động thực hiện. Rất mong anh chọn những trợ lý tốt, thành một nhóm đồng lòng thúc đẩy cải cách toàn diện theo cách riêng của Việt nam, từ đó thuyết phục rộng rãi cơ quan Nhà nước, đảng theo hướng tích Ta có thể đi sớm, đi nhanh hơn Trung Quốc về mặt này.

Tôi nghĩ rằng đã đến lúc anh gặp một số anh em trí thức ở miền Bắc và ở miền Nam từng có những ý kiến xây dựng theo hướng dân chủ hóa; kể cả những người từng bị tù hay hiện đang còn ở tù chỉ vì những kiến nghị dân chủ hóa; anh em trẻ, các nhà kinh doanh ngay thật, các cụ tuổi cao đã về hưu mà trí tuệ còn trẻ... đều có thể tạo nên những cảm hứng chính trị mới mẻ cho người lãnh đạo. Tôi tin rằng anh sẽ có thái độ lắng nghe, bình đẳng, cân nhắc những gì là đúng thì tiếp thu, làm cho tư duy chính trị thêm giàu có, sắc sảo, khỏe và trẻ.

Tôi tin tưởng chắc chắn rằng cả một khối người lương thiện, yêu nước mình, thương dân mình, am hiểu tình thế và thời đại sẽ lập tức đứng dậy sau lưng anh! Cả một đại khối người Việt ở nước ngoài sẽ biểu đồng tình. Cả thế giới sẽ hoan nghênh những hành động sáng suốt ấy? Tất cả đều chờ! Rất nhiều anh em trong đảng và ngoài đảng mong rằng sẽ có một phiên họp đặc biệt của trung ương đảng bàn về một số vấn đề lịch sử còn tồn đọng, mà những kết luận cũ đã tỏ ra lỗi thời: như về vụ Nhân Văn Giai Phẩm; "vụ án xét lại chống đảng làm gián điệp cho nước ngoài"; việc bỏ tù hàng trăm ngàn viên chức sĩ quan cũ ở miền Nam; sự kiện thuyền nhân bị thảm; việc thu vàng, buôn bán, bán tàu với vô vàn nạn nhân thể thảm...

Anh đã biết rõ những kết luận chính thức cũ: đảng luôn đúng; tất cả những người trong các vụ việc ấy đều có tội nặng, đảng hết sức nhân đạo, công minh, không có gì phải xem xét lại... là khiên cưỡng, trái đạo lý và trái với sự thật đến thế nào! Nếu không thanh toán sòng phẳng những vấn đề quá khứ nặng nề thì không thể giải quyết đúng các vấn đề hiện tại, để mở đường cho tương lai sáng rõ.

Mong anh sẽ là người đứng ra triệu tập một cuộc họp trung ương đảng như thế - một cuộc họp Quốc hội đặc biệt sẽ tiếp theo để mở rộng đồng thuận. Sinh lực của đất nước này, của nhân dân này vốn trọng chính nghĩa, công bằng, bao dung sẽ bật dậy! Tôi hình dung sẽ như là khí thế của Cách mạng tháng 8 hơn nửa thế kỷ trước!

Anh đã góp phần lãnh đạo đất nước đổi mới về kinh tế, bước đầu đổi mới nền hành chính, cải tiến quân đội, đấu tranh chống tham nhũng, xây dựng luật pháp... nay đất nước cần đổi mới tiếp theo cho sâu sắc hơn nhằm thúc đẩy đà phát triển với tốc độ cao và chất lượng cao hơn; mong rằng anh không phụ lòng ao ước và mong đợi của nhiều lớp người đặt ở nơi anh.

Tôi vẫn sống ở Pháp. Nhớ gia đình, nhớ quê hương khôn xiết. Tôi rất tự hào về những việc đã làm hơn sáu năm nay vì cảm thấy nó có ích phần nào cho đất nước. Đời sống riêng khó khăn nơi đất người, nhưng lương tâm tôi thanh thản. Tôi không hề có tham vọng cá nhân nào. Danh lợi tôi không màng. Tôi đã thất thập cổ lai hy. Sức lại yếu. Tôi chỉ mong sẽ góp phần làm một tờ báo tư nhân thật trung thực - một tờ báo tự do của công dân, rất cần cho đất nước để hình thành công luận, góp phần xây dựng xã hội có luật pháp.

Tôi luôn sẵn sàng góp ý kiến với các anh trên tinh thần xây dựng. Tôi cũng có thể là gạch nối để cải thiện quan hệ giữa Nhà nước ta với Hoa Kỳ, các nước phương Tây, và với cộng đồng người Việt ở nước ngoài, mà tôi có một số quan hệ tốt. (Vài ngày nữa tôi đi Chicago dự cuộc họp tổng kết về Chiến tranh Việt nam, theo lời mời của Lầu Năm Góc và Viện Hải quân Hoa Kỳ). Tôi cũng quen khá thân với một số thượng nghị sĩ trong ủy ban Châu á Thái Bình Dương của Quốc hội Hoa Kỳ.

Tôi rất mong nhận được hồi âm của anh. Tôi sẵn sàng giữ liên hệ với anh qua thư, điện thoại, fax, qua những anh em làm việc ở chỗ anh. Tôi hy vọng anh hiểu đây là những suy nghĩ tâm huyết của tôi. Tôi vẫn tin rằng trong đảng cộng sản không thiếu những người không chạy theo bả phú quý giàu sang, thật lòng yêu nước thương dân, mong mỗi nước ta sớm hòa nhập thật sự với thế giới hiện đại, mà dân chủ là một giá trị lớn lao. Chắc anh hiểu rõ hơn hết là vấn đề nhân quyền, thái độ khe khắt với các tôn giáo, tù chính trị... đang là cản trở nguy hiểm cho sự hòa nhập. Tự sự lãnh đạo của đất nước mình nhìn xa trông rộng mới cất bỏ được sự cản trở ấy. Đó là hạnh phúc của dân tộc đã tìm lại thấy mình, một Việt nam ruột thịt, độc lập tự do, hãnh diện nhập chung hàng ngũ các dân tộc tự do của thế giới đang tiến tới thế kỷ 21.

Gửi anh lời chào tin cậy.  
Bạn chiến đấu cũ,  
**Bùi Tín**

Điện thoại và fax:  
(0) 1.48367598

1 Guilletat  
93120 La Courneuve  
(Pháp)